



Bầu Sơn Kỷ Hương

Tiểu thuyết

Lý Lan



NHA XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Lan

Bầu Sơn Kỳ Hương

Tiểu thuyết

(Giải thưởng Văn học năm 2022 của Hội Nhà văn Việt Nam)

- Tái bản -



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiểu thuyết Bưởi Sơn Kỳ Hương là một sản phẩm tường tượng. Tất cả tình tiết, chi tiết, trong tiểu thuyết đều mang tính chất hư cấu. Những trích dẫn thơ ca trong tác phẩm này chủ yếu từ Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du và kinh sách thơ ca truyền khẩu trong dân gian.

Lý Lan

Đến Đá Một, ông Hòa ngồi nghỉ chân, vừa nhai một trái cà na vừa kín đáo nhìn quanh. Cây cối tốt tươi, có lẽ một cơn giông trong mùa mưa năm trước đã quật ngã cây trâm cổ thụ bên kia suối, để lộ một mảnh trời phía trên tảng đá ông chọn đánh dấu chặng đường đầu tiên, nhưng dây leo các loại và chuối rừng nhờ có thêm nắng đã mọc dày nghịt. Chỗ ông đang ngồi, trừ ông, khó ai biết cách chui vào. Yên tâm, ông tháo một trong hai tay nải đeo vai cẩn thận đặt vào một cái hốc. Từ trong hốc phóng xẹt ra một con rắn, biến mất trong chớp mắt. Ông giật mình, nhưng định thần lại ngay. Ông quan sát chung quanh rồi lấy tay nải ra khỏi cái hốc có lẽ đã được rắn chọn làm ổ, đem giấu một chỗ khác, sửa sang vài dây leo cho chúng che kín chỗ giấu một cách tự nhiên. Rồi ông quăng tay nải thứ hai vắt qua lưng, thắt chặt chéo vài trước ngực, túm hai ống quần bó chặt ống quyển, cột chặt dây giày. Ông lần dò theo dấu vết riêng còn nhận ra, lên núi.

Đến Đá Ba, ông vận công một lúc mới lấy lại được hơi thở bình thường. Ông lẩm rầm khấn Thần Núi phù hộ. Ông không lên núi cướp phá gì cả, chỉ đem vải, giấy, bút mực đổi lấy những rễ cây sừng thú làm thuốc cứu nhân.

Ông tuyệt đối tin là Thần Núi, trong hiện thân tảng đá, gốc cây, hay rần, cộp, chúng giám lòng thành của ông; và đã phù hộ ông đi về yên ổn trong mười mấy năm qua, giúp ông mua bán thuận lợi, không hẳn giàu lên, nhưng vợ con ở quê cũng sắm được nhà cửa đất đai. Khấn xong, ông tháo cặp quần lấy ra một miếng bạc mỏng đặt trên tảng đá, xá ba cái. Mười mấy năm trước đây, do tình cờ lạc trong núi, ông chỉ có sẵn ít vụn bạc trong túi, đành lấy đó làm lễ kính Thần. Về sau cứ theo lệ mà cúng, bằng một miếng bạc mỏng. Xong ông thắt chặt lại lưng quần, tiếp tục níu rễ cây, bám vách đá trèo lên.

Lẽ ra đến Đá Năm mới tới chỗ giao dịch, nhưng vừa trèo lên đến tảng Đá Bốn, ông trợn mắt nhìn, bủn rủn tay chân, ngã lăn ra, bất tỉnh. Mười mấy năm trước, tại đây, ông đã từng bất tỉnh vì kiệt sức và kinh hoàng khi trước mắt xuất hiện một con cộp to dị thường. Lần đó tỉnh lại, ông thấy bên cạnh mình là một đồng rễ cây khô và một chục cái nanh heo rừng. Ông kiểm tra đồ trong tay nải, thấy mất một xấp vải nhuộm mặc nửa⁽¹⁾, toàn bộ các xấp giấy bạc, thỏi mực đen và hai cây viết lông. Ông không bao giờ kể với ai, kể cả vợ con, chuyện cộp mà ông tin chắc là hiện thân của Thần Núi, đã cứu mình, hay tha mình. Ai có thể tin câu chuyện như vậy?

Lần này ông tỉnh lại thì thấy một người tóc râu dài đen nhánh, mình khoác tấm vải đen theo kiểu khoác áo

1. Mặc nửa: loại trái cây rừng dùng làm thuốc nhuộm đen quần áo.

cà sa. Người đó đứng yên, đôi mắt sáng phát một thần lực kỳ lạ khiến ông lồm cồm bò dậy, chuyển sang tư thế quỳ gối và sụp lạy. Tất nhiên ông tin đây là hiện thân Thần Núi. Ông khấn thành tiếng nghe rõ: Nhờ ơn phước Thần rộng lượng ban cho tôi bấy lâu nay, tôi được khỏe mạnh, gia đình khấm khá, tôi đã định xong chuyến này thì giải nghệ về quê luôn, không dám cậy nhờ Thần nữa. Nếu xưa nay tôi có làm điều gì không phải, chẳng qua do tôi ngu muội hoặc vô tình, xin Thần tha thứ. Còn như không thể tha thì tôi cam lãnh chịu hình phạt xứng đáng với tội, chỉ xin Thần thương xót vợ con tôi ở nhà, xin Thần cho họ còn được thấy mặt tôi một lần chót.

Người tóc đen râu đen, khoác áo đen nói: Tôi không phải Thần.

Ông Hòa ngừng lạy, hai bàn tay vẫn úp xuống mặt đá, mắt nhìn xuống đá. Có điều gì trong giọng nói của người đó khiến ông tin và bình tĩnh. Ông từ từ thẳng lưng và ngược nhìn lên. Người đó đeo trên vai một tay nải màu đà. Thoáng nhìn, ông Hòa dám nói chắc chắn đó là tay nải đựng tấm vải đen mà năm ngoái ông đã để lại Đá Năm khi lấy đi gói lá chuối rừng bọc mớ ngải và sâm núi. Khoác tấm vải đen đó, đeo tay nải đó, người tóc đen râu đen trở nên người hơn, thậm chí quen quen, khiến ông Hòa đỡ sợ. Ông đứng lên, nhưng không biết nên tiến thoái và cư xử ra sao. Ông coi việc lên núi là đem chút lễ vật dâng Thần và xin Thần ban cho chút cây cỏ đất đá làm thuốc. Vậy ông

nên đi tiếp đến Đá Năm, đặt tay nải này lên hòn đá như thông lệ. Hay đưa luôn cho người này ở đây, vì rõ ràng chính người này tiêu thụ hàng hóa của ông.

Nhưng người này đã nói: “Tôi không phải Thần.”

Ông lúng túng tháo chéo tay nải ra đưa cho người áo đen xem thoi mực, cây viết lông, xấp giấy trắng và tấm vải đen mới tinh. Những lễ vật bất di bất dịch, vì từ lần đầu gặp cộp và cho là cộp ưng những món đó cho đến giờ, ông không hề nhận được thông điệp, tín hiệu, hay ám chỉ nào ngụ ý Thần Núi đòi hỏi món khác hay không hài lòng với những lễ vật ấy. Người áo đen cũng mở tay nải của mình ra. Thoi mực và cây viết lông, đã được sử dụng; tấm vải đã cũ, năm bảy xấp giấy đã được viết đầy chữ. Nhưng cái khiến ông há hốc miệng là những miếng bạc mỏng. Có đến mười mấy miếng bạc mỏng ông đã cho đúc đặc biệt, để dễ lặn cạp quần khi đi đường xa nhiều nguy nan trắc trở.

Ông cột lại tay nải, dang bằng hai tay nhưng người này không nhận, chỉ cột lại tay nải của mình đeo lên vai, đứng nhìn xuống núi. Ông đột nhiên cảm thấy phải xuống núi. Xuống núi. Không trở lại. Không ngoảnh lại. Trèo xuống tảng Đá Bốn, ông cảm thấy phân vân. Lẽ ra nên đi tiếp lên tận Đá Năm, có thể lời giải cho những bí ẩn ở trên đó hoặc trên cao hơn. Nhưng xuống núi thôi, ông có cảm giác như bị thúc giục: đừng ngoảnh lại.

Ông thực sự muốn quay đầu lại, nhưng không làm vậy ông cũng biết người râu tóc đen đang theo sát chân mình.

Trên Đá Ba còn nguyên miếng bạc. Ông ngần ngừ, muốn hỏi người đó có chịu nhận luôn miếng bạc này không, nhưng không dám. Xuống núi. Ông tưởng như nghe lệnh, không thể không tuân theo. Vừa ra khỏi lùm sim, ông giật bắn người, mắt đà tuột luôn xuống dốc. Cọp trên Đá Hai! Ông sợ ít mà kinh ngạc nhiều. Cọp nằm im, đẹp lép. Hóa ra chỉ là bộ da cọp đã ít nhiều xơ xác, mặt bên trong nhẵn lì như thể đã từng được dùng nhiều lần làm áo hay chăn.

Trong lúc tỉ mỉ xem xét từng phân tử trong ra ngoài bộ da cọp, ông hít hít hửi hửi cái mùi quen quen của mồ hôi người trộn lẫn mùi tanh rợn của rừng rú. Đây là một bộ da cọp được lột khéo léo gần như nguyên vẹn, giữ cả đầu, được ngâm tẩm bằng dầu nhựa cây cỏ và được giữ gìn cẩn thận; tuy có vẻ đã được dùng nhiều lần và nhiều năm, trông vẫn sống động. Đương nhiên là một lâm sản quý. Ông đã từng được Thần Núi ban cho đôi sừng của trâu rừng, bộ da của trăn núi, hay chiếc mai rùa mốc thối. Của Thần ban thì phải vàng mà lành. Ông cuộn bộ da cọp lại, lột qua suốt, tước sợi chuối rừng nối nhau mà cột chặt bộ da cọp lại, rồi gồng mình vác lên. Nặng quá, xương sống ông muốn vẹo. Ông chực thả nó xuống nhưng rồi ghì chân giữ nó lại trên lưng. Cái này trị giá mấy thỏi vàng chứ có phải một miếng bạc mỏng đâu mà có thể bấm bụng bỏ đi.

Ông chăm chú vào bộ da cạp đến nỗi quên bém người đồng hành. Trong suốt thời gian ông loay hoay với bộ da cạp, người đó đứng lặng yên. Ông Hòa không một lần nhìn gương mặt người đó đủ gần để thấy khoe mắt như có ngăn lệ. Ông chỉ nhận ra người đó ở ngay bên cạnh khi người đó đưa tay nhắc bổng cuộn da cạp khỏi lưng ông. Phản xạ tự nhiên của ông là ghì cuộn da lại: Của tôi. Để tôi mang. Tôi mang được. Người đó buông tay, và từ đó cho tới Đá Một, chỉ bước đi chậm rãi, như thể mỗi cổ chân bị cột một cục đá lớn, nặng nề như cuộn da trên lưng ông Hòa. Mồ hôi nhễ nhại, ông thè lưỡi thở hổn hển khi ngồi phịch xuống Đá Một. Đây là chặng dừng chân cuối của hành trình lên xuống núi. Lần nào ông cũng vác nặng trên đường về nên cũng có kinh nghiệm chuẩn bị. Ông ngồi nghỉ một chút, lau mồ hôi, tìm tay nải giấu trong bông cây khướu trong đám dây leo, lấy ra bầu nước, bọc cơm, gói khô. Dù ông chỉ chuẩn bị cho mình một phần cơm nước, ông vẫn chia hai mọi thứ, mời người đó cùng ăn. Thấy người đó làm thình, ông nói: Đây về tới chợ còn chèo ghe cả đêm, nhịn không xiết đâu.

Chợt ông ngó ra, người này sẽ theo mình về chợ sao? Tuy không hề nói đi đâu, nhưng người này đi khi ông đi, dừng khi ông dừng, và đôi mắt nhìn ông tin cậy khiến ông cảm thấy có trách nhiệm. Tuy vẫn làm thình, người đó cầm nửa nắm cơm ông đưa, chậm rãi nhai kỹ. Ông cảm thấy người này gần gũi hơn, người hơn, và tự nhiên

trong ông nảy sinh một tình cảm tựa như cha con. Người này để râu tóc mọc tự nhiên, khó trông mặt mà nói chắc bao nhiêu tuổi, nom vóc dáng có thể trạc tuổi con trai lớn của ông. Nếu sống sót khỏe mạnh đến giờ, con trai ông đã thành gia thất và ông đã có cháu nội. Đầu sắp bạc mà vác bộ da cộp này không khéo lưng ông càng thêm, hai đầu gối đau, khỏi đi buôn gần buôn xa, chỉ còn nước loanh quanh trong sân đuổi gà, nhưng viễn cảnh đó lại khiến ông vui, thậm chí hào hứng. Cơm nước xong, ông nghĩ nên giải thích cho người đồng hành biết con đường phía trước: Lội theo con suối này một đôi sẽ tới chỗ neo chiếc ghe. Đã vào mùa mưa nhưng nước chưa dâng cao lắm, chèo chống theo những đường nước quanh co hơi vất vả.

Mỗi năm ông chỉ lên núi này một lần, canh đúng con nước, con trăng. Ông vừa nói vừa búi gối xoay người nhìn lên dốc núi. Đây có thể là lần cuối cùng, ông không bao giờ trở lại đây nữa. Chợt ông nhận thấy trên gương mặt người đồng hành điều gì như thẳng thốt, hoang mang. Nhưng rõ ràng người đó đang tự kềm chế cảm xúc, đang cố gắng hết sức kháng cự lại một mong muốn mãnh liệt. Đừng ngoảnh lại. Không quay lại. Nhưng có vẻ như người đó sắp quay lại, chạy ngược lên núi. Ông Hòa vội vàng nói tiếp: Phải chi bộ da biết đi thì đỡ cho cái thân già này. Ánh mắt ông nhìn người đồng hành lộ chút cầu khẩn: Hãy mang giúp tôi bộ da và cùng tôi đi nốt con đường. Người đó như sức tỉnh cơn mơ, một tay

nhắc cuộn da lên, lột xuống tuổi, lăm lăm đi, không hề ngoảnh lại.



Ông chủ Phước Xuân Đường cắt bộ da cạp, thanh toán xong, nói: Ông Hòa định bao giờ về Đồng Nai? Ông Hòa nói: Buôn bán xong rồi, tôi đi ngay bây giờ, nhưng có một việc chưa biết tính sao, muốn nhờ ông chủ giúp. Hai người vốn đã nói chuyện nhỏ nhẹ, ông Hòa lại chột hạ giọng thấp đến nỗi cả hai phải chồm tới gần cụng đầu nhau. Trên đường tôi gặp một người, tôi đi người đó đi, tôi dừng người đó dừng, tôi không biết làm gì với người đó. Là người xách bộ da vô đây lúc này, giờ đang ngồi ngoài thêm.

Ông chủ Phước Xuân Đường nhìn ra cửa. Ông làm như mới chú ý, nhưng thực ra ông đã có ấn tượng đặc biệt về người này, hơn cả bộ da cạp mà ông vui vẻ trả giá cao đến nỗi người bán cũng hết sức vui vẻ. Người ở ngoài thêm ngồi im suốt thời gian công việc được thương lượng bên trong cánh cửa. Uống xong một chung trà của ông chủ Phước Xuân Đường mời, ông Hòa già từ, bước ra, đến trước mặt người đó nói: Giờ tôi về quê, đường xa lắm. Ông chủ tiệm này là người có lòng, có thể trông cậy ông ấy. Dứt lời, ông toan bước đi nhưng cảm thấy chân mình như bị níu lại. Dù đã cố tránh, ông vẫn bất giác

nhìn vào đôi mắt người đó, ánh mắt hàm chứa sự tri ân, lưu luyến. Bỗng nhiên ông Hòa nghe lòng mềm hẳn, chỉ chực ôm người đó vào lòng như ôm đứa con yêu, nhưng ông vội vã ngoảnh đầu bỏ đi một nước.

Người đó không đi theo, chỉ đứng nhìn về hướng ông Hòa đã đi. Ông chủ Phước Xuân Đường ý tứ ngồi trong tiệm, sau cái quầy, gõ lốc cốc bàn tính gỗ, thỉnh thoảng ngẩng đầu nhìn ra, làm như không cố ý quan sát người vẫn quay lưng đứng im trước cửa tiệm của ông. Người đó chỉ khoác chéo một tấm vải đen tới đầu gối, để lộ một bên vai và cả cánh tay rám nắng, tóc xõa dài che hết lưng, màu đen ánh xanh, đôi bắp chân trần săn chắc, hai bàn chân đặt song song trên mặt đất, dáng đứng thẳng mà không cứng đờ, toát ra sự thanh nhã trong sự vững vàng. Người qua đường nhác trông biết ngay người đó là người núi, người rừng, mới ở trong Bảy Núi ra chợ. Thỉnh thoảng vẫn xuất hiện một hai người như vậy. Riêng ông chủ Phước Xuân Đường nghĩ người đó không phải phạm nhân.

Hãy còn sớm, tuy chợ ồn ào nhưng Phước Xuân Đường ít khách vãng lai. Một người chân bết bùn chưa khô rón rén bước vào tiệm vừa thở vừa nói: Thấy bốc cho thang thuốc như hôm qua. Đàn bà trong nhà uống thuốc đỡ rồi, nhưng trẻ con hồi hôm lại đổ bệnh. Cũng bệnh đó, trên thổ dưới tả. Khổ quá. Người áo đen quay hẳn đầu lại, chăm chú nhìn ông chủ Phước Xuân Đường đặt một miếng chì nhỏ lên một đĩa cân tiểu ly trên quầy, kéo một

hộc tử trên tường, lấy mấy miếng gì xam xám như bị mốc, để lên đĩa cân còn lại, lấy bớt ra một ít để hai đĩa cân được cân bằng. Ông trút mấy miếng xam xám vào một tấm lá sen khô trải trên quầy, kéo ngăn tủ khác, lấy một nhúm sợi nâu nâu bỏ lên cân, thay miếng chì bằng một khoen đồng, gia giảm, lại trút vào lá sen, lại mở ngăn tủ khác. Chừng bảy lần như vậy, ông chủ Phước Xuân Đường túm lá sen lại, bọc thêm một lá sen khác, rút một sợi dây cói khô cột gói thuốc lại. Người chân bết bùn đưa ra một miếng bạc cỡ móng tay. Ông chủ Phước Xuân Đường cầm lấy bạc, đặt lên một đĩa cân, kéo hộc tử lấy ra mấy miếng bạc vụn khác để dần từng miếng nhỏ lên đĩa cân thứ hai, canh cho cán cân nghiêng một độ nào đó, rồi gom mớ bạc vụn thối lại người mua thuốc. Ông này cẩn thận lặn bạc vô lưng quần rồi xách gói thuốc quày quả chạy đi.

Người áo đen bước hẳn vào tiệm đặt tay nải lên quầy, mở ra, lấy một miếng bạc mỏng đưa ông Phước Xuân Đường nói: Bốc cho tôi thang thuốc như vậy! Ai bệnh? - Ông chủ Phước Xuân Đường hỏi như phản xạ, rồi giải thích: Phải biết nam hay nữ, già hay trẻ, mập hay ốm để biết liều lượng thích hợp. Người áo đen suy nghĩ một lúc mới nói: Ai cũng bệnh. Nhưng già trẻ gái trai ốm mập đều không còn ai nữa. Tôi chỉ muốn xem những thứ trong thang thuốc.

Ông chủ Phước Xuân Đường nói: Cất bạc đi, giữ cho kín, đừng để ai thấy mình có bạc. Rồi ông đi đóng cửa tiệm. Ánh sáng lọt qua khe chỉ đủ để nhận ra hình dáng lờ

mở cửa đồ vật và người ta. Ông nắm cánh tay người áo đen dắt vô nhà trong, nơi sáng sủa hơn nhờ cửa sổ mở ra vườn sau. Ông lại cửa sổ nhìn ra, rào một vòng căn phòng, rồi mới cùng người đó ngồi lên chiếc tràng kỷ. Người đó không tỏ vẻ thắc mắc, không kháng cự. Ông chủ Phước Xuân Đường nói: Tôi không hỏi người là ai. Tôi không hỏi người đi đâu. Người ở lại thì ở, bao giờ đi thì đi. Điều gì người không nói, tôi không hỏi. Điều gì người gởi gắm, tôi thể giữ kín. Người đó cầm hết mười mấy miếng bạc đưa ông: Ông giữ đi. Tôi không có bạc thì không ai thấy tôi có bạc.

Ông chủ Phước Xuân Đường sừng sốt, có chút hoảng hốt. Ông từng nói những lời này với vài ba người trước đây ghé qua trong những hoàn cảnh kỳ bí khác nhau. Đây là vùng biên viễn, núi tiếp núi, sông nối sông, đủ hạng người ở ngoài vòng pháp luật trên đường bôn tẩu đã ghé qua. Có người ký thác nơi ông một tâm tình, có người gởi gắm một hoài bão, có người trút vào ông cả khối uất hận. Ông thường nói với họ là dưới dái tai ông có một cái bông, điều gì đã vô lễ tai ông thì đọng lại trong đó, không có lối thoát ra mồm miệng. Ông có một niềm vui nhỏ, đồng thời là niềm tự hào không nhỏ, là được người khác tin cậy, cả những người xa lạ. Một khi đã làm cho họ tin cậy, ông sẵn sàng nghe bất cứ điều gì họ nói. Nghe để bụng. Kỳ nhân có người không nói một lời, có người huyền thuyên rồi kể dao vào cổ ông bắt ông thể không nói

lại với ai. Người này có vẻ là kỳ nhân, nhưng không hiểu ý ông. Hay hiểu mà làm như hiểu lắm?

Ông cầm mớ bạc, đếm rồi nói: Tôi giữ giùm người mười bảy miếng bạc. Ông đứng lên đi ra nhà trước, người đó ngồi yên nhìn qua cửa sổ đến khi ông trở lại, trên tay là một gói thuốc. Đây là những vị thuốc trị bệnh thời khí thổ tả ông bốc cho dân ở chợ và dân trong đồng quanh đây. Thấy người đó chăm chú cầm từng mẩu rễ cây lên xem xét tỉ mỉ, ông biết điều bước trở ra. Hôm đó ông bận rộn. Hai trong số người ông phái đi thu mua hàng đã về, đang cho hàng vào kho dưới bến, đến gặp ông làm sổ sách. Ông bảo họ quay lại kho sắp xếp hàng, ông sẽ xuống kiểm tra sau. Thêm ba người dân trong đồng đến Phước Xuân Đường hốt thuốc cho người nhà đau bụng, đau lưng. Một người cỡi ngựa dừng trước thềm Phước Xuân Đường nhưng không xuống ngựa. Đó là quan cai chợ. Ông bước ra chào hỏi, tay bắt mặt mừng, rồi con ngựa đủng đỉnh bước đi đến tiệm Nguyễn Ký gần đó, ông trở vào ghi vô sổ chi: Cai chợ một lượng bạc.

Trước khi xuống kho kiểm hàng, ông đi qua chái nhà bên trái, dặn Bình trông coi cửa hàng. Ngang qua những người đang lúi húi sấy rang đâm tán các loại thuốc, tới chỗ đặt bếp lò đang đỏ lửa, ông dặn người đàn bà quần xà rồng chuẩn bị một bữa cơm đàn hoàng đem qua tiệm mời khách đang ở trong thơ phòng.

Khi ông trở về, bóng người đã chênh chếch, bước chân không nhanh và dài như lúc đi. Bình thưa lại là “người núi” đã xem hết những dược liệu trong các ngăn tủ. Người đó cũng ăn cơm uống nước rồi, hiện giờ đang xem quyển sách mà người đó nhìn thấy trên đầu tủ khi lục lọi các hộp đựng các thứ lá rễ vỏ cây rừng. Bình không dám cản. Ông chủ Phước Xuân Đường gạt đầu, không nói gì, cho anh ta về hiên trái tiếp tục canh chảo thuốc tể.

Ông đã biết người đó có chữ. Khi người đó mở tay nải lấy miếng bạc đưa ra, ông vội vàng đóng cửa đưa người đó vào phòng trong, không phải vì nhìn thấy trong tay nải còn mười mấy miếng bạc nữa. Ông giật mình vì thấy mấy xấp giấy có chữ và cả bút mực trong tay nải của người đó. Người có mười mấy miếng bạc thì thiếu gì ngoài chợ, mối nguy lớn nhất bắt quá bị trộm cướp. Người có chữ thì tai bay vạ gió không biết đâu mà lường, nhất là ở chốn mịt mù sơn thủy, can qua triển miên.

Một trăm năm trước vì Mạc Thiên Tứ muốn tạo dựng một Hà Tiên văn hiến, bày ra Chiêu Anh Các, rước danh sĩ ở tận Việt Đông đến góc biển này ngâm vịnh thơ ca, khiến vua láng giềng đổ kỵ, kiếm có nợ kia gây cuộc binh đao. Mấy chục năm trời, hết chiến tranh với Xiêm, Chân Lạp, Tây Sơn đến vô số giặc cò, chỉ có sức mạnh gươm giáo thống trị. Người có chữ nếu chưa chết hết thì cũng đã trốn biệt lên núi hay ẩn tàng đâu đó. Cuối cùng khắp mười cảnh đẹp Hà Tiên không còn một bóng người làm thơ.

Giờ nhan nhản xứ đó toàn là bọn cướp biển. Trong thành Châu Đốc vẫn có nhiều người biết chữ, đại khái biên được danh mục hàng hóa hay đọc được toa thuốc như ông, nhưng người càng nhiều chữ càng ẩn nhẫn, ẩn danh, trở nên vô hình. Mười mấy năm nay ông mới gặp một người chân đất vai trần đeo chữ đi xuống chợ. Đã vậy còn hồn nhiên không giả ngu giả dốt, thấy sách là đọc. Thiệt nguy hiểm.

Người đó cặm cùi đọc sách bên cửa sổ không bận tâm ông chủ Phước Xuân Đường đang quan sát. Trông cách người đó đọc quyển sách ông ghi chép về bệnh tật và thuốc men, ông vui thầm được gặp người đồng điệu. Ất có hứng thú với cỏ cây và có lòng thương đồng loại mới say sưa chăm chú như vậy. Ông thiệt sốt ruột muốn bước tới giải thích chỗ người đó cau mày lật qua lật lại trang giấy, hay hỏi người đó chỗ nào trong sách khiến ánh mắt đắm chiêu nhìn vào khoảng không ngoài cửa sổ. Nhưng ông không muốn khuấy động phút trầm tư của người biết chữ. Vả lại ông cũng còn vài việc phải làm trước khi trời tối và rất nhiều việc trong những ngày sắp tới, khi những người thu mua hàng lần lượt về đủ.

Ông sẽ phải làm một tổng danh mục hàng hóa giao cho chủ ghe Huỳnh Mân để kiểm tra khi chất hàng lên ghe. Chỉ khi nào ghe rời bến An Châu ông mới bắt việc, và tàu cập bến Đế Ngạn ông mới ngủ yên. Hai việc cần chuẩn bị là cho thợ đóng một cái thùng gỗ tốt để đựng

bộ da cạp, và soạn một bức thư gửi về cho vợ con ở Để Ngạn dặn dò vài việc, quan trọng nhất là việc dùng tiền Huỳnh Mân thanh toán chuyến hàng này mua thêm đất hay vàng. Mười năm trước, quan Trấn Thủ Vĩnh Thanh chiêu mộ đốc thúc mấy vạn người khắp nơi đến vùng hoang địa ở biên giới đào kinh, khiến từ Châu Đốc đến Hà Tiên trở nên rộn rịp. Người đông, số chết không kể, số sống ai cũng từng bệnh tật, thương tích. Chợ búa tấp nập, việc buôn bán phát đạt đã đành, việc bốc thuốc cũng hưng thịnh. Nay bia ghi công đã dựng, đất đai đã phong đã chia, cuộc mua bán càng rộn rịp. Ông đâm phân vân, có nên chuẩn bị về Để Ngạn như đã hẹn với vợ con hay tiếp tục ở lại làm ăn.

Phước Xuân Đường vốn ở Để Ngạn, hiện nay hiệu chánh được anh lớn Ứng Xương kế thừa từ cha, truyền từ ông nội. Là con thứ, thuở nhỏ lại biếng học ham chơi, lớn lên Tế Xương chọn việc đi đó đây tìm mua dược liệu, vừa thỏa chí giang hồ vừa kiếm được nhiều tiền. Lợi là điều ông nhận thấy ngay từ chuyến đi buôn đầu tiên. Nhiều thứ là dược liệu quý nhưng người không biết thì coi là cỏ cây hoang dại giá bán rẻ rẻ. Nhưng mỗi lợi lớn hơn nhiều là những sản vật quý hiếm ở khắp chốn sơn lâm giang hải. Tuổi trẻ ông đã rong ruổi khắp vùng Ngũ Quảng và Gia Định, từ Biển Hồ đến biển Đông. Trải bao nhiêu năm lăn lóc, bị nhầm lẫn, lừa bịp, thất bại thua lỗ không ít, ông mới luyện được con mắt tinh đời phân biệt ngọc

trong đá, sâu trong chằng chịt rễ cây rừng. Khi đến trấn Vĩnh Thanh, gặp thiên thời địa lợi, ông lập Phước Xuân Đường, đáp ứng ngay nhu cầu chữa trị thương tật và bệnh dịch trong đám dân bị bắt đi đào kinh. Và nhu cầu mót của rừng đào của núi bán chác của bọn trốn sưu trốn thuế trốn truy nã của quan binh.

Ngũ thập tri thiên mệnh. Người bạn từ thời trẻ hăng say từng cùng ông lên rừng xuống biển là ông Hòa đã tuyên bố giải nghệ. Bạn ông, nói nào ngay, do vốn liếng kém hơn, sức khỏe và sự linh hoạt cũng thua ông, nên ngay từ vạch xuất phát đã luôn bị ông lấn lướt, hót tay trên nhiều món béo bở. Con người củ mủ củ mì đó vẫn vui vẻ hưởng phần hẻ mình có được, vẫn duy trì tình bạn và quan hệ làm ăn với ông. Vậy mà y cũng đã mua được điền trang bên sông Đồng Nai và đang trên đường về đó tập vui thú điền viên. Lúc tiễn bạn, ông đã vui miệng nhờ ông Hòa coi có cuộc đất nào tốt gần bên thì giới thiệu với ông. Có bạn thâm giao ở gần để tuổi già cùng ôn lại chuyện đời cũng vui. Bạn ông vui vẻ hứa. Nhưng ông có thực sự muốn về chưa? Để gì canh bạc đang thắng tới tấp mà bỏ ngang cho được. Huống chi trấn Vĩnh Thanh đang sôi âm ỉ những kế hoạch mở mang, những dự án hứa hẹn thay đổi kinh tế cả một vùng đất mênh mông từ Núi Sam trải ra đến tận biển Đông.

Trong thoáng chốc mơ màng về tương lai, ông đã không bận tâm đến người khách trong thơ phòng. Người đó

lặng lẽ đem cuốn sách vừa đọc xong để lại nơi mình đã lấy. Ông chưng hửng khi người đó đi tới cửa, quay lại chấp tay nói: Cảm ơn ông đã cho cơm nước và chỗ nghỉ chân. Tạm biệt. Ông đứng bật dậy, nhưng tự kềm chế, đứng yên nhìn người đó quay mặt ra đường bước đi. Cảm giác mất mát cái gì quý lắm khiến ông xót xa. Như thể bộ da cộp quý hiếm mà ông yêu thích ngay từ cái nhìn đầu tiên và chấp nhận bất cứ giá nào để có được bỗng dưng tan biến trước mắt ông. Nhưng còn hơn thế nữa. Bộ da cộp dù gì ông cũng đã được lật tới lật lui, xem xét từng phân từng tấc từ đầu đến chân, được vuốt đi vuốt lại những sợi lông vàng cứng và sờ nắn kỹ càng lớp da mềm bên trong. Người đó ông chỉ mới chạm tay một chút, chỉ ngồi cạnh ít giây, chỉ thì thầm vài câu ngắn, chỉ nhìn lên đôi ba lần... Ông chưa thỏa nổi lòng tẩm tri kỷ, mà người đó đang bước đi xa dần.

Bình. Nghe tiếng kêu của ông chủ Phước Xuân Đường, Bình tưởng ông đang bị nguy hiểm, vội vàng buông cây tre dài như đòn gánh dùng để khuấy chảo thuốc tể, lật đặt chạy qua tiệm. Ông chủ đứng giữa tiệm nhìn ra đường gần như tuyệt vọng. Theo tầm nhìn của chủ, Bình nhận ra bóng dáng xa xa của người núi trong ánh hoàng hôn. Anh tưởng người núi ăn cắp đồ của chủ bỏ trốn nên xung phong: Để tôi chạy theo bắt nó lại. Ông chủ gạt đầu nhưng lại xua tay. Mày chạy theo nhưng đừng làm gì hại người đó. Cầm theo tiền đây, khi cần thì đỡ đần người ta, dọc đường

nhờ người nhắn tin về đây. Bình không kịp ngạc nhiên. Ông chủ tháo dải thắt lưng của mình vòng nó qua eo Bình cột chặt lại, xong đẩy vai Bình bằng cả hai tay. Đi đi kéo không kịp!

Phía bên An Châu dòng nước đặc quánh phù sa miệt mài chảy về chân trời bàng bạc mây tím. Một vầng trăng từ từ nhú ra khỏi mặt nước rồi trong chớp mắt vọt lên khỏi mặt sông như thể quả trứng tròn vành vạnh sáng như gương ấy vừa được sông đẻ ra, quăng lên không trung. Người đó đứng im trên bờ, chỉ tóc râu và áo bay phất phới. Bình đuổi theo tới bờ sông cũng đứng sững nhìn cảnh trăng lên hùng vĩ trên sông Cái. Trăng thì không lạ, sông cũng quen, nhưng từ khi được ông chủ Phước Xuân Đường thuê làm đệ tử, Bình sớm tối phải khuấy đảo cái chảo thuốc, thỉnh thoảng được sai đi ra kho ra bến thì cắm cúi đi, lo nhìn dưới đất để không sa ổ gà hay vấp rễ cây, mắt mũi đâu nữa mà nhìn trăng đầy nước chân trời. Giờ thấy người đó ngẩng trăng, Bình cũng đứng ngẩng trăng. Gió thổi ráo rổ hơi và làm chậm dần nhịp tim khiến anh sảng khoái hít thở mùi sông. Nồng nàn như hơi thở của những thằng trai mới lớn nằm sắp lớp trên nền đất mới đào lên bên con kinh chưa đủ hình hài. Một chút ký ức thoáng hiện rồi bay biến nhanh theo gió khi Bình thấy một người đàn bà đi tới gần.

Chị hỏi: Người đi đâu, đò này về cù lao Ông Chưởng, đò kia ngược dòng đến Châu Phú, muốn qua Giang Thành thì đợi sáng mai, còn muốn đi Long Châu... Chị bỗng ngừng lại. Trời không tối lắm, có trăng, nên chị chợt nhận ra đôi mắt giữa đám râu tóc phất phơ đang nhìn mình triu mến. Trước giờ không ai nhìn chị như vậy. Mọi người đều nhìn chị như một con khùng ăn ngủ vất vưởng ở bến An Châu, nói năng ồm ồm mà làm tài lanh chỉ tro lung tung. Ánh mắt dịu dàng của người này khiến chị buông tay xuôi, ngừng nói, nhìn trân trân gương mặt đối diện như bị thôi miên. Hai bàn tay chị chợt tìm nắm bàn tay người đó, đưa lên ngang ngực xá xá như van lơn. Đi đi. Sông dài biển rộng đất trời bao la. Chốn này nhiều ma quỷ, đêm xuống, ma quỷ lộng hành, người hóa thú, thú vật giả thành người. Mắt thấy tai nghe cũng đừng tin. Chị ngoảnh nhìn phía sau, ngó dáo dác bên trái bên phải, nhìn qua vai người đó thấy Bình, chị kéo tay người đó đi nhanh xuống bến như trốn chạy. Bình sắp sải chạy theo.

Ông chủ đò quát: Con khùng lại trốn lên đò, đứa nào lôi nó xuống. Người đàn bà co thân hình nhỏ nhắn lại núp sau lưng người áo đen, van lơn: Làm ơn cho tôi về Long Châu mà. Long Châu đẹp lắm, tre xanh cát trắng, có ao cá trời, có đảo Bồng Lai... Ai không biết Long Châu đẹp? Ai không muốn đi tới Bồng Lai? Nhưng từ đây tới Long Châu bao nhiêu con nước? Trạo phu phải ăn mới có sức chèo chớ. Không có tiền mà cứ đòi đi Long Châu! Bình

tới chỗ nghỉ, chủ dò phát gạo, cho mượn nồi nấu cơm. Họ đã đốt lên một đồng lửa, mấy người lội xuống nước rồi trôi lên reo mừng bắt được con cá lớn. Có thể dò dọc hay ghe buôn thích nghỉ nơi cồn bãi hoang vắng giữa sông, để khỏi phiền quan lại tra xét, đỡ rủi ro bị cướp, hoặc do những nơi như vậy cá tôm nghêu ốc nhiều, dễ bắt.

Bình đi men theo mép nước, bàn chân dò dẫm hẳn đã kinh động giấc ngủ của một số loài vật. Anh cảm thấy chúng trốn chạy dưới chân mình, hoặc bay vù lên rồi biến mất, anh không có ý bắt chúng. Anh đói, ráng nhịn. Nhưng mùi cơm chín và cá nướng khen khét làm ruột gan anh cồn cào, nước miếng ứa ra không ngừng khiến anh phải quay mặt đi nuốt xuống. Bỗng anh nhớ ra, sờ cái thắt lưng cộm cộm, cảm thấy tự tin bước lại gần đám trạo phu hỏi: Các anh có dư cơm thì nhường tôi một nắm, tôi xin gởi tiền... Anh lần thắt lưng lấy ra một miếng bạc nhỏ. Một bạn chèo giật lấy săm soi rồi đưa cho một bạn chèo khác săm soi tiếp. Y vít một cục cơm bự đưa Bình khiến anh bối rối không biết làm sao. Vừa thối vừa chuyển nắm cơm qua lại giữa hai tay, anh lật đật chạy về phía người núi đang đứng ngấm trắng. Người đàn bà đứng ngay bên cạnh cũng ngóc đầu ngấm trắng gần sái cổ. Khi cả ba vừa ăn cơm xong, một bạn chèo bước tới gần đưa cho một cái bầu. Nước trong bầu ngọt ngọt cay cay như thể nước thốt nốt lên men, Bình khoái quá, uống gần nửa bình rồi đưa cho hai người kia.

Gió mát trăng thanh. Bình ngủ lúc nào không biết, chỉ bị đánh thức vì tiếng kêu hốt hải của người đàn bà: Đồ ơi! Đồ ơi! Bình ngồi bật dậy, thấy trước mặt mình nước sông loang loáng ánh nắng, không một bóng đèn. Nhìn ngang thấy người đó ngồi xếp bằng, gương mặt thản nhiên, Bình yên tâm. Nhưng anh giật thót người sờ tay xuống rún, mò quanh bụng. Dải thắt lưng ông chủ Phước Xuân Đường cột chặt vòng eo Bình đã biến mất. Anh lại trở thành một người có mỗi manh áo dính da như trước giờ. Chỉ mới biết cái sướng xài tiền có một lần! Tiếc, nhưng Bình không hề biết trong dải thắt lưng của ông chủ Phước Xuân Đường có những gì và quý giá cỡ nào để thấy tiếc cỡ nào cho đáng. Bình cũng chưa thực sự quen đeo dải thắt lưng đó, hay quen với ý nghĩ mình có toàn quyền sử dụng tiền của trong đó, nên sờ quanh bụng rồi dòm ngó chung quanh không thấy rớt đâu, Bình cảm thấy hoang mang hơn là tiếc của. Trước giờ anh không đeo thắt lưng và không có tiền, cũng không sao. Nhưng ông chủ Phước Xuân Đường dặn anh theo người đó để đỡ dần, giờ mắc cạn trên cồn hoang, tiền của không còn, cũng không biết làm sao nhắn tin về cho ông chủ biết, Bình khổ tâm vò đầu bứt tóc.



May là có người đàn bà. Sau khi kêu dò vô vọng, chị quay lại nhìn hai người đàn ông, một điểm nhiên tĩnh tọa, một nhảy loi choi bứt tóc vò tai. Hết nhìn người này

tới người kia một lúc, chị đi về phía đồng lửa. Vẫn còn âm ỉ than hồng. Để lửa tắt rồi sẽ rất khó nhóm lại. Chị đi về phía bãi bồi tìm gỗ tấp vào. Nhưng mấy cành cây trôi giạt mục quá, chị nhắm chòm cây rậm rạp đi tới. Cồn rộng và dài hơn thoát nhìn từ bãi bồi, nhưng cây cỏ chưa cao lắm, vươn lên trên đám lau sậy chỉ có vài ba cây bắt đầu xòe tán. Dây leo mọc chẳng chịt thành núi. Chị tách ra một dây cho dễ bứt, tìm cách tháo ra, rút được một đoạn dài, quấn vòng lại để một bên, rồi lựa bứt một dây khác. Chị chăm chú làm một hồi lâu, mồ hôi đổ đầm để mới nghỉ tay. Lúc đó chị sực nhớ ý định ban đầu là đi kiếm củi để đốt lửa. Phải luôn luôn giữ lửa, đừng bao giờ để lửa tàn. Chị vội vàng bẻ mấy nhánh cây chạy trở ra bãi.

Bình đang chống mõng thối đồng tro than ngùn khói vì gỗ mục chất bên trên, và trên nữa là ba con cá cỡ bắp tay đã bị xiên dọc thân bằng mấy cành cây tươi. Chị hí hửng ngồi thụp xuống tiếp hơi thối lửa. Anh này coi lơ láo mà cũng tay không bắt được cá hén. Mấy con cá này chẳng qua tới số. Tui thấy chúng lội dưới nước, chúng thấy tui bèn lủi vô bùn nằm im. Nhắm chúng đang nằm chỗ nào là thộp đầu chúng cái một. Lửa bắt ngọn cháy bùng lên, chị dịch ra xa một chút, ngồi bệt xuống đất, đưa cánh tay quệt mồ hôi trán, cười. Nè, vợ con đâu? Trời, vợ con gì? Kêu tui là chị Hai tui làm mai cho. Thôi đi chị Hai, giờ bị bỏ lại cồn hoang này có mỗi chị là đàn bà, chị đòi làm mai tui cho ai? Cho tui. Giỡn. Thiệt.

Ăn xong chị Hai rủ Bình đi vô chòm cây, phụ chị xách mấy cuộn dây chị bứt hồi sáng. Dây đã heo héo không còn giòn nhưng dai hơn. Hai người trở lại cạnh đồng lửa đã lụi, nhưng than hồng còn ủ dưới cành lá. Thình thoảng gió sông thổi mạnh, than lại đỏ lên, có khi một ngọn lửa nhỏ bùng lên rồi dịu xuống. Chị Hai dàn mười tám cuộn dây thành một hàng ngang, rồi chị lom khom rút mỗi cuộn dây này cột thắt nút với mỗi dây cuộn kia, rồi thắt dây cuộn kia với mỗi dây cuộn nọ. Thắt hết một hàng, chị đứng lên ngắm nghía, sửa lại vài chỗ, rồi lại ngồi xuống, lom khom tiếp tục thắt nút hàng thứ hai. Công việc đơn giản nhưng tỉ mỉ và chị làm chăm chú, thông thả.

Ban đầu Bình tò mò ngồi xem, thình thoảng ngứa tay kéo giùm một sợi dây bị vướng. Nhưng rồi anh đâm lo ra, đứng lên nhìn trời nhìn nước. Xa mút tấm mắt có lẽ là bờ sông, một vệt sậm mờ mờ. Nghe nói sông rộng chứ không sâu lắm, có chỗ phù sa bồi cạn tới thắt lưng, nhưng làm sao biết lòng sông mênh mông chỗ nào cạn chỗ nào sâu. Nghe nói có người từng bơi qua sông, nhưng đó là những kẻ chạy trốn bị truy nã cấp bách quá, nhảy liều xuống nước, không bị bắt lại không có nghĩa là bơi được tới bờ bên kia. Ít ra là Bình chưa nghe ai vỗ ngực xưng mình là tội phạm bị truy nã, khoan nói phét chuyện bơi qua sông. Nội chuyện trốn xâu, bơi qua một con kinh mà Bình đã xem chết mấy lần.

vì là nơi cao ráo nhứt. Nằm trên tấm võng mới thắt chị hít mùi dây lá vẫn còn tươi, ngẩng trăng rồi ngẩng người đó ngẩng trăng. Đêm nay trăng mọc chậm hơn hôm qua. Trời tối mịt mới thấy trăng thấp thò sau chòm cây trên cồn. Nhưng được cái khi trăng lên cao lại sáng rõ mặt người. Chị ngẩng gương mặt bị râu tóc phủ kín của người đó. Mặc cho gió thổi râu tóc phất phơ, người đó không hề đưa tay lên vén hay buộc lại. Trừ món râu tóc kỳ dị, người đó ngồi bất động như một pho tượng Phật.

Chị càng lúc càng tin đó là Phật sống, vì ngay cả khi chị cầm tay người đó đưa lên ngực mình, chị nhận ra trong đôi mắt người đó sự thương yêu chứ không phải ham muốn. Cả khi chị say men hay say cái quỷ gì hồi khuya, nằm lăn ra gối đầu lên đùi người đó, mà khi thức giấc, ngóc đầu lên nhìn, chị chỉ thấy đôi mắt của người đó điềm nhiên nhìn con đò đã lui khỏi bãi, trạo phu hối hả chèo, đò phóng đi như tên bắn. Thiệt khác với anh Bình loi chơi. Chị có để ý mà không thể nói chắc anh Bình là gì của người đó. Thân không ra người thân, kính không phải kính sợ, nhưng coi bộ đi đâu cũng để mắt tới người đó, có miếng ăn gì cũng đem đưa tận tay. Cả ngày anh ta bồn chồn nhấp nhồm, mà giờ ăn no, nằm dài bên kia đống lửa, ngáp mấy tiếng rõ to. Chị lại ngửa mặt ngẩng trăng: Chỗ này chưa đẹp bằng Long Châu. Nhưng cứ coi như Long Châu đi.

Nghe người ở bến An Châu báo lại, Bình đã lên chuyến đò đi Long Châu, ông chủ Phước Xuân Đường tính ra ngay bao giờ chuyến đò ấy quay lại đem về tin nhắn của Bình, hoặc chính Bình trở về, có thể cùng người đó. Ông không đặt cược nhiều vào khả năng thứ hai, nhưng nghĩ chắc chắn sẽ nhận được tin của Bình. Ông tự hào bốn ba từ trẻ đến nay tóc muối tiêu, ông có thể lắm hàng hóa chứ không lắm người. Ông yên tâm để việc đó qua một bên, lo việc làm ăn trước mắt. Ngải, trầm và các dược liệu khác từ Thượng Chân Lạp đã đổ xuống. Kỳ này có thêm vài hải sản đặc biệt từ Hà Tiên theo kinh đào đến nơi sớm hơn ngày ông tính; các thứ thuốc đã sao, phơi, sơ chế ở tiệm đang được đóng gói. Những thứ linh tinh từ những nguồn khác đều được ông liệt kê chi tiết phẩm chất cân lượng. Hầu như ông chỉ ở trong tiệm, chẳng những tránh đi ra ngoài vì không còn người giúp trông tiệm, mà ông cố hạn chế cả việc thết đãi bạn bè tại nhà. Khách hàng vì công việc phải đến tiệm ông mấy ngày nay khá đông. Ông không muốn sự nhộn nhịp ở tiệm gây chú ý. Nhưng không ít người biết ông không chỉ là một chủ tiệm thuốc Bắc bán lẻ từng thang thuốc, cho dù ông luôn làm bộ vậy.

Vài ngày sau khi ghe chở hàng rời bến, ông chủ Phước Xuân Đường cảm thấy đã nghỉ ngơi lại sức nên mời ông chủ tiệm Tuyển Ký, ông đồ Thanh và ông sư Bốn Không đến nhà thưởng thức món cà ri đặc biệt của người đàn bà bản địa lâu nay vẫn nấu ăn trong chỗ chế biến dược

liệu. Các ông đó cũng như ông Phước Xuân Đường, bình thường thích ăn cơm trắng với thịt gà hay thịt heo, nhưng sẵn sàng và rất thích thú, thường thức cho biết hương vị những món ăn của người Xiêm La, người Chân Lạp, Chiêm Thành. Như ông Tuyền Ký từng đi buôn tận nước Xiêm, rất khoái món canh chua xứ đó. Ông đồ Thanh không ăn mắm bô hóc nhưng rất ưng món cá mặn đưa về từ Biển Hồ. Ông sư Bốn Không tuy đầu trọc và khoác áo cà sa nhưng không ở chùa, không đúc tượng, không tụng kinh gõ mõ, không ăn chay. Ngày ngày ông đi khát thực, ai cho gì ăn nấy. Có người cắc cớ độn trứng vịt lộn vô nắm cơm, cho ông ăn xong mới hỏi ông có biết ông đã ăn gì không, ông nói: Dầu gì cũng là tấm lòng của thí chủ và bản tăng đã tiêu hóa rồi. Chuyện đồn đãi tới tai ông chủ Phước Xuân Đường, ông đi ngay ra chợ dạo hỏi và tìm tới tận cốc sư Bốn Không để thăm, trò chuyện hạp khẩu mới biết thêm cái không thứ năm của ông là không có pháp danh. Bốn Không là tên bá tánh đặt, ông không nhận cũng không phiền.

Ông sư Bốn Không ăn cà ri như vậy: Ông đặt cái bát luôn mang bên mình lên bàn, ngay trước mặt, ông chủ Phước Xuân Đường múc cà ri và cơm vào bát, ông sư dùng ngón tay trộn cơm và cà ri, nhúm lại rồi bốc từng nhúm bỏ vào miệng nhai thông thả. Vết hết mọi thứ trong bát thì ngừng ăn, rửa tay. Lúc uống trà, ông nói khi ở Ka Si ông thường được ăn món này. Cả ông Tuyền Ký và

ông đồ Thanh đều không biết Ka Si ở đâu, thậm chí mới nghe lần đầu, nên nhờ ông sư giảng thêm. Ka Si là đô thị với đến đài lộng lẫy tiếp nối san sát trên bờ sông Hằng, đầy ánh sáng, nhiều chùa Phật và Bồ Tát, có vườn nai là nơi Cổ Đàm đã giảng bài pháp đầu tiên, thành lập đoàn tỳ kheo đầu tiên. Lộc Uyển? Ông đồ Thanh kêu lên, ông sư bình thản nói tiếp. Ngày trước ông đọc sách thấy viết Lộc Uyển, lòng chỉ mong tìm đến nơi ấy. Ông cứ từ đây đi về hướng Tây, ba năm thì đến Hằng Hà. Ông qua sông Hằng hỏi tìm Lộc Uyển, một địa danh ít người biết, cách Ka Si không xa lắm, rồi ông trở lại sông Hằng, theo hướng Đông đi ba năm nữa về tới đây.

Ông sư ngừng nói một lúc mà ba ông kia vẫn im lặng, hẳn có ý chờ ông sư nói nữa, như có gặp Phật ở Lộc Uyển, có dự những buổi thuyết pháp không, hay ông đã thấy gì khác ở đó, tại sao ông về. Tuy nhiên ông Tuyển Ký bắt đầu buồn ngủ. Bụng ông to, ăn nhiều, mà cái món cà ri khiến người ta ăn rồi chỉ muốn ềnh bụng ngủ cho sướng. Ông xoa xoa bụng rảng nhịn ngáp, mắt mũi chảy nước, mặt đỏ hoe. Ông đồ Thanh tự chủ tốt hơn, chỉ vài lần sửa lại thế ngồi để giữ vệ đạo mạo. Ông chủ Phước Xuân Đường thấy ông sư Bốn Không lim dim đôi mắt, giữ ý không gây tiếng động. Nhưng chỉ một lát, ông sư mở mắt nói tạ ơn người đã cho ăn, tạ ơn người đã cùng ngồi ăn, giờ xin lui về cốc. Ông chủ Phước Xuân Đường bảo người đem bánh trái đặt vào bát của sư, nhưng sư bảo hôm nay đã ăn rồi,

không nhận thực phẩm nữa. Mặt trời đã lên đỉnh đầu, ông sư Bốn Không cất bát vào tay nải, mắt lim dim, bước từng bước, giẫm lên cái bóng của mình mà đi.

Ông chủ Phước Xuân Đường tiễn ông sư một đoạn, khi quay vào nhà thì thấy ông chủ Tuyển Ký và ông đồ Thanh đã tỉnh ngủ, đang hăng hái tranh luận. Sư này là sư giả hay chân tu? Đã chân tu sao không lên núi? Lên núi thì khát thực với gốc cây cục đá à? May thì hái được trái sim hay trái cà na, trái cơm nguội, chứ có đâu cà ri và trà hoàng cúc. Người tu hành thì không còn phân biệt cà ri với cà na, uống nước suối cũng ngon như trà hoàng cúc. Tu trên núi cho bản thân mình thăng hoa, giác ngộ, tu ở chợ để giáo hóa chúng sanh. À ra thế, ông Tuyển Ký gật gù nhượng bộ khi thấy ông chủ Phước Xuân Đường bước vào. Ông cho đem thêm bánh ngọt và trà thơm, hỏi ông đồ Thanh hôm nay thấy có xem thêm cuộc đất nào không? Ông đồ Thanh nói hôm rồi ông Cai Tòng có nhờ xem đất phía nam Thành. Đất đó dựng chùa miếu thì tốt, nhưng phải có đức lớn mới ở được. Ông thấy trong thành có cuộc đất nào sắp phát anh tài tuần kiệt? Ông Tuyển Ký phát cười ha hả. Anh tài tuần kiệt phát sao được ở đất này, có chăng là dị nhân quái kiệt. Ông đồ Thanh giữ vẻ nhũn nhặn trí thức nói: Mấy năm trước, phía hạ lưu sông Tiền có người học trò nghèo thi đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ, hiện giờ đang làm quan to lắm. Thật à? Thật, người học trò đó họ Phan. Từ khi ông đồ tiến sĩ khai hoa ở đất

phương Nam, nho sĩ phần khởi, đua nhau học tứ thư ngũ kinh, Vĩnh Long Thành đang râm ran bàn chuyện xây Văn Thánh Miếu.

Trà ngon, bánh ngọt, nhưng ông Tuyền Ký nhịn không được phải che miệng ngáp dài. Ông góp thêm dăm ba câu khen cà ri, hoành cước, rồi xin vô phép về trước. Trời đánh tránh bữa ăn, nhưng sau bữa ăn thì trời đánh ông cũng phải ngủ trưa. Ông chủ Phước Xuân Đường cấm ông đồ Thanh ở lại chuyện trò thêm chút nữa. Câu hỏi của ông về đất đai chưa được trả lời. Ông đồ Thanh nhỏ giọng, ra điếu giờ chỉ còn hai chúng ta, tôi nói riêng với ông thôi. Xứ này, núi như voi phục, sông như rồng lượn, khí thiêng ngun ngút. Tiếc là... Tôi chỉ nói với ông, đừng bao giờ để lộ. Tiếc là khi phá thành cũ xây thành mới đã phạm vào tử huyệt, nên hậu vận khó nói. Ông chủ Phước Xuân Đường chăm chú lắng nghe, không bình luận. Ông đồ Thanh ở ngoài Bắc vào mở trường dạy *Tam tự kinh* nhưng lại có tài coi phong thủy. Khi có người nhờ đi coi đất, ông cho học trò nghỉ, đóng cửa trường đi ngao du sơn thủy cả ngày, hoặc nhiều ngày. Giờ ông coi phong thủy là chính, sống phong lưu, nhưng vẫn xưng là ông đồ nghèo. Để chứng minh việc thành Châu Đốc mới xây phạm tử huyệt, ông nói từ lúc xây thành, quan Trấn thủ Vĩnh Thanh không lúc nào ngủ yên, sức khỏe hao mòn rồi tịch, một cách bí hiểm. Nhiều người trong thành thường xuyên nghe ma kêu quỷ khóc. Khi ra về, ông dừng chân ở ngưỡng cửa

phán thêm một câu: Chỉ khi rỗng quấy, phun vượng khí mới, thì đất này sẽ phát, nhưng phát về tâm linh.

Ông chủ Phước Xuân Đường nằm trên bộ ván lằng nghe con tắc kè kêu. Nghe tiếng rè rè rè rè rồi tắc kè, tắc kè... Bầy tiếng tắc kè nghe rõ và gần như phát ra ngay trên đầu, mà ông không sao thấy nó ở đâu. Chuyển hàng vừa rồi có một kiện gần trăm con tắc kè sấy khô, loại tắc kè núi dù đã khô quắt vắn to, rất được những dược đường ở Đẻ Ngạn ưa chuộng. Ông chưa dùng đến món tắc kè ngâm rượu thuốc nên không thể nói có đúng là cường dương bổ thận hay không. Nhưng bài học về con tắc kè cha dạy hồi trẻ ông đã nghiệm sai hoàn toàn. Cha nói: Tắc kè muốn kêu to thì trước tiên nó phải trốn thật kỹ, thật kín, ở chỗ không ai thấy, không ai bắt được, rồi mới kêu. Từ khi đi buôn đến nay, ông đã buôn bán bao nhiêu tắc kè, không nhớ mà kể. Rõ ràng tắc kè dù trốn thế nào, người ta vẫn bắt được nó. Bất kể nó kêu to hay kêu nhỏ hay không kêu, miễn bán nó được tiền là người ta bắt. Ông chỉ tăng giá mua mỗi con tắc kè lên vài xu, mà đợt này hàng trăm con tắc kè khắp Bảy Núi bị khô xác.

Riêng con tắc kè kêu ở tiệm Phước Xuân Đường là tắc kè cứng, có khả năng thần giao cách cảm với ông. Nó tắc lưỡi khi ông có điều phiền muộn mà không có người trò chuyện, nhất là lúc chiều buông hay bình minh chưa tỏ rạng. Ông nghĩ có lẽ nó biết ông bảo vệ nó lâu nay, ngăn người làm trong tiệm bắt nó bằng cách tuyên bố đó

là con tắc kè của ông. Ông cảm thấy nó “của ông” thật, không chỉ vì nó ở trong tiệm của ông, mà vì mỗi lần nghe nó kêu, ông thấy quen thuộc, gần gũi, như thể nó kêu là vì ông. Có những lúc ông thức khi trời còn sớm quá, trong người có chút mỏi mệt và lười biếng. Không tiện kêu người nấu nước pha trà lúc sao còn lấp lánh đầy trời. Ông thường nằm im, lắng nghe sự tĩnh lặng, thềm có một người bầu bạn, thì con tắc kè của ông cất tiếng rè rè rè tắc kè! Nó kêu như trêu ông, khiến ông buồn cười cái cách nó rặn rè rè rè... rồi mới kêu tắc kè bảy lần, lần cuối cùng nó rè.... rẹt một cái mới dứt luôn. Có lần nghe nó kêu gần như ở ngay trong vách sát bên chỗ ông nằm, ông rón rén ngồi dậy, nhẹ nhẹ lật từng bức tranh trên tường để... À, nhìn nó thôi. Đừng nói chuyện bắt con tắc kè đó. Chỉ ý nghĩ ai đó hại con tắc kè của ông cũng khiến ông nổi giận. Ông không hề nhìn được nó lần nào, không biết mặt mũi nó ra sao. Có hôm ở ngoài kho về tiệm trễ, đèn đóm chưa tắt, tư bề tối vắng, ông vừa bước qua ngưỡng cửa lập tức tiếng tắc kè vang lên khiến ông cảm động, đứng yên một lúc, thầm cầu mong con tắc kè hiện ra, trong hình hài một người đàn bà, hay nguyên dạng một con vật có đuôi và bốn chân cũng được.

Xa xưa ông đã gặp người trong mộng, một thiếu nữ nhan sắc lộng lẫy, giỏi cầm kỳ thi họa, con quan ở đất kinh kỳ. Công ông đeo đẳng mấy năm, nàng cũng yêu thích những món quà quý giá ông tặng, nhưng phải vâng lời

phụ mẫu lấy ông cử làm chồng. Ông bỏ học, quay về Đệ Ngạn, thân hình vàng vốt, nhưng cũng vàng lờn phụ mẫu cưới vợ là con gái nhà Tạ Phương Đường. Tuy ông và vợ thuận hòa êm ấm có ba mặt con, nhưng hai người xuân thu nhị kỳ mới gặp nhau, và thường chỉ nói chuyện tiền bạc. Vợ là người sanh con và giữ cửa cho ông, và người vợ này giỏi cả hai việc đó. Ông không bận tâm chuyện nhà, bà cũng không bận tâm việc ông ở xa có hay không người thay bà nâng khăn sửa túi cho chồng. Ông, lạ lùng thay, mấy năm nay không vương bận thêm mối tình nào, chỉ chăm chỉ kiếm tiền. Đạo gần đây trong thành xảy ra nhiều chuyện lạ. Trong lòng ông Phước Xuân Đường cũng có chuyện lạ xảy ra.

Những cảm xúc thất thường ông đã có từ thời trẻ, nhưng đã bỏ qua như những cơn bóng bột nhứt thời, để trưởng thành. Có lần ông đã nổi hứng đi về phương Tây, trôi lạc trợn một tháng trong mênh mông Biển Hổ, rồi cả tháng nữa trong hun hút rừng rậm, gặp những đến đài kỳ bí, nhặt được mấy pho tượng lạ lùng mà ông biết có người ở Đệ Ngạn sẵn sàng trả giá cao. Quảy những pho tượng đi tiếp về phương Tây thì cực quá, ông đành chia tay những người đồng hành, hẹn chắc chắn sau khi đem tượng về Đệ Ngạn sẽ lại lên đường và gặp lại họ ở Tây Thiên. Nhưng khi ông về đến nhà thì việc này xảy ra đến việc khác, cuộc Tây du của ông trở thành chuyện kể lúc tửu hậu trà dư. Nghe người ta lè lưỡi thán phục ông trải

qua những gian nguy hiểm nghèo, ông cũng hơi chạnh lòng. Nhưng chịu đựng gian khổ như vậy để đem về mấy pho tượng giá trăm lượng vàng thì cũng đáng đi. Ông đi chuyến thứ hai, nhưng không có những người hành hương rành đường, ông không biết chắc đường đi nước bước, đành quay về và thôi luôn ý định tìm đến đất Phật.

Những người quen biết ông từ thời trẻ gọi đùa ông là người đi Tây phương thỉnh tượng, ông chống chế là Đường Tăng đi Tây phương thỉnh hết kinh rồi, nay chỉ còn tượng lễ đọc đường cho bọn cầu đạo như ông. Vả chăng, kẻ tìm đến đất Phật không ít, người trở về khoác lác cũng nhiều, nhưng có mấy người thực sự đến được Thiên Trúc, mấy người giác ngộ? Năm tháng trôi qua, ông nghĩ cơn hứng Tây du thời trẻ có thể là do máu phiêu lưu. Máu này chảy bền bỉ trong người ông, thỉnh thoảng bốc lên. Chứ ông không có duyên tu hành. Ông ham đi đó đây, thích giao du người lạ, người càng kỳ lạ ông càng hứng thú kết thân. Ông mở Phước Xuân Đường ở đây mấy năm nay, bắt đầu thấy cái vòng quen biết gồm những người như ông đồ Thanh hay ông Tuyển Ký quần quanh hạn hẹp. Ông sư Bốn Không mới xuất hiện đáng chú ý, nhưng ông ta nói từ đây đi về hướng Tây, ba năm thì đến Hằng Hà,... theo hướng Đông đi ba năm nữa về tới đây, chắc là nói chơi.

Giữa những chuyến hàng, ông chủ Phước Xuân Đường hơi rảnh. Chiều chiều ông dạo bước xuống bến

An Châu. Thiết tình ông mong tin về người đó. Đò Long Châu đã quay lại, nhưng không ai nhắc nhe gì ông cả. Ông cũng không hỏi han gì ai, chỉ ung dung quay về tiệm, như thể ông chỉ dạo chơi, không có gì quan trọng. Nhưng ngày đò đi Long Châu sắp khởi hành, ông gọi một người thường ăn cơm chung với Bình trong tiệm tên là Nên, đưa cho anh ít tiền bảo đi tìm Bình. Nên là một người bản địa, sốt sắng nhận nhiệm vụ, không thắc mắc, không chần chừ. Đò lại rời bến An Châu. Phía chân trời trời lên một vầng trăng khác, hãy còn non.



Ngắm người đó ngắm trăng riết rồi chị Hai nhận ra một điều: người đó không ngắm trăng. Tuy người đó hay ngồi đúng một chỗ đó, khi nhắm mắt khi mở mắt. Trăng di chuyển hàng đêm, ở những vị trí khác vào những thời điểm khác nhau, nhưng người đó luôn quay mặt về một phương. Chị Hai đến ngồi sau lưng người đó, nhìn một hồi thì nhận ra bóng núi xa xa phía thượng nguồn. Nhưng núi trước mặt mình đâu có nghĩa là mình ngắm núi. Ở trên núi có lẽ người đó cũng ngồi như vậy cả ngày. Từ đây nhìn xa thấy núi, có lẽ ngồi trên núi nhìn xa cũng thấy sông. Tại sao không ngồi trên núi ngắm sông mà ra giữa sông ngồi ngắm núi. Mà ngồi đâu ngắm gì thì có khác nhau chăng? Chị không để ý người đó ngắm gì nữa. Ở đây trăng sao một trời, tôm cá cả sông, chị ăn và ngủ

ngon lành, không sợ hãi, không bận tâm gì cả. Gió đêm có lạnh thì chị nằm sát vào người Bình. Anh không còn bồn chồn trông ngóng dò ghe nữa, ban ngày đã chịu khó theo chị đi sâu vô chòm cây để hái trái và bẻ củi. Phải giữ than đỏ liên tục nên củi càng lúc càng khó kiếm, phải cần đến sức mạnh cánh tay Bình bẻ cành cây tươi. Hai người càng lúc càng đi sâu vào giữa những chòm cây.

Một bữa chị giẫm lên một đọt dây thò ra khỏi bụi cây rậm rạp bò lan trên mặt đất. Chị nhấc chân lên, đứng khựng, sững sốt. Đọt lang! Rõ ràng là đọt dây khoai lang. Chị hồi hộp cúi xuống, khẽ khàng nhấc đọt lang lên, lần theo dây lang chui qua bụi rậm. Một khoảnh đất trống bằng cái sân chợ mọc đầy dây lang, xen lẫn cây này cây nọ thâm thấp mọc rải rác. Cần thận chị dò từng bước chân đi tới gần một cây nhỏ cao tới eo, reo lên mừng rỡ: Ớt! Gần đó có một bụi sả, và kìa, húng quế mọc vươn lên chen chúc với đám rau sam. Mé bìa bờ ngót mọc thành bụi cao hơn đầu người. Chị đi về phía đó thấy một đám môn mọc ngay gần như thể được vùi từng củ cách khoảng một bước chân. Chị ngoảnh nhìn lại, nhìn lần nữa bao quát khoảnh đất, chợt xúc động như thấy lại vườn rau nhà mình hồi xưa. Phải chăng đây là một mảnh vườn của ai đó? Trông như cây cỏ mọc tự nhiên không người chăm sóc. Nhưng nếu không người chăm sóc thì sao các thứ cỏ lau dây rừng không mọc trùm lên như phía ngoài gần bãi.

Có một mẹo để biết có người giữ vườn hay không. Chị chăm chú quan sát một cây húng quế. Húng quế do người trồng ngắt đợt để ăn thì mỗi đợt bị ngắt mọc hai nhánh mới, ngắt đợt mới lại mọc nhánh mới, nên cây lùn mà xum xuê nhiều nhánh, nhìn kỹ sẽ thấy dấu ngắt. Không khó nhận ra dấu vết cây húng quế này bị ngắt đợt thường xuyên, thậm chí mới bị ngắt gần đây, nhánh non chỉ mới nhú.

Nỗi sợ đột ngột trùm xuống đầu người đàn bà khiến chị tối tăm mặt mũi. Tim chị đập thình thịch, tay chân bủn rủn. Chị nhìn quanh quất rồi hốt hoảng chạy trở ra bãi, quỳ xuống bên cạnh người đó, thở hổn hển: Có người. Có người khác trên cồn hoang. Râu tóc mọc gần kín gương mặt người đó khiến chị chỉ có thể tìm sự giao cảm qua ánh mắt. Không sao à? Cồn bãi rộng rãi, đâu người ta ở được thì người ta ở. Có thể hóm rày người ta đã biết mình quanh quẩn nơi đây. Mình không thấy người ta nhưng có thể người ta thấy mình. Người ta đã không làm gì mình thì người ta có lẽ sẽ không làm gì mình. Mình đừng làm gì người ta, cứ đời ai nấy sống. Đừng tìm họ nếu họ không để mình thấy. Có thể họ cũng như mình, vì lý do bất khả kháng gì đó phải ở đây. Rồi lúc nào cơ duyên khiến họ, hay chúng ta, phải rời khỏi nơi này, thì đường ai nấy đi. Không biết nhau mà như biết nhau. Không ơn nhau mà như ơn nhau. Có duyên gặp lại thì gặp lại, không gặp lại cũng không sao. Chị dẫn

bình tâm, ngồi yên nhắm lại lời người đó. Có phải là kinh nghiệm, hay qui tắc sống của những người ẩn cư trong núi? Người đó thình thoảng cũng nói những lời lạ lùng, nhưng những lời này khiến chị cảm nhận một điều gì thật mới mẻ. Không biết nhau mà như biết nhau. Không ơn nhau mà như ơn nhau. Chị cảm thấy như chợt vỡ lẽ ra. Ờ há. Nhưng mà nghĩa là sao?

Từ đám lau sậy, Bình chui ra, tay xách mấy con cá vừa bắt được, đi thẳng tới đồng tro tàn, để cá xuống, quỳ lom khom thổi than nhóm lại lửa. Chị nhìn theo Bình, bỗng nhiên ứa nước mắt. Anh ta với chị từ chỗ không biết nhau mà như biết nhau, giờ tới đã chỗ biết nhau dù như không biết nhau. Trăng sao tôm cá của đất trời, bắt được chia nhau ăn thì không kể là ơn. Không ơn nhau mà như ơn nhau. Lúc bầu vào vai vào lưng nhau cùng thét lên, mà không cảm thấy ơn nhau sao? Nếu phải rời khỏi nơi này, đường ai nấy đi, biết có còn duyên gặp lại? Nhưng mà đã biết nhau rồi, ơn nhau rồi, sao có thể đường ai nấy đi, sao có thể không gặp lại, sao có thể làm như không sao hết? Chẳng thà không biết thì thôi... Từ lúc trăng già đi, trăng mới hãy còn non, rồi cũng già đi, sắp mọc một con trăng mới... chị đã sống như thể đất trời này chỉ có một người đàn ông, một người đàn bà, và một ông Phật. Giờ bỗng nhiên biết ra có người khác nữa trong thế giới này, và họ đang quan sát mình. Họ nghe tiếng Bình ngáy khi lăn ra ngủ, họ thấy chị trần truồng tắm sông khi giặt áo phơi

trên nhánh gừa. Một cảm giác như cái chén kiểu quý giá chị nâng niu trong tay chợt rớt xuống, sự bình an mong manh vỡ tan. Cảm giác bị rình ngó khiến chị không còn thoải mái. Chị không cảm thấy tự do nữa. Chị sợ khi đi tới gần chòm cây. Chị nhột khi nằm bên đống lửa giữa trời trống tênh hênh. Chị mất hứng trong vòng tay Bình. Mà chị vẫn chần chừ chưa nói với Bình về mảnh vườn rau sau bụi rậm.

Ông Thái Anh cầm dài thắt lưng xem tỉ mỉ. Đây là loại thắt lưng thường dùng của một ông chủ hào phóng, có túi nhỏ để giắt tiền lẻ, tiện móc ra thưởng cho kẻ ăn người làm, không đáng giá bao nhiêu tuy bằng lụa Hàng Châu, cũ vẫn đẹp. Nhưng ông quyết định mua vì một chi tiết ông làm như không quan tâm: đầu dải lụa thêu lan cúc và mấy chữ Phước Xuân Đường. Ông cũng mua luôn tay nải bên trong có một thỏi mực đã mòn, cây viết lông đã cũ và mấy xấp giấy đã viết chữ. Ông biết là nếu có hỏi thì thằng nhãi ranh sẽ bảo nó lượm đâu đó. Mà có thể đúng như vậy, vì cái kẻ biết đích xác câu chuyện liên quan đến chủ nhân những món này hẳn đã lấy hết tiền bạc và đồ đáng giá, còn lại những thứ chúng không xài được mới quăng bỏ phi tang. Ông không cần trả giá cao vì nếu ông không mua thì thằng nhóc cũng không bán được cho ai khác, chỉ còn nước đem quăng bỏ ở góc phố xó chợ. Nhưng ông

cho nó khá khá tiền để nó vui vẻ, sau này cần dò hỏi cũng dễ. Thằng nhỏ hí hửng cầm tiền chạy đi xa rồi ông Thái Anh mới gỡ các thứ trong tay nải ra xem lại cẩn thận.

Những xấp giấy rời không đóng thành sách, là loại giấy bạch hảo hạng, cùng hạng với thỏi mực và cây viết, loại nhập từ tàu buôn Quảng Châu, chỉ có thể đặt mua ở Đế Ngạn. Ông Thái Anh càng chắc chắn đây là tài sản của nhà Phước Xuân Đường. Nhà đó sanh cơ lập nghiệp ở đất Đồng Nai từ thuở Trần Thượng Xuyên lập Cù lao Phố, sau bị nạn Tây Sơn phải chạy về Đế Ngạn, có nghề bắt mạch bốc thuốc gia truyền, nổi tiếng môn sửa xương khớp, kết giao rộng rãi với các võ đường. Gia tộc này ngũ đại đồng đường, trong đám đệ tử đông đúc, không phải không có kẻ khuấy nước chọc trời. Dải thắt lưng này với tay nải nọ là của người nào trong nhà Phước Xuân Đường? Suy đoán theo hiện trạng những món này thì có lẽ một người của nhà Phước Xuân Đường đi đâu đó bị cướp hành lý, lột cả thắt lưng, sự an nguy thiệt là khó nói. Ông bèn gói cẩn thận mọi thứ, lấy giấy bút mực của nhà ra, viết một bức thư kèm theo, cho người đưa về Đế Ngạn.



Chúng đã vào bầm Ông Thượng là tướng đang dẫn tới lớp Triệu Tử Long đoạt ấu chúa. Trên sân khấu, Triệu Tử Long một tay cầm roi một tay cầm kiếm chạy ngang

chạy dọc rồi chạy vòng vòng để tìm nhị vị phu nhân và A Đẩu. Rồi lại chạy dọc chạy ngang chạy vòng vòng, cho đến khi Ông Thượng xuất hiện. Theo lệ diễn viên phải ngừng diễn và chạy tới chào Ông, nhưng Ông quát: Cứu ầu chúa là việc gấp, đi mau. Gấp hay không thì đã tới lớp tìm được A Đẩu. Từ Long tả xung hữu đột, quay mòng mòng, hò hét chiến đấu không thể nghỉ mệt. Ban hát có bao nhiêu người đều đóng vai quan binh Tào ào ào lên sân khấu, những kẻ bị đánh văng khỏi sân khấu lại nhóm dậy tiếp tục xông lên theo tiếng trống chầu Ông Thượng đánh thùng thùng. Ông vẫn ngồi uy nghi như một ông cọp, nhưng trông khí sắc e là không tốt lành.

Ông Ứng Xương không thốt lời tán thành ngay nhận xét của con trai, nhưng trong lòng mở cờ. Hôm trước ông đã bắt mạch cho ông Thượng, lưu ý ông cần nghỉ ngơi an dưỡng. Tất nhiên ông không nghe. Không phải ông Ứng Xương mừng vì con bệnh không nghe lời ông đã đổ bệnh. Ông mừng vì con trai ông, Huỳnh Vĩnh Xương, có thể sắp nổi được nghiệp nhà. Nhìn người con trai tuấn tú ngồi thong thả nhai cơm, thong thả kể chuyện đi coi hát bội trong thành Gia Định, ông vui đến nỗi ăn thêm một chén canh. Nhưng lúc uống trà Vĩnh Xương hỏi cha có tin tức của chú Ba chưa, ông lại mất hứng. Chưa. Vĩnh Xương có vẻ đã chuẩn bị về điều này, dè dặt nói: Hay là con về Cù lao Phố hỏi thăm bác Hòa? Ông Ứng Xương ậm ừ. Lâu rồi không về Cù lao Phố, nay con muốn về

thăm bác Hòa cũng tốt, hỏi thăm được tin tức chú Ba cũng tốt. Nhưng tình hình bây giờ như củi ngún khói, có thể bùng lên thành ngọn lửa cháy lan bất cứ lúc nào, chỉ cần một biến cố như cơn gió thổi mạnh. Con hiếu. Cù lao Phố không xa Đền Ngạn, hai trạo phu khỏe đủ sức đưa con đi về trong ngày. Giờ con đi nghỉ sớm để mai đi sớm.

Ông Ứng Xương cũng đi nghỉ sớm. Nhưng mới qua canh tư một lát, ngựa xe rầm rầm chạy tới trước cửa Phước Xuân Đường. Ông bị đánh thức và lập tức đưa vào thành Phiên An gặp ông Khôi. Cả hai ông dù thành tâm và quyết chí làm mọi cách, nhưng không cải được số trời, ông Thượng quy tiên. Ông Ứng Xương lặng lẽ và nhanh chóng quay về nhà. Ông có phần vui, không phải vì con bệnh đã chết, mà vì con trai ông phán đoán giỏi thật. Nhưng ông cũng lo. Gia Định như nổi cám sôi lục bục, không còn ông Thượng trấn giữ thì cái nắp nổi ắt bung ra. Có thể ước đoán một số việc sắp xảy tới, vẫn không thể lường trước một số việc. Tốt nhất là cẩn thận, hạ buồm, neo ghềnh chờ qua cơn sóng gió. Nhưng dù ông đã gấp về nhà trước khi trời sáng, Vĩnh Xương đã lên đường. Chàng thức cùng lúc với cha khi ngựa xe ồn ào trước cửa, và vì đã thức rồi, chàng sửa soạn đi luôn.

Trời rạng sáng khi thuyền ra tới Bến Nghé. Ánh nắng ban mai lấp lóa trên sóng nước cũng nhảy múa trong lòng Vĩnh Xương, cảm xúc dạt dào như khi chàng đứng trên chiếc thương thuyền từ Quảng Châu về đến

Bến Nghé một buổi sáng năm kia. Chung quanh chàng thuyền ghe tấp nập, tiếng người ới ới, đôi bờ xanh mướt, ẩn hiện những mái nhà lợp lá hoặc ngói. Cũng là cảnh vật không khác lắm đôi bờ Châu Giang, nhưng thay cho lòng ngưỡng mộ sự cổ kính là sự lan tỏa cảm giác quen thuộc, gần gũi, yên lành, triu mến, và tan loãng nhớ nhung. Về đến nhà rồi! Đó là lần đầu tiên trong đời một con người đã được nuôi dạy từ ấu thơ rằng cố hương ở Sơn Đầu, đã lớn cùng ước mơ hồi hương, đã vượt ngàn hải lý về quê phục trước mộ tổ tiên, đã ngao du khắp sông núi quê nhà, để rồi khi thuyền vừa vào cửa sông Đồng Nai đến Bến Nghé, cảm xúc bùng nổ trong toàn thân như pháo hoa, tỏa ra từng chân lông, là cảm xúc dào dạt yêu thương và thư thái hạnh phúc của kẻ trở về nhà. Ông bà cha mẹ cô chú chị em chàng ở đây, dọc theo bờ sông Đồng Nai. Đây là nhà.

Cảm giác mình thông thuộc mọi góc ngách sông rạch cùng cỏ cây hoa lá trên bờ lẫn các thứ trôi trên đoạn sông Đồng Nai từ Bến Nghé đến Biên Hòa khiến Vĩnh Xương thưởng thức hành trình như một cuộc du ngoạn, thong dong thăm thú chốn quen. Nhưng nắng càng lúc càng gắt, hai người phu chèo bỏ hơi tai, mồ hôi ướt đầm lưng áo, đành phải ghé vào một bến dò xin nước uống. Dưới tán cây si rễ lòng thông có mấy sạp tre bày bán các thứ thực phẩm và đồ gia dụng, như một cái quán chạp phô hay một cái chợ nhỏ. Có năm người đàn bà ngồi

quanh khó phân biệt ai là người bán ai kẻ mua. Họ thấy ba thanh niên đi tới thì lao nhao chào mời. Hai trạo phu đối đáp, có lẽ bốn cột, khiến các cô trẻ cười lòn lòn, cự cãi, hí huýt. Họ có vẻ quen biết nhau, một cô gái chắt dũa cho ba người khách lỡ đường, những người khác ân cần hỏi thăm này nọ. Vĩnh Xương nhìn cảnh chộn rộn lảng xăng nơi quán nhỏ, cổ lẳng nghe nhưng không hiểu lắm vì chàng không thường giao tiếp người bình dân nói tiếng địa phương. Chàng im lặng cũng có phần do thẹn. Chàng biết các bà các cô đang trêu ghẹo chàng với sự phụ họa của hai trạo phu. Nhưng nụ cười vẫn nở trên môi chàng. Thực sự chàng vui vì thấy họ hỗn nhiên cười giỡn với nhau, với cả chàng, mặc dù chính chàng tự thấy mình hơi khác họ.

Chàng thường tự xưng là người Đồng Nai. Thực sự chàng chào đời ở Đế Ngạn. Nhưng hằng năm, trừ mấy năm Cù lao Phố bị họa Tây Sơn, con cháu họ Huỳnh đều tụ về Trấn Biên chăm sóc mồ mả ông bà vào dịp lễ Thanh minh. Đó cũng là dịp nhận mặt họ hàng. Nên từ lúc còn ẵm ngửa Vĩnh Xương đã được đi lại trên sông Đồng Nai, ít nhất một năm một lần. Thường thì năm ba lần, vào những dịp cưới hỏi hay tang ma của người trong họ sinh sống ở những làng và phố dọc bờ sông. Vĩnh Xương vẫn nhớ thuở nhỏ chàng thường được cha đặt ngồi trên đùi khi cả nhà ngồi ghe lớn đi tảo mộ. Ghe chạy một đôi thì cha chàng chỉ tay vào bờ sông xanh um nói nhà chú Tư

ở đó. Ghe chạy thêm một đôi cha lại chỉ tay sang bờ kia con sông, cũng xanh um, nói cô Năm gả cho họ Phan bên này. Và suốt con sông hai bờ đều xanh um, cứ một đôi lại có một người bà con có dây mơ rễ má thế nào đó, mà bao nhiêu năm nghe đi nghe lại, gặp gỡ, thăm viếng, Vĩnh Xương vẫn không chắc mình có bà con họ hàng như thế nào. Nhưng tại sao phải biết bà con? Cha chàng nghiêm giọng: Để không luyến ái nhầm người cùng họ. Cùng họ là cùng máu mủ với mình, tức là mình. Vĩnh Xương ghi nhớ kỹ lời cha rằng bà con mình là máu mủ của mình, nhưng khi ấy chàng còn quá nhỏ nên không bận tâm chuyện chàng có thể yêu nhầm một cô em họ. Và lại chàng yên chí là mình lớn lên tất nhiên cha mẹ sẽ cưới vợ cho mình, chàng khỏi bận tâm nốt chuyện yêu ai.

Bác Hòa không cùng họ, bác họ Trần, nhưng theo cha chàng thì chú của vợ bác Hòa là anh của mợ thứ sáu của vợ chú Ba. Tuy nhiên sự thân tình ở chỗ bác Hòa và chú Ba là bạn học từ nhỏ, đến lớn thì trở thành bạn làm ăn với nhau đến già. Và theo bức thư chú Ba gửi về gia đình theo chuyến hàng cuối cùng thì bác Hòa đã gặp chú Ba chỉ vài hôm trước đó. Hóa ra từ lần gặp đó đến nay bác Hòa không hay biết thêm tin tức về chú Ba. Bác sùng sốt khi nghe Vĩnh Xương nói chú Ba đã mất tích. Và chàng phải tường thuật vắn tắt vì mặt bác càng lúc càng tái, miệng há mỗi lúc một lớn theo mỗi câu chàng nói. Cách đây ít lâu có người quen ở Long Châu gửi về một bức thư nói là

mua được của trẻ con ở chợ một cái túi trong có chữ và viết, cùng một dải thắt lưng có thêu ba chữ Phước Xuân Đường. Dải thắt lưng ấy, thím Ba nhận ra đúng là của thím may và thêu cho chồng. Nhà lập tức cho người đi Châu Đốc thành, tới nơi thì tiệm của chú đóng cửa, trong tiệm chỉ còn một bà người bản xứ, nói năng không mạch lạc, rằng ông chủ sai người này đi tìm người kia rồi sai người nọ đi tìm người này, đi hết, mà không ai về, cuối cùng ông chủ biến mất luôn.

Sau khi ngậm miệng lại, hơi lâu, ông Hòa vẫn không nói gì. Những điều kỳ dị trên đời ông Hòa từng nghe thấy không ít. Hành tung ông bạn Phước Xuân Đường xưa nay luôn ra vẻ bí ẩn, hoặc kỳ dị, ông Hòa không thắc mắc, tuy cũng phải tỏ vẻ quan ngại trước mặt người cháu trai. Nhưng tay nải đựng chữ và viết khiến ông há hốc mồm rồi ngậm miệng luôn. Nếu đúng là tay nải của người đó thì ông có thể nói năng gì? Nói là chính ông đã đưa người đó đến giao cho Tế Xương, rồi Tế Xương biến mất? Chẳng lẽ nói ông không biết gì về người đó? Nhưng ông có thể nói gì chứ? Kể câu chuyện ông lên núi tạ ơn Thần Núi, gặp người đó và người đó theo ông xuống núi? Rằng người đó râu tóc đen nhánh, vóc dáng thanh niên như Vĩnh Xương, đôi mắt sáng có sức thôi miên khiến người khác tin tưởng, quy phục. Rằng ngay từ lúc mới gặp ông đã cảm thấy người đó là Thần, dù người đó không nhận. Rằng khi người đó đi theo ông,

cùng ăn với ông, gánh vác đỡ dẫn ông, một tình cảm thân yêu đã nảy sinh trong lòng ông như tình cha con. Rằng ông đã gọi người đó lại cho ông chủ Phước Xuân Đường ở Châu Đốc, nhưng hình bóng người đó vẫn theo ông về tận Biên Hòa, ngày ngày ngồi một mình ông nghĩ về người đó, đêm đêm trong giấc ngủ ông chiêm bao gặp lại người đó. Không, ông còn chưa kể cho vợ con nghe câu chuyện đó nữa là bất cứ ai.

Ông nghĩ nỗi nhớ thương người con trai vẫn sống khiến ông có một cảm xúc đặc biệt khi nhìn bất cứ chàng trai nào cùng lứa con mình. Nhứt là những chàng trai tuấn tú bộc lộ những phẩm chất mà ông tưởng tượng con mình là như vậy. Ông nhìn Vĩnh Xương, khó khăn kềm lòng không để lộ cảm xúc riêng. Vĩnh Xương bị nhìn lâu đâm bối rối lẫn ngỡ ngàng. Chàng cố ngồi yên giữ lễ, được một lúc thì nghe kiến cắn bụng, khổ nhứt là mùi cơm vừa chín tới thơm không cách gì làm lơ được. May là ông Hòa nhìn mặt chàng cũng hiểu. Ông bảo chàng ăn cơm xong rồi tính tới, chàng đồng ý ngay. Người bưng mâm cơm lên là con gái út của ông Hòa. Không tình ý gì cả, Vĩnh Xương nhìn nàng đúng lúc nàng cũng đưa mắt nhìn chàng. Trong tích tắc của tia chớp nháng qua tim, chàng chưa biết đó là cái gì. Chàng vẫn nghiêm túc ngồi đối diện ông Hòa, không ngã ngửa hay nổ tung hay gì cả. Ở nhà chàng luôn ăn cùng mâm với cha nên cách chàng cư xử ân cần cung kính khiến ông Hòa cảm động.

Bỗng nhiên Vĩnh Xương hỏi: Bác với cháu có bà con không? Ông Hòa nói ngay, có chứ. Vĩnh Xương hơi bị khựng lại, nhưng ông Hòa vớ được đề tài khác hơn vụ mất tích, hào hứng giảng giải: Sơ tổ họ Huỳnh và sơ tổ họ Trần khi đến đất Đồng Nai là hai thanh niên trụi lủi, ban đầu không quen biết nhau, sau trở thành anh em cột chèo, họ Trần cưới người chị, họ Huỳnh cưới người em. Không biết gốc tích hai chị em này, nhưng hồi xưa, xứ này hiếm đàn bà con gái Minh Hương. Lưu dân cưới vợ có khi là người Nam, người Chăm, người Thổ. Đến đời thứ ba, họ Huỳnh buôn bán khá lên, mới nhờ mai mối về Quảng Đông cưới dâu. Ông cố cháu là con trai của nàng dâu này. Ông nội cháu cũng cưới vợ bên Tàu. Họ Trần không may lắm, cũng có làm có ăn, tùy duyên tùy nợ, con cháu cưới gả lòng vòng trong xứ Đồng Nai. Nhứt là con gái, gả chỗ thân cận để tiện bề trông cậy nhau.

Vĩnh Xương vô thức nhìn về tấm màn nơi cô gái đã đi khuất. Ông Hòa lại im lặng nhìn chàng. Đến khi chàng sức ngoảnh mặt lại nhìn ông thì ông từ tốn nói. Nhà bác không có phước con đàn cháu đống, xứ này hết nạn nạn tới nạn kia, họ hàng anh em thất tán hết. Giờ còn mỗi đứa con gái, tuổi cũng còn nhỏ, bác đã hứa gả cho họ Lâm ở gần đây, cùng một bên sông, để việc đi về không lụy dò ghe nguy hiểm. Cháu đừng lo lắng về chú Ba, ông ấy từng lên rừng xuống biển, thỉnh thoảng nổi hứng lại ngao du đó đây. Cháu có biết ông từng một mình chèo một chiếc

tam bản trên sông Cái, từ Châu Đốc ra tận cửa biển, ghé chơi từng cù lao, thăm thú từng phố chợ dọc bờ sông, đóng cửa tiệm mấy tháng trời. Mỗi lần ổng biến mất như vậy, không ai thắc mắc gì cả. Khi nào về lại mở tiệm bình thường. Bán buôn chỉ là cái cớ, chú Ba của cháu tìm kiếm cái gì đó khác hơn tiền bạc, chỉ là bác không đủ sức để hiểu. Thôi, để em nó mắc võng cho cháu nghỉ ngơi trong khi bạn chèo ghe ăn cơm uống nước.

Cô gái quét tỉ mỉ hàng hiên dù trên nền gạch chỉ có mỗi một chiếc lá khô bay lạc vào. Rồi nàng thắt hai đầu võng vào hai cây cột. Rồi nàng cầm một cái quạt kết bằng lá dừa đưa cho Vĩnh Xương. Chàng cầm quạt, nhìn gương mặt nàng hơi cúi xuống. Bỗng nhiên nàng ngược lên nhìn chàng, đôi mắt buồn da diết. Trái tim chàng ngưng đập không biết bao lâu. Nó không vỡ tan được. Nó không tan chảy được. Nó khiến chàng đứng ngây người nhìn cô gái dịu dàng bước đi, nhẹ vén bức màn, rồi khuất sau đó. Chàng còn đủ bản lĩnh nằm xuống võng, tay quạt thông dong, mặt hướng ra bờ sông nơi bóng nắng giỡn hót sóng nước sau hàng tre. Ánh mắt chạm nhau đầu tiên như tia nắng ban mai bừng chiếu. Sao mới quay đi quay lại, ánh mắt chạm lại buồn cắt ruột cắt gan.

Chàng xuống ghe, mấy lần ngoảnh lại đều không thấy bóng dáng nào khác ông Hòa đứng trong bóng mát bụi tre. Hai người chèo ghe không ý tứ gì hết, hô một tiếng rồi đồng nhịp chèo thật mạnh, thật nhanh, chiếc ghe lướt đi

không chút trù trừ lưu luyến. Ông Hòa đợi ghe đưa Vĩnh Xương đi hút tẩm mắt vẫn không quay trở vào nhà. Ông đứng nhìn mông lung sông nước. Ở đây sông sâu nước ngọt mưa gió thuận hòa, tuy chỉ có một ngọn núi nhỏ thấp như đồ kiếng chưng cho có đủ nét phong thủy, cảnh trí vẫn ngoạn mục. Phố xá bên cù lao đã bị chiến tranh tàn phá, nhưng đã dựng lại phần nào. May là giặc chỉ cướp bóc những công trình của con người. Thiên nhiên tuy bị vạ lây nhưng sức phục hồi tốt, cây liễu Đức Ông trồng đã thành cổ thụ, vẫn đứng bên kia sông làm chứng cho những cuộc biến dâu. Mấy chục năm nay tương đối bình yên, riêng ông Hòa làm ăn cũng khá, mua được cuộc đất tốt xây được ngôi nhà gạch chắc chắn giữa vườn cây trái hoa cảnh xum xuê. Thâm tâm ông biết ơn Thần Núi, tin là những gì ông có được là do Thần ban cho, ít nhứt Thần cũng đã che chở ông trong những lần ông trèo đèo lội suối trong vùng Bảy Núi. Biết bao người đã trượt té gãy cổ hay bị cộp vô. Ông không phải kẻ vô ơn. Ông chỉ tự nhủ mình không biết. Người đó đã nói người đó không phải Thần. Ông không biết người đó xuống núi làm gì, đi đâu, vì sao tay nải đựng chữ của người đó lưu lạc tới Đế Ngạn.

Những chữ Hán này đã được mật hóa, phải có mật mã mới giải nghĩa được. Hơn nữa, đây không phải thủ bút của chú Ba. Vĩnh Xương trải một trong những thếp giấy ra bàn ngắm nét chữ mềm mại uyển chuyển. Ngay từ đầu, sau khi xem xét tay nải và vật dụng trong đó, ông Ứng Xương đã hồ nghi những vật ấy không liên quan đến người em trai mà ông biết rõ là không hề có sở thích sưu tầm thủ bút. Ông nhận ra phần lớn ký tự Hán, nhưng lắp ráp chúng lại ông không thông nghĩa lắm. Ông không muốn hại não bằng việc tìm mật mã giải chúng. Ông tự biết mình có muốn cũng không thể làm được, nên nhanh chóng gạt chúng qua một bên. Vấn đề chính là em trai ông có được bình an không. Ông đã nhờ người của các võ đường và đoàn hội đi tìm. Họ đã cam đoan là cái gì mà họ không tìm được thì không ai khác có thể tìm được. Ông đã bảo người nhà, nhất là em dâu và các cháu, kiên nhẫn mà chờ, có thể cầu trời khẩn Phật trong lúc chờ đợi nếu muốn. Vĩnh Xương không quá sốt ruột về chú Ba, nhưng những thếp giấy đầy chữ này khiến chàng tò mò, thỉnh thoảng lại lấy ra xem.

Bỗng nhiên trí óc chàng lóe sáng. Chàng đọc không thông vì cứ đinh ninh đọc chữ Hán, nhưng chữ này có thể không phải là chữ Hán, mà là chữ Nam. Chàng cũng như cha chàng chỉ học chữ Hán và kinh sách Khổng Mạnh. Mọi học trò đất Gia Định đều học chữ Hán, vì đi thi bằng chữ Hán và tất cả văn bản chính thức đều bằng chữ Hán. Nhưng chàng biết là người Nam còn có tiếng Nam. Chàng có thể trò chuyện thông thường với những người quen biết hay họ hàng nói tiếng Nam, nhưng chàng không quan tâm về chữ viết. Vĩnh Xương kéo rèm cửa sổ để có thêm ánh sáng rọi vào trang giấy trên bàn. Chàng nghe trong lòng rạo rực như vừa uống rượu. Đây là lần đầu tiên chàng tận mắt nhìn một văn bản chữ Nam, và chàng ngắm soi một cách thích thú, hài lòng với trí thông minh của mình. Nhưng chàng vẫn không đọc hiểu được.

Cũng không đến nỗi nan giải. Trong vòng quen biết của Phước Xuân Đường, thậm chí của riêng Vĩnh Xương, ắt có người biết đọc chữ Nam. Nhưng một văn tự, mình chưa biết nguồn gốc và nội dung, lại liên quan đến sự an nguy của chú Ba, không thể đưa bất cứ ai xem. Một xấp giấy có chữ có thể là một vũ khí nguy hiểm hại cả

ba họ của một người. Suy tới nghĩ lui, Vĩnh Xương lấy giấy bút ra, cố ý chép lại một cách cầu thả một đoạn ngẫu nhiên ở khúc giữa bản văn, cất kỹ bản chính, bỏ túi bản sao. Chàng nghĩ đến một người quen ở Cù lao Phố có đủ hai điều: đủ giỏi để đọc đoạn văn chàng vừa chép, và đủ đức độ để không phản phé hay dối gạt về nội dung cùng những điều liên quan đến nội dung đoạn văn đó. Chỉ đưa cho người ta một đoạn văn nói là ngẫu nhiên gặp ở đâu đó có thể giảm thiểu nguy hiểm nếu nội dung có vấn đề. Vĩnh Xương nghĩ vậy. Chàng chuẩn bị đi Biên Hòa một chuyến nữa.

Ông Ứng Xương thậm chí không hỏi con trai tại sao trong ba ngày lại đi Biên Hòa hai lần. Ông nói ăn cơm xong cha sẽ đưa con ra tàu đi Hạ Châu. Im, để cha nói. Chuyến đi này cha đã chuẩn bị cho con nhiều tháng nay, con cũng đã biết và háo hức chờ đợi. Lúc này tàu ngoại quốc ra vào Gia Định khó khăn hơn trước, sau này không biết ra sao. Bây giờ trong thành Phiên An đang rối. Mà kinh nghiệm máu xương của dòng họ ta ở Cù lao Phố không thể quên. Mình là lưu dân, người Thổ nổi dậy chống người Nam mình bị kẹt, người Nam đánh với người Xiêm mình cũng khổ, hai ông Nguyễn đánh nhau cũng chết mình. Ông Lớn vừa mất, bọn kinh địch Ông nổi lên, con là bạn bè với con nuôi của Ông, tốt nhất nên tránh đi. Mẹ con chuẩn bị hành lý xong rồi. Chỉ cần mang ít tiền dẫn túi đi trên tàu. Tới Penang có chú Thế Đức đón,

mọi việc ăn ở tiêu xài chú sẽ lo. Con muốn làm gì tùy ý. Muốn phụ việc để học hỏi chú cũng tốt. Chú Thế Đức chung đầu ông nội với cha, lập nghiệp ở vùng Hạ Châu đã lâu, cũng bằng nghề gia truyền là buôn bán dược liệu và các thứ lâm hải sản khác, tàu hàng của chú qua lại Quảng Châu và Hạ Châu mỗi tháng đều có, con sẽ nhận được tin nhà thường xuyên, khi nào yên thì về.

Vĩnh Xương nhai không nổi nữa, cơm trong miệng như sạn cát, không sao nuốt xuống được. Cảm xúc của chàng lúc này hoàn toàn khác chuyến đi Quảng Châu năm trước. Không chút háo hức pha trộn lo sợ, hay vừa bịn rịn người thân vừa muốn bay nhảy thật xa. Chỉ cảm thấy đi như vậy có gì đó không phải. Chú Ba vẫn chưa biết đang ở đâu, bạn chàng đang lúc tang cha mà chàng không kịp gặp để nói lời chia buồn, chàng chưa kịp về Biên Hòa... Và cha mẹ em út trong nhà, tuy mọi người tỏ ra bình tĩnh nhưng chàng cảm thấy bất an. Nếu thành Phiên An có biến như cha lo xa, liệu gia đình chàng có được yên. Liệu chàng nên ở lại để cùng gia đình vượt qua các biến cố, hay chàng lánh đi, để trong trường hợp xấu nhất dòng họ vẫn còn người nối dõi? Chàng không dám nhìn mẹ và các em, sợ mình không thể tự chủ. Chàng nhìn cha. Mái tóc ông đã hoa râm, trên ông còn mẹ và bà nội, dưới còn vợ con, em dâu và các cháu, lại còn mấy chục người mà cuộc sống của họ và gia đình đều dựa vào Phước Xuân Đường. Chàng chỉ muốn lao tới ôm ghì cha như thuở lên năm lên

ba, nhưng cố nhịn, kềm nước mắt. Yêu mấy kính mấy chi bằng vâng lời. Mẹ đã dạy vậy từ tấm bé. Chàng cố hít thở sâu, đè nén cảm xúc, vô thức cầm tay nải chàng định đeo đi Biên Hòa quàng qua vai mình rồi bước theo cha.

Ông Ứng Xương mang theo mười hai tay chèo đều là người của võ đường Long Hà. Họ ngồi chật ghe, mà ghe cũng không lướt nhanh hơn ghe sáu tay chèo. Ông cũng mang theo một túi bạc, hy vọng chỉ phải dùng đến bạc chứ không cần đến các võ sĩ. Qua Bến Nghé đến Nhà Bè bóng chiều đã tím thẫm, ghe bẻ lái hướng ra sông Soài Rạp. Vĩnh Xương ngoảnh đầu nhìn mãi phía sông Đồng Nai, cầu trời tối nhanh để cha không nhìn thấy nét mặt mình. Gió đêm lồng lộng, không thấy ngọn sóng, mà chiếc ghe chồm lên hụp xuống như múa cù, chắc là thuyền đã ra cửa biển. Không có trăng sao, mây trái kín trời, chỉ trông vào một ánh sáng duy nhất hun hút trong tối đen mà chèo tới. Khi Vĩnh Xương lên tàu lớn đậu ngoài khơi, mưa lất phất tạt qua mặt chàng. Dù cố giương mắt nhìn thật lâu vào mặt biển đêm chàng cũng không thấy chút bóng dáng, dù mờ mờ, của chiếc ghe quay về cửa sông Soài Rạp. Ngay từ giây phút đó chàng đã bắt đầu hối hận. Lúc trên ghe ông Ứng Xương không lập lại những điều đã dặn dò con, cũng không nói thêm điều gì quan trọng khi gió có thể thổi âm thanh bay xa hơn tai người đáng nghe. Ông cũng bận canh chừng ghe thuyền khác để ứng phó, nhứt là khi gặp ghe quan binh. Chỉ đôi lần ông hỏi con

có lạnh không, có chóng mặt không. Suốt thời gian ngồi cạnh cha, Vĩnh Xương chỉ mãi ngoảnh nhìn đâu đâu, hoặc ngóc đầu tìm trăng sao, hay vểnh tai nghe gió thổi, có khi không nghe rõ cha nói gì và cũng không nói gì với cha. Nhưng chàng có điều gì muốn nói với cha?

Trách nhiệm gia trưởng khiến ông Ứng Xương đầu tư hầu hết tâm trí thì giờ của cải lẫn hứng thú vào những hiểu biết và quan hệ ở địa phương nơi đại gia đình ông sinh sống. Ông rành rọt mọi góc ngách Để Ngạn, nơi ông sinh trưởng, từ thuở chúng là những con đường mòn dưới bàn chân trẻ con đến khi trở thành quan lộ lát đá chắc chắn rộng rãi thẳng băng, hai bên nhà cửa tiệm phố chùa đình miếu tự khang trang đẹp đẽ xây từ vật liệu chở từ Đồng Nai xuống hay từ Quảng Đông sang. Ông biết tất cả chủ nhân hay người quản trị những cơ sở thương mại, tôn giáo, văn hóa, giáo dục của người Minh Hương ở Để Ngạn và gần như tất cả quan chức lớn nhỏ người Nam trong thành Phiên An. Ông cũng có quan hệ với nhiều thương gia và tàu buôn Quảng Châu - Hạ Châu, nhưng hai mươi năm nay ông chỉ ở tại Để Ngạn. Trong thư mới đây nhất, người em họ ông viết là người Hồng Mao đã xây dựng một cảng mới là Tân Gia Ba và phát triển nó thành trung tâm thương mại lớn nhất vùng biển Hạ Châu, nên em ông tính chuyện dời Huỳnh Ký ở Penang về Tân Gia Ba. Ông có ý chờ thư tiếp theo của em họ để biết chính xác địa chỉ trước khi cho con đi xa. Thư chưa

đến thì tình thế đã buộc Vĩnh Xương lên đường. Nhưng giao kèo với người đưa đường Tô Tài là đưa Vĩnh Xương đến gặp đúng người tên Thế Đức chủ hiệu Huỳnh Ký, bất kể địa điểm là đâu.

Khi tàu cập cảng Tân Gia Ba, ông Tô Tài đưa Vĩnh Xương đến một lữ quán để tạm trú trong thời gian ông đi dò tìm tiệm Huỳnh Ký. Ở ngay cửa lữ quán, Vĩnh Xương chú ý một thanh niên đầu vấn khăn đen theo kiểu người Nam đang chia tay một người Hồng Mao. Đợi người Hồng Mao đi rồi, Vĩnh Xương đi tới chào làm quen người trẻ tuổi vấn khăn đen. Đúng là người Nam, tên Tịnh. Cả hai đều vui mừng cái sự bất ngờ đất khách gặp người đồng hương, Tịnh cũng là người Gia Định. Tịnh vừa từ Penang đến Tân Gia Ba chờ tàu trở lại quê nhà, hiện giờ cũng đang trọ trong lữ quán này. Hỏi tuổi hai người cũng cùng lứa, hỏi gia cảnh thì có phần khác nhau. Thuở nhỏ Tịnh cũng được học chữ Hán. Nhưng sau khi cha đi đánh cá trên sông Soài Rạp bị Hà Bá bắt, mẹ phải để Tịnh đi ở cho ông Kinh. Thỉnh thoảng ông Kinh sai Tịnh chèo đò đưa ông đi thăm bạn. Trong khi ông Kinh thăm bạn, Tịnh ngồi lại trong đò ê a đọc thiên tự kinh cho khỏi quên. Bạn ông Kinh thấy vậy giúp đỡ Tịnh đi học với thầy Minh. Thầy Minh dạy Tịnh chữ Hán lẫn chữ Nôm. Thấy Tịnh ham học nên thầy Minh nhờ thầy Cừ trong nhà thờ Chợ Quán giảng giải những thắc mắc của Tịnh, nhân đó thầy Cừ dạy Tịnh chữ Latinh. Khi thấy Cừ dốt học trò đi Penang du

học, thầy dắt Tịnh đi luôn. Tịnh đã học ở Penang ba năm, nay nghe tin mẹ bệnh nặng nên xin về nhà.

Vĩnh Xương cũng kể gia cảnh của mình, tới chỗ chú Ba biến mất thì sực nhớ ra mấy chữ mình chép lại từ xấp giấy trong tay nài liên quan đến chú Ba. Chàng lấy mảnh giấy đưa Tịnh xem, nói là mình lượm đâu đó, tưởng chữ Hán mà không phải chữ Hán. Tịnh nói ngay đây là chữ Nôm, vì nét chữ cầu thả nên Tịnh phải chăm chú đọc chậm rãi từng chữ: *Trời thăm thăm mưa gào gió thét, khí âm huyền mờ mịt trước sau, ngàn mây nội cỏ rầu rầu, nào đâu diêu tể, nào đâu chưng thường?* Chữ nối chữ như một luồng nước lạnh chạy dọc xương sống Vĩnh Xương khiến chàng rùng mình. Một nỗi buồn quen thuộc chợt dâng ngập hồn chàng. Hàng năm đi tảo mộ ở Biên Hòa, chàng thường đi vơ vẩn trong nghĩa trang, có những ngôi mộ mà con cháu đã bị diệt tuyệt trong những cuộc xung đột chính trị, không còn ai sửa sang, cỏ hoang cây dại phủ kín. *Ngàn mây nội cỏ rầu rầu, nào đâu diêu tể, nào đâu chưng thường?* Thấp cho những tiền nhân không quen biết một vài nén hương, chàng khấn người quá cố phù hộ cho mảnh đất họ gởi thối xương được an lạc, dù hồn họ còn phảng phất xứ này hay đã tiêu dao xứ khác. Những câu thơ này hẳn của người nào đó từng trải qua cảm xúc như chàng trong hoàn cảnh tương tự. Chàng lấy lại tờ giấy mà lúc nãy chàng nói lượm đâu đó, nhưng bây giờ là những câu thơ dường như được làm ra để nói lên tâm tình riêng của chàng.

Tĩnh dè dặt xin phép Vĩnh Xương cho chép lại mấy câu thơ cả hai không rõ xuất xứ đó để lưu vào bộ sưu tầm thơ, ca, tục ngữ, truyện kể bằng chữ Nôm. Ồ, đó chỉ là một việc chàng làm khi rảnh rỗi nhớ nhà, và cũng để học thêm. Tĩnh mở chiếc rương đan bằng mây lấy ra một tập giấy và một cây đũa có một đầu nhọn, lật trang giấy từ phải sang trái đến một trang chưa có chữ, đặt đầu nhọn của cây đũa xuống mặt giấy và viết, không cần chấm mực. Điều này chưa khiến Vĩnh Xương ngạc nhiên lắm. Chàng chỉ sững sốt khi thấy những “chữ” Tĩnh viết ra ngoằn ngoèo như cọng mì chạy từ trái sang phải. Không giống chữ Nôm gì cả. Tĩnh ngược lên thấy vẻ mặt của Vĩnh Xương bật cười đắc ý: Không phải chữ Nôm nhưng vẫn là tiếng Nam ta. Chữ Nôm dùng chữ Hán ghép lại, chữ tôi đang viết là dùng chữ Latinh ghép lại. Như cách này thì dễ học lắm, chỉ học hai mươi mấy chữ cái là có thể ghép chúng lại mà viết thành bất kỳ tiếng Nam nào, chứ không cần phải học nhuễn mấy ngàn chữ Hán mới viết được chữ Nôm. Rồi Tĩnh viết tất cả những chữ cái Latinh ra giấy, chỉ cách ráp chữ và đánh vần. Đến khi trời tối mệt hai người mới cất giấy bút đi ăn cơm, nhưng câu chuyện vẫn không ngừng.

Vĩnh Xương không thể dừng thốt thành lời sự thán phục người bạn cùng trang lứa mới quen. Làm sao anh nghĩ ra cách viết này? Không, không, không phải tôi nghĩ ra. Cách viết này đã có cả trăm năm, không chừng lâu

hơn, do các thầy giảng người I Pha Nho và Bồ Đào Nha bày ra và nhiều thầy giảng khác làm theo. Hồi tôi còn ở học ở Chợ Quán, thầy Cừ hay dắt tôi đến phụ việc cho thầy Từ ở Lái Thiêu. Thầy ấy đang biên soạn một cuốn tự điển, cần tôi giúp đọc rành rẽ một số chữ Nôm để thầy chép cho đúng. Nhờ được xem thấy làm việc, tôi cũng học được ít nhiều mà bắt chước. Tuy thầy không sai tôi làm, nhưng thầy có nói người Nam kể chuyện, hát hò rất hay, tiếc là chữ Nôm khó quá, không mấy người viết lại cho nhớ; người nào học được cách viết bằng chữ Latinh nên ghi chép lại rồi dạy cho người khác cùng biết. Tôi nghe vậy tự mình lãnh việc cho mình, dỏng tai nghe được thơ ca tục ngữ gì hay đều chép lại để đó. Ở trường học tôi đọc được những quyển sách ghi chép nhiều thứ chuyện, bằng nhiều thứ chữ, chữ Anh Cát Lợi, chữ I Pha Nho, chữ Pháp Lang Sa, có cả chữ Hán. Chữ nào tôi cũng ráng học rồi tìm cách dịch ra tiếng Nam, để khi về xứ mình có thể chỉ vẽ cho người mình cùng biết.

Hai người trò chuyện thâu đêm trong lữ quán nơi đất lạ. Những lời Tịnh dùng, xứ mình người mình, khiến Vĩnh Xương thấy gần gũi thân mến như đang gối đầu tâm sự với người bạn thân, không cảm thấy cô đơn. Nhưng khi nói tới dự tính tương lai, Tịnh sẽ về lại xứ mình, Vĩnh Xương bỗng đối diện với câu hỏi lớn: Chàng sẽ làm gì ở xứ người? Phải chi chàng cũng đang trên đường trở về. Nhưng sáng sớm, khi chàng mới chợ mắt một chút thì

ông Thế Đức đã đến. Chàng không tiện đánh thức bạn còn đang say giấc nên chỉ viết mấy chữ để lại rồi đi theo chú. Chàng cũng cần đến nơi ổn định để viết thư cho gia đình báo tin rằng chàng đã đến nơi bình an. Hy vọng kịp gửi thư theo chuyến tàu đưa Tịnh về Gia Định. Hóa ra tiệm của chú Đức không xa lắm, nhưng chưa kịp trưng bày Huỳnh Ký nên người dẫn đường dò hỏi tìm kiếm đến tối mới biết. Tân Gia Ba là cảng mới lập, nhóm thương gia Triều Châu, Phúc Kiến không đông lắm, nhưng cũng chưa biết nhau hết, người mới đến hễ còn vô danh, dù Huỳnh Ký ở Penang đã có tiếng.

Chàng viết: Kính gửi phụ thân. Chợt hiện ra hình ảnh cha chàng ngồi trên ghe, dường như co ro trong gió, hỏi chàng con có lạnh không, khiến cảm xúc trào lên không kiểm soát được. Chàng dừng bút giữa không trung, tự hỏi sao mình có thể vô tình vậy. Chàng trẻ khỏe, đơn giản lắc đầu, thậm chí tận hưởng gió biển đêm mát rượi. Đến giờ mới nghĩ ra lúc đó hẳn cha bị lạnh. Nghĩa là cha đã già yếu. Ghe quay trở về sông lại gặp thêm nhiều sóng gió và những kẻ có chức quyền hoành hợ nọ kia. Ấy là may nếu không gặp bọn ăn cướp giả vờ ngư dân. Cầu cho chúng thấy đồng tay chèo không dám manh động. Chàng muốn viết: Con đã đến nơi, cha trở về nhà có bình an? Nhưng cảm thấy câu hỏi quá công thức. Chàng biết mình muốn viết những lời thăm hỏi bà cố, bà nội, mẹ, thím Ba và các em các cháu. Nhưng tất cả những điều bình thường

chân thành đó không đủ sức kéo ngọn bút lông của chàng xuống thêm một phân để chạm vào mặt giấy. Chàng là người con trai trưởng được yêu thương và ưu tiên mọi thứ, là kỳ vọng của mọi người trong gia đình. Cha là tấm gương để chàng nhìn thấy trách nhiệm của chàng trong tương lai, nhưng chàng dường như chưa đủ trưởng thành, hay không có can đảm, để nhập thân hình ảnh người cha luôn nhẫn nại toan tính và bao bọc ấy. Chàng gác bút trên nghiên mực, bỏ ghế lại giường nằm lăn ra khóc một lúc rồi ngủ thiếp đi.

Ba năm, người kêu dài, người nói ngắn, Tịnh chỉ thấy theo thời gian cái rương mây đầy dẫn những tờ giấy đã được ghi chép kín chữ. Cái rương chữ đó là tài sản vô giá và duy nhất anh mang theo trên đường về nhà. Khi chuyển hành lý sang ghe để vào sông, anh hết sức cẩn thận, để cái rương mây không bị ướt. Trong rương có cả bức thư anh hứa với Vĩnh Xương sẽ đưa tận tay cha chàng. Ghe vào cửa sông Cần Giờ thì đột ngột trống đánh vang rân, đèn đuốc phụt cháy hừng hực, năm bảy chiếc ghe hiện chung quanh áp sát ghe của Tịnh, tiếng quát tháo inh ỏi. Những người chèo chiếc ghe đón khách trên tàu Hạ Châu - Quảng Châu chỉ hét được một tiếng Cướp rồi nhào ngay xuống sông. Hành khách cũng theo nhau nhảy xuống nước. Còn lại ba hành khách vẫn ngồi giữa mớ hành lý những người khác bỏ lại trên chiếc ghe chòng chành không người lái. Đó là hai thầy giảng ngoại quốc không rành tiếng Nam cũng không hiểu tình thế hiểm nghèo như thế nào. Và Tịnh, vì anh không muốn ôm cái rương nhảy xuống nước. Căn bản là cả ba không thấy họ có gì sai quấy. Và cả ba có chung một niềm tin là mọi việc xin theo ý Chúa.

Đao kiếm vung lên trước mặt trên đầu hai thầy giảng, đuốc cháy phừng phừng dí sát vào mặt họ, mùi râu tóc cháy khét, nhưng mọi thứ dừng lại khi người xông đến trước nhút la lên giọng kinh hoàng: Quỷ! Tiếp theo nhiều tiếng la hét chen nhau chan chát như bằm thịt. Quỷ Tây Dương! Quỷ tà đạo! Giết bọn tà đạo! Giết bọn Tây tà! Quỷ Tây mắt đỏ, giết đi! Giết chúng! Giết! Nhưng mặc dù những tiếng hò hét nghe rợn tóc gáy, không ai động thủ. Bọn cướp chững lại, có vẻ người này chờ người kia ra tay trước. Hai thầy giảng ngồi như tượng gỗ lắc lư theo chiếc ghe, miệng lầm rầm những âm thanh khó nghe trong cảnh náo loạn. Bỗng đứng một người hét lên một tiếng nghe rất đau đớn và ngã ngửa ra té luôn xuống sông. Bọn quỷ Tây có phép! Chúng đang đọc thần chú! Giết chúng mau! Giết đi! Cả bọn cướp kinh khiếp nháo nhào. Vẫn không một người nào hạ thủ. Cả bọn mất vía khi nhìn hai thầy giảng mặt đỏ lừ, hốc mắt sâu đỏ rực ánh đuốc, râu tóc cũng đỏ hoe. Hai thầy mặc áo chùng thâm, tay áo rộng lất phất trong gió, ngồi lắc lư, lầm rầm đọc kinh. Khi hai thầy đưa tay lên trán lên ngực lên vai làm dấu thánh, bọn cướp hoảng sợ giật lùi, đứa đứng sau bị mất đà quơ tay níu đứa trước nên té cả chùm. Đứa dưới nước bám đứa trên ghe nên chiếc ghe chòng chành dữ dội, nước tràn vô ào ào.

Tịnh ôm chặt cái rương mây ngồi thu lu trong bóng tối khi mọi sự chú ý đều dồn vào hai người ngoại quốc mà có lẽ cả bọn cướp mới tận mắt thấy lần đầu tiên.

Tiếng chúng hò hét cổ vũ giết chóc khiến Tịnh sợ sớn cả ra quần, nhưng nhứt quyết không nhảy xuống sông. Thà anh chết với tất cả những chữ nghĩa anh đã góp nhặt ba năm trời chịu đựng nỗi buồn ly hương xa nhà sống lủi thủi ở xứ người. Tịnh đã đặt tất cả niềm tin và hy vọng vào cái rương chữ này, dùng nó để trấn áp cảm xúc khi buồn lo về mẹ và anh chị em ở quê nhà, dùng nó để biện hộ cho trách nhiệm không hoàn thành đối với gia đình, rằng mình đang làm một việc không chỉ giúp ích cho gia đình về sau, mà còn giúp ích cho mọi người ở xứ mình được mở mang trí tuệ, biết người biết ta, khỏi bị chúng lừa gạt hiếp đáp sau này. Nhìn đám người vừa hung hăng dữ tợn vừa u mê khiếp sợ khi đối diện hai người ngoại quốc, Tịnh càng tin cái rương chữ của mình quan trọng hơn cả mạng sống của mình. Khi nước tràn vào ghe và ghe bị nhấn chìm, một phần cũng do bọn cướp cố sức, Tịnh vẫn ôm khư khư cái rương mây. Bị chìm xuống nước lạnh, bản năng sinh tồn khiến Tịnh bưng tỉnh, hai tay vẫn giữ chặt cái rương, nhưng hai chân quẫy đạp lia lịa. Cái rương mây kể cũng xứng đáng với tấm lòng ưu ái của Tịnh, lúc nguy cấp đã trở thành cái phao cứu mạng.

Thấy cố Từ lo lắng hỏi về hai thầy giảng họ, nhưng Tịnh không biết họ sống chết ra sao. Lòng anh đang rối bời, tang mẹ còn quần trên đầu, giấy trong cái rương tờ nào không rõ mực thì cũng nhòe nhoẹt chữ, hầu như vô phương cứu vãn. Nhưng cố Từ không tỏ vẻ quan tâm đến

chữ nghĩa trong cái rương bằng sự mất tích của hai thầy giảng. Cố bỏ cả bữa ăn đi gặp mấy thầy giảng khác bàn tính, khi nhỏ khi to. Tịnh cũng thương hai thầy giảng nọ, nhưng sức lực Tịnh đang cạn kiệt sau chuyến băng sông, lội rừng mấy ngày đêm về đến nhà, lại chỉ thấy bàn thờ mẹ đã nguội nhang đèn. Bà đã hối hận đến phút cuối đời là đã bắt Tịnh nghỉ học chữ thánh hiền đi ở đợ, rồi sẩy tay để Tịnh đi theo mấy thầy giảng không biết lối về. Anh chị em kể lại, trước khi nhắm mắt, mẹ trăng trối là Tịnh có về thì lo cưới vợ sanh con giữ giềng mối gia đình, đừng theo Tây nữa.

Đang sắp xếp lại các tờ giấy, Tịnh nghe tiếng hò reo xa xa gọi liên tưởng ngay đến đêm kinh hoàng trên sông Soài Rạp. Mặc cho trái tim gia tốc đánh thành thạch trong lồng ngực, Tịnh nhủ đừng sợ, mình chỉ bị ám ảnh, đây là phòng làm việc của thầy cố Từ, đại diện Tông tòa Đàng Trong, trong khuôn viên Tòa Giám mục Lái Thiêu, không thể xảy ra cướp giết hay chuyện gớm ghiếc. Sự thanh bình, yên ả, và tươi sáng của hoa kiểng chung quanh đã góp phần làm dịu nỗi đau trong lòng Tịnh. Anh vẫn tiếc chữ nghĩa trong cái rương mây nên ngày ngày Tịnh vẫn giờ những tờ giấy lem nhem cố suy đoán đây là tờ thứ mấy, nội dung gì. Dù sao cũng là chữ mình viết, chỉ cần sót lại vài từ là anh có thể nhớ được cả câu, và vài câu có thể giúp Tịnh phục hồi cả trang. Nhưng Tịnh chỉ có thể cố gắng phục hồi những trang viết của mình vào

ban đêm, khi cố Từ đã ngủ. Cố đã dạy Tịnh quên đi cái rương chữ của anh, để dồn công sức phụ cố làm nốt công việc đeo đuổi nhiều năm nay là soạn cuốn tự vị tiếng Nam - tiếng Latinh. Tịnh nghe lời cố rằng cuốn tự vị này nếu được biên soạn kỹ sẽ giúp các thầy giảng truyền đạo tốt hơn, giúp người Nam mau tiến kịp sự phát triển của phương Tây.

Tiếng ồn càng lúc càng gần, nghe nhốn nháo như buổi chợ đông. Tịnh nhìn ra ngoài cửa sổ không thấy gì ngoài màn đêm mờ mịt. Anh không biết chuyện gì và cũng không biết có nên đánh thức cố Từ. Với kinh nghiệm vừa qua, Tịnh nhanh chóng và cẩn thận cất hết các tờ giấy đã biên đầy đủ và có đánh số thứ tự vào trong cái hộp bọc da, có nắp và khóa. Tịnh khóa hộp xong xuôi, vẫn không dám rời cái hộp, không dám đi ngủ, cứ ôm nó ngồi im lắng nghe. Một lúc sau tiếng ồn ào xa dần. Tịnh ngáp dài thì thấy cố Từ bước vào phòng, theo sau là các thầy phụ việc. Các thầy cũng đã bị đánh thức bởi sự ồn ào bất thường nửa đêm. Trông mặt thầy nào cũng lo âu ngay cả trong lúc cùng nhau đọc kinh. Rồi các thầy nói chuyện giọng rù rì nghe cũng không khác đọc kinh.

Sau khi quan Tổng trấn thành Gia Định qua đời, vua Nguyễn chia đất Gia Định thành sáu tỉnh, sai quan ngoài Huế vào cai trị, việc bắt đạo ngày càng xấu, dân theo đạo khổ lắm. Trước đây nhờ có quan tổng trấn, các thầy giảng ở đây không bị bắt bớ cấm cản như ở ngoài ngũ

Quảng. Nhưng bây giờ các thầy phải hết sức cẩn thận. Nội hôm nay và ngày mai xin cố Từ bảo các thầy chớ có đi đâu ra khỏi giáo phận của mình. Trong thành Phiên An đang có biến.

Cố Từ, có Tịnh phụ việc, làm việc suốt ngày hôm sau, một ngày nắng đẹp nhảy múa trên hoa lá ngoài cửa sổ và chim hót líu lo. Bỗng nhiên cố Từ hỏi Tịnh việc phục hồi cái rương chữ của anh tới đâu. Tịnh sợ thấy rầy nên nói anh sẽ không cố gắng nữa vì việc ấy vô vọng. Cố Từ đi tới cửa sổ đứng nhìn ra ngoài rất lâu rồi trở lại bàn lấy ra một quyển sách bọc da cẩn thận đưa Tịnh. Đó là cuốn tự vị chép tay của Bá Đa Lộc. Cố Từ bảo trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giữ cho được cuốn sách này. Việc thầy trò ta đang làm là dựa trên sách đó, nếu việc của ta có bị hư hỏng mất mát thì ta làm lại sửa lại, hoặc có người khác làm hay hơn. Nhưng thầy Bá Đa Lộc không còn, quyển sách này không có gì thay thế được.

Tịnh đâm ra mất ngủ. Nhiều đêm sau, cứ chợp mắt là Tịnh thấy các tờ giấy lem nhem chữ trôi tứ tán trong mưa bão lũ lụt trong khi Tịnh lặn ngụp vớt từng tờ. Mà vớt được tờ nào là tờ đó tan nhũn trong tay. Thân hình Tịnh rạc đi, mặt mày hốc hác. Thấy cố Từ cũng không tươi tắn gì hơn. Những gì đang xảy ra khiến thầy phiền muộn. Một số thầy giảng và giáo dân đã ủng hộ cuộc nổi dậy của ông Khôi chiếm thành Phiên An, giết viên bố chính. Đến giờ thì đâu đâu cũng loạn lạc.

Một buổi sáng, Tịnh bị đánh thức giữa một chuỗi ác mộng khiến anh đổ mồ hôi đầm đìa. Thấy cố Từ bảo Tịnh gói kỹ công trình của hai thầy trò và di sản của Bá Đa Lộc, đem theo thầy. Không kịp giả từ ai, không kịp làm gì cả, Tịnh đẩy cái rương mây rã rời xuống gầm giường, ôm sách của thầy lên thuyền, đầu óc còn mụ mị, tưởng mình vẫn đang trong cơn ác mộng.

Ra đến sông Đồng Nai, Tịnh nhớ tới bạn. Bức thư Vĩnh Xương gửi cha nhem nhuốc đã đành, lẽ ra Tịnh vẫn phải cầm tới nhà và thuật lại câu chuyện để gia đình Vĩnh Xương biết chàng đã tới nơi bình an khỏe mạnh. Nhưng vì Tịnh phải chịu tang mẹ rồi tiếp đến công việc ở Lái Thiêu và loạn lạc kéo dài do cuộc nổi loạn ở thành Phiên An, Tịnh chưa có dịp. Cuối cùng đến bây giờ Tịnh phải đột ngột ra đi, bỏ lại tất cả. Trên sóng nước lên đênh, Tịnh ray rút nghĩ tới lời mẹ trăng trối: Về nhà cưới vợ đẻ con, đừng theo Tây.

Ông Ứng Xương an ủi bà nội, mẹ, vợ và những người khác trong gia đình là Vĩnh Xương bình an, không có gì phải lo lắng. Hẳn nhiên Vĩnh Xương đã đến nơi và gặp chú Thế Đức, còn vì sao không có thư chàng thì ông giải thích là tàu ngoại quốc đã bị cấm vào, mà ghe thuyền lớn nhỏ gì ra vào cửa biển nếu không bị quan bắt thì cũng bị cướp chặn, nên việc liên lạc khó khăn, hơi bị chậm. Nhưng sớm muộn cả nhà cũng sẽ nhận được thư và quà của Vĩnh Xương. Việc trước mắt là mọi người ở yên trong nhà, ngoài đường lộn xộn lắm. Ông cho gia cố cửa nẻo, mượn thêm người bên võ đường. Đâm ra Phước Xuân Đường vắng người mà hóa ra đông người, lại cần thêm người nấu nướng dọn dẹp, lúc nào cũng chộn rộn, khiến ông Ứng Xương càng lo nghĩ càng rối trí. Em trai ông vẫn bật vô âm tín, ông phải cằng đáng luôn việc chăm nom gia đình chú ấy, trong lòng vừa lo vừa đổ kị. Thuở trẻ, ông không từng có những giấc mộng bay nhảy sao? Tại sao ông không thể đơn giản nổi cơn thịnh nộ xung thiên, quăng phá đập đổ hết để thành thang đường xa xứ lạ ngao du?

Trong lòng không hẳn là ông không lo lắng về Vĩnh Xương. Những điều ông nói với gia đình đều là những

gì ông tin. Nhưng chuyện gì cũng có thể xảy ra. Những gì ông không nói, cả nhà cũng không ai dám hỏi, cũng không ai để lộ mối nghi ngờ gì, mỗi người âm thầm tìm đến sức mạnh siêu nhiên để đối phó với nỗi sợ của mình. Ngày ngày mẹ ông cùng bà nội soạn mâm bánh trái nhang đèn đem qua chùa Bà cúng. Chùa không xa nhà nên ông Ứng Xương không cản, cũng không thể cản. Bà nội là con gái một người đánh cá ở thôn Hạ đã mất tích ngoài biển. Năm mười ba tuổi, bà được gả qua An Nam, nhưng bà sợ biển không chịu đi bằng tàu, phải đi đường bộ. Có lẽ cũng có lúc ngồi kiệu hay đi xe đi ngựa, nhưng phần lớn hành trình bà đi bộ. Mấy tháng trời bà đi bộ nhiều đến nỗi khi bước chân vào nhà chồng, hai bàn chân bà chai cứng nứt nẻ đen đúa bụi đường, khiến chú rể không chịu nằm chung giường. Ông nội là lãng tử, thích ngao du ngâm vịnh vùng Hà Tiên, yêu con gái Nam, dan díu con gái Thổ, đến khi ông quay về Đế Ngạn thì thấy trong nhà mình có một phụ nữ khôn khéo quán xuyến mọi chuyện. Bà nội sanh cha của Ứng Xương năm hai mươi tuổi. Con trai vừa mười sáu tuổi bà cho người về thôn Hạ cưới một nàng dâu là con gái của người bạn thanh mai trúc mã của bà. Nàng dâu mới nhà họ Huỳnh không phải trải qua nỗi cô độc nơi xứ người, đã có mẹ chồng là nơi nương tựa. Ứng Xương vừa trưởng thành, bà nội và mẹ đã sắp đặt xong chuyện hôn nhân, và một người con gái nữa của thôn Hạ lại vượt trùng dương đi lấy chồng. Ba người đàn

bà này chỉ sống trong ngôi nhà của họ Huỳnh, không tiếp xúc người địa phương, không quan tâm chuyện xảy ra bên ngoài.

Ông Ứng Xương cũng như cha, hoàn toàn chịu ảnh hưởng giáo dục của bà nội và mẹ. Tuổi dậy thì ông cũng đôi phen nuôi mầm mống nổi loạn, nhưng ông kịp nhận ra mình là tất cả yêu thương và hy vọng của hai người đàn bà mà ông cũng rất yêu thương. Hai người đàn bà đó làm mọi cách để có được đứa con trai và tạo dựng thế giới quanh đứa con trai đó. Trong khi cha cũng như ông nội có cuộc đời tình ái phong phú, ít nhất mỗi người cũng chính thức có vài ba thứ thiếp. Em trai ông là con của một người thiếp An Nam, người này không thể làm dâu bà nội, cuối cùng đã bỏ đi, khiến cha xót bất xang bang đi tìm mãi. Ông Ứng Xương lớn lên già đi, hiểu biết và thương cha, vì là một bản sao của cha nên ông cũng thương mình và thương con trai. Ông đã cố gắng tránh áp đặt cho con số phận của một con đực với nhiệm vụ duy nhất là duy trì nòi giống. Ông đã thuyết phục bà nội, mẹ và vợ để cho Vĩnh Xương đi về Quảng Đông tự chọn vợ cho mình. Nhưng Vĩnh Xương ngao du hết thôn Hạ đến thôn Thượng rồi hết cả phủ cả tổng, trở về nhà vẫn không có vợ, khiến ba người đàn bà thất vọng nào nề. Giờ ông đã lại đưa Vĩnh Xương đi xa hẳn vòng tay của bà cố, bà nội, và mẹ chàng. Vĩnh Xương mà có bề gì thì

ba người đàn bà đó sẽ oán hận ông Ứng Xương đến tận mây xanh.

Dù vậy ông vẫn thấy quyết định đưa con đi xa lúc này là đúng. Kinh nghiệm xương máu của dòng họ Huỳnh là đừng bao giờ dính dáng đến chính trị, đừng bao giờ phô trương của cải, cứ nghề gia truyền mà sống khiêm tốn mới hồng tồn tại. Lúc yên lành thịnh vượng cũng phải giữ gìn, lúc loạn lạc càng cẩn thận, tránh đi luôn là thượng sách. Ông Khôi đã cho người đến tìm Vĩnh Xương dù ông cố tình loan tin chàng đã đi Hạ Châu ngay sau khi đưa chàng lên tàu. Bây giờ ông Khôi nổi dậy, giết đại quan, chiếm thành trì. Cũng có một số đại gia xuất nhập khẩu trong Đế Ngạn ủng hộ ông Khôi, nhưng ông Ứng Xương rầu thúi ruột. Tuy nhiều nơi đang nổi dậy theo ông Khôi, nhưng đất Gia Định là một nguồn cung ứng tài nguyên vật lực dồi dào, vua chịu bỏ sao? Sắp có đánh nhau to, chứ không như ông dự đoán tình hình sẽ lộn xộn một thời gian sau khi quan tổng trấn mất. Ông nghĩ ngợi ngày đêm, sắp đặt công việc, dùng mọi cách có thể giảm nguy cơ, giảm thiệt hại trong tình huống xấu nhất.

Thậm chí ông tính cả khả năng phải bỏ nhà cửa như ông nội đã đưa gia đình rời Cù lao Phố. Ông bắt đầu gói ghém của gia bảo, lục tìm trong phòng Vĩnh Xương để cất giữ cho chàng những gì có thể là vật riêng tư quý báu của

chàng. Trong một ngăn tủ khóa kỹ, ông tìm thấy một tay nải đựng giấy có chữ và viết, nhưng ông nhận ra những đồ vật này liên quan đến việc mất tích của em trai. Ông không cho đó là đồ vật riêng của Vĩnh Xương, nên bỏ lại trong tủ.

Những cơn mưa thường bắt đầu sau khi mặt trời đã qua đỉnh ngọn cây. Sấm sét ầm ầm rồi nước đổ xuống ào ào liên tục, trắng xóa cả mặt sông. Nước dâng ngùn ngụt, chỉ chốc lát không còn phân biệt bờ bãi cù lao gì nữa. Nước chảy cuốn cuộn, ráo riết búng gốc cây lớn cây nhỏ, lôi theo cả vách lá, mái tranh, và những khúc cây, mảnh ván tả tơi. Ngồi vắt vẻo trên ngọn cây, Bình có cảm giác mình cũng đang bị cuốn theo dòng nước điên loạn. Thịnh thoảng anh vuốt nước mưa chảy tràn tối mặt mũi để cố nhìn qua mấy ngọn cây lân cận. Bên trái là người đàn bà kỳ cục bắt anh gọi là chị Hai đang gồng hai tay bầu chặt cành cây, hai chân đứng dằng trên một nhánh chạc ba, cong lưng như cổ che cái bụng rất bự. Bên phải là người đàn ông lạ lưng râu tóc đen nhánh xõa dài che gần kín mặt và cổ, bị nước mưa ướt dính bết lại, để lộ đôi mắt to và sâu một cách kỳ dị. Dù sao thì mọi người đang ở vị trí an toàn và đều có kinh nghiệm trải qua mùa lũ trước. Mưa ít khi kéo dài, mặc dù có thể mưa mỗi buổi chiều, có khi suốt cả đêm. Buổi sáng trời thường quang đãng. Nước vẫn chảy miệt mài ra biển, nhưng chỗ cao nhứt của cù lao từ từ lộ ra. Mái nhà chị Hai tí mĩ kết bằng

lá và được Bình hì hục dựng lên bị cuốn phăng phăng theo dòng nước, nhưng không hề gì, tới lúc nước rút, cả hai sẽ dựng lại ngôi nhà khác trong vài ngày. Khi mưa lũ chỉ cần chọn được ngọn cây chắc chắn, trèo lên ngồi cho đến khi mưa dừng, nước rút bớt. Vào đỉnh mùa lũ có khi phải ngồi trên ngọn cây nhiều ngày đêm. Nhưng ba người ngồi riết cũng quen, và lại tôm cá bơi tới tận chân, có khi chỉ thò tay vốc lên cả bầy cá con cho vào miệng ăn luôn. Hối chưa biết ăn kiểu này không thể tưởng tượng nổi trên đời có một thứ ngon như vậy.

Bình đang nhớ lại vị ngon của cá non mới nở tươi rói mềm mại, mắt chăm chăm nhìn xuống dòng nước, chợt nghe chị Hai thét lên một tiếng đau đớn lắm. Một tiếng thét nửa khiến tóc tai Bình dựng đứng. Chị Hai vẫn oằn mình gào thét. Chị gào lên từng cơn bất chấp tiếng Bình hỏi chị bị sao. Tiếng Bình gào cũng lớn lắm, nhưng có thể do chiều gió tiếng của anh không vang ngược lại đến tai chị. Hoặc chị không còn nghe thấy gì nữa. Chị há hốc miệng hợp không khí lẫn nước mưa, cố hết sức kềm giữ, nhưng không thể dừng. Một tay vẫn ghì chặt cành cây, chị luồn tay kia xuống giữa háng đỡ đầu đứa bé nhưng nó trơn nhớt tuột khỏi tay chị rơi xuống nước. Chị gào lên không thành tiếng, nhào xuống theo con, lập tức bị nước xiết cuốn ngã sấp. Bình vẫn chưa kịp hiểu điều gì đang xảy ra. Nhưng như một phản xạ, Bình lao xuống nước cố bơi về phía chị Hai. Ở trên cồn, mực nước không cao hơn mặt

đất bao nhiêu nhưng dòng nước chảy mạnh quá, đi không được, bơi cũng khó mà lội cũng khó. Chị Hai ngã xuống, đứng lên, ngã xuống, tay ôm đứa con chưa lìa cuống nhau, ngã xuống, gắng gượng đứng lên, ngã xuống, gắng gượng nhưng không đứng lên được nữa. Chị vòng cánh tay rã rời qua một nhánh cây thấp, cố ngóc đầu lên nhìn Bình. Anh bơi, anh trườn, anh lội, anh nhào tới bằng mọi cách theo bản năng, tới lúc chỉ còn cách chị gang tấc thì bụi cây chị đang níu bị xoáy búng gốc, nước cuốn phăng đi kéo theo người đàn bà đã kiệt sức. Khi Bình có thể bơi dễ dàng hơn thì chị Hai cũng bị cuốn trôi nhanh hơn phía trước.

Mưa dường như dịu lại, nhưng con nước vẫn khủng khiếp. Chống chọi sức đẩy của dòng nước, Bình cố nhắm hướng chị Hai trôi mà bơi. Lòng sông không chỉ có nước. Một giể bèo khổng lồ bị sóng xô trườn lên đầu khiến Bình ngụp lặn chơi với một lúc, khi ngóc đầu ra khỏi nước thì không thấy chị Hai nữa. Bình vẫn nhắm hướng chị Hai trôi mà bơi, bị một thân cây lao tới quật vào người. Nhịn đau, Bình níu cành cây, bám theo nó mà trôi, cố dõi mắt nhìn. Nước mà như pháo hoa, nổ ở trên ở dưới ở chung quanh, mịt mù, cuống loạn. Thân cây có lúc trôi ngang, có lúc xoay vòng, rồi lại trôi xuôi. Phía thượng lưu mây còn đen ngịt, chớp nháy ngoằn ngoèo, sấm nổ ùng ùng. Bình lả dần. Có thể anh bị tổn thương nhẹ, không gãy xương, trặc, lội đến nỗi không bơi được, nhưng máu chảy nhiều. Khi thân cây vướng vào một đám cây bần, Bình vẫn nằm sắp

ôm cây. Hồi lâu sau anh tỉnh lại, hồi lâu sau nữa anh mới lấp ghép được trí nhớ. Đây không phải ngọn cây trên cù lao, bên trái bên phải không có ai, không thấy người râu tóc đen xòa dài, không biết chuyện gì đã xảy ra với chị Hai. Cũng không biết thân xác đau đớn của mình bị làm sao. Bình mệt quá, lại lơ mơ, lại trôi bồng bênh.

Mưa chưa kịp tạnh, nước sông còn cao và chảy mạnh, nhưng vợ chồng ông Tư vẫn chèo chống đi xem xét đám chà ông cắm ven sông để dụ cá vô ở. Ông sợ mưa lớn nước xoáy có thể nhổ bứt mấy cành cây cuốn đi mất, công ông vất vả thành công cốc. Nhưng biết đâu, bà nói với nhiều hy vọng, Trời Đất thương lừa cá vô chà cho mình nhờ. Ông lăm bằm nước động cá tôm kiếm chỗ trú trong đám chà rồi mắc kẹt đó, chờ Trời Đất nào ác vậy. Bà nói lầy, ở Trời Đất không ác, chỉ có tui ác, đẩy người ta vô chỗ kẹt. Thôi, chuyện qua như nước sông chảy rồi, quay tới quay lui để làm gì. Cái gì kia? Trời Đất ơi! Mắc kẹt trong đám chà là một người đàn bà gần như trần truồng vì mấy miếng vải mục còn dính trên người không che được gì hết. Trong tay chị ta còn ẵm một hài nhi mới đẻ, chưa cắt cuống rốn. Trời Đất ơi, sao để cho đàn bà khổ như vậy. Không biết hai mẹ con sống hay chết, đảng nào cũng phải đem lên bờ. Dưới mái lá cũ ba bốn năm chưa thay, nền nhà trơn trượt, cái giường duy nhứt cũng ẩm ướt, chẳng có chăn gối, chỉ một chiếc chiếu lác đã sờn. Trong lúc ông Tư cạp rập quạt lửa bếp lấy than hơ dưới giường người

đàn bà nằm, bà Tư hi hục xoa bóp hết mẹ tới con. Đứa nhỏ bỗng oe oe. Ông bà Tư đứng tim, rồi mừng vui òa vỡ theo tiếng khóc lớn hơn. Bà Tư rồi rít xoa vuốt tay chân đứa nhỏ. Tiếng khóc khiến mẹ nó chợt tỉnh. Bà Tư vội vàng chuyển sang xoa bóp cho người mẹ, miệng lầm rầm không ngừng: Cám ơn Trời Đất. Trời Đất thương người. Cám ơn Trời Đất.

Trời đất hết mưa rồi nắng, sông đầy rồi vơi, nước chảy đi rồi thì thôi. Ông bà Tư không gạn hỏi, chị Hai bần thần rất lâu, đứa nhỏ may sao ngày một lớn, ông bà Tư gọi nó là thằng Hà Bá Chùa. Khi nó trộm trộm, bà Tư ẵm nó theo ông Tư ra chợ bán cá tôm mua xấp vải nhuộm dả về may áo cho mẹ nó. Mấy tháng nay, hai người đàn bà chia nhau hai bộ đồ của bà Tư mà mặc. Bà Tư cũng có ý khoe thằng Hà Bá Chùa với những người ở chợ đã nghe câu chuyện ly kỳ bà kể và hãy còn bán tín bán nghi. Mẹ nó dè dặt nó ngoài cồn hoang à? Chỗ đó đất bồi chưa chắc, dân bên bờ kia có người qua đó trồng bầy bọ khoai đậu gì đó, nhưng đâu có ai ở. Vừa rồi có mấy người qua đó thăm rầy sau trận mưa lớn, thấy có bức tượng ngồi xếp bằng vướng trên ngọn cây, tưởng là tượng La Hán ở chùa trên núi trôi ra, họ chấp tay vái rồi để yên. Phật Thánh muốn ngồi đâu thì ngồi. Ít bữa sau nắng ráo, họ dòm lên cây không thấy tượng nữa, bèn lại gần coi có bị rớt xuống bể gầy gì không, để còn dựng lên mà thờ, thì thấy tượng ngồi ngay ngắn, hướng về núi, thờ ra thờ vô đều đặn. Hỏi

thì tượng nói đúng là mình ở trên núi xuống. Hỏi họ tên hay pháp danh, tu chùa nào, tượng không nói. Tóc râu dài lòng thông chắc là vì trên núi thiếu dao cạo, áo rách bươm, lòi xương sườn xương ống thiệt tội nghiệp. Nhưng đôi mắt tượng rất sáng, ai nhìn vô mắt tượng là tự nhiên thấy mình sáng ra như được Phật độ. Mấy người làm rầy bèn đưa tượng Phật về làng bên bờ kia, ông Thiểm chủ ruộng bên đó cúng dường áo cà sa và dựng cái am nhỏ cho Phật ngồi. Kêu là Phật Ngồi, vì nếu không bị dời tới dời lui thì ông Phật này ngồi im như tượng.

Buổi sáng buổi trưa đều có những người lấy cỏ cúng dường đem củ khoai trái chuối hay nắm cơm đến cái am Phật Ngồi coi có đúng là Phật ngồi hoài một chỗ. Lời đồn lan truyền là Phật Ngồi cũng có lúc đứng lên nằm xuống, cũng ăn uống và đái ỉa như người ta. Dần dà thừa bớt bộn tò mò ưa kháo chuyện lạ. Còn lại mấy người, trong đó có ông Thiểm, vẫn đều đặn mỗi ngày qua am, thấy Phật ngồi thì ngồi chung quanh. Phật không nói gì thì họ cũng làm thinh, ngồi đến chừng nào mỏi thì đi. Có điều chi đó tỏa ra từ Phật Ngồi, không chỉ từ đôi mắt sáng, mà từ toàn thân trong dáng ngồi im, khiến cho những người ngồi chung quanh cảm thấy bình yên. Nhứt là ông Thiểm, vốn trăm lo ngàn sợ, hết chuyện nắng mưa đến sâu bọ, chuyện từ trong nhà đến làng nước, lo cho kẻ ăn người làm đến đám quan quân, sợ từ bọn trộm cướp đến kẻ cùng đinh xó chợ. Lại thêm lâu nay xương cốt nhức mỏi khiến ông

cứ nửa đêm trở mình một cái là rên một tiếng. Ông không thể ngồi lâu, nhưng được cái là am Phật Ngồi nằm trên đất của ông, việc qua lại thuận tiện, nên mỗi ngày ông qua lại mấy lần, ngồi một chút thấy nhức mõi thì đi. Dần dà ông ngồi lâu hơn một chút, rồi lâu hơn một chút nữa, nhẹ nhõm như đã đặt cái gánh đời nặng trĩu cơm áo và trách nhiệm gia đình ở ngoài cửa am. Có lần vợ ông bỗng thấy ông vắng nhà hơi lâu, cho người qua am tìm thử thì thấy ông Thiểm ngồi xếp bằng đối diện Phật Ngồi, cả hai im như tượng. Đêm đó vợ ông để ý không nghe ông trở mình rên rĩ nữa. Cũng bớt nghe ông căn nhắc vợ, thôi lải nhải dạy con, ít rầy rà đay tớ. Bà là người nhận ra sự thay đổi của chồng, là người đứng nấp ngoài am rình coi Phật Ngồi “chữa trị” ông chồng bệnh tật bản tính ra sao. Rồi bà đi ra chợ.

Ở chợ Thủ có một chỗ đặc địa bà Thiểm vẫn thường ngồi: trên cái sạp trước mấy lò bánh xèo của chị Năm. Có ba lò hết thấy, vừa đủ để chị Năm đổ bột lên chảo này, bỏ tôm thịt lên chảo kia, lấy bánh ở chảo nọ ra, bày rau và nước mắm cho thực khách, dứt thêm củi vô lò, tiếp tục đổ bột vô chảo, lặp lại các thao tác một cách nhuần nhuyễn, không hề lỗi. Một cái bánh xèo phải ăn liền sau khi trút ra khỏi chảo, nóng hổi và giòn rụm. Bà Thiểm mê ăn bánh xèo, nhưng ngán cái cực ngồi đổ bánh. Con Sáu ở đợ cho bà chỉ làm được mỗi việc xắt chuối trộn cám heo, chứ cái bánh xèo nó đổ dày như mo, mà cái nào cũng bị khét,

thiệt tình cũng chỉ đáng cho heo ăn. Nên buồn buồn bà ra chợ ăn bánh xèo, bữa nào vui bà cũng đi ăn bánh xèo, có chuyện không biết nên buồn hay vui bà càng phải đi ăn bánh xèo. Bà ngồi một lát thế nào cũng có người xúm lại ngồi quanh. Người thì đem xấp lựa nhập cảng gạo bán cho bà, bảo đảm hàng chất lượng cao chánh hiệu, chỉ không thể nói xuất xứ hay làm cách nào có được. Người khác xun xoe khen tóc da áo quần bà rồi òn ỉ mượn tiền, trong khi người khác nữa tỉ tê kể chuyện bi thương để khổ nợ. Bà Thiểm là người nổi tiếng ở chợ Thủ, dù bà không phải vợ quan hay vợ chủ tiệm buôn giàu có. Người ta thậm chí không biết ông Thiểm mặt mũi ra sao có bao nhiêu ruộng bao nhiêu lúa. Bà nổi tiếng hoàn toàn nhờ chính bà, không mắc mớ gì ông chồng quanh năm ở tuốt trong đồng. Cả chợ Thủ, tính luôn những người buôn bán trên các sạp và người thường vãng lai trong chợ, đều biết bà Thiểm là người cho vay lấy lãi.

Ăn xong hai cái bánh xèo, bà Thiểm uống nước, nhìn quanh điểm danh những con nợ đáo hạn và những con nợ tương lai. Bà ra vẻ trầm ngâm. Khi những con nợ quen đã sẵn sàng nghe bà kể chuyện chồng con, bà bắt đầu nói. Phải chi ông đi theo vợ bé, đằng này ông đi tu! Người chung quanh chưng hửng, tu là sao, vô chùa cạo đầu ăn chay? Không. Ông tu theo Phật Ngồi. Là sao? Nhiều người ở chợ không còn nhớ chuyện Phật Ngồi. Câu chuyện bức tượng trôi giạt từ trên núi tấp vô cồn hoang đạo trước đã có nhiều

biến thể. Phổ biến nhất là chuyện bức tượng ấy đã được thỉnh vô chùa Giác Nguyên, đang được thờ ở đó và rất linh thiêng, ngày rằm bá tánh đến cúng bái nườm nượp. Còn phiên bản tưởng đâu tượng mà hóa ra người, bình thường như mọi người, không ai muốn nghe nữa. Bà Thiểm bèn kể câu chuyện mới. Ông Phật Ngồi có phép chữa bệnh giỏi thần sầu nha. Ông Thiểm nhà tôi đau nhức kinh niên, ngồi đâu rên đó, mà ông ngồi theo Phật riết cái hết bệnh hồi nào hồng hay. Thiệt hả? Tui cũng bị đau nhức, chỗ này nè, từ cổ xuống vai, tới cánh tay, có khi không nhấc tay lên nổi, liệu có chữa được không? Cái đó tôi không dám nói. Phật Ngồi chỉ ngồi im, mình tu theo cũng không được nói gì. Tu tâm dưỡng tánh trước đã, không cần thuốc men gì hết, tự khắc bệnh biến mất. Nếu vậy cũng đỡ tốn, chứ hốt mười mấy thang thuốc Bắc rồi, tiền thì hết mà bệnh thì còn. Ôi Phật Ngồi chữa bệnh làm phước mà, tiền bạc gì.

Qua đôi ba con trăng, người từ những chốn mà tiếng đồn bay tới, quảy cơm nước, công mẹ cha bỗng vợ con mắc bệnh kinh niên các loại tới nhờ Phật Ngồi chữa bệnh. Hầu hết người đến để tu hoặc chữa bệnh đã biết cách thức nhờ thuộc lòng bài hát truyền lan theo gió: Tu là chẳng nói năng chi. Dù ai bằng nhặng làm gì kệ thầy. Thế gian nhốn nháo thầy lay. Mình tu mình cứ ngồi đây một mình. Ai chửi bới cũng làm thinh. Ai dâng cúng thời phước sanh tràn đầy. Dầu bệnh gì cũng hết ngay. Tà ma quỷ ám xuất ngay tức thì.

Thiên hạ đồn rằng những người được đến gần Phật Ngồi, hoặc ngồi đối diện Phật, được nhìn bằng đôi mắt hiền từ, thậm chí được hỏi han bệnh tình và chỉ cách trị, đã chứng thực phép mầu. Như có đứa nhỏ nọ bị tiêu chảy triền miên, khi được đưa tới trước Phật Ngồi, nó chỉ còn da bọc xương, yếu tới nỗi không thể nào ngồi mà tu được. Phật Ngồi đưa cha mẹ nó một nắm tro bảo nấu với một nắm gạo trong một nồi nước to, đến khi nào gạo nhừ thì chắt nước cho đứa nhỏ uống từng muỗng, cứ nửa canh uống một chén, ba ngày là đứa nhỏ hồng hào lại, biết thêm cơm. Lại có bà kia bị quỷ ám, thấy mặt ai cũng chửi, ngồi không cũng chửi, lời lẽ tục tĩu, ông già rưng hết răng mà nghe phải cũng thấy ngượng. Khi tới trước Phật Ngồi bà ta tuôn ra xối xả những từ chỉ bộ phận sinh dục của cả nam lẫn nữ mà Phật vẫn ngồi điềm nhiên nhìn bà. Từ từ bà hạ giọng, từ từ bà xếp bằng ngồi yên, bà ở lại tu đến nay xưng là đệ tử Phật Ngồi luôn, mấy người bị tà nhập phải gặp bà trước, không xong mới vô gặp Phật Ngồi.

Công đức của bà Thiểm không nhỏ. Bà tổ chức đón tiếp khách thập phương chu đáo. Dù được Phật Ngồi chữa lành hay không, những người đến rồi đi đều mang ơn bà Thiểm đã cho ăn nhờ ở đậu, báo đáp tùy khả năng. Lòng bà lâng lâng khi họ nói đi nói lại là sẽ có ngày họ trả bà món nợ này. Những người tự thấy khỏi bệnh đều mừng vui hứa sẽ về tiếp tục tu theo lời bà khuyên. Nếu bệnh chưa hết họ được bà an ủi là chưa đủ duyên lành

hay lỡ mang nghiệp chướng quá nặng, cũng cần phải tiếp tục tu. Người kéo đến mỗi lúc một đông, người bệnh một mà kẻ tò mò đến hai, ba. Ai cũng ca tụng công đức bà Thiểm. Những người chất phác nói bà tốt bụng, có người còn nói bà có hạnh Bồ Tát. Nghe lọt tai mấy tiếng Bồ Tát, bà Thiểm sung sướng đến nỗi đêm nằm mơ thấy Phật Bà Quan Âm hiện ra giao nhành dương liễu cho bà. Để thực hành nhiệm vụ cứu nhân độ thế Phật Bà giao, đồng thời để xứng đáng với sự ca tụng và phẩm vật cúng dường của khách thập phương, bà Thiểm cho xây ngay trên đất nhà một cái chùa to có đủ tượng Phật đứng Phật nằm, đủ cả chuông mõ nhang đèn. Chỉ có điều chùa xây xong thì Phật Ngồi biến mất. Theo lời đồn thì ông Thiểm không chịu nổi cảnh nhà mình thành cái chợ nên một đêm nọ đã đem Phật Ngồi xuống chiếc xuống con mà chèo đi mất.



Ông Thiểm bơi xuống vô một con rạch, len lỏi ngược luồng nước, có ý tránh xa những chỗ có nhiều ghe thuyền qua lại, chợ búa tập hợp. Tới một vùng đầm lầy cỏ cao lút đầu, kể cả khi ông Thiểm đứng thẳng trên xuống để quan sát, đầu ông cũng không nhô cao hơn ngọn cỏ. Ông bèn ngồi xuống, xếp bằng đối diện Phật Ngồi, nói giờ ở đây yên tĩnh rồi. Cả hai ngồi im lặng một lúc, hình như trời cũng đứng gió, không nghe tiếng lá cỏ xạc xào, nắng càng lúc càng gay gắt. Ông Thiểm có đẩy mình kinh

nghiệm của người đi khẩn hoang. Tuy vẫn còn cơm vắt đem theo, ông Thiểm không ăn, chỉ ngắt một miếng dưa Phật Ngồi, rồi gói phần còn lại kỹ càng, cất đi. Ông cầm cây củ mọc nhảy xuống nước lúi húi đào móc và quăng vỏ xuống những củ năng đen thùi bốc mùi sinh. Khi ông dừng tay thì được đâu nửa xuống củ năng. Ông rửa từng củ, cẩn thận gọt lớp vỏ đen để lộ ra phần thịt trắng nõn mọng nước, bỏ miệng nhai vừa dòn, vừa ngọt, lại thơm một mùi rất nhẹ, thanh tao. Nhờ ăn củ năng ông Thiểm không cảm thấy đói khát lắm. Nhưng ông cũng biết là khi hết gạo và nước đem theo thì phải chèo ra sông đón ghe thương hồ để mua sắm thêm. Củ năng đẩy đồng sẽ giúp ông tiện tận gạo và nước. Ông có mang theo tiền trong túi, nhưng ông không muốn giao du nhiều với dân buôn bán trên sông. Ở giữa đồng hoang, đêm nằm ngửa trên xuống ngắm trăng sao đầy trời, ông cảm thấy đã đủ hạnh phúc, có cơm ăn cũng tốt, mà móc củ năng ăn cũng được.

Phật Ngồi thì đương nhiên sao cũng được. Cho cơm thì ăn cơm, cho củ năng thì ăn củ năng, nhai nuốt thản nhiên. Ngồi một chỗ trên chiếc xuống con không chặt chội gì hơn trong cái am nhỏ. Đôi khi ông Thiểm nói thì Phật Ngồi lắng nghe. Những lúc khác Phật Ngồi trầm tư, có khi mắt nhắm lại, có khi mắt mở mà không thấy cái nhìn. Dù sao ông Thiểm đã quen và cảm thấy bình yên bên cạnh Phật Ngồi. Ông chỉ hơi rảnh, nên nhớ củ năng hoai, khiến chung quanh trở thành một lổm trổng tro.

Một hôm xuống đã đầy nhóc củ năng, ông Thiểm bèn bơi ra sông. Ý ông định gắp chiếc ghe nào cũng sang hết củ năng qua cho nhẹ xuống, rồi mức nước sông đổ đầy lu để xài dần khi trở vô cánh đồng năng bị phèn. Nếu mà gắp ghe hàng ông đổi được khoai hay gạo gì cũng tốt, còn như người ta chỉ bán thì ông cũng có tiền mua.

Mái chèo của ông bỗng chạm cái gì đó lúc bơi tới vàm. Ông dùng mái chèo khều khều đẩy đẩy và nhận ra đó là một cái xác người không có đầu. Chưa hết giật mình thì ông thấy một cái xác nữa gần đó, cá đang bu lại rĩa ruột gan xổ ra từ một vết cắt to ở bụng. Và kia, một bầy xác chết tấp vào nhau, chồng chất lên nhau, xác cụt chân, xác đứt cổ, xác lủng ngực. Xác người trôi trên sông Cái không hiếm. Ông Thiểm từng thấy ăn cướp giết người quăng xác xuống sông. Nhưng mấy chục, mấy trăm xác chết dồn đống, khiến ông Thiểm sợ. Ông vội quay xuống lủi vô đám cỏ lau, nhón nhác nhìn ra sông nghe động tĩnh.

Phật Ngồi nhắm mắt, nét mặt huyền bí như lần đầu ông Thiểm nhìn thấy, khi người ta mới đưa Phật từ cồn hoang về làng. Lúc đó cũng như bây giờ, ông Thiểm cảm nhận từ gương mặt Phật Ngồi một điều gì đó mà ông không giải thích được. Phải chăng một nỗi đau quá lớn hay một cảm xúc quá mãnh liệt. Hay một câu hỏi suy nghĩ bề đầu không tìm ra lời giải. Hay một thực tế quá phũ phàng không thay đổi được. Đột nhiên ông Thiểm hiểu

ra, lần trước hẳn là Phật Ngồi đã chứng kiến cái gì đó khủng khiếp đến nỗi không thể hiểu, không thể làm gì, không thể đối phó, như những cái chết trước mắt hôm nay. Ông Thiểm lẩm bẩm có chuyện gì? Có chuyện gì? Phải chăng người Thổ nổi dậy Cáp Duồn như từng xảy ra nhiều năm trước? Ông thót tim nhớ tới vợ con, nhưng thở phào nhẹ nhõm vì nhà ông phía hạ lưu. Những xác đó chỉ có thể trôi từ phía sông Châu Đốc xuống đây. Sông rộng mênh mông và dài từ núi tới biển, chảy qua bao thành thị xóm làng, bao nhiêu ghe thuyền qua lại, lòng đủ rộng để chứa đủ thứ. Nhưng thật bất nhẫn nếu để mặc những xác người đó trôi sông cho tôm cá rĩa ròi.

Ông Thiểm neo xuống lại, hì hụi vớt xác kéo lên bờ. Nhưng được ba xác, ông Thiểm chợt nhớ ra bao nhiêu lần ông đã thấy cảnh tương tự. Cái cảnh tựa như người ta vớt lên những con cá hú, đốt lửa nướng trui, rồi xúm lại ăn. Khác gì những bầy tôm cá đang xúm lại ăn xác người đang trương sinh này? Ông Thiểm không biết làm sao nữa. Kéo xác lên bờ cho diều quạ ăn ké, hay thả xác xuống sông cho tôm cá rĩa? Đằng nào thì xác chết là xác chết, có chôn xuống đất cho tử tế thì giun kiến cũng bu lại đục khoét. Chẳng qua khuất mắt thì đỡ nghĩ ngợi đến mà thôi. Ông Thiểm quay về xuống ngồi xuống đối diện Phật Ngồi. *Kiếp phù sinh như hình bào ảnh, có chữ rằng vạn cảnh như không. Ai ơi lấy Phật làm lòng, tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.* Ông Thiểm nghe như Phật Ngồi

đọc kinh, bèn lẩm bẩm đọc theo. *Kiếp phù sinh như hình bào ảnh, có chữ rằng vạn cảnh như không. Ai ơi lấy Phật làm lòng, tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.* Mặt trời lặn dần, gió thổi mỗi lúc một lạnh. Trong tiếng gió nghe như có tiếng rên. Rồi có tiếng nước khóa nhẹ, một bàn tay bỗng chụp be xuống. Tiếng người thì thào: Làm ơn cứu tôi.

Ông Thiểm phải quăng xuống sông gần hết củ năng để có chỗ cho người thứ ba trên xuống. Trong bóng tối anh ta khóc nghẹn ngào, mừng được cứu hay tủi thân bị giết? Ông Thiểm hỏi có bị thương không, anh ta nói không biết, tôi không phải lính, tôi không có gươm, không có súng, tôi không dám chém ai. Anh Bình. Tiếng của Phật Ngồi thốt lên khiến cả hai người kia im bật. Người vừa được vớt lên xuống lại òa khóc to, vừa khóc vừa nói: Người có sao không? Tui lo quá, không biết người ngồi trên cây đó có sao không. Chị Hai trôi mất rồi tui bơi theo không kịp. Lúc đó tui bị khúc cây trôi đâm gãy xương sườn đau muốn chết luôn. Tui không nhớ chuyện ra sao nữa. Hình như tui bị bắt. Họ đánh tui dữ lắm, tưởng tui làm loạn theo giặc Khôi nào đó, nhốt tui, bắt tui đi chèo thuyền cho quan. Thuyền quan lui rồi thuyền quan tiến rồi thuyền quan lui. Tui nghe nói giặc Khôi chiếm thành Châu Đốc, rồi bị đánh đuổi ra khỏi thành, chạy qua Xiêm xin cứu viện. Giờ nghe nói giặc Xiêm chiếm thành Châu Đốc rồi, còn tính đánh lên thành Gia Định nữa. Vừa rồi

đánh lớn ở Vòm Nao, súng nổ ùng đoàng, thuyền quan tui bị chìm, tui sợ quá, bơi xuôi dòng sông Cái, mà bơi tới đâu cũng bị vướng xác chết, hoặc bị xác chưa chết bám núu. Tui tưởng mình cũng chết rồi.

Ông Thiểm sừng sốt. Ông ở miết trong đồng, không gần đồn binh, không trên đường tiến thoái của quan quân. Ông lại mãi lo tu, đầu hay quân Xiêm đã chiếm thành Châu Đốc! Ông cảm thấy máu trong người sôi lên, đầu vầng vất như bị chày giã gạo nện trúng. Thành Châu Đốc sừng sững lâu nay là một cam đoan của triều đình cho dân đi lập ấp miết dưới như ông. Quan lại tuy ăn hại nhưng khi có Thổ dậy hay đảng cướp nổi lên thì dân còn có chỗ trông cậy. Nói gì thì nói, quân lính thành Châu Đốc là quân trấn biên giới, thiện nghệ và có súng có ống đảng hoàng. Quân Xiêm nổi tiếng tham tàn hơn cả quân Bắc, chúng chiếm thành Gia Định rồi thì dân chúng sẽ ra sao?

Ông Thiểm nhấp nhồm trên thuyền như khỉ ngồi trên chảo. Suốt đêm đó ông Thiểm và Bình thay nhau chèo miết về chợ Thủ. Nước có loạn, việc trước tiên của người đàn ông là phải về nhà coi sao rồi tính. Tăng sáng xuống cặp bến cá, ông Thiểm tắt tả chạy băng băng về nhà. Bình dắt Phật Ngồi lại gốc cây si bên bờ sông nói hồi nãy tui đi theo người là do ông chủ Phước Xuân Đường biểu. Ông đưa tiền biểu tui theo để đỡ dẫn người. Mà rồi tiền mất hết, tui trôi sông, người lạc chợ, bây giờ may quá gặp lại. Nhưng thành Châu Đốc mất rồi, số phận ông chủ Phước

Xuân Đường không biết thế nào, còn tui với người vất vưởng ở chỗ này, giờ tính làm sao?

Người đó nói, chuyện đã xảy ra có phải do mình tính mà xảy ra đâu. Ngồi xuống đây ngắm sông trôi kia, bóng râm, gió mát, lòng bình yên là được. Bình dần dà nhớ lại những ngày ba người bị bỏ ngoài cồn hoang, người này cũng nói với anh như vậy. Họ đã bình yên nơi đó mấy mùa mưa, đến khi xảy ra trận mưa lớn nhất. Mà trận mưa ấy cũng không lớn đến nỗi long trời lở đất, chẳng qua anh nhào xuống nước cứu chị Hai mà bị nước cuốn trôi, rồi xui xẻo bị khúc cây trôi tông trúng be sườn, rồi... nối tiếp nhau xảy ra toàn chuyện anh không tính được mà cũng không tránh được. Anh ngồi xuống cạnh người đó như đã nghe lời trước đây, cũng ngắm dòng sông trước mặt, gió thổi qua đầu. Nhưng ký ức vẫn sống động trước mắt, những khi bắt cá, đốt lửa dưới trời sao, những lúc bẻ cành kết lá với chị Hai, nhất là những khoảnh khắc anh chẳng làm gì cả và bắt gặp ánh mắt chị Hai nhìn mình. Ký ức hạnh phúc sống lại sao khiến Bình đau lòng quá? Nước mắt tự nhiên trào ra, Bình không gạt đi. Gió thổi bên tai mà tưởng như lời chị Hai, những lời chị rủ rì rủ rì khi rúc đầu trong nách anh. Không quen nhau mà quen nhau, không ớn nhau mà ớn nhau. Quen nhau rồi làm sao quên, ớn nhau rồi sao có thể quên.

Chẳng mấy chốc trong dân gian lan truyền bài hát: Tu thì tu ở trong tâm. Tu ngồi giữa chợ đọc thầm chơn kinh.

Tu thì lánh dữ làm lảnh. Đất bằng dầy sổng tâm mình vẫn yên. Tu thì chớ ham bạc tiền. Con thơ nuôi dạy tổ tiên kính thờ. Tu thì phước đức sờ sờ. Long Hoa đại hội Phật chờ rước lên.

Người khắp nơi bơi xuống chèo ghe đến bến Cây Si, chen nhau chỗ ngồi gần Phật để được Phật độ. Phật chữa lành bệnh thổ tả bằng nước tro là có thiệt. Nhiều bệnh khác Phật cũng chữa được, bằng rau cỏ hái ven sông hay thuốc Bắc mà Bình vô tiệm trong chợ xin. Dân chúng thấy Bình vô tiệm xin thuốc gì cũng ào vô theo mua bằng hết thuốc đó đem về nhà cất để dành trị bá bệnh, coi như là thuốc linh của Phật Thấy. Gặp kẻ điên khùng hay bị tà ma ám, Phật Thấy bảo ngồi xuống đây, ngấm sông trôi kia. Có người bị bùa ngải cứ ngơ ngơ ngáo ngáo, lâu lâu lại xé áo quần gào thét. Khi được đưa tới trước Phật Thấy thì người đó ngã vật xuống đất giẫy tề tề như con cá trê bị đập đầu, mắt trợn trắng dã, nhe răng sùi bọt mép, khiến ai cũng kinh hồn. Phật Thấy đỡ đầu người đó kê lên đùi mình, xoa đầu, kéo vạt áo chùi bọt mép, bàn tay Phật Thấy xoa trên thân thể người đó tới đâu thì chỗ đó dịu nhiều ra, cuối cùng người đó nằm ngủ say trên đùi Phật Thấy cả buổi. Thiệt là phước lớn.

Phép lạ lan truyền nhanh như gió thổi. Bên kia sông, ông bà Tư bàn nhau hay là đưa má thằng Hà Bá Chừa đến gặp Phật Thấy. Từ hôm được vớt lên khỏi đồng chà của ông Tư, chị ta từ từ sống lại, nhưng cứ bần thần.

Chắc là Hà Bá bắt hồn chị rồi. Một buổi sáng, nhăm trời yên gió lặng, bà Tư ẵm thằng Hà Bá Chừa, dắt má nó lên xuống, ông Tư chèo xuống qua sông. Buổi sáng đó thiệt là tốt lành. Tin như pháo nổ ở chợ Thủ là quân Xiêm đã bị đánh đuổi chạy ra khỏi biên giới rồi, quân ta đã chiếm lại được thành Châu Đốc! Bình đi xin thuốc trong chợ nghe tin mừng quá chạy ra chỗ Phật Thầy ngồi dưới bóng cây si mà reo: Về Châu Đốc thôi! Vui quá Bình hớn hờ nói liên thanh. Rồi tui sẽ khuấy cháo thuốc tể suốt ngày, không còn thì giờ ngắm sông trôi mà đau lòng. Phước Xuân Đường nhiều thuốc lắm, người tha hồ bắt mạch, ông chủ sẽ phát thuốc không lấy tiền cho người bệnh. Tui với người sẽ có chỗ nghỉ ngơi đàng hoàng, chứ không phải ngồi đây dãi nắng dầm mưa mà ráng giữ cho tâm bình yên. Vừa kiếm được chiếc xuồng của người khỏi bệnh cúng dường, Bình chèo chống đưa Phật Thầy ngược dòng về Châu Đốc thành. Lúc đó ở giữa dòng sông, ông Tư bị đuối tay chèo vì nhăm chỗ nước xoáy. Đã vậy, má thằng Hà Bá Chừa nãy giờ ngồi rũ trong khoang thuyền bỗng nhiên chồm dậy la lên. Ông Phật. Anh Bình. Rồi ngã vật xuống đáy xuồng nằm im re.

Chiếc xuồng của ông Tư đang giữa dòng, bà Tư phải một tay bồng thằng Hà Bá Chừa một tay giựt tóc lay gọi má nó nằm bất tỉnh trong lòng xuồng lấp xấp nước. Ông Tư cố gắng giữ tay chèo đưa xuồng từ từ hướng vào bờ,

cũng vất vả lắm mới tới được bến nước có cây si, nhưng không thấy bóng người hay bóng Phật nào cả. Như thể những lời đồn đại chỉ là gió thổi qua đám lau sậy bên sông. Đã trưa, chợ vắng, bà Tư lên bờ chạy tới tiệm thuốc Bắc kêu cứu, nhưng chị Hai tự tỉnh dậy. Chị hỏi anh Bình đâu? Ông Phật đâu? Người ta trấn an là hai người đó chỉ vừa mới đi, và biết chắc họ đi về Châu Đốc nên cũng không đến nỗi mò trăng đáy nước. Có mấy người cũng muốn nhờ Phật Thầy chữa bệnh nhưng tới trễ, giờ đã chèo ghe bơi xuống xuôi theo. Chị Hai giục ông bà Tư đi ngay, đi ngay.

Chị nhìn nước sông mênh mang, nghẹn ngào. Dòng sông tuôn chảy không ngừng, mọi thứ biến đổi liên tục, có khi mới thấy trước mắt đó, chỉ trong gang tấc đó, mà rồi lạc nhau trong tích tắc. Chị vừa thấy rõ ràng anh Bình chèo chiếc ghe có ông Phật ngồi, mà rồi chớp mắt một cái chỉ còn thấy bèo bọt nổi trên mặt nước mà thôi. Tim gan quặn thắt, chị bấu chặt be xuống, bốn chổn theo từng con sóng. Bà Tư đỡ dành là đã thấy rồi, biết còn sống đó là được rồi. Nước mắt chị Hai lại trào ra. Phải, còn sống là được. Biết người ta còn sống, dù ở đâu đó, dù mình tìm chưa gặp, vẫn còn niềm hy vọng. Còn hơn khi thấy chỉ mỗi mình ên trợ trụ giữa thế gian.



Hồi ông Khôi khởi loạn, ông chủ Phước Xuân Đường đang cùng ông Sư Bốn Không tìm đường lên núi Tà Lơn. Tới chân núi nghe tin ở thành Phiên An có biến, ông chủ Phước Xuân Đường dừng bước, bảo ông Sư Bốn Không rằng ông phải về Để Ngạn thăm gia đình. Ông Sư Bốn Không tạ từ, hẹn gặp lại nhau sau này trong Hội Long Hoa trên núi Tà Lơn, rồi hai người hai hướng đi, đường ai nấy bước. Một mình, ông chủ Phước Xuân Đường quyết định đi đường biển cho nhanh và đỡ mệt, chứ đi bộ theo ông Sư Bốn Không, tuy cũng đã quen, nhưng lúc đi lúc nghỉ biết chừng nào về tới Để Ngạn. Ghe buôn bị cướp hai lần, may là trong dáng vẻ một kẻ hành hương trên người chỉ có miếng giẻ rách nên ông được bọn hải tặc tha làm phước. Tuy ông cũng chịu chung số phận với những người còn sống sót trên ghe buôn, cùng bị bỏ lại trên một đảo hoang ngoài biển.

Bọn cướp biển và bọn cướp sông học chung một thầy về cách giải quyết khổ chủ sau khi tóm thâu hết tài sản của người ta. Sau khi đói khát mấy ngày trên đảo hoang, đám người khốn khổ thấy thấp thoáng cánh buồm xa xa mừng quá, nhưng cứu tinh cũng lại là một lũ cướp khác, hoặc chính là đồng đảng của bọn vừa quăng người ta trên đảo. Lúc đó những kẻ keo kiệt và giấu của kỹ cách mấy cũng xì tiền ra để được cứu, ít ra là xin được miếng nước uống, thoi thóp thêm ít lâu nữa. Theo kinh nghiệm của ông chủ Phước Xuân Đường thì rốt cuộc họ cũng bị bọn

cướp giết, hay để mặc cho chết khát sau khi moi móc hết tư trang, hoặc không moi móc được gì nữa.

Ông sống sót bằng cách đi quanh đảo tìm hiểu địa thế, đào bới một cái hố khá kín đáo, trốn kỹ khi bọn cướp vét tấp ghe vào đảo khảo của những người khác. Trong lúc chúng tập trung vào cái thú hành hạ người ta, chia chác chiến lợi phẩm, rồi ăn nhậu đến khuya, ông chủ Phước Xuân Đường lên ra khỏi chỗ nấp, bơi ra biển rồi bơi lên ghe của bọn cướp, tính quá giang về đất liền, hay tới chỗ nào có người ta thì ắt có cái ăn và có cách liên lạc. Ông kiếm một chỗ khuất trên ghe trốn kỹ, đánh cược sanh mạng, năm ăn năm thua. Rủi mà bị phát hiện ông sẽ rút lá bài chót, thuyết phục chúng giữ ông làm con tin, nhả cho gia đình ông đem tiền chuộc mạng, biết đâu, nhứt chín nhì bù. Không may bọn cướp vét này toàn là đồ nhãi nhép, chúng chỉ quần quanh mấy hòn đảo con không người, mấy lần ông chủ Phước Xuân Đường lên xuống ghe rồi lại lên lên ghe. Dù sao trên ghe cướp ông còn hy vọng trộm được đồ ăn nước uống.

Đến khi không còn gì ăn uống được bọn cướp mới giả dạng ngư dân ghé vào một đảo có dân cư. Ai cũng biết bọn ngư dân đó là bọn cướp, ráng nín thở cho đến khi chúng ra đi sau khi chất đầy ghe những thứ chúng vừa xin vừa cướp. Họ vừa thở phào thì lại hết hồn nhận ra còn một tên ở lại, giả trang kẻ hành hương, đi khát thực trong chợ.

Dù sao đi nữa, thấy người đói rách thì thương. Ông chủ Phước Xuân Đường tá túc trên hòn Cá Chim một thời gian. Cả hòn đảo có non một trăm người, tính hết già trẻ gái trai lớn bé. Nếu không thỉnh thoảng bị bọn cướp ghé qua trấn lột, thì đời thái bình Nghiêu Thuấn là đây. Những người già nhút là những người đến đây đầu tiên, đào hố trữ nước mưa, đánh cá làm mắm, trồng khoai, trồng cải, nuôi gà, nuôi heo, không đủ đất trồng lúa, tuy thèm cơm nhưng nhịn cũng được. Họ nói trong kia giặc già quá, nay đám này giết đám kia, mai đám kia đánh đám nọ, ai cũng xưng chúa xưng vua, mà mình có biết ai là ai. Thôi thì mình tránh đi.

Trời đất bao la, may gặp hòn này, nhỏ nhỏ nhưng cũng đủ chỗ cho một chục gia đình. An cư rồi sanh con đẻ cái, cưới gả nhau. Ban đầu là hàng xóm, bây giờ thành bà con hết rồi. Ai cũng là người trong một nhà. Ai không ưng vậy thì cứ đóng xuống bơi đi nơi khác. Chung quanh còn nhiều đảo, có hòn lớn hơn hòn này, có thể đông vui hơn, và đất liền cũng không xa mấy. Chim trời cá nước còn được tự do bay nhảy hưởng gì người ta, muốn đi đâu cứ đi. Ông chủ Phước Xuân Đường nói thiệt lòng mình không muốn đi đâu, nhưng vợ con anh em ở Để Ngạn không biết ra sao nên phải về nhà. Ừ thì làm người có nhà cửa vợ con thì phải về nhà chứ. Họ hè nhau đóng ghe đưa ông vô đất liền. Lúc đó quân Xiêm đang rầm rầm rộ rộ

kéo hàng trăm chiến thuyền tiến vào Hà Tiên. Ông Phước Xuân Đường đành phải quay lại hòn Cá Chim.

Người già ở hòn Cá Chim đã có kinh nghiệm, họ giấu hết ghe xuống, không đốt lửa từng đồng lớn, không ra bờ biển làm gì hết, mùa màng cái gì thu hoạch được thì thu hoạch luôn, đem giấu hết, thứ gì không cất giấu dự trữ được thì đành. Cũng phải chứa phần cho bọn cướp. Nếu chúng không hài lòng với những gì có sẵn để cướp thì chúng sẽ lùng sục bắt người tra khảo, đốt phá. Trong trường hợp này các bà già sẽ ra lạy lục chúng, còn đàn bà trẻ và con nít phải trốn thật kỹ. Những người khác nhắm sức mình đánh đuổi được bọn cướp thì đánh, còn nhắm lực lượng cướp đông và mạnh quá thì ráng nhịn. Tuy khỏe mạnh nhưng thanh niên trên đảo không quen đánh đấm, không sắm sẵn vũ khí, nói chung từ nhỏ đã được dạy tránh xung đột, chạy nhanh, trốn kỹ. Mỗi lần cướp lên hòn đảo của họ, cách thức tự vệ tốt nhất cho đến nay là bảo tồn tối đa mạng người. Của cải hư hao mất mát vẫn còn tạo ra được, nên cứ để của đi thay người. Lúc quân Xiêm tiến chiếm Hà Tiên thì hùng hùng hổ hổ, không điểm xia đến mấy hòn đảo con con nhiều vô số trong vùng vịnh, nhưng nếu họ trở thành bại binh tháo chạy thì tai bay họa gởi không biết đâu mà lường, con vật đang bị thương, bị đánh đuổi là con vật nguy hiểm.

Ông Phước Xuân Đường cũng có ít nhiều kinh nghiệm sống sót các vụ xung đột, bất kể tranh chấp chính

quyền hoặc phe đảng đấu đá hay bằng nhóm giành quyền lợi. Ông tán thành sách lược của dân hòn Cá Chim. Mặc dù trong lòng ông như lửa đốt từ lúc thấy chiến thuyền quân Xiêm. Ông đã có lúc toan liều mạng lấy xuống một mình vượt biển trở về đất liền. Tất nhiên ông lo lắng cho nhà và tiệm ở Châu Đốc, vợ con ở Đế Ngạn. Nhưng điều khiến ông phát điên được là ngày ngày ngấm mặt trời mọc mặt trời lặn như không có chuyện gì, và không có cách gì biết chuyện gì đang diễn ra.

Day dứt trần trở nhiều ngày và đêm, một hôm ông chợt nhận ra mình đâu có cắt được như mong muốn những mối dây nợ mà ông coi là đã ràng buộc ông vào một cuộc sống tầm thường, quẩn quanh. Ông vẫn lo lắng về vợ con, mặc dù ông không nhớ nổi ngày sanh của ba đứa con. Đứa nào cũng chào đời trong lúc ông đang bôn ba đâu đó, chính danh là đi mua bán làm ăn, trong khi ông đang đeo đuổi một điều gì đó, hay một người nào đó. Như vừa rồi, ông đi theo ông Sư Bốn Không, nghe nhào chuyện ở Ka Shi mà còn chưa tới Bo Kor. Tại sao? Ông thiệt tình không biết tại sao ông lại bị hấp dẫn bởi những người kỳ dị. Ở họ có điều gì mà ông khao khát nhưng không có được? Ông không đến nỗi mê ông Sư Bốn Không, nhưng trong lúc trông ngóng vô vọng tin tức về người núi đeo chữ xuống phố, ông chợt nổi cơn dứt bỏ đời thường mà đi. Đi đâu cũng được. Và như mọi chuyến đi trước đây, chưa tới nơi ông đã có lý do phải trở về.

Bại binh Xiêm càn quét hòn Cá Chim vào buổi chiều trắng lên muộn trên đường chúng rút quân. Không tìm thấy một người nào trên đảo mà nghe chó sủa ồm ồm tòi chúng cũng dè chừng. Trời sụp tối chúng rút đi. Sáng hôm sau dân hòn Cá Chim mới rời nơi trú ẩn an toàn, kiểm điểm tài sản bị phá, bị cướp. Gà vịt mất nhiều, nhà cửa hư hao bộn, nhưng mọi người đều mạnh giỏi. Chỉ không thấy người hành hương trốn đâu. Mọi người đổ xô đi tìm ông khắp đảo, e ông bị nạn đâu đó cần giúp đỡ. Nhưng khi thấy mất chiếc ghe, họ đoán là ông quá sốt ruột nên ngay sau khi quân Xiêm rút lui, đã một mình giong buồm vô đất liền. Thôi thì như chim trời cá nước, ai muốn đi đâu thì đi.

Suốt từ Hà Tiên đến Châu Đốc cảnh vật hoang tàn, ruồi nhặng bay như mây đen, giòi lúch nhúc trên những xác chết vương vãi khắp mặt đất, cá bu đặc quánh những thây trôi nổi kín dòng kênh Vĩnh Tế khiến ghe ông Phước Xuân Đường mắc kẹt. Ông nôn mửa nóng lạnh vì ứ khí lẫn âm khí. Sợ nhút là đó đây những kẻ chưa chết đang gào khóc. Ông lui ghe ra biển, kiệt sức và kinh hoàng, nằm rũ rượi chịu đựng cơn sốt, mặc chiếc ghe chòng chành theo sóng biển. Bọn chuột không biết trèo lên thuyền lúc nào, chúng bò ngang bò dọc ghe tìm thức ăn, bò lên cả thân ông Phước Xuân Đường mà ông không đủ sức xua đuổi.

Nhà tiệm hai bên Quan Lộ đóng cửa im im, chỉ có nhang khói âm thầm tỏa hương trong các chùa Ông, chùa Bà. Trời tối mà không nhà nào thắp đèn. Thịnh thoảng có ánh đuốc chập chờn trong tay quan binh. Vó ngựa vang vọng xa, tiếng chân người khê khàng lẩn lút. Vĩnh Xương dừng trước cánh cửa của nhà mình. Người dẫn đường lúi chàng đi nhanh. Chàng không có đủ một phút để lắng nghe cảm xúc trong lòng.

Mặc dù đã được báo trước, người dẫn đường đã nói là Phước Xuân Đường đã bị lục soát, mọi người còn lại trong đó đã bị bắt đi, mọi thứ bị niêm phong. Sau đó Phước Xuân Đường bị cướp phá, mọi thứ còn lại trong đó bị lấy đi, tòa nhà trống bị niêm phong. Chàng chỉ có thể đi ngang qua như khách đi đường. Chàng bước theo người dẫn đường như cái bóng, lảo đảo trên từng phiến đá lát đường mà chàng đã từng đặt những bước chân đầu tiên để tập bước vào đời. Đâu rồi người mẹ luôn là người đầu tiên thấy chàng mỗi khi chàng trở về nhà. Đâu rồi dáng bà nội cầm cái chuông ngù đỏ rung rung dụ cháu bước tới. Đâu rồi bà cố luôn luôn để dành bánh cho chàng cả khi chàng đã lớn? Đâu rồi các em? Và cha, cha đang ở đâu?

Người cha mà câu nói cuối cùng với chàng là con có lạnh không khi ông ngồi co ro trên chiếc ghe ra cửa biển tiễn chàng đi.

Trong bóng tối mịt mù, tiếng mưa gào gió thét át tiếng người dẫn đường thì thầm. Chiếm lại được thành Phiên An, quan binh truy bắt những người liên quan, giết không cần xét xử, mấy ngàn người, chôn chung trong gò mả này. Vĩnh Xương đứng lặng. Không phải chàng đang nghe tiếng nói của người dẫn đường, mà tiếng chàng đang tự nhẩm câu thơ. *Trời thăm thẳm mưa gào gió thét, khí âm huyễn mờ mịt trước sau, ngàn mây nội cỏ rầu rầu, nào đâu diếu tể, nào đâu chúng thường.* Những câu chữ đã ám ảnh chàng suốt mấy năm nay, hóa ra đã vận vào gia đình chàng. Người dẫn đường không nghe Vĩnh Xương có một lời nói hay phản ứng gì, khẽ lay chàng thì thấy cứng đờ như một cái xác, anh ta có phần hốt hoảng. Anh Hai, đi về thôi. Về nhà thôi rồi tính, anh Hai. Anh Hai. Vĩnh Xương vẫn ngây ngậy bất động. Người dẫn đường hốt hoảng thật sự, vừa vỗ mạnh vai Vĩnh Xương, gọi đúng tên chàng chứ không phải bí danh anh Hai như đã quy ước. Vĩnh Xương! Vĩnh Xương!

Vĩnh Xương ngã xuống đất. Người dẫn đường cố gắng lay tỉnh chàng. Vĩnh Xương! Vĩnh Xương! Nhưng rồi anh ta im bật, nhận ra sai lầm chết người của mình. Anh vội vàng công Vĩnh Xương lên lưng cố gắng bước trong bùn nhão. Đi một hồi, anh dừng lại nhìn quanh. Trời tối quá

không thấy gì cả nhưng anh có cảm giác như có kẻ đang đi theo. Anh gắng gượng đi tiếp. Thêm một đôi thì loạng choạng ngã. Trong lúc cố sức vực Vĩnh Xương dậy, anh chợt nghe một giọng nói khê bên tai. Đừng sợ, tôi là chú Ba của Vĩnh Xương. Tôi nghe anh gọi tên cháu tôi. Để tôi đỡ anh một tay.

Mười hai ngày sau, Vĩnh Xương qua được cơn hiểm nghèo, chín phần chết co lại, một phần sống nở ra, nhưng mọi người vẫn lo lắng vì sự sống và cái chết đang giằng co ngang ngửa. Chàng nằm mê man trên chiếc võng giăng bên hiên nhà ông Hòa, một tấm sáo tre buông xuống để che nắng che mưa, được cuốn lên lúc trời êm, nắng dịu. Đó là chiếc võng người con gái ông Hòa đã giăng cho chàng ngả lưng năm nào, thuở cô chưa đi lấy chồng. Nàng không tháo võng ra khi chàng đã lên ghe xuôi về Gia Định. Ông Hòa không nhắc nhở, thỉnh thoảng ông cũng nằm võng ngắm nước sông lấp lánh trôi sau bụi tre xanh. Khi gả con gái rồi, ông Hòa càng thường nằm võng hơn, và cảm thấy mỗi ngày một thích chiếc võng cũng như vị trí giăng võng. Ông kiếm mua tấm sáo tre nối vào mái hiên, nhiều khi nằm võng ngủ luôn đến sáng. Ông nghĩ đây là chỗ tốt nhất để Vĩnh Xương dưỡng bệnh. Cả Vĩnh Xương lẫn chú Ba đều biết ít nhiều về thuốc thang, đều luyện tập võ nghệ từ nhỏ, biết tự chữa thương hay bệnh thông thường nếu rủi ro mắc phải, nhưng không thể áp dụng kinh nghiệm vừa rồi của chú Ba. Ông chỉ bị

sốt vài ngày, tuy tay chân bủn rủn, nhưng ý chí sống còn và mong muốn trở về với gia đình khiến ông dồn sức tìm cách đưa ghe vào đến bờ, bằng mọi cách về tới Để Ngạn.

Vĩnh Xương không tỏ một dấu hiệu nào cho thấy chàng còn tha thiết sống. Những ngày đầu có khi sốt cao quá chàng lên cơn mê sảng, nhờ ông Hòa xông thuốc chàng giảm sốt, nhưng vẫn nằm im thín thít, thậm chí không mở mắt khi ông Hòa cuốn tấm sáo tre cho nắng ban mai rọi vào hiên. Ông Hòa bàn nên rước lương y giỏi, nhưng khắp Biên Hòa và Để Ngạn giờ không tìm được một thầy thuốc Bắc nào đáng tin nhiệm. Người có tên tuổi hoặc đã bị giết, hoặc đã trốn đi xa, làm sao biết họ ẩn tích nơi nào. Đến ngày thứ mười, chú Ba không thể chịu được nữa. Sức khỏe ông đã hoàn toàn bình phục, và ông không thể không làm gì để cứu cháu mình. Ông nói ông đi Bà Rịa, năm xưa trên một ngọn núi vùng đó có một thầy thuốc giỏi, từng cứu ông khỏi một bệnh ngặt nghèo hồi trai trẻ. Tuy ông là thầy thuốc Nam, dùng cây cỏ hoa lá kiếm được quanh núi để chữa bệnh, nhưng giờ Nam Bắc gì không quan trọng, chữa được bệnh mới quan trọng.

Chú Ba đi được hai ngày, Vĩnh Xương mở mắt chừng một giây rồi nhắm lại. Chàng còn lênh đênh say sóng trên con tàu vượt biển về quê nhà. Cảm giác như được mẹ lau mặt bằng một cái khăn ấm và mát. Lâng lâng như được nâng đầu lên bằng đôi bàn tay mềm mại, ân cần. Có lúc chàng tưởng như có làn hơi thở nhẹ và ấm phả vào mặt.

Chàng muốn mở mắt ra nhìn thấy gương mặt trù mến của mẹ, nhưng sự dịch chuyển cái đầu, dù rất nhẹ nhàng, khiến chàng chóng mặt quá, nôn thốc ra, hai mắt vẫn nhắm nghiền. Chàng lại bồng trôi, không cảm thấy đau đớn, nhưng mệt mỏi đã dấy. Cảm giác mơ hồ bàn tay ai đó vuốt ve thân thể mình, nhưng chàng lại tiếp tục nôn thốc nôn tháo. Và chìm xuống lòng đại dương.

Đôi khi chàng nghe tiếng khóc oe oe của trẻ con, tiếng hát ru ầu ơ vỗ về thân quen lắm, tiếng nựng nịu như khi bà nội trò chuyện với đứa cháu mới thôi nôi, và tiếng bi bô của trẻ con nói chưa sỏi. Âm thanh gần kề như ngay bên cạnh, lại xa vời như ký ức nhạt nhòa. Có lúc chàng nhớ ra một bài hát ru bà cố hay hát, lại chợt thấy rõ dáng bà nội ngồi may áo mới để mặc Tết. Chàng luôn có áo mới bà nội may, nhưng thường chỉ mặc một lần cho bà xem. Mẹ chàng giữ lại tất cả những quần áo bà nội may cho chàng khi còn nhỏ, để một rương đầy, nói là chàng mau lớn quá, áo vừa cởi ra hôm qua, bữa nay mặc lại đã thấy chật. Bà nội nói vậy sao, và lấy vải may áo khác. May là em gái chàng ra đời, bà nội chuyển sang may áo cho cháu gái. Mẹ chàng lúc nào cũng ở nhà, nhưng ngay cả khi ở nhà chàng cũng ít để ý bà đang làm gì. Lúc nào bà cũng đang làm gì đó, chuyện nặng nhọc đã giao cho kẻ ăn người ở, nhưng sao chàng luôn thấy mẹ bận rộn, mà giờ nghĩ mãi không ra mẹ làm gì. Chỉ nhớ hôm đó cha vừa nói chàng sẽ ra đi sau bữa cơm thì chàng vừa ăn xong là

hành lý đã được mẹ chuẩn bị sẵn sàng, không thiếu món gì chàng cần trên đường đi. Chàng đã ra đi, để được an toàn. Còn ở lại nhà trong cơn loạn lạc là những người đàn bà chỉ có một niềm vui sống là sự trưởng thành của chàng. Những người đàn bà không muốn bước ra khỏi cửa nhà mình nếu không cần thiết. Những người đàn bà khi có dịp bố thí thì sẵn sàng tích đức cho con cháu. Và chàng đã bỏ lại họ, thoát thân một mình. Vĩnh Xương hét lên một âm thanh nghe không rõ, đấm tay vào ngực mình, cánh tay yếu ớt rớt xuống bụng.

Ông Hòa mừng rỡ bảo vợ hát ru cháu nữa đi, tiếng hát ru của bà đã có tác dụng tốt hơn mọi thang thuốc. Nó có nghe mà. Ông quả quyết. Nhìn mặt nó, dù nhắm mắt, nhưng nó có nghe đó.

Ông ngồi trên cái ghế đầu đặt cạnh vông, lay gọi: Vĩnh Xương. Vĩnh Xương à. Chàng mở mắt. Không phải cha, không phải bà nội hay mẹ. Chàng nhớ ra tất cả gia đình chàng có thể đã bị chôn chung trong mả ngụy. Chàng gào một tiếng không thành âm thanh nữa, nước mắt ứa tràn xuống má, đầu óc chòng chành như chiếc lá trên sóng. Mùi gì thơm như sữa mẹ? Vĩnh Xương cố mở mắt ra khi cảm nhận sự tiếp xúc của cái khăn mềm đang lau nước mắt chàng. Những hoa nước nhòe nhoẹt được thấm khô, Vĩnh Xương thấy gương mặt nàng cách mặt mình chỉ một cánh tay. Gương mặt hiển hiện cả trăm lần trong chiêm bao mộng mị lần khi thao thức nhớ nhung. Gương mặt ấy

đã bừng lên rạng rỡ khi gặp chàng lần đầu tiên, rồi rũ buồn như đóa hoa tàn chỉ một canh giờ sau. Ánh mắt nàng đã ám ảnh chàng từ ấy đến nay, mỗi khi chàng một mình, nhớ quê nhà. Mà mấy năm qua, phần lớn thời gian chàng sống cô độc, không phút nào nguôi nổi nhớ quê hương.

Chàng muốn chồm dậy ôm chặt nàng, dù là một ảo ảnh. Nhưng chàng chỉ mới cố nhồm lên, mọi thứ chung quanh đảo lộn, và chàng phải nhắm mắt cho đầu óc bớt quay cuồng. Cơn chóng mặt khiến chàng nôn nao, và dù hết sức kềm nén, chàng vẫn nôn ọe, dù chẳng có gì ngoài một thứ nước vàng nâu. Sức lực chàng cạn kiệt, không co tay chống nổi thân để nhồm lên, hay nghiêng người ỏi xuống đất. Nước ỏi ọc ra ngực bụng chàng bốc mùi chua đắng và nhơm nhớp. Nếu chàng còn tỉnh lúc đó, ắt hẳn chàng xấu hổ và tuyệt vọng về bản thân mình trong ngày gặp lại người con gái chàng đã huyền thoại hóa suốt ngàn ngày qua. Nhưng chàng không còn suy nghĩ gì được, như một con sứa chơi vơi trong lòng đại dương, cố ngoi lên theo bản năng, trôi dạt dờ trong cõi hoang đường. Dù vậy chàng vẫn còn cảm xúc. Chàng cảm thấy cổ ngực và bụng của mình được lau chùi, cảm giác thân thể mình được ve vuốt xoa bóp. Mùi tinh dầu giúp chàng thở nhẹ nhàng, rồi thiếp dần đi.

Vĩnh Xương à, mẹ và em gái cháu có lẽ còn sống. Ông Hòa thả một cái phao. Vĩnh Xương cố với tới, cố chụp lấy, cố bám víu. Mùi sữa mẹ thơm thoảng qua, tiếng

trẻ oe oe khóc, tiếng hát ru dịu dàng... không thể là ký ức hay ảo giác. Chàng mở bừng mắt. Trong bóng nắng nhảy múa trước hiên nhà, nàng bỗng trong tay đứa bé đang chồi đập. Nàng đung đưa thân hình nhịp nhàng để dỗ con. Nàng hát khe khẽ, vạt áo cho con bú. Đứa nhỏ không hài lòng chi đó, ngậm núm vú rồi nhả ra, ngọ nguậy. Nàng cố giữ con trong vòng tay, núm vú căng nhí giọt sữa trắng lẫn xuống bầu vú no tròn. Chàng nhìn sống cho đến khi nàng nhận thấy và quay đi, bỗng con vô nhà dưới. Ông Hòa nói, mẹ và em cháu còn sống. Ở đâu? Chàng muốn gào to, nhưng tiếng nói dường như không thoát ra khỏi cổ họng. Bác không biết, cháu khỏe lại sẽ tìm ra, có lẽ được bà con họ hàng bảo bọc đâu đó. Từ từ rồi sẽ tìm ra. Cháu phải đi tìm lại gia đình mình. Cháu phải dựng lại một mái nhà cho mẹ và em cháu. Mẹ ở đâu? Chàng khẩn khoản nhìn ông Hòa, ông không thể lập lại ông không biết, nên ông nói liều. Ở nhà một người bà con của cháu.

Vĩnh Xương nhắm mắt chấp nhận giả thuyết của ông Hòa. Chàng cảm thấy có lý. Cha đã tính ngay việc cho chàng xuất dương tránh nạn thì không thể không trừ tính đến số phận những người khác trong nhà. Bà cố và bà nội dù sao cũng già rồi, nhưng em gái chàng tuổi trăng tròn, không thể... không thể! Chàng ray rứt tự trách mình vô tâm. Chàng đã yên tâm sau khi nhờ Tịnh gửi thư cho cha. Qua giới thiệu của Tịnh, Vĩnh Xương đến Penang

tìm ngôi trường Tịnh đã học để xin học. Ở đó Tịnh còn bạn bè, đều là người Nam, họ sẵn lòng chia sẻ với chàng cách ghi âm mới của tiếng Nam, trong khi chàng được các thầy Hồng Mao dạy tiếng Anh, tiếng Pháp ngoài tiếng Latinh và kiến thức khoa học, lịch sử, địa lý, cả thần học, triết học. Kiến thức mới thu hút hết thì giờ và tâm trí Vĩnh Xương. Đến khi chàng thấy thư đi đã lâu mà không thấy tin lại mới băn khoăn và để ý đến tin tức về những biến cố ở Gia định. Phần lớn là tin chẳng lành liên quan đến những người theo đạo Thiên Chúa mà những bạn học người Nam nhận được từ gia đình hay qua hệ thống các tổ chức truyền giáo. Vĩnh Xương tự trấn an là thư từ chậm trễ vì lệnh bế quan tỏa cảng. Chàng vui đầu vào sách vở để nguôi nỗi nhớ nhà.

Một hôm Vĩnh Xương nhận được thư của Tịnh, bằng cách nào đó được gửi tới trường. Tịnh xin lỗi chàng vì tai nạn trên sông Soài Rạp đã khiến những gì chàng gửi về nhà bị hư hỏng và không được giao tới tay người nhận. Tịnh kể sơ qua sự việc, rồi báo tin là mình đang ở nước Xiêm với cố Từ. Người Xiêm muốn cố Từ hợp tác để chiêu mộ giáo dân tấn công Gia Định, cố Từ chỉ muốn tập trung vào việc đang làm là hoàn thành cuốn tự vị An Nam - Latinh. Điều đó không ngăn được chiến tranh Xiêm - Việt xảy ra. Cố Từ rất ưu phiền, đang tính chuyện rời nước Xiêm. Nên Vĩnh Xương nhận được thư này, có thể Tịnh không còn ở Xiêm nữa. Đi đến đâu Tịnh sẽ gửi

thư về trường. Vĩnh Xương xin nghỉ học đi Tân Gia Ba, tin là cha chàng ắt có liên lạc với chú Thế Đức.

Ông Thế Đức quả có nhiều tin tức từ Gia Định, từ những người đi thoát trên những chiếc thuyền lén lút rời bến vào những đêm không trăng, vượt bao nguy hiểm mới đến được Tân Gia Ba. Hết thuyền này tàu khác, từng đợt người tỵ nạn ra đi, nhiều người về Quảng Châu, một số đến Hạ Châu. Không tận mắt nhìn cũng biết Đế Ngạn ngày một vắng. Ông Thế Đức đã trông ngóng và dò tìm gia đình Vĩnh Xương trong những tàu thuyền vào cảng Tân Gia Ba. Một người ở cách Phước Xuân Đường bảy tiệm buôn cho biết ngay từ đầu cuộc nổi dậy, ông Ứng Xương đã được ông Khôi đem vô thành Phiên An vì trong đó có dịch bệnh. Sau đó thành Phiên An bị bao vây, không ai biết chuyện gì xảy ra nữa. Vĩnh Xương nhứt quyết ngược dòng người tỵ nạn ra đi để trở về nhà mình.

Dù chàng đã lo nghĩ đủ điều, cũng không hề nghĩ nổi chuyện toàn bộ Phước Xuân Đường bị diệt. Không, chàng không tin. Mẹ và em gái chàng đã được cha đưa đến nơi an toàn nào đó. Chàng sẽ tìm được, sẽ là người chăm sóc, che chở. Chẳng phải đó là điều cha muốn khi ông đưa chàng xa khỏi những tranh chấp? Chàng hít thở sâu, từ từ duỗi chân tay. Tuy nhức mỏi vì nằm vông lâu, nhưng Vĩnh Xương vốn không bị thương tích, chỉ sụp đổ vì thương tâm, theo phán đoán của ông Hòa, chàng sẽ bình phục nhanh nếu chàng còn muốn sống. Muồng

cháo đầu tiên Vĩnh Xương nuốt vào cả nước mắt. Ông Hòa thấy con gái bưng chén cháo đến, đưa tay ra cầm, nhưng nàng nói dạ được, rồi quỳ xuống bên cạnh võng, múc nửa muỗng cháo, ngừng giữa chừng cho nguội bớt, rồi mới kể muỗng cháo vào miệng Vĩnh Xương. Ông Hòa nhìn con gái và Vĩnh Xương, không ngăn cản, không nói gì. Ông yêu chàng trai này như con trai mình, điều đó chắc chắn. Nhưng ông không hề và không bao giờ có ý gả con gái về nhà họ Huỳnh. Những gì xảy ra cho mẹ của chú Ba của Vĩnh Xương, ông không biết sao? Cho dù con gái ông có là chánh thất, thì bà cố, bà nội và mẹ chàng cũng sẽ rước về một nàng dâu khác, đồng hương. Và cháu ngoại ông cũng sẽ bị đối xử kỳ thị như chú Ba. Từ khi ông chấp nhận sự thật là con trai ông đã mất, ông chỉ còn mỗi đứa con gái này, tất cả suy tính và việc làm của ông chỉ có một mục đích: hạnh phúc của con gái ông.

Vĩnh Xương à, chú Ba là người đã đưa cháu về đây. Chú Ba biết là nếu cháu trở về, hoặc người nhà họ Huỳnh nào còn sống sót trở về, chắc chắn sẽ về Phước Xuân Đường và đến cúng tế ở gò mả nguy. Chú Ba cải trang đi qua đi lại nhà cũ, chiếu tối quần quanh gò mả, như một con ma. Mấy hôm cháu nằm mê man, chú Ba sốt ruột đi lên núi Bà Rịa tìm thấy thuốc. Bây giờ cháu ngồi dậy được rồi, ít bữa nữa chú Ba về, chắc là mừng lắm. Vĩnh Xương nghe cũng mừng lắm. Lòng chàng đã nhẹ đi phần nào, đầu óc thôi vằng vất, thân thể còn ốm nhưng không

yếu lắm. Ngồi dậy được là cách ông Hòa nói, chứ chàng cũng đã đi đứng, ít nhứt cũng tự đi vệ sinh. Nghĩ lại lúc nằm vồng ói mửa và làm gì nữa tại chỗ, ngoài ý thức và không thể tự kiểm soát, chàng xấu hổ. Nhưng một mối xúc động mạnh khiến máu trong thân chàng nóng lên, chảy rần rần. Vĩnh Xương tưởng tượng, nàng hốt dạn đã đánh, nàng còn lau chùi khắp thân thể chàng, và xoa bóp dầu nóng... Nếu những điều đó không do chàng tưởng tượng thì cũng đã diễn ra khi nàng tưởng chàng mê man không biết gì. Hạnh phúc và cay đắng! Chàng nhìn nàng ngồi dưới hiên trước, quay lưng lại chàng, cho con bú. Nàng có ý thức chẳng tấm lưng thon cong cong đung đưa nhẹ nhẹ của nàng gợi cảm như thế nào? Nếu ông Hòa không ngồi trên cái ghế đầu bên cạnh vồng, chàng đã bất chấp thế gian để lao tới ôm nàng.

Gần bốn năm trời! Đứa con đầu lòng của nàng chạy lấm dầm trong sân, chiếm hết sự quan tâm của ông bà ngoại. Khi dần dà quen với sự hiện diện của Vĩnh Xương, nó mon men tới gần, nhứt là khi ông ngoại nó đến ngồi trên ghế đầu, lúc Vĩnh Xương thức giấc. Đôi mắt trẻ thơ nhìn chàng trong vắt. Ông Hòa rõ ràng hạnh phúc như một tiên ông. Râu tóc ông thiết tình cũng đã bạc màu, gần gần giống hình ảnh tiên ông mà người đời tưởng tượng. Hai ông cháu chuyện trò, không ra ất giáp ngô khoai gì hết, mà ông cười khà khà, đứa nhỏ chẳng những cười hăng hắc, còn nhảy loi choi trên đùi ông ngoại. Vĩnh

Xương không thể dừng yêu đứa bé. Chàng chỉ còn một điều lẩn tránh là cha nó chưa xuất hiện. Chàng đoán ông bà Hòa bắt rể nên nàng và các con ở đây, nhưng chàng rể đi đâu? Chàng hỏi ngay ông Hòa. Ông nói, giữ giọng bình thường, nó bận việc quan... Ông nói thêm ngay, nó chỉ giữ một chức quan nhỏ ở trấn Biên Hòa. Đáp lại vẻ mặt bàng hoàng của Vĩnh Xương, ông Hòa nói, may mà có nó, gia đình mình ở đây yên ổn. Chứ sau loạn Khôi người Minh Hương mấy đời ở Biên Hòa cũng bị phiền hà. Cuối cùng Cai đội Tuấn được về nhà một buổi để ăn bữa cơm đoàn viên với vợ con. Không cao lớn lắm, tay chân gân guốc, mặt vuông mũi to, không phải dị tướng, chỉ lộ rõ dáng dấp nông dân trong một võ tướng. Cai đội Tuấn hồn nhiên xác nhận gốc gác của mình: anh đang đào mộ để lập vườn quanh nhà thì giặc nổi lên chiếm thành Biên Hòa. Quan Tuấn phủ lui vô đồng chiêu binh đánh giặc, Tuấn dẹp cuộc đầu quân. Chiếm lại được Biên Hòa, Tuấn được thăng dần lên Cai đội.

Bây giờ Vĩnh Xương đã có thể thông thả dạo bước trong sân, ngoài vườn, dọc bờ sông. Vẫn là dòng sông mệnh mang nước chảy xuôi chở những tia nắng lấp lánh như ánh bạc ánh vàng. Cây bên bờ cao hơn rậm hơn hình ảnh chàng nhớ. Sớm trưa chiều tối cảnh vật đều thanh bình như không hề xảy ra những cuộc chiến thảm khốc khiến hàng vạn người thương vong. Trong ngôi nhà Vĩnh Xương được chăm chút từng miếng ăn, từng tiếng ho,

người già cười đùa với trẻ con, người mẹ trẻ ngày năm sáu bận vạch vú cho con bú, hát ầu ơ dưới hiên nhà, chàng không thể hình dung nổi toàn gia Phước Xuân Đường đã bị sát hại. Họ chỉ bị tàn lặc đầu đó, chàng hy vọng như ông Hòa nói. Thân thể Vĩnh Xương vẫn lành lặn như thể chàng không hề trải qua những ngày mê man bất động, những cơn sốt khô bong da, những cơn nôn ra cả mật vàng. Điều đã qua tựa một chiêm bao, chỉ tiết theo thời gian phai lợt, ấn tượng phôi pha. Đôi khi mình muốn sống giấc mơ đó, rồi nhận ra đó chỉ có thể là giấc mơ. Thậm chí muốn mơ lại giấc mơ đó cũng không thể. Vĩnh Xương trầm ngâm suy nghĩ nhiều, ít nói.

Ông Hòa làm ra vẻ thôi bận tâm đến Vĩnh Xương, ngày ngày chơi đùa với cháu ngoại. Nhưng ông không bỏ qua nhút cựa nhút động nào của chàng, ngay cả ánh mắt, đôi khi tìm kiếm, đôi khi đăm đăm, đôi khi buồn buồn, và cả những bước chân ngập ngừng tiến qua ngưỡng cửa bếp, dừng lại, thoái lui. Ông thấy hết. Ngay cả khi chàng rên rỉ trong mê ngủ, không ý thức vòng tay mình siết chặt ngực mình, không biết ông Hòa đứng bên hiên nhìn chàng. Ông đứng lặng lẽ nghe những lời tha thiết Vĩnh Xương lảm nhảm trong mơ, rồi ngẩng nhìn vầng trăng khuyết cao vợi vợi tự mang ánh sáng và bóng tối của mình, đơn độc băng qua bầu trời chỉ chút những chùm sao luôn luôn lấp lánh. Chẳng phải ông Hòa từng chứng kiến những điều tương tự xảy ra cho một người khác trong nhà

Phước Xuân Đường vài mươi năm trước sao? Mặc dù lúc đó Phước Xuân Đường đang phồn vinh và thiên hạ được coi như thái bình dưới triều vị vua khai quốc. Nhưng bi kịch cá nhân không nhứt thiết phải có mấy năm giặc giã và sự tán gia bại sản làm nền mới nổi bật được bi thương. Với một chàng trai trẻ, như Vĩnh Xương bây giờ, như chú Ba chàng ngày xưa, một tình yêu tuyệt vọng có thể vô nghĩa hóa mọi thứ trên đời.

Vĩnh Xương nói không biết chú Ba bao giờ mới về, cháu đã khỏe rồi, tự mình có thể đi tìm hỏi tin tức gia đình cháu. Ông Hòa không đáp ngay, lát sau mới thở dài lẩm bầm, ai da... bệnh mà chờ thuốc ông đem về thì chết còn khỏe hơn. Nhưng cháu đã tự khỏi bệnh, mạnh khỏe như vậy là tốt rồi. Cháu muốn thăm bà con thì rất nên đi. Trước hết phải dò hỏi xem người bà con đó ở đâu, có được yên ổn cho tới bây giờ, mình là người có liên quan đến những kẻ triều đình bắt tội, liệu đến gặp người ta có đem họa đến cho người ta không? Vĩnh Xương giật mình. Hôm nay chàng ở đây, bình an hồi phục, ắt nhờ được sự bao che của con rể ông Hòa. Ông Hòa đã đóng một cây đình nữa, cây đình cái, neo chàng vào những giá trị đạo đức chàng được tập nhiễm trong gia đình từ nhỏ đến lớn. Làm người phải coi việc báo ơn là trọng. Chàng đã tâm niệm coi ông Hòa như cha, mang ơn ông cứu mạng và cho tá túc. Hóa ra người chàng thực sự phải mang ơn là chồng của nàng.

Ông Hòa nhìn ra sông nói chú Ba của cháu về kia. Ông không kịp nói thêm gì vì miệng ông chợt há hốc không khép lại được. Từ dưới bến nước đi lên không chỉ một mình chú Ba, đi cùng là một người khoác áo cà sa nhưng râu tóc xòa dài đen nhánh. Người đó bước vô sân nhà dường như cũng nhận ra ông Hòa. Đôi mắt sáng nhìn ông lóe lên ánh vui mừng, tin cậy. Chú Ba nói tôi đã tìm được Phật Thấy. Ông Hòa chấp tay xá. Người đó nói tôi không phải Phật. Như người đó từng nói với ông Hòa trên núi khi ông sụp lạy Thần. Tôi không phải Thần. Là gì đi nữa thì ông Hòa cũng không cưỡng lại được sức mạnh kỳ lạ toát ra từ người đó. Vào nhà. Ừ, vào nhà đi. Người đó vào nhà, bước đi bình thường chứ không nửa dùng dáng nửa quyết liệt như khi xuống núi. Mời uống trà. Người đó đón chén trà từ tay con gái ông Hòa, vẻ mặt bình thản. Nét đau buồn đến ngơ ngác khi cầm nắm cơm ông đưa dưới chân núi đã tan biến. Gương mặt bình an chứ không thẳng thốt như hồi cùng ông ngồi đối diện trên chiếc xuồng bơi từ chân núi ra chợ. Ông Hòa bỗng thấy vui như gặp lại một người mình thương yêu bị cách xa lâu lắm. Không ít lần ông đã trách thầm mình sao đành lòng bỏ lại một người mới xuống núi bơ vơ ở chợ Châu Đốc. Ông đã tự biện hộ là ông đã gởi gắm người đó cho ông chủ Phước Xuân Đường. Từ bấy đến nay, bao nhiêu biến cố, những người đang đoàn viên chợt ly tán, người tưởng mất tích xuất hiện, người tìm không gặp, người không

tìm mà gặp. Bỗng nhiên giờ đây người đó ngồi giữa nhà ông bên dòng sông Đồng Nai.

Nước sông trôi miên man nhưng thông thả, không đục ngầu phù sa, không cuộn cuộn dâng lũ, đôi bờ nhìn thấy nhau chứ không mịt mù như bờ sông Cái. Vĩnh Xương hỏi người là ai. Người đó đang cùng chàng đứng dưới bóng tre bên bờ nhìn ra sông. Xa xa bên kia bờ có vệt mờ mờ tựa như bóng một ngọn núi. Nơi này sông uốn khúc, chỗ thấp thoáng dăm mái nhà, chỗ xanh um cây cỏ. Người là ai? Tôi không biết. Là ai là sao? Là... Là... Vĩnh Xương chau mày tìm cách diễn giải hiểu biết của mình. Chẳng hạn tôi là Vĩnh Xương, con trai của Ứng Xương, chủ Phước Xuân Đường. Ông Hòa là chồng bà Hòa, họ là ông bà ngoại hai đứa bé. Mẹ của hai bé là vợ Cai đội Tuấn, một võ quan trong trấn Biên Hòa. Người ta đều là ai đó, trong tương quan xã hội và trong gia đình. Người đó cũng chau mày, hơi lâu. Tôi là... ai? Vĩnh Xương nói tôi chỉ hỏi để xưng hô cho phải phép. Chàng cảm thấy áy náy vì đặt ra một vấn đề khiến người đó hoang mang, cứ đứng yên hướng ánh mắt về phía bóng núi xa xăm. Vĩnh Xương muốn tiếp tục chuyện trò với một người không phải “chú” hay “bác” của mình, không phải cung kính một điều dạ hai điều vâng. Chàng hỏi: Tôi nên gọi người là gì?

Hãy gọi tôi như gọi một người anh em. Vĩnh Xương vui mừng. Hồi ở Penang, những người Nam, người Xiêm,

người Nam Dương... học chung trường đều được các thầy khuyến khích gọi nhau như người anh em. Tên họ bằng ngôn ngữ khác nhau khó gọi chính xác, gọi nhau anh Đồ, anh Thìn, anh Dép... cho tiện xưng hô. Vậy thì anh gọi tôi là Xương, tôi gọi anh là Hưng. Hưng lắng nghe nhiều hơn nói, còn Vĩnh Xương nói như trút ra gan ruột u uất bấy lâu nay. Hai người nói chuyện từ Penang đến Bảy Núi, từ Đức Chúa Trời đến Bà Chúa Xứ, từ tiếng Latinh đến chữ Nôm, hợp ý nhất là khi nói về bệnh tật. Vĩnh Xương nói lúc chàng ở Penang có xảy ra một trận dịch khiến nhiều người chết, ai cũng sợ, nhưng các y sĩ Hồng Mao dám nhất xác người về mổ xẻ nghiên cứu, tìm nguyên nhân bệnh và cách trị. Họ có nhiều kiến thức về cấu tạo thân thể người ta, hiểu biết về nhiều bệnh tật, và có nhiều thuốc mà chàng nghĩ có tác dụng tốt hơn thuốc thang của cha chàng, vốn là danh y xứ Gia Định. Hưng rất chú ý chi tiết về bệnh tật thuốc men, hỏi là họ có ghi chép lại thành sách không. Có chứ, sách y bằng chữ Anh chữ Pháp có nhiều, chính vì vậy Vĩnh Xương đã cố gắng học những thứ tiếng này, dự định khi đọc nghe hiểu tốt rồi sẽ nhờ chú Thế Đức cho vay tiền đi châu Âu cầu học, cha chàng chắc chắn hài lòng việc này. Chẳng may Gia Định có biến, chàng vội trở về. Hưng nói các vật trong lòng sông Cái có khi chìm khi nổi, có khi hợp khi tan, khi lui khi tới. Cái gì tấp vào tay ta thì ta nhận, cái gì trôi đi thì để nó trôi đi. Vĩnh Xương nói giá mà việc đời cứ trôi như nước sông Đồng Nai.

Ở trong bếp, hai người đàn bà bận bịu giữ trẻ con và nấu nướng. Ở trong nhà hai ông già rù rì bàn tính việc trước mắt, việc mai sau. Ông Tế Xương nói với ông Hòa, Vĩnh Xương cần phải rời đất Gia Định càng sớm càng tốt, ông sẽ lo gấp việc này, tình hình những nơi ông đi qua hôm nay còn rối rắm. Ông đã thử đi ghe ra Cần Giờ để qua Bà Rịa, không được, ông đổi qua đi đường bộ mà cũng không tới. Trong lúc cùng đường ông nghe nói có người ở cồn Hú chữa lành mọi bệnh, được xưng là Phật Thầy, ông nghĩ có lẽ một kiểu tôn xưng như Thánh y, Thần y. Ông không tin lắm nhưng cũng thử đi coi sao. Cồn Hú là tên dân gian gọi một cái cồn nhỏ nơi họ bắt được nhiều con cá hú to làm hang trong những lùm cây ven bãi. Cồn chưa được khai khẩn, chưa có tên chính thức. May là ông Tế Xương rành sông Cái nên tìm được đến nơi. Hóa ra đó là người đã theo ông Hòa đến Phước Xuân Đường ở Châu Đốc. Hồi đó ông đã nghĩ người đó biết y thuật khi thấy người đó chăm chú đọc quyển sách ghi chép về thuốc men ở tiệm Phước Xuân Đường. Ông Tế Xương đã nhờ biết bao người đi tìm sau khi người đó bỏ đi, mà kỳ lạ, ai đi cũng mất biệt. Rồi không tìm nữa thì gặp. Phật Thầy ở trên cồn một mình, thỉnh thoảng có người từ hai bờ sông bơi xuống qua cồn nhờ Phật Thầy chữa bệnh. Như vậy không ai phải bơi ngang hết chiều rộng dòng sông mênh mông khi mưa to sóng lớn. Tôi xin Phật Thầy cứu cháu tôi, người đó chịu đi theo tới đây. Bây giờ tôi phải đi lo

việc Vĩnh Xương trước, tạm gởi Phật Thầy lại đây. Mai tôi đi sớm, nhà tù tập đông người bất tiện.

Ông Hòa nói với ông Tế Xương, ở nhà ông thì được, đi đâu bây giờ cũng có thể gặp bất trắc dọc đường. Mà ở nhà cũng có thể có bất trắc, khôn lường. Xáo trộn chính trị và chiến tranh, kết thúc tức là ngã ngũ kẻ thắng người thua, kẻ được người mất, chứ đâu phải ngừng đánh là thiên hạ thái bình. Còn nhiều chuyện lắm, nhưng chúng ta già rồi, thấy đủ rồi, sống đủ rồi. Chuyện gì nữa sẽ xảy ra là chuyện của con cháu mình. Kế lâu dài phải tính kỹ. Con gái tôi và hai cháu ngoại lát nữa sẽ về bên nội, hai nhà cách nhau không xa. Thằng rể nhờ giặc giã mà có chút danh phận chốn quan trường, chứ không phải người giỏi giang hay có chí lớn. Hồi gả con, tôi thấy nó là người tốt bụng và không có tham vọng. Nó làm vườn thì loanh quanh gần đây, con gái mình tiện đường về thăm cha mẹ. Ai đâu dè được thời thế biến nó thành anh hùng. Chỉ cầu trời nó vẫn là người tử tế như tôi đã nhìn thấy trước đây.

Buổi chiều đó, giúp mẹ dọn dẹp sau khi cả nhà cơm nước xong, con gái ông Hòa bỗng con về nhà chồng, không cần từ biệt khách vì đình ninh mọi người còn ở đây khi mình quay lại. Hôm sau, Vĩnh Xương được đánh thức khi trời chưa sáng để lên đường. Chàng ra đi khi trong nhà còn im ỉm, ngay cả anh bạn Hưng cũng dường như còn ngủ, không thấy bóng dáng ông bà Hòa. Người nhà đều ngủ trong buồng. Chàng hơi dùng dằng, nhưng có

phần yên tâm nàng ở đây, và tự nhủ rằng mình sẽ trở về. Chắc chắn sẽ trở về, dù tìm lại được người nào trong gia đình chàng hay không. Đây cũng là nhà, là gia đình chàng. Chiếc xuồng con men theo bờ sông, vướng víu lau sậy và các thứ cây cỏ đang nở hoa sớm, tỏa mùi thơm dịu ngọt. Chim chóc, côn trùng, và các động vật khác bị mái chèo của chú Ba khuấy động, hơi hoảng loạn chốc lát, rồi đậu lại vào đó, trong bóng tối và tĩnh lặng. Hai chú cháu lúc đầu cũng không nói gì. Thiết tình Vĩnh Xương cảm thấy muốn ngủ nữa khi gió mát trên sông thổi hiu hiu. Ông Tế Xương không chỉ tập trung vào việc bơi xuồng, mà đặc biệt cảnh giác, chú ý mọi thứ động đậy ở gần lẫn ở xa.

Chú đã dạo hỏi tìm kiếm nhiều rồi, trước khi gặp được cháu. Hy vọng lớn nhất hiện nay là cha cháu đã cho đưa hết phụ nữ trong gia đình về cố hương trước khi giặc già nổi lên. Chú đã nhờ người dạo hỏi một trong những quan binh đầu tiên xông vào Phước Xuân Đường ở Đế Ngạn, y nói lúc đó bắt được hơn chục người đàn ông, y không tận mắt thấy có đàn bà trẻ con nào trong nhà. Thậm chí của cải thu được trong Phước Xuân Đường cũng không đáng kể. Một số đao bị tịch thu là của những người bên vô đường, và một số giấy có chữ đều được nộp cho quan Than tán quân vụ. Cha cháu vốn cẩn thận, giỏi tính toán, hẳn đã có chuẩn bị. Phước Xuân Đường trải qua hoạn nạn loại này không phải một lần này. Trước đây ông cố ông sơ đều trung thành với Chúa Nguyễn vì ơn dung nạp kẻ bại

trận ly hương. Ông nội còn đem cả gia sản ở Cù lao Phố theo giúp Chúa Nguyễn khi Tây Sơn thắng thế. Có lúc lực lượng của Chúa Nguyễn chỉ còn một đoàn mấy chục người bệnh tật đói rách, ông nội chữa trị từng người, nuôi nấng, che chở, rồi còn giúp Chúa mộ binh trong nhóm người Minh Hương. Nhưng ông nội luôn giữ phận khách, khi Chúa Nguyễn lên ngôi vua, ông nội không tham chính, dặn con cháu không làm quan, chỉ giữ nghề thuốc nuôi mình và cứu người. Quan trường phức tạp, nhiều hiểm ác hơn chốn giang hồ. Quyền lực là thứ lắm rồi thì khó làm người. Ông nội đã dạy chú và cha cháu như vậy. Chú không biết cha cháu có kịp dặn lại cháu không.

Vĩnh Xương nhìn chú Ba hiện rõ dần ở mũi xuống khi những tia nắng mai xuyên qua lớp sương lãng đãng trên mặt nước. Chàng buột miệng hỏi chú Ba có lạnh không. Thoáng cảm động hiện trong mắt chú Ba, chú hỏi lại con lạnh à? Chút nữa nắng lên sương tan nhanh. Con chưa bình phục hẳn, lẽ ra không nên xông pha nắng gió như vậy. Nhưng việc gì cũng có thời điểm, vượt một cơ hội có khi chệch cả một kiếp người. Chú không thể để bất cứ điều gì không hay xảy ra cho con lúc này. Phước Xuân Đường giờ là Huỳnh Vĩnh Xương. Bà cố, bà nội, mẹ và em gái con đều trông cậy vào con. Nước mắt trào ra không kiềm được, Vĩnh Xương bật khóc thành tiếng. Chàng tưởng như thấy trước mắt là người cha co ro trong gió biển hỏi chàng có lạnh không. Chàng đã vô tình biết

bao. Nếu lúc đó chàng không ngoảnh nhìn cửa sông Soài Rạp, không ngóc đầu nghe gió thổi ù ù trong tai, có phải cha chàng đã có một cơ hội nói với chàng những điều đó, và có lẽ những điều khác nữa. Chú Ba để chàng khóc một lúc rồi tự người ngoai. Ông chỉ đủ sức kiềm chế cảm xúc của bản thân mình.

Con hãy thay quần áo của dân chài, làm bộ hèn mọn ngây ngô, đi đường không cần nói gì hết, để mặc chú ứng phó. Chú được má chú nuôi lớn trong xóm người Nam. Trừ những người biết chú là người nhà Phước Xuân Đường, người khác đều tưởng chú là người Nam. Chú còn nghe nói được tiếng của người bản địa nữa, nên chú đi lại khắp đất Gia Định không sao hết. Nhưng con, nhìn là họ thấy con không giống họ. Khi mình không thể giống chung quanh thì tốt nhất là vô hình. Trong thời buổi hậu chiến, đến miếu đồ, ông hóa thẳng thẳng hóa ông, phe đảng vẫy cánh và các nhóm vợ vét lợi ích cho bầy đàn mình, đạo lý được đơn giản hóa thành ta hoặc địch, sự khác biệt là một loại khuyết tật nguy hiểm. Không muốn, hay không thể giống họ, không muốn hay không thể gia nhập bầy đàn với họ, thì đừng để họ biết sự tồn tại của mình. Khi con về Quảng Đông con cũng sẽ không giống và không thuộc về những người ở thôn Hạ. Chú hy vọng bà cố, bà nội, mẹ và em con đều đã về đó bình an. Nhiều thế hệ họ Huỳnh đã rời cửa và người về cố hương, mua lại đất xây lại nhà. Con muốn ở đó thì chú không có ý kiến

gì, vì chú chưa từng về đó như ông nội và cha của con. Con đã từng về đó à. Ừ, vậy con tự quyết lấy những vấn đề bên đó.

Nhưng nếu... chỉ “nếu” thôi, nếu việc đã xảy ra không như chú cháu mình ngồi đây suy tính, chẳng hạn con không gặp gia đình mình ở thôn Hạ, con sẽ làm gì? Vĩnh Xương bất động một lúc. Chàng luôn có sẵn câu trả lời tức thì: trở về Đồng Nai, nhưng cái giả định không còn ai trong gia đình đón chàng về một nơi là nhà mình khiến cả thân hình chàng đóng băng. Chú Ba không thể lau nước mắt cho Vĩnh Xương, không thể kéo chàng ấp vào ngực mình để tiết ra phần nào tình yêu đối với chàng, vì ông đang chèo chống qua một ngã ba sông trống trải và thấp thoáng phía sau có bóng ghe xuống ai đó. Ông gặp người chèo cật lực để băng qua vàm thật nhanh, tới bờ kia lúi ngay vào lùm cây nghe ngóng động tĩnh. Tình thế hơi hiểm nghèo khiến Vĩnh Xương nín được cơn cảm xúc trào dâng bất chợt. Chàng ngoảnh đầu nhìn theo hướng ánh mắt lo âu của chú Ba, chợt nhận ra dòng sông Đồng Nai với những con sóng nhỏ lấp lóa nắng như muôn ngàn bàn tay đang vẫy chàng. Dòng sông vốn tấp nập ghe thuyền trước đây giờ lác đác vài ba chiếc ghe nhỏ của người đánh cá. Chú Ba nghỉ một một chút rồi chèo tiếp.

Lần này con không thể đi bằng tàu lớn, nơi hành khách chỉ việc ăn ngủ đến khi tàu cập bến, xuống tàu là tới nơi. Con sẽ đi bằng con đường mà nhiều đồng hương chúng ta

vì những lý do khác nhau không thể đành lòng đi bằng tàu qua lại Gia Định. Có đoạn đi trên quan lộ, có chỗ phải đi đường rừng, trèo đèo lội suối, cũng có đoạn đi thuyền qua biển, có khi đi ngựa, đi kiệu, hoặc đi bộ. Nên con phải giữ gìn sức khỏe, chuẩn bị tinh thần là trước mắt luôn có khó khăn, tới chỗ nào cũng có khó khăn. Phải trì chí nghĩ đến những người mình yêu thương ở quê nhà mà nhẫn nại vượt qua từng bước một để tiến tới. Người của Hội đồng hương sẽ đi cùng con. Mọi chuyện trên đường có ông ấy giúp. Ông ta đem mạng sống đặt cược cho chú để đưa con về thôn Hạ an toàn. Nhưng không thể tuyệt đối dựa vào ai. Gặp lùm cây kín đáo chú Ba lại lùi xuống vô, đưa Vinh Xương bốn viên tròn tròn bọc sáp mà chàng tưởng là thuốc tể. Con không nên mang theo vàng bạc đi đường. Đây là những viên ngọc quý bọc kín bằng những thứ khó tiêu hóa. Con nuốt vào đi. Mỗi khi đau bụng ỉa ra thì mò trong cứt lượm lại rửa sạch rồi nuốt trở vô. Chú không biết cái gì chờ con phía trước, không biết có ai ở thôn Hạ con có thể vay tiền như chú Thế Đức ở Nam Dương, nhưng tiền thì chắc chắn con cần. Những viên ngọc này tương đương gia sản của một nhà buôn trung bình.

Khi chuyển giao Vinh Xương qua ghe của người dẫn đường, chú Ba nói nốt những dặn dò cuối cùng. Trong bất kỳ tình huống nào, bất cứ điều gì xảy ra, con hãy nhớ con vẫn còn chú Ba. Trong trường hợp con trở lại mảnh đất này, chắc chắn phải tìm chú. Bây giờ chia tay con, chú

sẽ đi thăm các con chú đang cùng mẹ chúng và ông bà ngoại tạm nương nhờ cậu Hai ở Bình Dương. Chú có thể về Châu Đốc hay ở lại Bình Dương, hay về Đố Ngạn, Biên Hòa, tùy tình thế. Vinh Xương lại ghen ngào như khi xưa trên con tàu ngoài biển mắt chàng những muốn đâm thủng màn đêm để nhìn lại hình bóng cha và tạ lỗi sự vô tình của mình. Sao chàng có thể sống trên đời như một kẻ vô tâm đến thế. Từ hôm gặp lại chú Ba chàng đã không hề nghĩ tới, chứ đừng nói là mở miệng hỏi thăm gia đình chú Ba. Chàng chỉ nghĩ Phước Xuân Đường là cha chàng, bà cố, bà nội, mẹ và em chàng. Chàng chỉ bung tòe loe nổi lo về người ruột thịt của mình và quẩn quại đè nén cảm xúc đối với một người dưng, một người vợ của kẻ khác... Nhưng nghĩ đến đây lòng chàng lại quặn đau thêm.

Khi sương tan trên bờ tre, ông Hòa thấy con gái mình bồng con nhỏ dắt con lớn băng qua vườn cà đi vào nhà bếp. Lửa bếp đang bập bùng cháy, khói len lỏi qua kẽ mái ngói đã bị ám đen, lờn vờn như không đành lòng, nhưng rồi cũng từ từ tan đi. Trong khi bà ngoại đón cháu, bỗng ăm hôn hít như đã nhớ suốt đêm, khiến đứa nhỏ nhột cười hăng hắc, thì người mẹ, người đàn bà, người con gái ông Hòa cặm cùi chụm cùi, cùi lom khom thổi cho ngọn lửa bốc phừng phừng. Lửa cháy rồi, khói đã tan, nàng đưa tay áo chùi mồ hôi và nước mắt. Những buổi sáng bình thường ông Hòa ngồi ăn cháo một mình, chỉ một chén cháo trắng với vài hột đậu muối, khói phiền lụy vợ con sửa soạn bếp núc lúc mới tan sương. Mấy bữa nhà đông người, bếp lúc nào cũng đỏ lửa, nổi này nhắc xuống, nổi khác bùng lên, vợ và con gái ông vừa dẹp tô đĩa xong lại bày ra ăm tách, rồi dọn ăm tách bày chén đĩa... Ông hài lòng vợ con chu đáo. Nhưng cũng mừng là chú cháu Xinh Xương đi rồi.

Ông ngồi bên bàn ở giữa nhà thông thả uống trà, thưởng thức mùi thơm thoảng nhẹ của hoa sen. Có thể hương hoa bay vô nhà từ cái hồ kiếng bên hiên, nhưng

ông tưởng tượng làn hương từ những cánh sen được ông ướp vào trà đang thức giấc mùa lượn. Đó là khoảnh khắc lãng mạn duy nhất trong ngày, dù tất cả thời giờ còn lại ông cũng đi loanh quanh, ngồi xuống uống trà, nằm vông nghỉ trưa, rồi dậy uống trà. Những hiệp trà sau trong ngày, ông chỉ uống như thói quen, trong lúc suy tư. Không nhận là Thần, không nhận là Phật, người đó đang ngồi xếp bằng trên thềm nhà ông Hòa, khiến ông nghĩ ngợi lung lay mà chưa tính ra phải làm gì với người đó. Ông đã nói lại với người đó là ông Tế Xương hứa sẽ quay về đây, và trong khi ông Tế Xương chưa về thì người đó có thể ở đây. Hãy coi đây là nhà mình, ông đã nói vậy. Người đó mỉm cười, khiến ông Hòa bối rối một chút. Lần đầu tiên ông thấy người đó mỉm cười, ánh mắt thanh thản, chứ không sáng lạnh như lần đầu mới gặp. Một niềm cảm mến dạt dào trong lòng ông Hòa. Nhưng ông vẫn không biết làm gì với một người không nhận là Thần, không nhận là Phật, nhưng không hành xử như người, những người ông Hòa từng gặp gỡ trong cuộc đời xuôi ngược nhiều nơi.

Cai đội Tuần ghé nhà cha vợ không gặp chú cháu Vĩnh Xương, không ngạc nhiên cũng không hỏi họ đi đâu. Anh nói riêng với ông Hòa. Quan bố chính tỉnh Biên Hòa, theo lệnh triều đình, đang cho bắt tà đạo, xây nhà tù, và khuyến khích dân chúng thờ cúng ông bà, tu theo Phật Thánh. Trên núi Châu Thới trước đây vốn có một cái

am lợp lá, có mỗi một vị sư thường đi vắng. Vừa rồi, theo ý vợ, quan Bố chính đã cúng một ngàn tiền để phá am cất lại chùa cho to đẹp, chấn hưng Phật pháp. Nghe quan nói khi xưa, đời nhà Trần, đất nước thái bình, khắp giang sơn chỗ nào cũng có chùa to đẹp, vua cũng tu, ngày ngày chuông mõ vang vọng đến từng thôn xóm, dân chúng nhu thuận, như đời Nghiêu Thuấn. Ông Hòa nhìn thẳng rể như thấy giữa trán nó thè ra thêm một cái lười. Lúc ăn cơm, Cai đội Tuấn hỏi người khách ngồi chung bàn: sư không ăn chay à. Người đó đáp tôi không phân biệt, có gì ăn nấy. Lại hỏi sao sư mặc áo cà sa mà không xuống tócạo râu. Ông Hòa suýt chọi cái chén đang cầm trong tay vào đầu thẳng rể. Thằng này hồng, nhìn một con người mà chỉ sẫm soi chuyện ăn mặc. Được cái, Cai đội Tuấn có vẻ hồn nhiên, thấy gì khác lạ với hiểu biết của mình thì hỏi, người đó trả lời sao cũng được, không trả lời cũng không sao, không tranh cãi, vắn vẹo. Anh ta ăn uống thiết tha, xong nựng vợ con rồi đi mần việc quan. Chớ không thì ông Hòa cũng xách chổi quét đi.

Ông biết là người đó chẳng bận tâm, người bực mình là ông. Người đó vẫn an vui. Đôi khi ông đến ngồi cạnh người đó ở bậc thềm, cũng nhìn ra sông rồi nhận ra người đó hướng mặt ra sông chứ không có vẻ nhìn gì cả. Ông không hỏi, vì sợ những thắc mắc của mình như chuyện gì đã xảy ra từ khi người đó xuống núi, hay người đó định làm gì đi đâu khi ông Tế Xương quay về, hay không quay

về... nghe không khác những thắc mắc ăn gì mặc sao của thằng rể. Bỗng nhiên người đó tự nói. Bụi tre mọc trên bờ sông, bóng phản chiếu dưới nước, nước trôi bóng ở lại. Nước trôi tới đâu phản chiếu cảnh vật ở đó. Nước không thể không trôi, bóng không thể rời vật. Thì cứ để nước trôi. Sông là vậy. Ông Hòa ngoảnh đầu thấy con gái đứng sau lưng, hai tay bưng khay trà. Nãy giờ người đó nói với ông hay với nàng? Người đó hiểu đến cỡ nào câu chuyện mà ông Hòa định ninh chỉ có một mình ông hiểu? Ông đã thấy Vĩnh Xương và người đó chuyện trò, không lẽ nào Vĩnh Xương kể lể chuyện tình của mình với một người khoác cà sa mà tóc râu xòa dài tới lưng bụng. Mà không lẽ nào người phi Thần phi Phật này lại để ý chuyện gái trai luyến ái trái ngang? Ông Tế Xương đã đi tới đâu rồi, sao chưa về?

Từ Bình Dương, ông Tế Xương định đi Châu Đốc rồi mới trở lại Biên Hòa. Qua Mỹ Tho thấy phố xá khá đông, ông mới sức nhớ Tết tới nơi rồi. Đi một vòng quanh chợ, ông nghĩ chỗ này mua bán được, nhất là những thứ cá mắm và hải sản ông có thể đưa từ Hà Tiên, Châu Đốc về. Từ giờ trở đi ưu tiên số một của ông Hòa là kiếm tiền. Của cải đã bị hao tổn quá nhiều trong loạn lạc và trong giải quyết hệ lụy của loạn lạc. Hồi mới tới tuổi bất hoặc ông đã hoang mang về ý nghĩa cuộc sống, hay cuộc đời mình. Nhưng giờ đã qua tuổi tri thiên mệnh, ông nhìn thấy rất rõ: dầu sự sống là gì thì cũng không có ý nghĩa gì dưới những tham vọng quyền lực. Và tiền là đối xứng của

quyền, trị nhau hoặc hỗ trợ nhau. Đầu óc ông miên man tính toán, lục lại ký ức về những người, việc, vật và nơi, cố sắp xếp thứ tự ưu tiên chuyện phải làm, chuyện cần làm, nên làm, sẽ làm, sắp làm, và làm ngay. Trong thứ tự đó, không có chỗ, dù ở dưới chót, cho việc ngao du cùng Phật Thầy đến núi Tà Lơn hay qua Thiên Trúc như đã từng mong ước.

Suốt từ Bến Tre đến Vĩnh Long, thuyền ghe chở gạo, chở gạch nối nhau. Đứng nhìn đám phu bốc vác đang công những cần xé nông phẩm lên thuyền, ông Hòa bỗng nhận ra một người từng làm việc cho Phước Xuân Đường ở Châu Đốc, anh Nền, và ngay sau anh Nền là anh Bình, hai người đã được ông sai đi tìm người rồi không thấy về. Gặp lại họ ở đây, ông Tế Xương không hồ hởi lắm, chính ông đã tìm ra Phật Thầy trước cả hai người này. Nhưng ông cũng mừng, sau cuộc chiến tranh, thấy ai sống sót là mừng, gặp người quen cũ càng mừng. Nền và Bình xoắn xít vui mừng khi gặp lại chủ.

Bình tranh kể công: anh đã theo đỡ dẫn người núi, tức là không để cho người đó bị hiếp đáp hay đói khát, nhưng anh bị một trận mưa lớn cuốn đi. Sau gặp lại người đó, anh tiếp tục đi theo đỡ dẫn. Nghe tin quân Xiêm rút khỏi Châu Đốc, anh lập tức đưa người đó trở về mà không đi nhanh được, vì nhiều người chèo ghe theo cản đường xin người đó chữa bệnh. Khi ghé vô cồn Hú thì chị Hai... ờ, chị Hai là một người đàn bà bắt tôi kêu là chị Hai. Chị Hai

và ông bà Tư theo kịp. Ông bà Tư nào à? Tôi cũng không biết. Họ vớt được chị Hai và đứa nhỏ rồi chở nhau đi tìm Phật Thầy. Bình ngừng nói, chợt ngơ ngác như không biết mình đang nói điều gì. Ông Tế Xương bèn nói ông đã đến cồn Hú đón Phật Thầy rồi mà có thấy chị Hai bà Tư nào đâu? Anh Bình òa khóc.

Chuyện đã qua. Bữa đó chị Hai lên tới cồn Hú chạy ù lại Bình, vừa khóc vừa dúi cho anh một đứa nhỏ cũng đang khóc oe oe. Chị nói con mình nè. Trời đất thương giựt lại nó từ hòng Hà Bá. Bỗng nhiên Bình có vợ có con, và phải có trách nhiệm với gia đình, như ông bà Tư nói. Nghĩa là làm sao? Tôi trên người đeo một tấm giẻ rách, nói như dân chèo mướn thì chỉ có tóc trên đầu và c*c dưới háng, một mình bị quăng lên vụt xuống thì cũng sống, nhưng đèo bồng vợ con thì làm sao? Ông Tư nói vợ con không gánh nổi mà mày vỗ háng nói có c*c hả. Để tao lật mày lên coi có c*c thiệt hông. Ông Tư già mà có võ, ổng đè tôi xuống đất, tay kẹp cổ tôi, tay bóp d*i tôi. Mày có nhìn đây là vợ con mày không? Có. Mày có chịu nuôi vợ con mày không? Có. Mày có thể không? Có. Trời đất biết, tôi thể cho ổng tha, chứ tôi biết làm gì nuôi nổi vợ con. Đi theo Phật Thầy ai cho gì ăn nấy. Mà người ta thấy đàn bà ẵm con nít đi theo người mặc áo cà sa thì chắc gì ai cho nữa? ổng bèn bắt tôi đi theo ổng về cái doi đất có cái chòi của ổng, phụ ổng cắm chà bắt cá ra chợ bán kiếm tiền nuôi vợ con.

Cũng êm êm được ít lâu. Tôi kết được cái bè, trên cất cái nhà chắc lăm, nước lên nhà lên, nước xuống nhà xuống. Một bữa tôi đem cá ra chợ bán, tính nhẩn về Châu Đốc cho ông chủ biết Phật Thầy ở đâu để đón về. Nghe họ nói xôn xao có ghe quan đi bắt người, tôi đâu có dè. Tới chùng về tới nhà thì không thấy ai hết, nhà đã bị đốt, trơ vợ mấy cọc tràm cháy dở dang. Tôi lại thành một thằng tứ cố vô thân, lang thang kiếm đường về Châu Đốc.

Cuộc phiêu lưu của Nền đơn giản hơn. Anh đã tới Long Châu dò hỏi. Chưa ra tắm tích gì thì bị một bọn trạo phu bắt đánh cho một trận, không cho ở Long Châu nữa, biểu ra giữa sông mà tìm cái thây trôi của nó, ý là anh Bình á. Tôi tưởng chúng giết anh Bình rồi, tôi tính lết về cho ông chủ hay. Nhưng chúng không cho tôi lên dò về An Châu, mà tôi nhận ra trạo phu dò An Châu là bọn côn đồ đã đánh tôi, nên sợ quá cũng không dám lên dò của chúng. Tôi đợi chúng đi rồi mới lò dò vô chợ xin ăn. Ai dè gặp một đám quan binh, họ bắt tôi tra khảo mấy ngày về cái túi vải với giấy với mực gì đó. Tôi thể là tôi không hề biết. Ông chủ biểu tôi đi kiếm anh Bình. Tôi biết anh Bình vì tôi làm chung với anh trong Phước Xuân Đường. Tôi không biết gì về cái người đeo tay nải đó. Họ không tin. Tôi tức ói máu luôn. Họ thả ra, nhưng tôi không còn sức đi đâu nữa, cứ nằm vạ đó.

Sau có một ông quan sai lính đem tôi vô trại cho ăn uống. Tới chùng tôi lành lặn lại thì ông quan đó sung tôi

vô đội của ông, nói là giặc chiếm thành Phiên An rồi, cần mộ binh đánh giặc. Nhưng giặc đến thì ông bỏ quân chạy mất tiêu. Tôi bị giặc bắt nhốt tra tấn tả tơi. Tôi còn đang dở chết dở sống thì quân triều đình chiếm lại được An Giang. Tôi được thả ra, vừa lành lặn lại được sung quân vì quân Xiêm đã chiếm Châu Đốc. May mà tôi theo quân ta về tới Châu Đốc thì quân Xiêm rút hết rồi. Hết chiến tranh tôi xin làm dân, trở lại Phước Xuân Đường. Trời ơi, ông chủ ơi, Phước Xuân Đường... Không sao, tôi biết rồi. Dạ. Cuối cùng tôi cũng tìm được anh Bình, đang bới đồng tro tàn trên nền nhà Phước Xuân Đường. Hai thằng tôi biết kiếm đâu ra cái ăn chỗ ngủ? Đành ra bên vác mướn, chèo mướn, tới đâu mướn cục đất ở đó gói đầu. Trôi giạt riết tới Vĩnh Long.

Ông Tế Xương mua một ghe gạch ngói, ngược về Châu Đốc. Bình vẫn còn bản khoản về Phật Thầy. Ông chủ Phước Xuân Đường nói khi nào nhà tiệm dựng lại đàng hoàng, ông sẽ cho Bình đi Biên Hòa đón Phật Thầy về. Bình nhớ những chìm nổi đã qua mà ngán. Nhưng cũng có phần mừng, dù sao Phật Thầy cũng là một phần đáng kể nhứt của chuyện đời anh. Đêm nằm cạnh Bình, Nên nghe đến đây lỗ tai chuyện ông Chín nào đó bị quỷ ám sao đó bỗng nhiên á khẩu, phải dùng ngón tay chỉ trỏ để nói. Không biết ông muốn nói gì mà gặp đàn bà thì chỉ chỉ vô háng, còn gặp đàn ông thì chỉ chỉ lên trời. Cũng không chết ai, nếu mấy bà không chọi đá hay vác gậy đánh

ổng. Vợ ổng phải đưa ổng đi kiểm thấy để trị. Gặp Phật Thấy ổng chỉ chỉ lên trời cười hì hì. Phật Thấy cũng chỉ tay lên trời mỉm cười. ổng khoái lắm, ngồi xuống cạnh Phật Thấy gãi đầu mình gãi chân tay sồn sột. Rồi bỗng nhiên ổng hát: Xanh xanh tím tím vàng vàng. Xang bang xất bắt tàng tàng xiêu xiêu. Ủ xang hò xự cống liêu. Tình tang tích tịch chiều chiều mơi mơi.

Tưởng Phật Thấy làm gì, ai dè Phật Thấy đánh nhịp bàn tay cho ổng hát. Sông sâu sào vắn cũng bơi. Nước lên nước xuống sông trôi đã đời. Rong vàng lộn kiếp thòi lòi. Sông dài bãi cạn coi mòi thành thoi. Kia ai ai đó ai ơi. Ai qua ai lại ai người ai ma.

Hứng lên cao, ổng đứng dậy múa may, càng lúc càng quay cuồng say sưa. Xong nằm lăn bên cạnh Phật Thấy, cười ha hả, rồi nằm chéo áo Phật Thấy ngủ một giấc từ lúc sông cạn đến lúc sông đầy. Nên ngoác miệng ngáp hỏi: Vậy là ổng hết bệnh? Bình ngáp theo, chứ hổng lẽ người ta hát hò còn được mà nói người ta á khẩu. Không nói là không nói. Biết nói là nói cũng như không, thì không nói cũng như có nói. Người ta nghe thì người ta nghe, nói hay không nói người ta cũng nghe. Không nghe thì không nghe, không nói hay có nói cũng không nghe. Nên ngáp dài hơn, bây giờ mày nói hay không nói cho tao ngủ. Bình nín thinh. Anh nghĩ sao lúc Phật Thấy nói anh nghe khúc chiết lắm, dốt đặc như anh mà còn ngộ ra, mà giờ anh nói lại, nó rối rắm lung tung không ai hiểu?

Ông Tế Xương hơi ngạc nhiên về một Phật Thầy qua lời Bình kể, tuy rằng anh kể cho ông nghe một câu chuyện khác, thuộc loại anh cho là nghiêm túc. Hôm đó ba người ăn cá nướng trui xong nằm dài trên bãi cát lộ ra lúc nước ròng. Ba người là tính luôn chị Hai, lúc cả bọn mới bị bọn trạo phu đem bỏ ở cồn hoang. Gió mát, trăng trôi tàng tàng qua những đám mây thấp như sắp sà xuống mặt nước sông, Bình ngủ mất tiêu. Có lúc Bình thức, nghe tiếng chị Hai ngáy một bên, tiếng ông Phật hát một bên. Hồi đó chưa nghe người ta kêu người đó là Phật Thầy, chỉ có chị Hai kêu là ông Phật. Ông Phật nằm ngửa gối đầu trên treo tay nhìn trăng hát nghêu ngao. Hay là ổng tụng kinh, Bình không biết. Tiếng ổng ngân nga khe khẽ hay hay. Bình nằm nghe khoái lắm, ráng nhớ lấy để có đêm nào thức thấy trăng trên đầu thì hát chơi, đại khái: Mình đi trăng cũng theo mình. Trăng đi mình dôi mắt nhìn theo trăng. Cho dù sông núi đồng bằng. Cù lao phố chợ vẫn trăng với mình.

Nghe sao giống bọn làm thơ ông Tế Xương từng gặp nhiều thời ông còn là lãng tử rong chơi, chứ không phải bậc kỳ nhân với thần sắc huyền bí trang nghiêm toát ra từ ánh mắt đáng vẻ đã thu hút ông từ lần gặp đầu tiên. Tuy người làm thơ cũng thường là dị nhân, hoặc làm ra vẻ kỳ nhân, nhưng ông Hòa đã ngán họ tới cổ rồi. Ông có cần thêm một người nữa không? Nhứt là một người làm những câu thơ không hay không dở kiểu trăng với

mình, mình với trăng. Ông không nói với Bình thôi quên người đó đi, ông chỉ ngày một bận rộn với những cuộc gặp gỡ kết nối những nhân vật có vị trí trên bàn cờ của ông.

Ngôi sao sáng chói nhút vùng trời Thất Sơn hiện nay là Trần Tây tướng quân kiêm Tổng trấn An - Hà Trương Minh Giảng. Ông Đỗ Thanh ngược đầu nhìn trăng tròn tháng tám nhả từng lời rõ ràng như vậy. Ông chủ Phước Xuân Đường rót thêm trà bày thêm bánh trung thu mời những bạn cố tri tìm lại được sau cuộc binh đao. Chinh chiến xưa nay có cái hay là bao giờ tàn cuộc cũng có máu sông xương núi, nhưng ai chết kia, chứ có những kẻ không thể chết đi đâu được, khói lửa vừa tàn là họ hiện ra và phát lên. Thậm chí dân chúng binh sĩ còn đang chết như rạ, nhưng người thức thời cứ thấy họ xuất hiện ở đâu là biết cục diện tranh chấp đã ngã về phe nào. Giờ thì ai cũng nhớ lời ông Đỗ Thanh đã phán từ năm xưa là thành Châu Đốc xây phạm long mạch, nên nếu không bị tai họa tự cháy thì cũng bị quân Xiêm đốt thành tro tàn như đã xảy ra. Trên tro tàn đó ai muốn xây lại phố chợ biệt phủ đều phải cầu cạnh ông Đỗ Thanh đến xem đất và phán cho vài tiếng. Ông đã khuyên ông chủ Phước Xuân Đường cứ dựng lại cơ ngơi trên nền cũ, cao rộng to đẹp hơn, chắc chắn sẽ thịnh vượng hơn xưa. Tân Phước Xuân Đường được xây bằng gạch quả thực chắc chắn đàng hoàng to đẹp hơn căn nhà gỗ hồi xưa.

Khách quanh bàn trà trong hiên Phước Xuân Đường luôn có ông Đỗ Thanh và ít nhất một nhân vật danh giá có dây mơ rễ má ở Kinh đô, nên những người như ông Tuyển Ký không bao giờ bỏ lỡ một lời mời nào. Hôm rồi quan Trấn Thủ đến khánh thành ngôi chùa to đẹp được xây trấn lên gò mả chôn mấy ngàn xác quân Xiêm bỏ lại, nghe sứ trụ trì tụng công đức ông chủ Phước Xuân Đường đã cúng dường ngàn tiền và cung cấp tất cả mọi vật liệu xây cất chùa, quan Trấn Thủ lập tức cho mời ông đến ban khen rồi từ đó thường xuyên uống trà ở hiên Phước Xuân Đường. Nơi đây đã trở thành một hiên khách để các bậc cha mẹ dân như quan Trấn Thủ lắng nghe tiếng nói của chúng dân qua đại diện là thương nhân gộc và hào phú mới nổi. Tất nhiên đại diện của chúng dân cũng thông qua nơi này để đạt những nguyện vọng chính đáng. Ngay cả quan Kinh lược Trấn Tây Phan Thanh Giản trên đường về kinh dừng chân ở Châu Đốc cũng được sắp xếp đến ngồi mấy khắc ở Trà hiên Phước Xuân Đường.

Nhưng cuộc trà hôm nay thì không có quan Trấn Thủ lẫn Phan Thanh Giản. Ông Đỗ Thanh nói tối nay vui chơi thoải mái một bữa, nên chỉ rủ rê những người thuộc đẳng cấp “nói chuyện được” mà thôi, trong đó có một viên quan mới ở Trấn Tây về. Câu chuyện thành ra xoay quanh chủ đề Trấn Tây tướng quân. Tướng quân là người Gia Định, nhưng từ nhỏ đến lớn sống ở Kinh kỳ vì cha là đại quan

trong triều, làm tới chức Thượng thư. Trương công tử nổi danh phong lưu khắp từ Huế đến Thăng Long, trong giới chơi cờ người. Đất Bắc nhiều mỹ nữ đẹp thôi là đẹp, đội cờ người của Trương công tử tuyển đúng mười sáu người đẹp nhất để công tử điều khiển các nàng sàng qua lượn lại. Đất Gia Định làm sao có được thú chơi sang như vậy. Nên công tử thích Bắc hành hơn Nam chinh. Gần tới tuổi tam thập, công tử bị cha ghê đi thi lấy bằng cử nhân để được bổ quan đúng qui trình. Trong mười năm từ lúc ngồi ghế quan, Trương Minh Giảng lên chức Thượng thư. Tất nhiên khó tránh điều nọ tiếng kia, nên ông ấy cũng muốn chứng tỏ bản thân. Nhân giặc Khôi nổi loạn, ông được cử vào Nam, sau khi thành Bát Quái bị hạ, Trương Minh Giảng hồi kinh được ban thưởng ngọc vàng, nhưng ông ấy muốn danh tiếng vẻ vang cơ. Bèn được cử theo các tướng đi đánh Chân Lạp, được phong tước Bình thành bá, hàm Hiệp biện đại học sĩ, rồi Đông các đại học sĩ, Bảo hộ Cao Miên, bây giờ là Trấn Tây tướng quân kiêm Tổng đốc hai tỉnh An Giang và Hà Tiên. Tóm lại, xứ này có gì lấp lánh là quan lượn hết đeo lên ngực. Cho bọn mồm mép ngoài kia khỏi bép xép. Vừa rồi Phan Thanh Giản được vua cử đi kinh lược Trấn Tây, không biết về triều báo cáo sao đó mà tới nay Trấn Tây tướng quân vẫn chơi cờ người ở Cao Miên, điều nàng này lên làm Quận chúa, khiến nàng nọ làm gì đó, còn Phan tiến sĩ thì bị giáng xuống làm người quét dọn công đường.

Ông Tế Xương vẫn phong cách khiêm cung kín tiếng như xưa, không cười ha hả như ông Đỗ Thanh, không dùng lời nào phạm thượng. Ông chỉ khẽ cười thầm khi thấy mọi người đua nhau châm chọc móc ngoáy quan này quan nọ để tỏ ra mình có sĩ khí và sành sỏi chốn quan trường, chốn “gió tanh mưa máu”. Mấy người trung niên và trẻ thì thôi, từ từ họ sẽ học được những bài học cần thiết, chứ già đầu như ông Đỗ Thanh há không biết có lúc cá ăn kiến có lúc kiến ăn cá. Nhưng ông Tế Xương không để lộ ra điều gì cả. Luôn đóng trọn vai một gia chủ ân cần chu đáo, ông không xun xoe vuốt nịnh quan lớn nào trước mặt quan lớn nào. Càng không bao giờ chỉ trích hay bình phẩm ai. Những cuộc tùng tam tấu ngũ ở Phước Xuân Đường cũ để ông mua vui qua tháng ngày không bao giờ lặp lại nữa. Tiệc tùng bây giờ đều là thương vụ.

Ông công khai nói to chí hướng của mình là xây dựng Phước Xuân Đường thành thương hiệu uy tín toàn lục tỉnh. Lời nói đó có phần thực lòng. Thuở còn nhỏ, khi phải về Phước Xuân Đường ở Để Ngạn để chúc Tết hay chúc thọ ông nội và cha, Tế Xương đã sớm nhận ra Phước Xuân Đường là của Ứng Xương, người anh khác mẹ, người được truyền hết “bí kíp” nghề nghiệp gia đình. Tế Xương là con của vợ nhỏ An Nam, dù là con trai mang họ Huỳnh, vẫn không phải, không thể, là chủ Phước Xuân Đường. Mẹ ông đưa con ra Kinh đô đi học để thi cử làm quan. May mà ông thất tình, bẻ ngoặt đường đời

minh, trở thành nhà buôn. Khi có vốn liếng kha khá ông lập Phước Xuân Đường ở Châu Đốc để nghiêm nhiên được gọi là ông chủ Phước Xuân Đường. Anh của ông có thể là danh y Gia Định, nhưng Ứng Xương là người cẩn thận đến nhứt nhát, làm gì cũng phải nghĩ đến bà nội, mẹ, vợ, con, rốt cuộc không làm được gì lớn lao. Cả đời Ứng Xương chăm chỉ lo chuyên môn và gia đình, danh thì có, của cải chắc cũng có, nhưng không thể so với phần nổi, chứ đừng nói phần chìm, của tài sản Tế Xương tạo được bằng việc buôn sơn lâm thủy hải sản và bất cứ gì quý hiếm. Tế Xương có máu phiêu lưu, từng trải nhiều kinh nghiệm, tính toán khôn ngoan, vợ ông lại là người giữ của cực giỏi, không để lọt đồng xu teng nào qua kẽ ngón tay, trong bất kỳ tình huống nào. Trong lúc nhiều gia đình xính vính về tài chánh sau cơn giặc giã, hoặc bị cướp bóc, hoặc cạn nguồn thu nhập, bà Tế Xương vẫn còn nguyên một rương vàng ngọc đưa chồng khi ông trở về. Lúc đứng trước cửa Phước Xuân Đường ở Đố Ngạn, biết chắc chắn Ứng Xương đã mất rồi, người thừa kế là Vĩnh Xương đã được đưa về quê ở thôn Hạ, ông Tế Xương tính chuyện khôi phục lại Phước Xuân Đường Đố Ngạn, nhưng tính toán nhiều bề, ông quyết định về Châu Đốc.

Theo ông Đỗ Thanh thì Đố Ngạn không thể bằng Châu Đốc. Từ Đố Ngạn đi lên thì tới thượng nguồn sông Đồng Nai, chỉ có rừng và phố cổ ở cù lao, nên chỉ còn một con đường là xuôi ra biển. Trong khi Châu Đốc là ngã tư giao

thông thuận tiện và linh hoạt. Từ Châu Đốc có ít nhứt hai đường ra biển, ba bốn đường đi các tỉnh khác, dù đường bộ, đường sông, đường biển đều thuận tiện. Nếu ngược sông Cái thì tới Nam Vang và qua Biển Hồ có thể sang Xiêm, Miến Điện, Tây Trúc. Xuôi dòng sông Cái thì ẻ hể tôm cá, đất bồi phì nhiêu, dân tứ xứ đang kéo đến lập ấp khai khẩn, chỉ có phát triển chứ không thể khác. Mà phong thủy An - Hà thì Đế Ngạn so bì sao được. Sông cũ sông Đồng Nai xứ này kêu là rạch, núi cũ núi Châu Thới mà đem về đây chỉ là một cái gò con con không đáng đặt tên. Nếu trước đây Châu Đốc chưa bằng Đế Ngạn, là do xây thành động Long mạch, nhưng nay thành đã bị san bằng, dinh phủ nhà cửa mới dựng lên lớn nhỏ gì cũng đều được thấy phong thủy coi rồi. Biên giới lại vừa được mở rộng về phía Tây, Châu Đốc sớm muộn gì, theo ông Đỗ Thanh nhận định, sẽ là trung tâm thương mại chính trị của lục tỉnh.



Bình không thích hợp cuộc sống mới với ông chủ cũ. Cái gì cũng thay đổi. Khi xưa anh chỉ có mỗi việc khuấy đảo chảo thuốc tể, bây giờ thì ông chủ sai bảo làm đủ thứ việc anh không thích, nhứt là chuyện cấm quà đi cửa sau theo khách văn tiệc tới tận nhà họ rồi nói với người nhà họ là họ bỏ quên cái này ở Phước Xuân Đường. Ông chủ hoàn toàn không hỏi han gì nữa về Phật Thầy. Bình cũng không còn nói chuyện được với Nền. Anh ta cứ bẻ

lái câu chuyện từ Phật Thấy sang chị Hai khiến Bình nổi khùng. Lại thêm đêm đêm cứ hỏi, mà không nhớ mùi đàn bà sao? May là Nên bị bắt tại trận đang ăn nằm với một người đàn bà nên ông chủ cho ra ngoài tiệm ở. Coi vậy chứ ông chủ cũng tin ông Đỗ Thanh nói là uế khí đàn bà lúc chung chạ đàn ông sẽ ảnh hưởng phong thủy của Phước Xuân Đường. Vợ ông ông còn không rước về ở trong ngôi nhà hoành tráng này nữa là ai. Ban đêm Bình nằm một mình, chân bắc chữ ngũ, tay vắt lên trán, không biết nói chuyện với ai. Ý nghĩ lan man về Phật Thấy tự động queo qua chị Hai. Chị có mùi gì? Bình nhớ nhứt vị mặn của da chị, thềm được liếm những giọt mồ hôi rịn dưới chân hai bầu vú căng cứng. Hình như tóc chị có mùi lau sậy, miệng chị có mùi cá tôm, tay chân chị có mùi phù sa. À, phải rồi, chị Hai có mùi sông Cái.

Hễ rảnh là Bình đi ra bờ sông, chịu khó lội lên một khoảng cách bến An Châu một dỗi, nơi còn một đám lau thưa. Mọi thứ thay đổi. Cái tên bến An Châu cũng đổi, nhưng người Châu Đốc vẫn quen miệng nói bến An Châu nên Bình không cần nhớ tên mới. Bữa đầu trở về đây Bình đã ra bến ngóng. Nhiều lần chị Hai nói chuyện với ông bà Tư về bến An Châu, nơi lần đầu chị gặp ông Phật và Bình. Chị nói đứng ở bến An Châu buổi sáng thấy mặt trời trôi lên khỏi nước và mặt trăng núp sau lưng núi như chơi cút bắt. Chị hứa với ông bà Tư mai mốt đứa con cứng cáp rồi cả nhà mình sẽ đưa nhau về bến An Châu. Bình đã ngán

ông Tư ngay lẫn gặp trên cồn hoang nên vẫn gườm gườm ổng, không dám nói chuyện, còn chuyện đàn bà nói với nhau anh không thích xía vô. Anh chưa từng góp lời góp vốn gì vô giấc mộng An Châu. Khi không nghe tăm hơi gì của họ sau cả tháng trời quần quanh nền nhà cũ và dò hỏi khắp vùng lân cận, Bình nghĩ hay là chị Hai đã đưa “cả nhà” về bến An Châu. Châu Đốc đã đông đúc trở lại, nhưng người tứ xứ đến thì nhiều, người cố cựu trở về không bao nhiêu. Ngày ngày Bình ngóng từ lúc nước lên đến khi nước cạn rồi lững thững bước đi. Một hôm, cảm thấy không vui gì khi phải trở về Phước Xuân Đường, nơi vốn không phải là nhà, Bình lên một chiếc ghe đang thiếu bạn chèo, không hỏi chủ ghe là sẽ chèo tới đâu.

Ở trên sông Bình đỡ nhớ mùi chị Hai. Công việc cũng tựa như khuấy cháo thuốc tễ, một động tác lặp đi lặp lại, không nghĩ ngợi tính toán gì cả, hết phiên thì lăn ra ngủ, buồn vui loãng ra theo trời rộng sông dài. Chỉ hiếm nổi, Bình bắt đầu mất ngủ. Có bữa nằm sải lai vì đã gồng mình chèo nước ngược nhiều giờ, anh mệt rã rời, nằm im nhắm mắt mà không ngủ được, bên tai vẫn nghe tiếng nước rạt rào theo tiếng chèo khua của trạo phu thay phiên anh. Gió mang mùi sông đến ve vuốt thân thể chỉ khiến anh trở mình qua rồi trở mình lại, bức xúc chật chội trong không gian của người chèo thuyền ăn ngủ tại chỗ với cái mái chèo của mình. Rồi anh nằm nghiêng co hai chân rúc đầu vô bụng để bạn chèo bên cạnh không thấy nước mắt anh cứ trào ra

dù mắt đã nhắm nghiền. Khi cơn thổn thức đã được nhấn chìm, Bình thở nhẹ nhàng hơn, nghe rõ hơn tiếng người chủ ghe nói chuyện, dù anh chẳng hề muốn nghe gì cả.

Họ nói vua ra lệnh phá thành Quy xây thành Phụng, cần cả vạn nhân công, mà hồi Phiên An thất thủ, người ta lớp chết trận, lớp chết dịch, lớp bị giết, lớp chạy trốn, đâu còn ai mà bắt phu. Bọn chèo ghe trên sông Cái rủ nhau lên trên đó kiếm việc, cho phỉ chí tang bồng, dù gì Phiên An cũng từng là chốn phồn hoa đô hội, từng là Gia Định kinh. Thì cứ để chúng đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn. Cũng mong cho chúng khôn ra. Xứ này sông rạch chằng chịt, mệnh mang, có chiếc xuồng muốn chèo đi đâu thì chèo, chỗ nào cũng có thể tới được, dưới sông sẵn cá, trên bờ quãng cái hột gì cũng mọc lên tươi tốt, mắc gì phải vô thành làm mướn. Nói cũng nên nghĩ cho người khó, có người chiếc xuồng cũng không sắm nổi. Với lại cá tôm nhiều, ăn bao nhiêu cũng được, nhưng không lẽ sống chỉ bắt cá ăn, đem bán thì quá rẻ, ai cũng bắt được cá thì ai mua cá. Có mà làm mắm hay phơi khô đem vô thành bán. Mà đã vô thành đã mắt thấy cuộc sống thành thị, đâu phải ai cũng có thể quay về sông rạch bắt cá làm mắm làm khô. Tại sao không? Tôi biết một ông chệt, cứ chèo một chiếc xuồng con đi bắt cá, phơi ngay trên xuồng, đẩy một xuồng cá khô thì đem lên chợ Châu Đốc bán, rẻ thì rẻ, nhưng cóp nhật riết ổng sắm được ghe lớn hơn, chở được nhiều cá khô hơn và mua thêm hàng hóa khác, chạy tới

chạy lui Đế Ngạn - Châu Đốc hoài, bữa nào gặp ghe ổng tôi chỉ cho chú coi. Ăn thua ở chỗ có chí tự lập. Người mình làm biếng suy nghĩ, quen thói đợi chủ giao việc và cho ăn, chỉ lăm le coi đâu có ai muốn cho ăn ngon thì hè nhau tới làm, gì cũng làm mà không biết làm gì hết.

Ghe tới Đế Ngạn, Bình vác bao hàng theo chủ ghe lên bờ đi vào quan lộ, thoáng hốt hoảng vì nhà cửa tiệm phố hai bên. Chợ Châu Đốc mà anh thấy sự giàu sang đua nhau phơi bày ra mặt tiền một cách khệnh khạng như Phước Xuân Đường và Tuyển Ký thật không đáng so sánh. Lòng đường lát đá, vó ngựa lộp cộp vui tai, người đi bộ đông đúc, tiệm quán chen chúc, tuy một số tiệm còn niêm phong hay đóng cửa, hàng hóa những tiệm kế bên bày lấn ra, đâu đâu cũng đầy ăm ắp và có đủ loại. Tiếng Quảng tiếng Tiểu tiếng Nam tiếng Miên xí xồ xí xào vang lên mọi góc phố. Ông chủ ghe nói với bạn đồng hành: Tuy một số chủ tiệm bị liên lụy vụ nổi loạn, bị bắt hay tịch biên tài sản, nhưng một khi thành Gia Định ổn định chính trị thì Đế Ngạn phục hồi ngay. Người Tàu không phân biệt ai chánh ai tà, ai có tiền thì họ mua bán, ai có quyền thì họ mua chuộc. Họ làm ăn ở đây, nhưng có chi nhánh và dòng họ ở Quảng Châu, Nam Dương, Xiêm, Chân Lạp... chỗ nào có biến động thì họ tản đi chỗ khác, chỗ nào yên họ tựu lại. Vua quan ngoài Huế không muốn khuếch trương thương mại, do phần lớn trong tay người Tàu, chỉ muốn khuyến khích dân chúng làm nông, lập ấp

di dân mở mang bờ cõi. Nhưng khuyến nông mà không mở mang thương mại thì làm sao được.

Bình vác nặng đi nửa quãng đường đã đổ mồ hôi đầm đề, không lắng nghe chuyện trò của ông chủ ghe nữa vì không hiểu mấy. Anh vẫn còn hiếu kỳ về thế giới chung quanh, lưng hơi còng xuống dưới bao hàng nặng, nhưng đầu vẫn cố ngóc lên nhìn ngó hai bên. Bỗng đứng chân Bình khựng lại. Dù không được đi học bao giờ, anh biết đọc ba chữ “Phước Xuân Đường”. Ba chữ đó anh đã nhìn cả ngàn lần khi ra vào Phước Xuân Đường ở Châu Đốc. Bình cũng biết có một Phước Xuân Đường ở Đền Ngạn. Hẳn là tòa nhà này đây, cửa đóng im ỉm, không biết sau cánh cửa như thế nào, nhưng phía trên cửa ba chữ “Phước Xuân Đường” còn nguyên vẹn, trông đẹp và uy nghi. Điểm đến của chủ ghe cách đó vài căn phố. Bình giao bao hàng rồi bước ra hiên đứng ngó quanh chờ chủ ghe giao dịch. Một cảm xúc gì như mừng được gặp người quen khi anh ngó thấy bảng hiệu Phước Xuân Đường. Hay là anh nhớ ông chủ cũ? Dù sao ông cũng là người đối xử tử tế với anh, từ khi anh được vớt dưới kênh lên, ốm lòi xương sốt rét run lập cập. Ông đã chữa bệnh và nuôi Bình ăn ở trong nhà, thậm chí giao tiệm cho anh trông coi khi ông có việc đi vắng. Vậy mà bỗng dưng anh bỏ đi không hề từ giã. Rồi giờ bản khoản không biết có nên trở về.

Ông chủ ghe đưa Bình một đồng xu bảo anh chiều tối quay lại ghe, khuya nay tách bến. Bình không biết đi đâu,

làm gì. Bắt chước Phật Thầy trong trường hợp như vậy, Bình ngồi xuống. Anh xếp bằng trên lể đường nhè nhẹ hít thở. Nhưng mới ngồi yên thì anh bị đá cho mấy cái. Đi! Đi! Kẻ đuổi Bình không giải thích, Bình cũng không cự cãi, chỉ lồm cồm đứng dậy bước đi. Cứ chân này đặt trước chân kia mà bước, không buồn nhìn ngang nhìn dọc. Đến một lúc anh thấy mình đứng trước một gò đất cao xanh um, lẫn trong cây cỏ mọc hoang có một phiến đá có chữ nhưng anh không biết đọc. Anh leo lên đỉnh gò nhìn chung quanh đồng không mông quạnh thấp thoáng xa xa những mái nhà bằng lá, cảnh vật buồn hiu. Ngồi xếp bằng trên gò một hồi mỏi chân, Bình nhìn quanh xem có trái gì hái ăn được. Phần lớn là cỏ gai, tuy nở những hoa tím tím xinh xinh nhưng cành nhánh toàn gai, thậm chí không thể nhai cho đỡ khát. Anh nhớ chị Hai giỏi tìm được nhiều thứ trái ngon trên cồn hoang, kể cả trái ớt. Những con cá Bình bắt được ăn với các thứ đọt cây rừng và rau cỏ chị Hai hái trên cồn là món ngon mà ngay cả sau này khi về Châu Đốc anh vẫn thèm. Bây giờ kiếm đâu ra cá mà bắt? Cái gò hoang giữa đồng hoang không dung người như cái cồn hoang giữa sông Cái. Bình có một đồng xu trong túi và không có gì trong bụng. Anh cuối cùng cũng hiểu rằng mình không thể ngồi hoài trên này hít thở đến lả người. Phải đi kiếm một cái chợ để mua một xu khoai hay xôi mà ăn.

Từ khi nghe Phật Thấy nói chuyện bóng tre bóng nước mà ông Hòa hồ nghi là nói bóng gió chuyện luyến ái cho con gái ông nghe, ông Hòa có phần hơi giận. Ông lặng lẽ quan sát Phật Thấy như đã quan sát Vĩnh Xương khi chàng dưỡng bệnh ở đây. Khi Phật Thấy ngủ, tay chân duỗi xuôi, dưới lớp áo cà sa bạc màu và mòn chỉ, một thân thể gầy gò nhưng dẻo dai, nhịp thở sâu và dài, ngực phồng lên đầy sức sống. Ông biết người này khỏe mạnh như thế nào khi mang giúp ông bộ da cộp xuống núi và chèo phụ ông suốt quãng đường ra chợ. Ông không ngạc nhiên người này sống sót qua bão lũ và chiến tranh. Hồi còn trẻ, ông Hòa cũng băng rừng lội núi vác hàng ngoài chợ, sống sót những phen cộp vỏ, rắn cắn, cướp giật, quan binh trấn lột, và những cuộc chiến tranh ba bốn phía. Ký ức thời gian khổ của mình khiến ông nghĩ mình cảm thông người này, đồng thời cảm thấy chút lẩn cẩn. Ai cũng phải gian khổ thời trai trẻ thì già mới được thanh thoi sửa kiếng ngắm hoa, chứ đương còn khỏe mạnh mà cứ ngồi thiền nói chuyện bóng tre bóng trăng!

Ông không tiếc gì một chỗ dưới hiên hay thêm cái chén trong mâm cơm hằng ngày. Phật Thấy ăn dễ và cũng chẳng ăn bao nhiêu. Điều khiến ông lo là đứa cháu ngoại. Ông thích chơi trò này với cháu: đùa với nó một lúc, ông bảo ông phải nghỉ ngơi, bảo cháu không quấy rầy. Đứa nhỏ thèm chơi cứ bám theo ông ngoại, kéo tay kéo râu kéo áo ông mè nheo. Ông thường làm bộ nghiêm, rầy

cháu nhưng khoái lắm, nằm lim dim chờ nó trèo lên ngực ông nắm râu ông giựt nhẹ nhẹ, rất đã ngứa. Nhưng cái thú đó không còn nữa. Đứa nhỏ đâu biết ông ngoại giả dò hắt hủi mình, nó hồn nhiên chạy qua chơi với người luôn ngồi xếp bằng như tượng, tha hồ giựt râu kéo tóc người đó vẫn mỉm cười. Và không biết bằng cách nào Phật Thầy lại khiến đứa nhỏ chạy loanh quanh cười ngặt nghẽo. Ông Hòa bất bình lắm. Ông để con gái ra đâu phải để cho người khác cướp quyền dạy dỗ. Ông nuôi cháu ngoại đâu phải để cho người khác hưởng thú đùa vui.

Nên lúc Cai đội Tuấn về nhà ăn cơm nói lại chuyện râu tóc Phật Thầy, ông Hòa không còn ý định xáng chén cơm vô mặt thẳng rể nữa. Ông cũng không tranh cãi gì. Cai đội Tuấn nói: Dân chúng bây giờ u mê lắm. Ông Hòa nghĩ bụng: Sau chiến tranh quan xây nhà tù nhiều hơn nhà trường, dân chúng có được học hành gì đâu mà không ngu muội. Cai đội Tuấn nói: Bọn tà đạo tha hồ dụ dỗ, nào là hứa được lên nước Chúa Trời, nào là sắp đến ngày tận thế. Ông Hòa nghĩ bụng: Số mày hên, chứ như Vĩnh Xương, gia sản tiêu tán, gia đình tuyệt diệt, không tận thế thì là gì? Cai đội Tuấn nói: Nước Việt Nam ta văn hiến ngàn năm, phong tục tốt đẹp, văn hóa thâm thúy,... Ông Hòa bấm bụng không chửi thế. Cai đội Tuấn kết luận: Việc xây lại chùa Hội Sơn trên núi Châu Thới đang hoàng to đẹp hơn là phúc đức của vua, dân chúng đều được hưởng. Ông Hòa ډit một phát dài, nhưng

Cai đội Tuấn không để ý, quay qua Phật Thầy nói tiếp: Quan Bố chính đã định ngày rằm này lập đàn tế anh hùng liệt sĩ cùng bách tính thập loại chúng sinh. Hiếm nổi hòa thượng bỗng nhiên tuyên bố nhập thất, chui vô am cũ đóng cửa không ra, quan đang cho đi thỉnh hòa thượng khác. Tôi nghĩ đây là cơ hội cho sư. Chắc sư cũng biết tụng kinh cầu siêu làm lễ tế này nọ. Chỉ có điều sư thì phải nhổ râu tóc. Để tôi giúp sư cạo râu cắt tóc rồi đưa lên chùa. Cha nghĩ sao? Ông Hòa nghĩ bụng: Khốn nạn cho con gái tao làm vợ một thằng như mày. Nhưng vì chính ông đã lựa rẽ gả con, nên làm thỉnh. Ông nói với Phật Thầy tùy người. Phật Thầy nói văn tế cô hồn thì có sẵn, việc cắt tóc cạo râu không cần.

Trong trường dạ tối tăm trời đất/ Có khôn thiêng phảng phất u minh/ Thương thay thập loại chúng sinh/ Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người/ Hương khói đã không nơi nương tựa/ Hồn mồ côi lẫn lửa đêm đen/ Có chi ai quý ai hèn/ Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.

Tiếng đọc thông thả ngân nga trong bóng chiều lãnh đãng khói hương và mưa bay lất phất. Quan Bố chính và các chức sắc thân hào đều được sắp xếp ngồi trong chánh điện, trên có một tượng Phật áo cà sa vàng viền đỏ, dưới có nhang đèn hoa quả, dọc các cột đuốc thấp sáng trưng. Phật Thầy đứng hướng mặt ra cửa chùa, có chuông có khánh hai bên, trên bàn đặt ở giữa có kinh có mõ. Phật Thầy chấp hai tay trước ngực đọc:

*Kìa những kẻ bày binh bố trận/ Dem mình vào cướp ăn
nguyên hung/ Gió mưa sấm sét ùng ùng/ Dãi thây trăm
họ nên công một người.*

Quan Bồ Chính nói với các thân hào ngồi hai bên: sư nói cô hồn lảng vảng bên ngoài, nên ra cửa đọc văn tế, mà nghe sao như sư đọc cho ta nghe. Người chung quanh quan đều giựt mình. Này giờ có ai để ý gì tiếng ê a, chỉ lo giữ lễ, chú ý nhứt cử nhứt động của quan đầu tỉnh mà liệu cách ứng xử. Nghe quan nói vậy ai cũng bèn chú ý lắng nghe. Đúng rồi, nghe như gã dị nhân đọc văn tế cho chính họ. Nào là *kẻ mũ cao áo rộng*, nào là *kẻ tính đường kiêu hãnh*, rồi đến *kẻ màn lan trưởng huệ*, rồi *kẻ rắp cầu chữ quý*. Nghe cũng hơi nhột, nghe một hồi cũng sợ. *Cầu Nại Hà kẻ trước người sau/ Mỗi người một nghiệp khác nhau/ Hồn xiêu phách tán biết đâu bây giờ.*

Cũng may, khi bên ngoài bóng tối đã dày, bài văn tế có vẻ sắp kết thúc: *Ai đến đây dưới trên ngồi lại/ Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu/ Phép thiêng biến ít thành nhiều/ Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sinh/ Phật hữu tình từ bi phổ độ/ Chớ ngại rằng có có không không.*

Chuông khánh được đánh lên cùng với tiếng trống thùng thùng của đoàn lân cù, cỗ bàn được bày ra. Ngoài sân lính canh chia với dân chúng đến xin xôi chè bánh trái đã ứt chèm nhẹp sau khi bày cúng cô hồn. Cai đội Tuấn kéo Phật Thầy ra sau một góc cột nói nhỏ: Quan hỏi sư đọc kinh gì? Phật Thầy nói đó là *Văn tế thập loại chúng*

sinh, trước tác của Nguyễn Du. Cai đội Tuấn hỏi Nguyễn Du ở đâu để đem về cho quan gặp. Phật Thầy nói Nguyễn Du ở Bắc thành và đã chết rồi. Cai đội Tuấn bối rối một chút vì nhiệm vụ khó hoàn thành. Nhưng là người sáng trí, cai đội Tuấn quyết luôn: sứ đọc thì coi như của sứ. Phật Thầy được đưa đến gặp quan Bố chính, được ban thưởng một áo cà sa mới toanh vàng cam như sắc bông vạn thọ. Sau đó lu bu nhậu nhẹt, Cai đội Tuấn không để mắt tới Phật Thầy nữa. Sáng hôm sau, hỏi những người quét dọn rác rưởi vương vãi từ tiệc tùng đêm qua, không ai thấy Phật Thầy đâu cả.

Trong ánh bình minh bóng người đi rõ dần. Con đường mòn cũng hiện dần hoa cỏ hai bên. Tiếng chim hót lẫn tiếng gà gáy xa xa. Người hít thở sâu, gấp lại cảm giác ung dung tự tại mà từ khi xuống núi người hiếm có được. Người bước thong thả, thỉnh thoảng dừng chân nhường con rắn mới vút qua, đôi khi cúi xuống gần sát đất ngửi một đóa hoa mới nở, kéo nhẹ nhánh cây xem kỹ lá cành gốc rễ. Nhiều thứ cây cỏ chốn này không giống thực vật mọc trên vùng núi người am hiểu. Vườn ông Hòa là một bộ sưu tập kỳ hoa dị thảo mà ông đã cất công đem về nhà sau những chuyến đi buôn xa. Thời gian loanh quanh trong vườn nhà ông Hòa, người đã xem kỹ hầu hết các thứ được trồng, cả những thứ bị ông Hòa nhổ bỏ, so sánh

với những gì mình đã biết, dần dần phân loại chúng trong đầu, thậm chí nhai nuốt một số lá cỏ hay rễ cây để kiểm tra tác dụng chúng có giống những thứ mà người từng biết. Thật kỳ diệu thế giới này. Người thẩm cảm ơn thầy đã khuyên người xuống núi, đã dạy người học *Văn tế thập loại chúng sinh*, đã thấy trước rằng người sẽ cần đến. Quả đúng, đã mấy phen, khi ở cồn hoang giữa cơn bão lũ, khi trên chiếc xuồng vây quanh là những tử thi, khi giữa chợ chạm tay vào những thân thể đói bệnh cùng khổ, người chỉ còn những câu văn tế để đọc cho lòng mình nguôi ngoai. *Kìa những kẻ chìm sông lạc suối/ Cũng có người sẩy cối sa cây/ Có người leo giếng đứt dây/ Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành*. Những kẻ không chỉ là hình tượng trong câu văn tế, mà đã sống cạnh kẻ người, chung quanh sau trước, đều có thể gặp gỡ đụng chạm.

Người theo con đường nhỏ, lúc đi lúc dừng, vào một xóm có mười mái nhà lá. Bầy chó đang chơi với mấy đứa trẻ túa ra đón đường sủa inh ỏi. Đàn bà vội bồng trẻ con chạy vô nhà. Người bước chậm lại, ba bước dừng một bước, không nhìn ngang, không nhìn tới, chỉ nhìn bước chân mình. Đó là cách người đã tập đi trên núi, sao cho dừng kinh động vạn vật chung quanh. Khi người đi gần ra khỏi xóm, một người đàn bà chạy theo đưa người một nải chuối chín. Người nhận, chấp tay cảm ơn, đi tiếp một đoạn không xa, đến một gốc cây si, ngồi xuống giữa đám rễ lòng thông, bẻ từng trái chuối lột vỏ, ăn từ từ hết cả nải.

Một người đàn ông đi từ xóm ra, đến gần đưa người một bầu nước, đứng nhìn người uống cạn rồi mới ngồi xuống bên cạnh, hỏi người có phải là Phật Thầy ở cồn Hú. Bởi vì nhìn bề ngoài thì thấy giống như lời người ta nói mà không biết phải không. Anh từng đưa mẹ đi đến tận cồn Hú để tìm Phật Thầy chữa bệnh, nhưng tới nơi thì nghe nói có phú ông nọ rước Phật Thầy về Đồng Nai rồi. Tôi trở về đây, dò hỏi nhiều nơi mà không ai biết. Nếu đúng người là Phật Thầy thì xin cứu mẹ tôi.

Phật Thầy cầm tay, đỡ thân hình teo choắt nhẹ hều của người đàn bà xem những vết lở loét. Người con nghe lời đi hái lá ngũ trảo về nấu nước tắm cho mẹ. Phật Thầy đi ngược con đường mòn một quãng, hái một mớ lá cỏ, đào một ít rễ cây. Tiếng vó ngựa rõ dần rồi ùn ùn tới dồn dập. Đúng là hần. Trời lại. Giải đi. Dân xóm đã vội lùi vô nhà trốn núp hết, chỉ có tiếng chó sủa rân rân tiền tiếng vó ngựa xa dần. Người chở ông trên lưng ngựa nói: Sư đi xa dữ, báo hại tụi này luẩn quẩn kiếm mệt quá. Lúc đầu quan tỏ ra tử tế, hỏi: Áo cà sa sư được ban thưởng đâu? Sư nói: Tôi để trong xóm, lót cho bà cụ nằm vì chần chiếu của bà không thể dùng được nữa. Quan hỏi: Tại sao chùa to đẹp mà sư không ở lại vô xóm người hủi? Những người bệnh đó cần tôi. Chứ không phải sư bất hợp tác? *Một phen thay đổi sơn hà/ Mạnh thân chiếc lá biết là về đâu.* Sư đã đọc vậy, đúng không? Rõ ràng là không thuận theo tân trào, gieo rắc tư tưởng phản loạn. Nào là *Chí những lâm cướp gánh*

non sông, rồi khi thế khuất vận cùng mà đau. Trước mặt quan Bố chính, ông đã thốt lên như vậy đúng không? Phật Thầy nói đó là những câu trong *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du. A... Nguyễn Du! Sư... Này, sư có thật là sư không, hay là bọn nho sĩ Bắc Hà bắt đắc chí đi khắp nơi gieo mầm phản loạn. Người có quan hệ như thế nào với Nguyễn Du? Nguyễn Du đã mất. Làm sao người có được những gì hần viết? Văn tế cô hồn vốn lưu truyền trong dân gian đã lâu, đã được đọc trong các đàn tế từ Kinh đô đến Thăng Long, Gia Định. Hừ. Bọn dùng thơ ca mê muội dân chúng tưởng chúng uốn câu gọt chữ thì qua mặt được quốc pháp. Bọn người quá cao ngạo tưởng không ai giỏi chữ nghĩa hơn mình. Quan quăng đánh xạch xuống bàn xấp giấy của kẻ tay sai đã ghi chép trong lễ tế cô hồn trên chùa Hội Sơn. *Kìa những kẻ mũ cao áo rộng... Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm/ Trên lầu cao dưới cầu nước chảy/ Luống ngẩn ngơ dòng suối rừng sim.* Kẻ nào đó đã chép câu được câu mất. Quan nói: Thứ văn chương bóng gió này chẳng có nghĩa gì cả, viết chúng ra cũng chẳng giúp đời được gì. Có chăng là khiến dân chúng thêm hoang mang, nước thêm loạn. Tội xúi dân làm loạn đáng chém đầu. Tạm giam lại để trình lên trên xin lệnh.



Ăn hết một xu khoai và uống hết mấy vốc nước lã,
Bình lại lững thững đi. Nhắc chân này đặt ra trước chân

kia. Khi nắng tắt anh lại ngồi xếp bằng trên gò đất. Lúc mua khoai người ta hỏi Bình ở đâu tới, anh chỉ cái gò xa xa, ai cũng rùng mình. Họ nói gò mả' nguy toàn là ma, đêm đêm ma quỷ khóc hờn điếc cả tai. Bình nghe cũng sợ, nhưng anh không biết đi đâu hay làm gì. Ma quỷ đã từng là người ta. Bình nghe nói người chết có tiền hối lộ sẽ được đi đầu thai. Suy ra ma quỷ là người chết không có tiền. Bình nghĩ người chết không có tiền với người sống không có tiền cũng như nhau nữa nào hại nhau. Xa xa nhấp nháy ánh đèn khiến Bình nhớ lời ông chủ ghe dặn. Nhưng trở về ghe đi đâu nữa? Anh không có nơi để đến hay trở về. Anh không có nhà. Ông bà Tư và mẹ con chị Hai còn sống hay đã chết, đang ở đâu, Bình không biết. Phật Thầy thì anh đã bỏ lại cồn Hú, ông chủ Phước Xuân Đường nói đã đón về Đồng Nai, anh không biết xứ đó gần xa, đi cách nào tới. Trở về với ông chủ ư? Bình không biết mình có muốn hay không. Anh lừng khừng, không phải tính toán do dự gì, chỉ là chân cẳng mỗi không muốn nhúc nhích. Anh cứ ngồi trên gò mả đến khi tối mịt, gió lạnh thổi hù hù, tiếng khóc than dậy lên.

Người bán khoai không tin. Anh ngủ trên gò mả à? Có thấy... gì không? Có. Nam mô A di đà Phật. Đừng kể, tui yếu bóng vía lắm. Lần đó nghe chùa Hội Sơn có cúng cô hồn, con nhỏ em rủ đi giật xôi. Trời thì mưa gió sục sùi mà ông thầy chùa đọc ư a giọng nghe rầu thúi ruột. Gì mà

Hồn xiêu phách tán... ẩn ngang bờ bụi, nường ngọn suối chân mây, hoặc là bụi cỏ bóng cây, quán nọ cầu này bơ vơ. Trên đường về, dòm chỗ nào cũng thấy... Về tới nhà tui bình luôn mấy ngày, em tui phải đi cắm nhang từng góc ngách bờ bụi, vái van xin các cô hồn tha cho, tui mới khỏi. Gì vậy? Tui nói chuyện có thiệt, làm gì ngó tui trăn trăn vậy? Bình ấp úng: ông thấy chùa đó... ra sao? Ờ thì ông cũng mặc áo cà sa nhưng mà ngộ, râu tóc để dài, đen dày mượt, coi đẹp nha. Bình nghe trong bụng mở cờ. Gặp lại Phật Thấy rồi. Những câu ư a đó thường ngày Bình không nghĩ tới, nhưng nghe là Bình nhận ra, từng lời. Bình hỏi đường đi chùa Hội Sơn, người bán khoai hỏi lại để chi. Đi kiếm ông thấy chùa đó hả? Ông bị bắt rồi. Nghe nói dính dáng phản loạn gì đó.

Đêm thứ hai nằm trên gò mả nguy, Bình sức nghe trong tiếng gió hú từng hồi câu chuyện chủ ghe nói: Xứ này sông rạch chằng chịt, mệnh mang, có chiếc xuồng muốn chèo đi đâu thì chèo, chỗ nào cũng có thể tới được. Ăn thua chỗ có chí tự lập hay không. Một chiếc xuồng, ông Tư đã dạy anh dựng cả căn nhà trên bè. Nếu còn vài đồng xu để ăn khoai có sức làm năm ba bữa, thế nào anh cũng kiếm được gỗ, tre để đóng xuồng hay kết bè. Người bán khoai nói: Anh ở gò mả chắc là bị vong theo, ghẹo phá luôn tui, cho nên sáng hôm qua bị anh mở hàng tui xui luôn tới chiều. Nhưng dù sao bữa trước anh còn trả tiền.

Bữa nay anh đòi mua chịu. Bộ anh muốn tui đội thúng khoai ể thiù này đi theo anh luôn hả? Bình sượng trân. Mà đàng nào khoai cũng ể cũng thiù rồi. Nè, anh ăn được bao nhiêu thì ăn đi, rồi đi khuấy mắt tui giùm cái. Bình thấy người đó đẩy thúng khoai về phía anh một cách dằn dỗi, không biết phải ứng xử ra sao, cứ đứng trân trân sượng sùng. Sao, tưởng tui nói chơi hả? Tui nói thiệt á. Hôm qua anh tới nói chuyện ma quỷ xui tận mạng, cả ngày không bán được gì hết. Bữa nay mới sáng sớm anh lại tới. Ma quỷ xui khiến anh chứ gì nữa. Cho anh nguyên thúng khoai nè, kể như cúng cô hồn. Thôi anh bưng đi đâu thì bưng phút đi.



Năm Canh Tý xảy ra những điềm không lành: sâu rầy phá hại mùa màng khiến dân không đủ ăn, bệnh dịch tràn lan khiến sức quân yếu, giặc nổi lên khắp nơi, dẹp đám này sinh đám khác. Cuối năm vua băng hà. Cũng không sao, vua này chết vua khác lên. Nhưng tình hình Trấn Tây khiến ông chủ Phước Xuân Đường không vui lắm. Một loạt các quan từng uống trà ở nhà ông đã bị giáng chức sau vụ ông Ôn nào đó đi kinh lược. Các quan còn lại đều cảm thấy chân ghế mình ngồi bị lung lay khi vua mới lên có vẻ nghe lời bọn triều thần chủ hòa. Lời đồn râm ran là Trấn Tây Tướng quân đang phát khùng. Quan binh thân cận lâu nay quen phục dịch Tướng quân

chơi cờ người và tiệc tùng hát xướng, một hôm nghe quát một tiếng: Đẹp! Tướng đâu sắp phải rền gươm chùy súng đi đánh cho quân Xiêm La một trận, hay ít ra cũng trấn áp dân chúng Chân Lạp đang sục sôi nổi dậy từ phía. Nhưng Tướng quân không ra lệnh gì cả. Chỉ động chân dùng dùng, đập bàn đá ghế, quát thét không nghe ra tiếng gì, kẻ nào ló mặt toan vỗ về khuyên nhủ đều bị Tướng quân xách kiếm rượt chạy có cờ. Nhưng rồi cũng có người can được: Lệnh vua thì chỉ có một cách duy nhất là tuân theo. Bọn Ôn bọn Quế giờ chỉ rình Tướng quân sơ sẩy có một biểu hiện gì là ghép ngay tội không vâng mệnh vua, để họ phát binh triều đình đi trừ phản loạn lập công. Xin Tướng quân bình tĩnh, cứ tuân lệnh vua rút về An Giang, xứ đó cũng có phong cảnh hữu tình, nam thanh nữ tú.

Ngồi dưới mái hiên yên vắng ông chủ Phước Xuân Đường tính toán tiền bạc. Nếu không kềm chế được Trương Minh Giảng e là sẽ xảy ra thêm một vụ Lê Văn Khôi. Có thể không xảy ra. Ông Tế Xương tự phản biện. Trấn Tây đâu phải Gia Định khi xưa. Dân Tây Thành phần lớn là người Chân Lạp, đều căm ghét Trấn Tây Tướng quân. Mạng lưới giăng dưới đám quan lại An Hà không phải là mạng an toàn chắc chắn, chủ yếu gồm bọn phú hộ, thương gia như ông, những kẻ đánh bạc, đặt cược vào cửa nào mạnh, chắc thắng. Ông Tế Xương cân nhắc những cách an toàn chuyển vốn đầu tư. Dầu gì Tướng quân cũng

là Bình Thành Bá, phe cánh ở triều đình chắc không ít. Chưa biết Tướng quân về An Giang hay về Kinh đô sẽ lật ngược thế cờ. Khách uống trà ở Phước Xuân Đường có quan này và quan kia. Chưa bao giờ ông chủ nghiêng mình quá đáng trước một quan nào, và luôn khẳng định Phước Xuân Đường chỉ là nơi bốc thuốc cứu nhân, chứ không bao giờ can dự đến tranh chấp quyền lực. Việc buôn bán sơn lâm thủy hải sản lại càng không liên quan. Nhưng ông Tế Xương hiểu sâu sắc là bất kỳ tranh chấp quyền lực nhỏ to gì cũng hàm chứa rủi ro. Ông sẽ không kinh hoàng hay đau xót quá nếu Phước Xuân Đường bỗng chốc tan hoang. Ông đã có chuẩn bị. Và ông phải chuẩn bị chu đáo nhất để phòng trường hợp xấu nhất. Ông đã viết xong thư cho các đối tác tạm ngưng hay chậm lại việc giao nhận hàng. Và cũng đã nhận được cam kết của họ. Một trong những thư từ ông nhận được từ Nam Dương là thư của Vĩnh Xương.

Chàng viết cho chú biết tin gia đình. Bà cố đã mất. Chàng đã về thôn Hạ gặp được bà nội, mẹ và em gái. Nhưng ở quê cũng không được bình an, nhà bị cướp hai lần trong một tháng. Nên chàng đã đưa gia đình đến làm hàng xóm của chú Thế Đức ở Tân Gia Ba. Đâu đó yên ổn rồi chàng trở về Penang học tiếp, sau được thầy giới thiệu qua Anh Cát Lợi tìm hiểu về y học. Nay được chú Thế Đức cho biết tàu ghe vẫn qua lại Hà Tiên, chàng viết thư này thăm chú, mong chú vẫn bình an. Ông Tế Xương vừa đặt lá thư Vĩnh

Xương xuống bàn thì ông Tuyền Ký đến chơi đột ngột. Tuy làm ra vẻ nhàn hạ dạo chơi, nhưng ông không giấu được sự hăm hở của kẻ có tin nóng muốn chia sẻ. Tin chính xác và tuyệt mật nhé: Trương Minh Giảng đã chết. Cả hai ông ngồi uống trà như thể đôi bạn già rảnh sự đời, không có việc gì để làm ngoài chuyện bình luận thể thái nhân tình. Bọn Thổ đang nổi dậy, bọn Xiêm sắp tràn qua cướp phá. Ông Tể Xương chờ một lúc thấy ông Tuyền Ký cũng không có thêm tin tức gì ông chưa biết, bèn cáo bận. Ông bị phân tâm không phải vì cái chết của một ông quan, cho dù là quan Trấn Tây. Trong đầu ông đang xảy ra nhiều điều khó phân tích rạch ròi sau khi đọc thư Vĩnh Xương.

Cơm nước xong ông mới thông thả viết thư cho cháu. Chú rất mừng được biết tin gia đình cháu. Chú kính gởi lời thăm bà nội cháu. Ông nghĩ lẽ ra mình phải gọi là mẹ như đã bị ép gọi từ thời thơ ấu, người đã khiến mẹ con ông phải rời Phước Xuân Đường ở Đế Ngạn trong tù ngục. Nhưng bây giờ bà ấy đã già, chắc gì sung sướng trong kiếp sống tha hương lần thứ hai, không còn chồng và con để nương tựa. Ông thoáng ngậm ngùi. Thời gian qua như con nước lớn ròng. Ông sắp tròn hoa giáp. Ngoảnh qua ngoảnh lại, mẹ cha anh em đều không còn tại thế. Lúc đưa Vĩnh Xương rời Đồng Nai, ông đã nghĩ có thể đây là lần cuối cùng chú cháu ngồi đối diện nhau, dẫu Vĩnh Xương vượt biên sống sót ông cũng không chắc chú cháu còn gặp lại. Ông đã nói với cháu những lời tự động trào ra từ gan

ruột lúc đó. Sau này có lúc ông cố nhớ lại, nhưng có lẽ già rồi hay đang trí, ông chỉ nhớ mình đã nói một số điều không phải là sự thật, và không hiểu tại sao. Ông thật lòng yêu cháu, dù không thuận hòa với anh mình. Qua hồi báo từ người dẫn đường, ông đã biết Vĩnh Xương về đến quê nhà bình an và sum họp với gia đình. Ông đã yên tâm, không nghĩ đến chàng nữa, và cố xóa dần ký ức không vui liên quan đến những người từng sống dưới mái nhà Phước Xuân Đường ở Để Ngạn. Cuộc sống họ Huỳnh ở đây từ nay hoàn toàn của ông. Phước Xuân Đường ở Để Ngạn đã trở thành quá khứ. Phước Xuân Đường giờ là Phước Xuân Đường của ông, tại Châu Đốc.

Luồng gió đêm từ sông Cái thổi vào thư phòng khiến ông rung mình. Ông đứng lên để đi ngủ. Bỗng nhiên mọi thứ quay mòng mòng. Ông rơi vào một vực xoáy không đáy, không âm thanh, và rồi không cả màu sắc.



Chị Hai sửa thế nằm cho đứa con đang ngủ say. Hai bên chị, ông bà Tư ngồi áp lại như bức vách kim tự tháp che chở cho đứa nhỏ. Cả ba cái đầu chụm lại thì thầm. Chị Hai khẳng khẳng nói chị sẽ không bước qua cây thập giá có khắc tượng một người bị đóng đinh. Người ta đã trên đầu đội vòng gai, bàn chân đinh đóng rỉ máu, mình mẩy trần trụi lòi xương, khổ như vậy mà mình bước qua,

giảm đập người ta sao đành. Bà Tư nói phước cho con có lòng lành, Trời Đất che chở con và con của con. Ông Tư nói con không giảm đập thập giá thì chúng sẽ giết con. Thập giá đó chúng lấy ở một nhà thờ đã bị giựt sập. Tượng người khắc trên thập giá là Giê-su con của Chúa Trời. Người theo đạo Chúa quỳ trước thập giá có tượng Giê-su bị đóng đinh như người theo đạo Phật quỳ trước tượng Phật ngồi trên tòa sen. Hôm nay chúng bắt đạo khắp vùng An Giang, kiểu thà bắt lầm chứ không bỏ sót, nên người nhốt ở đây đông chật như nêm, bệnh lan như dịch, người chết đói chết khát, người khóc than, nguyên rủa, cùng khổ bạo loạn. Bây giờ chúng phải bày trò này, ai bước qua thập giá thì kể như bỏ đạo, hoặc chúng tỏ không phải người theo tà đạo, chúng tha.

Bà Tư nói chị Hai không phải người đã chịu phép nên không cần phải từ đạo. Chị phải vì con chị mà sống. Phần bà thì tất cả người thân đã được Chúa rước về trời từ những đợt bắt đạo trước, giờ bà đã sẵn sàng chờ Chúa gọi. Ông Tư nói em đã hứa với tôi điều gì? Chị Hai ngạc nhiên vì sự thay đổi trong giọng nói và cách xưng hô của ông Tư, chị quen nghe hai người này gọi nhau ông với bà trước mặt chị. Bà Tư không có vẻ ngạc nhiên hay cảm động về sự âu yếm đột xuất. Bà bình thản nói em hứa sẽ theo anh đến cùng trời cuối đất, nhưng em không bỏ Chúa của em. Sẽ có một ngày anh nghe được lời Chúa gọi, anh sẽ lên thiên đàng cùng em. Ông Tư nắm chặt hai

bàn tay bà Tư. Tôi đã nghe lời Chúa qua chính lời em. Em đã nói rằng khi Giê-su bị đóng đinh người đã chọn sự chết vì sự sống của hai kẻ khốn khổ đã phỉ nhổ người. Người chọn chết cho những người khốn khổ như chúng ta được sống. Chúng ta phải sống để còn làm sáng danh Chúa. Đó là ý Chúa. Chúng ta sẽ bước qua mình Giê-su để hiểu được đau đớn cực nhục của người muốn đến cõi trần ai làm nguôi nỗi đau nhân loại.

Chị Hai sững sốt đến nỗi không hiểu được gì cả. Nhưng hai cái đầu ấy kề sát đầu chị, lời họ nói với nhau thấm vào tim chị, nước mắt chị lặng lẽ tuôn thành dòng xuống đôi gò má, rơi từng giọt xuống gương mặt đứa bé vẫn ngủ say. Chị bồng con cúi đầu đi theo ông bà Tư, bước qua cây thập giá, lẩm thảm khấn vái. Trời Phật biết, chị chỉ bước qua khúc gỗ, chứ Chúa của ông bà Tư ở tận trên trời. Chắc Giê-su gì đó biết chị chẳng qua bất đắc dĩ chứ không có ý xúc phạm. Ba người thay nhau bồng đứa nhỏ lùi lùi đi miết, đi mãi đến khi trời tối mịt, mỗi nhừ chân và đói là người, thì gặp một người dắt về nhà cho ăn và nghỉ qua đêm. Ông Tư nói mình là người bị bắt lầm mới được thả ra, xin mang ơn cứu giúp này đến ngày đến đáp. Người đó nói có xuống sau nhà, nếu chưa biết đi đâu thì chèo xuôi dòng đến An Thới có người giúp đỡ. Ba người lại ra đi khi trời còn chưa sáng, sương lạnh tỏa từ mặt sông buốt cả hơi thở. Chị Hai thấy ân nhân đứng lại trên bờ, đưa ngón tay chạm trán, chạm ngực và hai vai,

bà Tư cũng làm dấu y như vậy. Ông Tư lo chống chèo đưa chiếc xuống con ra khỏi lùm lau cỏ um tùm để ra sông.

Cai đội Tuấn khổ tâm lắm về vụ Phật Thấy. Không chỉ vì ông già vợ không thèm nhìn mặt anh từ khi Phật Thấy bị bắt, quan trên cũng bức mình, mặc dù anh đã cố sức phân trần là mình không dính dáng gì hết. Thiệt tình anh không hay Phật Thấy bị bắt, khi hay ra anh hối hận vô cùng. Ông già vợ chỉ nói một câu mà anh đau như thối. Hết việc quan thì về đắp bờ ruộng chờ sao đi bắt thấy tu bỏ tù. Để chuộc phần nào lỗi mình đã dẫn lối đưa đường Phật Thấy đến nỗi này, Cai đội Tuấn nghe lời cha vợ thăm dò chỗ nhốt, cai tù, án lệnh ra sao. Ông Hòa nói từ giờ mày không liên can gì nữa, tao có chuyện gì mày lo nuôi vợ con mày. Vợ tao mày khỏi lo. Cũng không cần lo cho tao. Ngày ngày ông đeo một tay nải vô nhà tù Biên Hòa thăm nuôi Phật Thấy, người mà ông vẫn tin dấu không phải Thần, không phải Phật cũng không thể là người tầm thường. Không bao giờ ông nói với ai chuyện ông đã mười mấy năm lên núi cúng Thần để rồi tìm thấy tất cả vật tế ở trong tay nải của người thanh niên theo ông xuống núi. Ông tuy không hoan hỉ lắm chuyện người đó đi theo ông, rồi ở nhà ông, rồi can thiệp quá sâu vào chuyện gia đình ông, nhưng ông tin là phước đức gia đình ông có được lâu nay là do Thần ban, người này nếu

không phải Thần thì cũng là người của Thần, nếu tai họa xảy ra cho người đó thì tai họa cũng sẽ giáng xuống gia đình ông. Ở đời có nợ phải trả. Người đó với ông, nếu không nói là duyên thì ắt là nợ.

Một mình lúi lúi bước trên đường vắng, ông Hòa cảm thán, mười năm rồi, muốn yên mà không được yên, xương cốt rệu rã hết rồi, ai dà... Ông bước chậm thật. Từ khi tự cho mình về vườn ông chỉ đi quanh những gốc mai, cần thăng, nguyệt quý, chiếu thủy, sanh, si... trồng trong chậu kiểng để quanh nhà. Để lật lá héo bắt sâu nhộng thì cần gì đi nhanh, cũng không cần quảy xách gì hết. Chuyển từ đi thong thả từng bước đến lặn lội đường dài vai đeo tay xách, ông Hòa mệt quá. Tới gần cửa nhà tù ông kiếm một chỗ khuất nắng, ngồi xuống thở và chờ người lính quen thấy ông, bước ra. Bữa nay theo như ước hẹn đáng lẽ là tới phiên anh ta gác. Anh ta chỉ nhận cái tay nải đưa vào, gần đây kiêm luôn nhiệm vụ chuyển trả cái tay nải của đợt thăm nuôi trước, bên trong có một mảnh giấy ghi tên các vị thuốc mà ông sẽ tìm mua và gửi kèm theo cơm nước cho Phật Thầy trong đợt thăm nuôi sau. Ông Hòa không bao giờ tự nhận là lương y, không bao giờ tài lanh bốc thuốc cho ai, mặc dù ông đương nhiên biết về công dụng các loại dược liệu ông từng mua bán. Ông lấy làm lạ nhưng không nói với ai về những thứ thuốc Phật Thầy nhờ mua. Theo ông biết, đó là những thứ trị các bệnh đàn ông ưa trăng gió mới mắc phải.

Một người lính lạ mặt bước thẳng tới chỗ ông Hòa bảo ông đi theo, có quan kinh lược muốn gặp, khiến ông Hòa giựt mình, bắn khoăn. Ông đã dự tính những tình huống xấu có thể xảy ra, và ông cương quyết đóng vai một người dân ngu dốt nghèo hèn. Ông lóm thóm bước theo người lính, không phải vô nhà tù, mà đi thêm một quãng đường xa nữa để vào dinh Án sát tỉnh Biên Hòa. Vừa thở hào hển ông Hòa vừa rủa thầm. Mả cha mày, bắt tao từ ngã ba đất thẳng về đây có phải đỡ cực tao đi qua đi lại không? Ông không rành ngạch trật quan chức, có lần nghe con rể nói lâu lâu có Kinh lược sứ vua sai đi xem xét việc các tỉnh về tâu lại cho vua biết. Nên các quan Kinh lược luôn được tiếp đón long trọng, đãi đằng nọ kia, sao cho quan đến quan đi, ai nấy đều vui vẻ. Ông Hòa không phần khởi gì chuyện gặp một quan Kinh lược như vậy. Nói chung cả đời ông luôn tránh gần quan, vì thế nào cũng tốn kém. Hiện giờ trong túi ông chỉ có mấy tiền lẻ để lót tay lính gác, chứ đủ đâu cho quan, nhứt là quan ở ngoài Kinh đô vào.

Ông Hòa không dè quan Kinh lược kỳ này khác hẳn. Khắp sáu tỉnh Nam Kỳ quan lớn quan nhỏ ở các địa phương đều đang lên cơn sốt. Phần lớn chưa biết nhiều về quan này. Chỉ biết là ông từng làm Kinh lược Trấn Tây trước đây, tâu hót gì đó việc Trương tướng quân chơi cờ người, bị phe đảng trong triều của Trương tướng quân dìm xuống sàn cho hít bụi. Nay có vua mới,

triều đình có ít nhiều thay đổi, Trương tướng quân thì chết rồi, ông này lại được vua mới phục chức và sai vào Nam. Biên Hòa là tỉnh thứ hai, sau khi quan đã xem xét việc ở tỉnh Phiên An. Lúc ông Hòa vô gặp quan Kinh lược, ông đi đứng khúm núm đúng điệu nhà quê trước mặt quan lớn, hai tay khoanh, đầu cúi thấp, mắt chỉ dám nhìn ngón chân mình. Khi đứng gần bàn của quan, ông len lén đưa mắt nhìn, thấy ngay một tay nải và xấp giấy có chữ. Ông thiết tình ngắt đi một giây. Cái tay nải ông nhận ra ngay, vì cả đời ông chỉ dùng một loại tay nải do vợ may, từ cái ông đeo lên núi cả mấy chục năm trước, cho đến cái ông gởi đồ tiếp tế cho Phật Thầy và cái ông đang đeo. Nhưng tay nải cũ kỹ trên bàn không khiến ông tản thần. Chính cái xấp giấy có chữ, ngay từ hồi mới nhìn thấy nó trong túi ông. Thần không nhận là Thần đó, ông đã tự nhủ kính nhi viễn chi, nhứt định không đụng tới, không biết tới.

Đến nước này ông Hòa biết là dù họa hay phước cũng không tránh được nữa. Ông thở dài bình tĩnh nhìn quan, sẵn sàng chấp nhận số phận mình. Nhưng người ngồi đối diện ông có phải quan Khâm sai không, mà trông như một người học trò nghèo, thậm chí giống giống Phật Thầy, chỉ khác áo vải, râu dài nhưng tóc búi. Hầu như buổi nói chuyện chỉ có một người nói. Quan hỏi: Ông là cha vợ của Cai đội Tuấn? Tôi mới hỏi chuyện

anh ta xong. Đừng lo, cả nhà ông không phạm tội gì cả. Tôi phải hỏi đến ông vì có mấy việc Cai đội Tuấn không biết. Ông có biết gì về cái này không? Ông Hòa than thảm, biết ngay mà, nhưng lắc đầu quấy quậy. Ông chưa nhìn kỹ mà, ông cứ cầm lên đọc đi. Không đọc được à? Có thực là ông không biết đọc chữ Nôm? Để tôi đọc ông nghe thử: *Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt/ Toát hơi may lạnh buốt xương khô/ Nào người thay buổi chiều thu/ Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.* Con rể ông nhớ mang máng là đã nghe sư chùa Hội Sơn đọc trong lễ tế cô hồn. Ông không biết thực à? Ông chưa từng nghe ai đọc thơ, không am hiểu văn chương, sao lại để ngụ trong nhà mình hai người biết đến áng văn chương bất hủ này của một danh sĩ Bắc Hà? Thôi chết mẹ! Ông Hòa than thảm. Thằng rể dịch vật đã khai tòi loe những gì? Ông Hòa chỉ còn nước nín thinh, tình thế này nói thêm gì nữa cũng là sai. Quan cho ông Hòa về, nhưng ông đi được mấy bước thì quan bảo: Nhấn với Huỳnh Vĩnh Xương là án Phước Xuân Đường đã hủy.



Không đi thì thôi. Vợ ông Hòa nói với con gái. Đi một cái là cứ hết chuyến này tới chuyến kia, đường ngắn tới đường dài. Già rồi mà không biết thương thân. Ông biết, nhưng ông không đi sao được. Quan bảo chó có

phải chơi. Ông đã viết thư cho Tế Xương ở Châu Đốc, chờ hoài không thấy hồi âm. Ông đã xuống Đê Ngạn, qua Bình Dương, mới biết Tế Xương đã mất. Phước Xuân Đường ở Châu Đốc đã đóng cửa. Vợ con Tế Xương chỉ biết Vĩnh Xương đang ở Nam Dương, nhờ một bức thư tìm được trong thư phòng của ông. Ông Hòa đành phải đi Hà Tiên, hy vọng tìm được mối liên lạc với bạn hàng Nam Dương để gửi Vĩnh Xương một bức thư. Ông suy nghĩ đắn đo lắm, chớ có phải không đâu. Lúc ngồi nhà viết thư, ông thấy con gái đi qua đi lại, bụng ông đã không ưng rồi. Cho dù ông ngày một diên tiết với thằng rể bộc tuệch, nhưng con gái đã gả, chống sao cũng vẫn là chống mình. Ba mặt con rồi còn tơ tưởng người đứng cái nổi gì. Nếu Vĩnh Xương bắt tằm vô tích thì, ông tin, con gái ông cũng quên dần, yên phận mình ở sau bếp. Nhưng trước là vì tình thân, mà cũng có họ hàng, với Phước Xuân Đường, sau là vàng lời quan bảo, ông Hòa đành phải đi tìm Vĩnh Xương.

Đường bộ từ Biên Hòa đến Phiên An đã mở rộng, nhưng ngồi xe ngựa lộc cộc đau cái lưng già quá, ông Hòa cân nhắc kế đi đường thủy. Trong bộ y phục ông vẫn thường mặc ở nhà, chỉ lặn lưng thêm ít tiền ông nhắm đủ chi tiêu dè sẻn dọc đường, ông Hòa bước dọc Bến Nghé quan sát và tính toán. Thuyền ghe thì nhiều, lớn nhỏ đủ kiểu, ngược xuôi, không tấp nập như hồi Tả quân còn trông coi đất Gia Định, nhưng cũng thấy được cuộc

sống vẫn chọn rộn, người ta vẫn bươn bả kiếm sống. Ông Hòa nhận ra mình già nhưng cuộc sống vẫn trẻ. Ông vui thú điển viên nơi vắng vẻ nhưng cuộc mua bán chốn thị thành vẫn xôm tụ. Chỉ sau vài khắc cảm thán về sự vô thường trên thế gian, ông Hòa lại nhập vào cuộc luân hồi bất tận. Sau khi hỏi qua năm bảy ghe hàng mà không ghe nào đi về Châu Đốc hay Hà Tiên, ông hơi lạ. Hỏi đến ghe thứ chín hay mười, ông không thể không thốt ra thắc mắc tại sao. Người ta nhìn ông như nhìn Từ Thức mới ở động tiên trở về trần. Vùng An Hà mấy năm nay tan hoang hết rồi, còn ai mua bán gì ở những bãi chiến trường thối nhố xác chết. Kinh Vĩnh Tế tưởng là thủy lộ mở mang thương mại, phát triển canh nông và giữ an bờ cõi, ai ngờ thành thủy lộ kinh hoàng, hai bên bờ diều quạ sinh sôi bằng xác người, mỗi lần bay lên từng bầy như những đám mây đen kịt. Từ khi vua ra lệnh bỏ Tây Thành, giặc già liên miên, quân Xiêm quân Miên hờ ra là tràn qua cướp phá. Ấy là chưa kể bọn cướp biển.

Hỏi kỹ lại thì không mấy ai qua lại vùng An Hà trong vòng bốn tháng nay, chỉ nghe người này người kia kể chuyện, mà chuyện cũng không phải do họ chứng kiến tận mắt. Ông Hòa có một nguyên tắc hỏi còn đi buôn đường dài là mình có việc phải đi thì cứ đi lo việc của mình, tới đâu dừng chuyện gì giải quyết chuyện đó. Chưa đi làm sao biết được chuyện chưa xảy ra. Chuyện người ta kể là chuyện của người ta. Mỗi người một số phận, chắc gì may

rủi của người khác cũng là may rủi của mình. Huống hồ chuyện được kể lại đều là chuyện đã qua, mà nước sông, dù sông thâm sông máu, cũng không hề ngừng chảy. Ngày hôm trước là điều quạ đen trời, hôm sau có thể xương phơi trắng bờ, thì hôm nay có thể nhà phố đã dựng lên chen chúc hai bờ. Một con kinh chiến lược như kinh Vĩnh Tế tốn bao nhiêu thời gian công sức đào lên, triều đình bỏ được sao. Ông nghĩ đến cách lên một ghe đi Vĩnh Long hay Sa Đéc, tới đó rồi tính nữa, thế nào cũng kiếm được ít nhứt một chiếc xuống con mà bơi tiếp. Vấn đề là nếu quả thực Hà Tiên đã tan hoang, thì làm gì còn ghe tàu nào đi Nam Dương để ông gọi thư. Có chăng gọi cho bọn cướp biển. A, bọn cướp biển. Ông thấy lóe lên một tia hy vọng. Ông Hòa chưa bao giờ kể với ai, như chuyện đi lên núi gặp vị Thần không nhận là Thần, ông còn câu chuyện đi ra biển gặp người tự xưng cướp biển mà không phải cướp biển.

Tính tới nghĩ lui, ông Hòa thấy trước mặt lạnh ít dữ nhiều. Như đánh bạc, có thể thua trắng tay. Nhưng không đánh thì chắc chắn không thắng. Ngồi đây mà ngẩn ngại dần đo thì thà về Biên Hòa ngủ phút. Ông Hòa đứng dậy phúi cát bụi bám đáy quần, kêu thằng chèo đò ngồi chồm hổm này giờ cách ông không xa. Ông nhận thấy anh ta thỉnh thoảng len lén nhìn ông, nhưng phần vì không bận tâm chuyện ai nhìn ngó gì mình, phần vì nghĩ mấy thằng chèo ghe mướn đánh hơi được khách hàng tiềm năng là bám riết, hẳn anh ta ngồi canh ông để bắt khách đi đò.

Vừa thấy ông Hòa ngoắt tay, anh ta lật đật đi tới, chấp tay chào, ông Hòa mạnh giỏi. Há? Anh biết tôi à? Dạ, ông là bạn của ông chủ Phước Xuân Đường. Hồi xưa tôi làm việc trong xưởng chế thuốc, từng thấy ông vài lần, nhớ chắc như in. Ông không hề nhìn tôi lần nào nên không nhận ra. Tôi tên Bình. Ông Hòa lại cảm thán cuộc đời dâu bể. Ông chủ chết rồi ắt thằng tớ bị phiêu lạc xó chợ ven sông. Ông ngậm ngùi hỏi những ngày cuối cùng Bình còn ở bên ông chủ như thế nào. Bình nói ông chủ phương phi, Phước Xuân Đường thịnh vượng, khách ra vô đều có đẳng cấp, sang trọng giàu có như vùng Trấn Tây An Hà. Hóa ra Bình chưa biết ông chủ đã mất. Anh có nghe nói vùng An Hà loạn lạc, nhưng anh thấy đời loạn lạc quen rồi. Anh cũng có lo cho người quen ở đó. Nhưng anh không nói người quen đó không phải ông chủ Phước Xuân Đường.

Nhìn vẻ mặt Bình chợt ỉu buồn ông Hòa có phần cảm động, nghĩ người còn tưởng nhớ chủ cũ chắc không tệ. Ông muốn có thêm thì giờ làm quen và tìm hiểu thêm Bình, nên nói ông đói rồi gần đây có chỗ nào ăn không. Bình nói anh chỉ biết có chỗ bán khoai. Ừ khoai thì khoai. Chị bán khoai vác cái bụng chứa chang bang, vốn vã, mồm mép tía lia. Ông đi đâu, cần ghe lớn hay nhỏ, có xem ghe của anh chưa, anh tự đóng lấy đó, chắc chắn lắm, ông cần đóng chiếc lớn hơn anh cũng dư sức làm, miễn là có khoai ăn mỗi bữa. Bình không giới thiệu chị bán

khoai là vợ, nhưng chị rõ ràng cố tình hành xử như Bình là một anh chồng khờ. Chị thương lượng, ngã giá, đòi trước nửa tiền công. Chứ rùi ảnh đi chưa dĩa mà tui mắc dè thì làm sao? Bình có vẻ hốt hoảng. Hình ảnh cái bọc con nít tuột xuống giữa háng chị Hai trong trận mưa lũ dữ dội năm nào thoáng hiện. Ông Hòa quan sát từng biến đổi trên mặt và mỗi cử động của thân thể Bình. Ông cảm thấy tin được người đàn ông có tình nghĩa chủ tớ và trách nhiệm làm chồng làm cha. Bình đành đẩy chiếc ghe nhỏ tách bến. Anh không chắc mình muốn chạy trốn thực tại ở đây hay bị thu hút về quá khứ ở một khúc sông Cái nơi dòng nước đục ngầu phù sa cứ quẩn xuống quẩn lên.

Chị bán khoai đếm đi đếm lại số tiền trong tay. Bữa nay nghỉ bán đi chợ thôi. Lòng hân hoan chị cầm cái nón lá chằm lại mấy chỗ bị tưa hôm nay. Chị đã định chằm lại hôm qua, rồi thôi kệ. Ngồi bán khoai, nón lành nón rách gì chẳng được. Nhưng bữa nay chị sẽ đi chợ Đũi. Chị cần sắm sửa để lót ổ cho đứa con. Chị đi qua bãi dâu, biết chỗ những cây dâu có trái chín đen mọng. Vườn dâu nào cũng chứa lại mấy gốc dâu già khi người ta cắt lá dâu nuôi tằm. Chị không biết tại sao, không nghĩ là người ta chừa lại cho mình. Nhưng từ khi có bầu chị thèm trái dâu tằm quá, ngày nào bưng rổ khoai đi ngang vườn dâu cũng sắm soi tìm hái trái chín đen, trái mới ửng đỏ cũng hái, đến nỗi trái còn trắng xanh chua loét chị cũng không tha. Rồi chị nhận ra những cây dâu ngoài rìa ít bị cắt lá hơn, cành dâu trở nhiều bông, đậu nhiều trái. Chị hái ăn sung sướng, tươi cười và nói trống vào vườn dâu cảm ơn nhe.

Chợ Đũi lúc nào cũng đông, những sạp vải nối nhau, hàng tơ hàng gấm hàng lanh cũng có, nhưng nhiều nhất là hàng đũi do thợ xóm dâu dệt. Chị mân mê những tấm đũi thô màu trắng, màu vàng nghệ, màu lam. Người bán đũi

nói hình như chị bán khoai, nhìn quen quen mà không biết phải không? Có chống rồi hả, chừng nào sanh? Chị bán khoai không giấu được hãnh diện, mua hai xấp vải để làm khăn, tã. Sau khi biết giá cả chị nhẩm tính số tiền còn lại, quyết định mua thêm cho mình một xấp lanh nhuộm mặc nưa và chọn thêm một xấp đũi nhuộm dả nói để may áo cho chống. Chị hơi ngượng nghịu chút khi nói tiếng chống, đồng thời cười khúc khích với niềm vui mới mẻ đang lan tỏa khắp người. Chị bán đũi còn nhớ con nhỏ bán khoai, nay đã thành chị bán khoai. Theo dòng đời trôi thì cả hai sẽ thành mẹ bán khoai và mẹ bán đũi, rồi bà già bán đũi, bà già bán khoai. Chị bán khoai không thích lắm viễn cảnh đó. Tuy nhiên đổi thành vợ thằng chèo đò cũng không vẻ vang gì hơn. Chị ngẫm nghĩ một cái tên thiệt hay để đặt cho con, vì là một người mẹ chị sẽ được gọi là má thằng Đạt hay má thằng Minh gì đó. Ừ, cha nó là Bình, thì đặt tên nó là Minh nghe phải lắm. Biết đâu một ngày nào đó chị sẽ là má ông Minh.

Vui quá. Chợ bữa nay hình như đông hơn mọi khi. Chị ung dung đi dạo chợ, mua bánh, mua xôi. Chị vẫn còn tiền và định nghỉ bán khoai nguyên ngày nay mà. Phía đầu chợ có một sư ông, dường như cùng tâm trạng với chị nên ánh mắt tỏa ánh sáng như nắng sớm trên hoa lá. Chị đến trước mặt sư cúng dường gói xôi để cầu phúc cho đứa con trong bụng. Sư không mang theo bát, ngửa bàn tay nhận gói xôi, không đọc kinh, không nói gì, chỉ

có đôi mắt nhìn chị bán khoai bọc lộ sự tri ân mà chị cảm nhận rõ và khiến chị cảm động. Hốt nhiên chị nghĩ có phải đây là người mà chồng chị muốn tìm? Chị ngắm kỹ, ban ngày giữa chợ sư này trông không có vẻ huyền bí như sư ở Hội Sơn tự buổi tối tháng bảy mưa dầm năm đó, nhưng chắc đúng rồi, tóc râu vẫn còn dài, tuy áo cà sa mới. Chị mừng và bối rối. Vậy mà lâu nay chị khẳng khái nói với Bình là sư đã bị bắt vì nổi loạn. Trên đường về nhà chị chợt nghĩ, ông sư này liên quan sao với chồng mình? Chị chưa bao giờ nghe Bình nói tại sao anh muốn đi tìm sư. Mà thực ra anh cũng không hề nhắc đến sư lần nào, từ sau lần chị tự ý kể chuyện chị đi chùa Hội Sơn coi lễ tế cô hồn. Chị gạt anh chồng ra, cảm thấy mình gặp sư và gặp lại sư là duyên lành của riêng mình. Chị lại vui, không thắc mắc gì nữa.

Mua bán ở chợ phần lớn là đàn bà. Nên một ông sư đứng ở đầu chợ một hồi là người tạ chú ý, nhứt là sau khi một bà bầu đến đưa sư cái gì đó, hai người nhìn nhau tình ý lăm, rồi bà bầu vừa đi vừa tủm tỉm cười, má hồng mắt long lanh coi bộ phởn lăm. Họ chưa kịp xì xào thì một bà khác đến nói gì đó khiến ông sư đi theo. Nhưng bao con mắt dõi theo bị hố ngay vì hai người đó đi thẳng vô tiệm thuốc Bắc. Sư hỏi xin giấy viết ghi ra toàn chữ Hán, chủ tiệm coi theo đó bốc mấy thang thuốc. Sau khi khách đi, chủ tiệm còn cầm toa thuốc tấm tắc khen chữ đẹp, rồi cất đi như cất một bức thư pháp. Hóa ra sư là thầy thuốc à.

Chợ bắt đầu xôn xao. Có người nghi ngờ hay đó là Phật Thầy? Là ai? Mấy người ở đây không biết, chứ ở miệt sông Cái, Phật Thầy nổi tiếng lắm, người chửi cẳng xui lơ Thầy vượt một hồi đi lại được, người chết đuối rồi nhen, Thầy vỗ vỗ bụng ba cái là ọc nước ra sống lại. Bởi vậy mới kêu là Phật Thầy. Ai cũng có ít nhứt một người thân bị bệnh, hoặc biết ít nhứt một người nào đó bệnh gì đó. Mách cho một toa thuốc hiệu nghiệm hay một thầy thuốc giỏi coi như chuyện làm phước không tốn tiền. Người có bệnh thì vái tứ phương, may thấy phước chủ, biết đâu.

Khi băng qua đồng, người đàn bà bước sau Phật Thầy chợt ngoảnh đầu thấy bóng người nhấp nhô giữa đám lúa đang trổ bông. Đồng lúa quanh đây đều do dân xóm cấy, băng qua đồng này chỉ để vô xóm, mà xóm từ nhiều năm nay mang tiếng xóm hủi không mấy người léo hánh tới. Nỗi sợ khiến bước chân của người đàn bà quíu lại, bà vấp té vào Phật Thầy đi phía trước. Khi cả hai người đứng lên nhìn lui nhìn tới đều không thấy bóng ai khác. Dù vậy người đàn bà cũng giục Phật Thầy nhanh bước. Bà sợ Phật Thầy lại bị bắt như lần trước. Bao nhiêu người bệnh đang hy vọng và thấp thỏm chờ thuốc ở nhà. Bà phải đem ra chợ bán một mớ gà vịt để có tiền cho Phật Thầy đi mua mấy vị thuốc mà đồng cỏ quanh đây không có. Lúc bán xong gà vịt, bà trở lại gặp Thầy để đi mua thuốc, bà đã thấy người ta dòm ngó có vẻ khác thường, nhưng bà lo

việc mình không để ý. Bây giờ thì bà tin là sắp hay đang có chuyện gì đó không hay. Phật Thấy vẫn bình thản bước đi, ánh mắt vui như đứa trẻ ở trong đồng sâu lâu lâu được dắt đi chợ, và được cho quà.

Trước ngày khởi hành về Kinh đô quan Kinh lược sắp xếp lần cuối các việc để lại cho các quan địa phương xem xét cải tổ, và các việc phải báo về triều đình. Có vài việc ông còn băn khoăn. Ông xem lại tờ trình về việc sư chùa Hội Sơn. Sau khi được đưa về Hội Sơn tự lần hai sư đã bỏ đi lần hai, cũng lại đến xóm hủi. Xóm ấy chỉ có mười nóc nhà, gồm những người có bệnh nan y, bị xa lánh nên tụ tập lại, nương tựa nhau. Có người được sư chữa khỏi bệnh, có người không khỏi bệnh vẫn chết. Nhưng người chết thì gia đình cho là người đó đã hết phần phước, người khỏi bệnh thì coi đó là nhờ phép mầu của sư, mà họ tôn là Phật Thầy. Tiếng đồn lan trong chợ ngoài đồng, người khắp nơi công mẹ gánh con điu chống đến xin Phật Thầy chữa bệnh, khiến quan Án sát lại một phen nữa cho đưa Phật Thầy về Hội Sơn, sợ ảnh hưởng Phật Thầy lan rộng, dân chúng kéo đến đông sinh loạn. Nhưng dân chúng vẫn kéo đến. Cũng nhờ vậy Phật Thầy vẫn còn ở chùa Hội Sơn. Vì hễ sáng dậy Phật Thầy bỏ đi, ra tới sân chùa thấy chúng sinh đau bệnh rên la, Phật Thầy lại khám chữa từng người, hết ngày. Hiện quan Án sát chưa biết làm sao.

Quan Kinh lược gọi Thành đến bảo. Hôm trước anh xin xuất ngũ để về quê chăm sóc mẹ già, tôi còn trù trừ vì anh là một trong những người giỏi mà tôi tin cậy. Nay có một việc khiến tôi nghĩ đến anh, anh xem kỹ tờ trình này. Tôi e là khi tôi đi khỏi, quan Án sát có thể hành xử không vị nể nữa. Tôi đã gặp mặt người này, tuy y không nói gì, nhưng tôi biết y không phải người tầm thường. Người như vậy có thể là phước cho dân chúng, cũng có thể là họa cho triều đình. Nay tôi cho anh xuất ngũ, khỏi theo tôi về Kinh xa xôi gia đình. Nhưng tôi giao cho anh người này. Anh biết phải làm sao chứ? Thành vâng lời, dù chưa biết phải làm sao. Ngay trong đêm đó Thành cởi giáp trả gươm, chào quan Kinh lược đi lên chùa Hội Sơn.

Có điều gì đó khiến quan Kinh lược cảm thấy không an tâm. Ông muốn gọi Thành lại để dặn dò thêm, nhưng lại thôi. Ông muốn lưu ý Thành điều quan trọng nhất: Tuy được gọi là sư, là Phật, nhưng vấn đề về người này không phải là tôn giáo. Một người ở phương Nam mà thuộc lâu tác phẩm của Nguyễn Du, trong khi rất nhiều người có học, thậm chí ở Kinh đô, chỉ biết Nguyễn Du như một viên quan không vẫy cánh trong triều. Người này có liên hệ thế nào với sĩ phu đất Bắc? Người này lại có giao du với Phước Xuân Đường, một trong những danh gia ở Đền Ngạn. Những việc làm quá tay trong vụ án Lê Văn Khôi đã gây ra những hậu quả đáng tiếc. Nay triều đình muốn sửa, cũng khó mà hốt lại chén

nước đã đổ đi. Việc Trấn Tây tốn nhiều xương máu vẫn chưa giữ yên được biên giới. Việc giết các giáo sĩ Tây Dương đang khiến triều đình khó xử với sứ giả các nước phương Tây, lại thêm hiểu lầm này đưa tới sai sót kia, càng thêm sa lầy. Với người Minh Hương ở Đê Ngạn, vua quan ở Huế chưa đánh giá đúng ảnh hưởng. Một số không ưa người Chăm, người Miên, người Minh Hương như cái họa ngấm. Một số tự đắc, thỏa được lòng đố kỵ khi thấy những cơ sở kinh doanh từng phồn thịnh của người Minh Hương ở Hà Tiên, Châu Đốc, Đê Ngạn... tan hoang. Một số không quan tâm, không muốn tìm hiểu hoặc không chịu hiểu. Quan Kinh lược vốn là con một di dân, xuất thân là học trò nghèo, đem chí giúp đời đi vào quan trường. Dù trong triều nhiều kẻ không ưa, hoạn lộ thăng trầm, nhưng ông vẫn tin là có mình quân tôi hiền thì dân chúng được yên vui. Vua đã tỏ rõ khao khát làm mình quân, ông cũng muốn làm tôi hiền. Trong triều những điều ông đề xuất về người Minh Hương hay bị xuyên tạc, vì nhiều đồng僚 nghĩ ông là người Minh Hương. Nhưng ông vẫn giữ quan điểm coi người Nam người Miên người Minh Hương hay người thuộc các bộ tộc trên núi trong rừng đều là dân. Và niềm tin Nho giáo của ông là người sống một lòng vì dân vì nước thì không hổ thẹn với đất trời.



Chiếc ghe nhỏ có cái mũi cong cong đan bằng tre và lợp thêm lá dừa nước khiến khúc giữa ghe vừa mát mẻ vừa khô ráo dù trời nắng hay mưa. Tuy vậy mưa to thì Bình tấp ghe vào bờ bụi nào đó, nắng quá cũng được ông Hòa khuyên tạm nghỉ. Như những trạo phu kinh nghiệm, Bình thích chèo ghe ban đêm, nhất là những đêm gió mát trăng thanh. Ban đầu ông Hòa nằm dưới mũi ghe nhắm mắt cố gắng không suy nghĩ gì hết. Người già khó ngủ, dù tiếng nước rọt rẹt khi mái chèo khua bên tai êm êm đơn điệu ru ngủ cả Bình. Có lúc Bình lơ tay chèo gục xuống rồi giật mình nắm chặt cây chèo khoắn mạnh xuống lòng sông. Ông Hòa ngồi dậy kéo mấy tấm ván kê xích ra ngoài cái mũi một chút, để ông có thể nằm thò đầu ra ngắm trăng sao. Trời trong, ngần ấy trăng sao ông đã nhìn ngắm nhiều lần, xoay vần vậy chứ mà cũng nhiều đó. Nghĩ vậy ông yên tâm ngủ thiếp đi. Chợt nghe như tiếng vó ngựa phi rầm rập. Ông thức giấc nghĩ là mình đang chiêm bao. Ông lắng nghe thì nghe không rõ lắm, vọng từ đâu đó xa xăm. Nhưng nhịp rầm rập không dứt, như thể hàng trăm hay hàng ngàn con ngựa nối nhau chạy đường trường. Ông lại ngủ thiếp đi. Hôm sau đang ngồi nhìn bóng nắng dưới sông ông bỗng nhớ rõ cả tiếng ngựa hí giữa đêm qua.

Ngồi ghe rảnh quá ông Hòa thử đếm những cuộc chiến tranh giặc giã đời mình đã trải qua. Mấy ông Nguyễn đánh nhau hết thời thơ ấu của ông. Giặc loạn

nổi lên nay ở đây mai ở kia ví ông qua tuổi thanh niên trên rừng ngoài biển. Đến già lẽ ra ông phải được yên ổn ở cái cùỉ chỗ sông Đồng Nai. Mắc gì khăn gói lênh đênh sông nước đến chỗ đang có can qua. Ông than, tao mắc nợ mày Vĩnh Xương à. Ông đã đem người Vĩnh Xương yêu gả cho người khác, nên ông nợ chàng, hay hiểu theo cách của ông, là ông đã lãnh nợ giùm con gái. Nếu là vậy, ông cũng không muốn phàn nàn, chỉ muốn đi chuyến này trả dứt luôn, khỏi ai bị dây dưa đến kiếp sau. Gần tới vàm rạch đổ vào sông Tiền chiếc ghe nhấp nhôm dữ quá mặc dù trời quang mây tạnh. Bình lo sợ vì từng có kinh nghiệm. Sóng này là do có nhiều tàu ghe lớn đang di chuyển nhanh cùng lúc trên sông. Anh vội lúi vô bờ giấu ghe trong bụi rậm, neo cột chắc chắn, bảo ông Hòa núp kỹ và sẵn sàng vọt lên bờ chạy trốn. Chứ điệu này dưới sông không còn đường chạy.

Từ phía hạ lưu xuất hiện những cột buồm to, rồi cả chiếc thuyền to, và nhiều chiếc thuyền to, đều là chiến thuyền. Ông Hòa đoán là quân triều đình theo đường biển tiến vào sông Cổ Chiên ngược lên; hoặc là quân Mỹ Tho, Vĩnh Long chi viện quân An Giang, Hà Tiên. Coi bộ sắp đánh lớn. Sóng to suýt lật úp chiếc ghe con mấy lần. Đoàn chiến thuyền gấp gấp tiến quân, không màng đến những người dân hèn mọn thập thò trong lùm bụi ngó theo. Khi sóng yên nước lặng, ông Hòa trầm ngâm lưỡng lự một lúc. Chiến tranh khó lường, nguyên tắc từ xưa của

ông là chỗ nào có tranh chấp thì ông tránh xa. Từ nhỏ ông mồ côi mẹ, thiếu người chăm sóc nên thân thể còi đẹt. Lớn thêm chút nữa thì mồ côi cha, thiếu người che chở nên ông biết nhẫn nhịn, cam chịu. Bất cứ chỗ nào xảy ra bất cứ chuyện gì ồn ào, ông tìm cách tránh xa ngay, không chút tò mò về nguyên nhân, diễn biến, trước hay sau khi sự việc kết thúc. Bây giờ ông tính sao? Ông hỏi Bình mày tính sao? Bình xưa nay không tính gì hết, trừ một lần tính đóng ghe chèo đi khắp sông rạch Nam Kỳ. Ghe đóng xong thì chị bán khoai nói tui có bầu rồi, anh là thứ đàn ông gì mà tính bỏ tui đi như vậy.

Chiếc ghe con cứ chòng chành, không phải vì sóng nữa. Ông Hòa xoay qua Bình gắt, mày ngồi yên coi. Ông xoay người nhìn ra sông Tiền mênh mông, thở dài, xoay lại bảo, sông rộng như vậy, chiếc ghe nhỏ xíu như vậy làm sao qua được. Bình ngồi im, không nói luôn. Ông lại xoay người nhìn lên thượng nguồn thở dài, họ đánh nhau lâu không ta. Ông xoay lại hỏi Bình mày từng đi lính hả. Bình ậm ừ. Ông Hòa lại xoay mình nhìn xuống hạ lưu, mênh mông nước chảy bèo trôi. Hay là mình tạm dừng ở Sa Đéc chờ coi tình hình ra sao. Ông Hòa hy vọng những người ông quen biết ở Sa Đéc vẫn còn sống. Từ hồi giải nghệ ông không liên lạc với bạn bè chốn giang hồ nữa, không chắc gì họ còn vui vẻ tiếp ông.

Bình vẫn ngồi dưới bến trông ghe khi ông Hòa đi vào chợ. Mùi bùn sinh, mùi bến cá, mùi lau sậy bèo bọt... Anh

cảm thấy như dòng nước đục chảy khắp châu thân thay cho máu đỏ. Anh hít vào cho đầy buồng phổi mùi sông Cái, anh nuốt vào cho no nê những dây xanh lam xanh biếc trong tấm mắt phóng sang tận bờ bên kia. Trước giờ anh đâu có biết, nhưng bữa nay anh mới tự hỏi, tại sao mình lại bỏ sông Cái đi tới sông Đồng Nai. Để bây giờ sanh khổ.

Không biết làm sao nữa, Bình chui vào nằm khoèo trên tấm ván dưới mui ghe, ngủ một giấc say sưa. Chiếc ghe bên cạnh lui ra, đụng chạm chút đỉnh anh cũng không hay. Người đang chống ghe lui ra là ông Tư. Ghe ông không mui, bà Tư, chị Hai và đứa con ngồi khời khời trong nằng, nếu lúc đó Bình mở mắt nhìn ra là thấy họ. Nhưng anh nằm ngủ trong mui ghe, ông Tư chỉ thấy hai cẳng chân gân guốc thò ra, và hai bàn chân chai sần đen thui thì có thể là chân của bất cứ ai lội sông lội ruộng xứ này. Cứ dăm bữa ông Tư lại chở mẹ con chị Hai ra chợ, để chị hỏi thăm người buôn bán gần xa và ghe dò qua lại, có ai gặp chống chị. Người ta hỏi chống chị ra sao, có đặc điểm gì để nhận dạng. Lúc đầu chị ngẩn người ra nghĩ ngợi. Rồi thần thờ nói ảnh cũng như người ta. Chị không biết nói sao cái mùi mồ hôi anh nhều xuống mặt chị, bắp tay bắp chân anh sần cứng ghì chặt đến nổi xương thịt chị đau. Ảnh không có nốt ruồi hay sẹo trên mặt, tóc thì búi tó, áo túi quần cộc chị may không khéo nhưng ảnh mặc cũng vừa, tuổi ư? Chị không biết, chắc

anh cũng không biết, có lẽ trạc chị thôi, chừng băm mấy. Người ta nói người như vậy ngày nào họ cũng thấy, trên chợ dưới bến đều có, bốc vác, chèo thuyền, mua bán... Phải người kia không? Phải người nọ không? Giá mà người ta nói không có người nào như vậy có lẽ chị Hai tuyệt vọng, đau khổ một lần rồi thôi. Đằng này, chị cứ hót hơ hót hải hồi ông Tư ví theo chiếc ghe nào đó qua Tân Quy để ngược ngạo quay về, rồi lại bốn chồn đón đợi một chiếc ghe khác, năm thì mười họa ghé bến An Hòa. Thành ra ghe ông Tư cứ quanh quẩn mấy bến chợ ở khúc sông này.

Ông Tư không phiền hà gì, đằng nào ông cũng quanh quẩn trên sông đánh cá, đem vô chợ đổi gạo và muối. Thằng Hà Bá Chừa coi vậy mà cũng đỡ được tay chân cho ông. Có nó ngồi trên ghe với ông trong khi hai người đàn bà rủ rỉ nọ kia, ông cảm thấy cân bằng. Thằng nhỏ xứng đáng với cái tên nó, hồi chưa biết đi đã lội nước như nhái, giờ thì chạy nhảy leo trèo như khỉ, nói như khúu, ăn như hạm. Ông không thể khuyên lơn gì chị Hai về chuyện đi tìm chồng, nếu ông mất tích có lẽ bà Tư cũng sẽ làm vậy. Và ngược lại, nếu lạc mất bà, ông chắc chắn sẽ không làm gì khác hơn đi tìm lại người đàn bà mình yêu và đã đáp lại tình yêu của mình. Nhưng ông đắn đo nhiều, và có lẽ đợi dịp thích hợp ông sẽ có đôi lời khuyên chị Hai về việc cho thằng Hà Bá Chừa đi học. Nghĩa là phải dừng ở một nơi thị tứ, có trường học, chỉ

ít cũng có một ông đồ. Ông được đi học nên nghĩ là trẻ con thì phải học. Sau này nó làm quan hay dùng sở học để làm gì là chuyện khác. Ai biết đời nó sau này sẽ ra sao. Năm mươi năm của đời ông đã quẹo những khúc quanh không thể nào ngờ, làm sao lường trước được năm mươi năm sắp tới của một đứa trẻ hôm nay.

Buổi chiều trong trong túp lều lá, ngọn lửa bếp bập bùng, mùi cá nướng thơm nức. Ông Tư kéo liếp chắn hướng gió, nhìn lên trời, nhìn ra sông nhằm coi trời sẽ mưa không. Thằng Hà Bá Chừa leo đèo theo chân ông Tư, có lẽ nằm khoèo nghe hai người đàn bà rù rì riết chán quá. Nó cũng biết vịn vịn đẩy đẩy khi ông Tư kiểm tra mấy cây cột nhà mảnh khảnh. Khả năng ông chỉ dựng được một cái chòi như vậy, sao cho có chỗ gọi là nhà để trở về khi chiều xuống. Nhưng ông thiếu vật liệu chứ không phải là thợ dở, cái chòi coi nhỏ vậy mà cũng trôn mình đứng vững qua một mùa mưa. Mây tụ phía vàm, gió hiu hiu. Ông nói với thằng Hà Bá Chừa, chắc không mưa đâu. Nó hí hửng nói, vậy ông cháu mình ngủ ở ngoài trời hén? Ông cũng khoái vậy, nhưng dọa thằng nhỏ: Coi chừng nửa đêm ông sấu trườn lên tha đi. Nó cười há há há, tha đi đâu hả ông. Đi xuống thủy cung gặp Hà Bá. Là gặp ba con hả? Không. Ba của con... Ông bỗng nhận ra đứa nhỏ chăm chú và chờ đợi. Ông nói tào lao với trẻ con, trong một lúc sơ ý quên mất là đứa nhỏ chưa từng biết cha mình. Và nó muốn biết.

Đã đến lúc hai người đàn bà cũng hiểu ra Hà Bá Chừa là một đứa trẻ đang lớn chứ không còn là một đứa bé chỉ ăn và ngủ trong vòng tay họ. Nó có những nhu cầu khác, phát sinh mỗi ngày, khi nó được đi chợ, thấy cái này cái kia, gặp nhiều người vóc dáng tiếng nói khác nhau, thấy ghe đò qua lại chở nhiều loại hàng hóa đến những địa danh xa lạ. Nó luôn miệng hỏi cái gì, ai, ở đâu, tại sao? Tại sao nó không thấy cha? Chị Hai kể câu chuyện đơn giản: Một bữa giờ chà trụng được mẻ cá to, cha con chèo một xuồng đẩy cá qua chợ Thủ bán. Ông bà Tư bận cầm lại chà để dụ đàn cá khác. Mẹ phơi cá làm khô để ăn dần. Con mới đi lẫm dẫm. Bỗng đâu thuyền quan quân ập vô, bắt hết mẹ con và ông bà Tư. Họ nhốt mình, bỏ đói, bỏ khát, ép mình giẫm lên Giê-su mới tha. Ông bà Tư và mẹ con mình được những người đã chịu khổ nạn như mình giúp đỡ, đưa qua Vĩnh Long ở trà trộn với người không theo đạo. Mình không thể về chỗ cũ vì sợ kẻ đã biết mặt mình tiếp tục cáo với quan. Không biết hôm đó cha con trở về nhà có bị bắt luôn hay không. An Giang mấy năm nay chiến tranh liên miên, người ta tấp qua Vĩnh Long sống, có lẽ cha của con cũng ngược xuôi dòng sông này, và có ngày mẹ con mình sẽ gặp. Hà Bá Chừa không hỏi tiếp về cha nó, mà hỏi Giê-su là ai?

Buổi sáng Bình dạo chợ chơi, nghe tiếng rao hàng í ới, trẻ con chạy lăng quăng trong lúc cha mẹ chúng lo mua bán, nhiều người ngồi trên sạp ăn bánh uống trà, trò chuyện nọ kia. Một người nhìn anh nói, hôm rày có người đàn bà đi tìm chồng, theo như chị ta nói thì người đó giống anh. Nè, anh có tìm vợ không mà đi ngơ ngáo ngáo vậy? Bình thần thờ trở lại ghe sau khi đi tìm khắp chợ và đi lên đi xuống bến đậu ghe xuống. Nếu họ nói đúng... mà chắc đúng vì nói là người đàn bà có đứa con đi chung ghe với hai ông bà già. Vậy là chị Hai vẫn sống và đang đi tìm anh. Bây giờ anh làm sao? Nếu ông Hòa nấn ná ở đây ít ngày nữa biết đâu anh sẽ gặp lại chị Hai. Nếu lát nữa phải tách bến đi tiếp, e lại bật tấm cá lội mất bóng chim bay. Ông Hòa đã đưa trước tiền cho chị bán khoai, Bình phải đưa ống đi Hà Tiên rồi về lại Đồng Nai, đâu có thể bỏ ống giữa đường. Nghĩ tới chị bán khoai thêm rối lòng.

Ông Hòa được giữ chân ở nhà người bạn hàng cũ, chuyện trò thế sự hết một ngày và nửa đêm. Ông không nói tại sao ông phải đi Hà Tiên, bạn ông cũng không hỏi đến lần thứ hai, chỉ nói là tình hình ở dưới đó chưa yên

đâu. Chẳng nào thấy chiến thuyền trở về ngang đây thì mới biết thắng bại ra sao. Ông Hòa đâm ra lừng khừng. Ông bạn nói mình già rồi, nội cái tính lát nữa làm gì cũng khó tính, đang tính vậy, bỗng phát sắc một cái quên bồng luôn. Ông Hòa gật gù ừ ả, nhưng trong bụng nghĩ tao đâu có già như mày, mà mày hồi chưa già cũng đã lắm cẩm. Người lừng khừng cả đời lừng khừng, người biết tính toán như ông tới già cũng cứ phải tính toán. Ông chỉ đang tính toán chưa xong. Cuộc sống vẫn là cuộc mua bán tùy thương lượng theo như ông thấy ngoài chợ. Còn theo như ông bạn nói thì tàu thuyền Nam Dương không vô cảng Hà Tiên nữa. Nhưng xứ này vàm sông bãi biển thiếu gì, riêng sông Cái thôi cũng có cả chục vàm lớn nhỏ, xưa nay vẫn có ghe thuyền ra vô. Vua cấm là chuyện của vua, người làm ăn buôn bán vẫn phải có cách để mà sống chớ. Có khi ông Hòa qua bên Vĩnh Long mà hỏi ra đâu đây mấy người dắt mối đi Nam Dương.

Bình buồn bã chống sào đẩy ghe ra khỏi bến, mắt còn lưu luyến nhìn quán xá trên bờ. Có lúc anh định nói với ông Hòa chuyện chị Hai đang đi tìm anh, nhưng sợ nhớ ông Hòa vẫn định ninh chị bán khoai đang ôm bầu là vợ con anh. Bây giờ té ra thêm chị Hai với thằng Hà Bá Chùa, dẫu anh gãi tróc da đầu cũng không giải thích được. Anh gác sào bắt đầu chèo, ông Hòa bảo quay lại, mày mắc gì hả, sao tao bieu chèo xuống mày chèo lên? Anh quay ghe lại, cầm cùi chèo, không cần biết chèo đi

đâu. Lúc nghỉ mệt anh ngồi im, mắt vẫn mở mà không thấy ghe thuyền ngược chiều, kệ họ tự liệu đường tránh chiếc ghe nhỏ chòng chành giữa dòng. Ông Hòa nằm nghỉ dưới mui, cảm thấy chuyện bất thường, ngồi dậy nhìn ra, tứ bề toàn là nước. Thường thì Bình cẩn thận bám bờ sông để tránh sóng lớn. Ông hỏi mày đi đâu hả Bình? Bình ngồi im. Anh đang nghĩ tới người đó, ngồi im và ánh mắt xa xăm. Hình như anh bắt đầu hiểu, trong đầu anh lóe lên những tia sáng như nắng ban mai, cảm giác thanh thoi lan tỏa châu thân, anh lâng lâng nhẹ hẫng, không bận tâm gì cả. Mày ngủ hả Bình? Ông Hòa nắm vai Bình lay mạnh. Anh vẫn ngồi vững vàng, bình thản nhìn ông Hòa không nói. Ông Hòa hơi giật mình. Ánh mắt đó thật lạ lùng trên gương mặt sạm đen nắng gió, nhưng là ánh mắt quen thuộc ông thường gặp khi ông ngồi cạnh Phật Thầy.

Chiếc ghe xoay vòng vòng, mỗi lúc một chòng chành. Bình cố giữ thăng bằng. Trước mắt là những chiếc ghe lớn ghe nhỏ, đi hàng hai hàng ba, có nhóm năm bảy chiếc, có nhóm cả chục chiếc ghe con kết nối nhau như bè. Tất cả dường như đều nhắm vào ghe của Bình, hoặc là đang tiến ngược chiều. Ông Hòa kêu, Bình, mày hỏi coi chuyện gì vậy? Họ nói tin chiến thắng đã về tới Vĩnh Long thành, tụi này dắt nhau về nhà ở An Giang, Hà Tiên. Về thôi. Ăn nhờ ở đậu bà con một hai con trắng còn được, chứ dăm dẻ mấy năm nay, để con ở nhà người ta, cha mẹ chết

bàn thờ không được để trong nhà mình, tủi hổ lắm. Về sớm còn lo ruộng vườn cho kịp mùa màng. Về không kịp bọn cướp hôi của phá phách làng xóm. Đây là cả xóm tôi, tính hết già trẻ gái trai còn được bấy nhiêu người, thấp thỏm chờ mong ngày về, vừa nghe tin quân ta thắng là kéo nhau đi từ khuya. Đoàn ghe xuống đi qua, bỏ lại ông Hòa và Bình ngồi ngẩn ngơ trên chiếc ghe con tiếp tục chòng chành giữa dòng. Ông Hòa lẩm bẩm như nói một mình. Đi Vĩnh Long hay đi Hà Tiên? Bình cầm chèo chọc xuống nước khuấy thật mạnh, chiếc ghe lướt nhanh như muốn đuổi theo đoàn người kia. Gần đuổi kịp thì ông Hòa bảo: Đi Vĩnh Long.



Bà Tư gặp một người cùng đạo cho ông Tư cất nhờ cái chòi trên đất nhà không xa Long Hồ. Ông Tư và Hà Bá Chừa đi quanh xóm lượm những phen liếp nào chưa đến nỗi mục nát mà những người hồi cư về An Giang đã bỏ lại. Hai ông cháu không mất nhiều thời gian, có gì xài nấy, miễn có chỗ cho hai người đàn bà chui ra chui vô. Có gia đình nọ gọi lại cho cái giường. Hai ông cháu lui hụi khiêng, chủ nhà cũng giúp một tay. Tới căn chòi của ông Tư, ông ta nhìn chị Hai ngờ ngợ. Trông chị quen quen, trước đây chị có hay đi qua bến An Châu không, nhà tôi ở trên đường đi từ chợ ra bến đò. Chị Hai nhìn sững người đó. Bến An Châu! Chị đã xa nơi ấy tưởng như hết nửa đời

người. Người đó nói sớm mai gia đình tôi khởi hành cùng khoảng mười nhà khác ở vùng Châu Đốc. Biên giới yên rồi, người Châu Đốc lâu nay trôi giạt ở đâu cũng đang trở về. Nếu chị muốn đi cùng thì đến bến Tiên Sa trước khi mặt trời mọc. Các gia đình hẹn nhau tề tựu ở đó cùng đi, dẫu gì thì đông người vẫn hơn. Đường xa, giặc giã mới yên, cũng phải tính tới những bất trắc dọc đường.

Suốt đêm chị Hai không ngủ được. Nhà mới dựng xong. Con trai sắp đi học. Nhưng người Châu Đốc lâu nay trôi giạt ở đâu cũng đang trở về! Bình đang lưu lạc ở đâu đó cũng sẽ trở về. Khoảng nửa đêm chị vùng dậy đánh thức bà Tư nói: Tôi phải về Châu Đốc gặp anh. Chứ anh sống mà không biết mẹ con tôi lưu lạc ở đâu cứ đi tìm hoài khổ lắm. Mình trông ngóng lo lắng cho anh như thế nào mình biết anh cũng khổ sở như vậy. Tôi để thằng Hà Bá Chừa lại nhờ ông bà nuôi giùm, cho nó đi học, qua một hai con trăng tôi với ba nó quay lại, gia đình mình sẽ sum họp. Ông Tư nghe tiếng chị Hai nên trở mình thức giấc, nhưng thằng Hà Bá Chừa nằm chung một chiếu với ông vẫn ngủ say. Chị Hai chỉ nhìn gương mặt con nằm nghiêng mờ mờ dưới ánh trăng, bậm môi bước đi. Ông Tư dặn theo dù tìm được Bình hay không chị Hai cũng phải trở về đây, ông và bà Tư và Hà Bá Chừa sẽ ở tại đây chờ chị.

Hà Bá Chừa vâng dạ khi ông bà Tư giải thích vì sao lúc nó thức dậy mẹ nó đã đi rồi và đến chiều cũng không

trở về. Đêm đó nó vẫn ngủ say, nhưng sáng hôm sau bà Tư bắt nó dậy sớm, dắt nó đi học. Trong gian nhà nhìn ra sông giữa vườn cây, có chục đứa trẻ ngồi trên mấy cái chõng tre. Thấy Tịnh nhận học trò mới, hỏi tên rồi nói tên Hà Bá Chùa không thích hợp với người đi học, thấy đặt lại tên là Bá Long, tưởng cha nó họ Hà. Khi nghe tụi con nít xì xào rằng Long con Hà Bá, thấy rầy chúng rồi sửa tên Long một lần nữa: Hà Vĩnh Long. Để nhớ nơi nó bắt đầu một cuộc đời mới. Thấy Tịnh dạy Tam Tự Kinh, cho học trò tập dùng bút lông, tập đọc ê a nhân chi sơ, tánh bốn thiện. Trò nào giỏi chữ Hán rồi thấy dạy thêm chữ Nôm. Thấy chỉ tuyển một số trẻ ngoan và sáng dạ con nhà có đạo để bí mật dạy riêng chữ Latinh.

Người theo đạo ở xứ này không nhiều, không xây nhà thờ, sống như mọi người dân khác, làm ruộng, lập vườn, chế tạo thủ công, đánh cá, buôn bán, sống lẫn lộn với người Nam, người Miên và Minh Hương. Cùng trải qua hoạn nạn, người cùng đạo trong xứ gắn kết với nhau, như một hội kín. Có gia đình bà Mai theo đạo ba đời. Ông nội bà Mai từng phò Chúa Nguyễn, nhưng không ra Huế kể công, chỉ làm vườn và dạy học. Cha bà Mai từng đi thi Hương, đậu Tú tài, được gọi là thầy Tú Thông, hay thầy Đồ Thông, ở nhà dạy học được mười mấy năm rồi mắc bệnh qua đời. Dù sao thì nhiều người biết chữ và có vai vế ở Long Hồ vẫn mang ơn thầy Đồ Thông, gia đình bà Mai được yên ổn qua những đợt bắt

đạo. Cách đây ít lâu thầy giảng Sáu đưa đến gò ở nhà bà một người, là thầy Tịnh. Bà Mai thấy thầy Tịnh giỏi chữ nên đi rao trong xóm là bà vừa rước được thầy về dạy trẻ để tiếp tục công việc của thầy Đồ Thông. Tuy thầy Tịnh chưa từng đi thi, không hề đỗ Tú Tài, chỉ xưng là Tịnh, nhưng nhiều người cứ thấy ai dạy học đều gọi là thầy Đồ.

Hôm trước ngày thầy Tịnh nhận Hà Vinh Long làm học trò, Vinh Xương về đến Vinh Long. Chiếc ghe đón chàng đã phải ẩn náu trong rừng sác một thời gian khi đoàn chiến thuyền từ Huế rầm rộ tiến quân vào cửa sông Cổ Chiên. Cũng may quan quân mãi lo chặn giặc ở phía Tây, ghe đón người ở biển Đông đi trót lọt. Người dẫn đường để Vinh Xương tạm nghỉ ở nhà bà Mai một đêm trước khi tiếp tục hành trình. Nhà bà Mai rộng rãi, có nhiều ruộng, chung quanh nhà có vườn sum suê, một mặt giáp sông, là trạm liên lạc của những người dẫn đường cánh theo đạo. Cha của bà Mai vốn là thầy dạy của người đang dẫn đường Vinh Xương. Ông còn nhớ trẻ xóm đến học phải băng qua một cái sân gạch rộng mới đến gian nhà phụ, chỉ dùng để dạy học. Tuy nhiên ông cặp ghe vào bến nước trước nhà chính, đưa Vinh Xương vào nhà chào chủ nhân. Không ngờ gặp lúc bà Mai đang chuyện trò cùng thầy Tịnh.

Những lúc không dạy, thầy Tịnh đọc sách và ghi chép, nhưng không ai dám lên coi thầy đọc và viết gì.

Thỉnh thoảng thấy dất trẻ đi dạo, có khi thấy một mình đi đâu đó, và đôi khi có khách đến nhà bà Mai tìm gặp thấy trò chuyện. Cuộc sống vậy cũng phong lưu thú vị. Vĩnh Xương trêu bạn. Hai người không gặp nhau đã lâu nhưng thường xuyên thư từ khi có thể, người này biết đại khái những việc đã xảy ra cho người kia. Tịnh đã theo cố Từ đến khi cố qua đời sau khi xuất bản quyển tự điển An Nam - Latinh. Tịnh mang một bản in về Gia Định, nhưng việc bắt đạo ngày một ngặt, thấy trở lại Penang học thêm ba thứ tiếng nữa. Càng học, thấy càng thấy cần phải có một cuốn tự điển ghi đầy đủ tiếng nói của người Nam, như những từ điển Pháp, Anh, Bồ đã giúp thầy học những thứ tiếng đó đúng đắn. Thấy quyết định trở về quê hương, vì chỉ có ở giữa những người nói tiếng Nam hàng ngày thầy mới có thể ghi chép đúng lời lẽ nghĩa lý âm điệu tiếng nói của đồng bào để soạn thành tự điển. Việc thầy ở đây là do sắp xếp của các thầy giảng từng biết cố Từ và công việc thầy làm. Vĩnh Xương chỉ cập nhật cho bạn thông tin về mình kể từ bức thư cuối gửi về Penang. Chàng về Tân Gia Ba gả em gái, viết thư thăm chú ở Châu Đốc mà chưa nhận được hồi đáp thì xảy ra chiến tranh. Chàng sốt ruột quá, khi biết vẫn có thể đi tàu Tân Gia Ba - Hương Cảng để về Châu Đốc, chàng đi ngay.

Như hồi ở Tân Gia Ba, đôi bạn nhiệt thành nói với nhau những hiểu biết, suy tư và hoài bão của mình. Vĩnh Xương nói biển học vô cùng, chỉ riêng trong lãnh vực y

học chàng đã biết thêm bao nhiêu điều mà cha chàng, danh y Phước Xuân Đường, sẽ cho là quái dị, hoang đường, nếu nghe chàng trình bày. Ngoài ra, còn bao nhiêu điều, nếu không tận mắt thấy, tai nghe, đọc nhiều quyển sách thì không thể tin hay hiểu được. Nỗi khát khao lớn nhất hiện nay của chàng là thực hiện một chuyến đi vòng quanh thế giới như Darwin, người Anh mà chàng ngưỡng mộ hơn bất cứ ai. Nhưng vì Darwin đã làm việc thu thập nghiên cứu động vật trên thế giới, chàng mơ là mình sẽ thu thập và nghiên cứu về thực vật. Chàng cũng hiểu là mình không thể nào có cơ hội hay điều kiện như Darwin. Nhưng chàng có thể bắt đầu từ sông Đồng Nai, nơi tuổi ấu thơ của chàng từng hái hoa bắt bướm. Ở đó có biết bao cây cỏ mà sách Tây chàng từng đọc qua không hề nói đến. Nhưng ngoài ước mơ người ta còn có bốn phận đối với gia đình. Chuyến đi này chàng hy vọng gặp lại chú Tế Xương và hỏi ý chú về việc đưa gia đình chàng về đây. Bà nội và mẹ chàng muốn trở về để hoặc tìm tung tích cha chàng, hoặc để tang và chăm sóc mộ phần của ông. Vĩnh Xương chưa thể theo đuổi ước mơ khi chưa thỏa mãn nguyện vọng của mẹ và bà nội. Tỉnh nói tình hình chính trị xã hội lục tỉnh chưa ổn, nhưng chúng ta không còn tuổi thanh xuân để lãng phí, và lại cũng không ai biết chắc việc gì sẽ xảy ra cho mình vào ngày mai. Nên thấy chấp nhận gian nan về ở giữa nơi hiểm nghèo để làm cái việc thấy muốn làm.

Hai người bạn nói chuyện tâm đắc lắm, nhưng phải chia tay. Vĩnh Xương lên ghe người dẫn đường tiếp tục hành trình về Châu Đốc. Hàng trăm, có thể đến hàng ngàn ghe xuống trên dòng sông như những chiếc lá tre khô nhấp nhô trên sóng. Phần lớn ghe ngược nước, đi chậm, chỉ dăm ba chiếc xuôi dòng về vùng hạ lưu được sức nước đẩy trôi băng băng. Bình phải gồng mình giữ lái khi có đoàn ghe ngược chiều chạy gần. Có lúc anh thoáng thấy một người đàn bà ngồi trên chiếc ghe ngược chiều vừa lướt qua. Chị trùm khăn kín đầu mặt, chỉ có cái dáng ngồi khiến Bình giựt mình nghi nghi. Nhưng hai chiếc ghe ngược chiều đã lướt qua nhau rất nhanh. Một chút xiu thiếu tập trung khiến ghe của Bình suýt đâm vào chiếc ghe khác. Chiếc này cũng có mui và liếp che, trời nắng người bên trong mui có lẽ quan sát được bên ngoài, nhưng ở ngoài, nhứt là đang ngồi trên ghe đang chạy, khó nhìn rõ bên trong một ghe khác. Nên ông Hòa lướt qua ghe Vĩnh Xương mà không thấy chàng. Bình cố giữ lái chiếc ghe của mình, cầm cùi chèo. Sông mùa này nước cứ quần lên quần xuống, thuyền xuôi thuyền ngược, bèo bọt không ngừng hợp tan.

Bỗng nhiên Bình nghe một chuỗi te rẹt bẹt bẹt. Ông Hòa không kịp tháo thắt lưng tụt quần thì mùi cứt thúi đã xộc vô mũi Bình, khiến Bình muốn ói. Phía trước đã thấy dinh Long Hồ. Bình giúp ông Hòa thay quần áo, mức nước sông dội rửa ghe. Vừa sạch sẽ thì ông Hòa lại ỉa

phẹt phẹt trong quần. Ông không còn ngượng nữa, mà hoảng sợ. Ông có đem theo thuốc tể bồi âm bổ dương khi đi đường xa, mỗi ngày đều uống một viên. Nhưng thuốc không cảm ỉa. Ông chưa kịp nuốt vô đã ói ra ổng ộc. Ông nghĩ mình trúng gió độc trên sông, bảo Bình dìu ông lên chợ kiếm chỗ nghỉ ngơi. Nhưng ông kiệt sức nhanh chóng, miệng chỉ còn ói ra nước vàng, ỉa cũng toàn nước vo gạo lợn cợn. Bình không biết tiệm thuốc Bắc ở đâu, gần như vác ông Hòa đi vào chỗ nào anh thấy có người để mong được giúp đỡ. Nhưng người nào thấy ông Hòa cũng giạt ra, có người vừa chạy trốn vừa la hoảng ôn dịch ôn dịch. Nhà bên đường vội vàng đóng cửa. Cuối cùng Bình đặt ông Hòa xuống một cái sạp trống đầu chợ khi mọi người đều đã biến mất. Anh ngồi chồm hổm bên cạnh ông Hòa thở hồng hộc một lúc. Ông Hòa bắt đầu nói sảng, hoặc nói gì đó mà Bình nghe không ra, không hiểu. Anh thiết tình không biết làm sao. Bóng tối dần dần nhuộm đen cảnh vật. Ông Hòa đã nằm im thín thít, thân thể cò ro xòm lại, như con khô. Bình bồng ông xuống ghe, ít nhứt ghe cũng có cái mui che sương gió.

Ôn dịch giết hết một chục người trong đoàn ghe từ Long Hồ về Châu Đốc, Vĩnh Xương mới biết. Người dẫn đường đã cẩn thận tách ghe ra khỏi đoàn khi nghe tiếng khóc than của thân nhân người đầu tiên bị ôn dịch vật. Trừ những ghe bà con xúm vào an ủi và giúp đỡ tang gia, nhiều ghe khác cũng tản ra xa. Nhưng liền sau đó nhiều

người trên các ghe tản ra đó cũng liên tiếp bị tiêu chảy không cách gì cầm lại. Tiếng khóc đồng loạt của mấy chục người theo gió đến tai Vĩnh Xương. Người dẫn đường nhứt định không chịu chèo ghe đến gần những ghe đang có tang. Ông ta sợ, lầm rầm cầu nguyện và làm dấu thánh. Một số ghe tấp vào bờ, những ghe khác chèo riết tới Châu Đốc. Nhưng Châu Đốc cũng đang bị ôn dịch. Không khí đầy mùi thối rữa, đêm về tiếng gió hú cùng tiếng người khóc than khiến bóng đêm thêm rùng rợn, đâu cũng đặc mùi tử khí. Vĩnh Xương biết chuyện gì đang xảy ra. Chàng biết phải làm gì. Phước Xuân Đường của chú Tể Xương có thể là nơi chàng bắt đầu. Ngôi nhà gạch trông đường bệ, nhưng hầu như trống hoác. Chàng bảo người dẫn đường ra xem ai bị thổ tả thì đưa đến Phước Xuân Đường, rồi chàng lục lọi các ngăn tủ dược liệu.

Cái chảo khổng lồ để chế biến thuốc có thể do quá lớn và gần như bị gắn dính với ba chân lò rất to nên còn đứng nguyên tại chỗ. Vĩnh Xương lại sai người dẫn đường đi lấy nước và cùi nấu các vị thuốc chàng kiếm được thành một chảo đầy nước nâu nâu sôi lục bục. Bệnh nhân đầu tiên là một đứa trẻ, không còn sức há miệng uống thuốc, đã xuôi tay rồi. Người mẹ không chịu từ bỏ hy vọng. Vĩnh Xương cạy miệng đứa bé nhều từng giọt thuốc cho đến khi đứa bé sặc. Người mẹ tiếp tục kiên trì đút thuốc cho con đến khi nó khóc ẹ ẹ thì bà khóc theo. Tin lành lan nhanh, người bệnh kéo đến quá đông, Phước Xuân Đường không còn

thuốc, cứ đổ thêm nước vào chảo mà nấu sôi lên với bã thuốc gần nát. Số người chết vẫn nhiều, người được cứu sống không ít. Nhưng không thể nói sống chết nhờ thầy hay thuốc hay mạng số. Phước Xuân Đường không còn dược liệu, Vĩnh Xương không thể làm gì nữa. Chàng phải nghĩ đến việc của mình sau khi biết về cái chết của chú Tế Xương. Chàng bảo người dẫn đường chàng phải về Đồng Nai. Ông ta liền đánh thức chàng ngay đêm đó, khi trời đất vẫn còn tối om, để xuống bến ra đi.

Đọc đường về Phiên An, điều quạ bu theo quá, nên Bình phải tấp ghe vào một chỗ đất cao ráo bên bờ rạch Tra, chọn chỗ có một cây cà na cao lớn, đào một cái hố, đặt xác ông Hòa vào, lấp đất cẩn thận, rồi cả buổi đứng bên gò đất nhỏ cầm cây tiếp tục quơ đuổi bầy chim đánh hơi được mùi tử thi. Chúng vẫn bay theo Bình khi anh đã chèo đi một quãng xa. Một mình một ghe, Bình để ghe trôi dưng đỉnh. Đang tự hỏi sao ôn dịch chưa vật mình, thì anh nghe ruột quặn một cái và xổ ra liền. Anh đã chứng kiến những gì xảy ra cho ông Hòa, nên anh không cố gắng kháng cự hay cầu cứu. Thiệt tình anh đã quá mệt suốt mấy ngày qua. Chiếc ghe của Bình cứ dưng đỉnh trôi theo dòng nước. Người dẫn đường nói với Vĩnh Xương chiếc ghe kia có vẻ không người lái, có khi người trên ghe bị ôn dịch chết rồi. Mà có lẽ chưa chết. Coi đám diều quạ bay quần quẩn bên trên kia, chúng chưa dám bu xuống rĩa xác. Vĩnh Xương bảo cặp sát ghe đó để cứu người.

Quả thật, Bình vẫn còn đủ sức cầm một cành cây yếu ớt quơ đuổi những con chim hung dữ và táo bạo nhút.

Người dẫn đường thở dài: đã trốn mà không tránh được. Vĩnh Xương nói chàng không trốn, chẳng qua việc của chàng ở đó xong rồi, và chàng có việc khác ở Đồng Nai. Người dẫn đường đã phập phồng lo khi dân chúng kéo đến Phước Xuân Đường đông, thế nào quan lại cũng đến. Nghe chàng nói đi Đồng Nai, người dẫn đường mừng quá xuất phát luôn. Nhiệm vụ đưa người về Châu Đốc lẽ ra đã hoàn thành, nhưng vì ở Phước Xuân Đường không có người nhận và thanh toán nên ông phải đưa tiếp người về Đồng Nai. Ôn dịch và hành trình kéo dài khiến ông không cần giấu lo lắng. Vĩnh Xương chưa có kinh nghiệm che giấu lý lịch, dù mặc đồ khính của dân chèo ghe, cốt cách vẫn không thể nào lẫn với người lao động hay người địa phương. Nếu rủi gặp quan binh bị tra vấn, ắt chàng sẽ thân nhiên khai mình là con trai của Huỳnh Ưng Xương, kẻ bị ghép tội phản loạn, lâu nay đi học ở Tây Dương, vừa mới đi ghe lậu về. Người dẫn đường vừa chèo ghe vừa nghĩ phải làm sao nếu rủi xảy ra chuyện như vậy. Trí khôn của ông chợt lóe sáng khi thấy thấp thoáng ghe thuyền quan binh xa xa. Ông gấp gáp vừa chèo tới vừa hô: Cứu mạng, cứu mạng! Có người bị ôn dịch trên ghe tui. Xin cứu người làm phước. Tất cả ghe thuyền lớn nhỏ đều giạt ra, tránh càng xa càng tốt. Ghe về tới Phiên An, Bình cũng chưa khỏe hẳn. Anh đã ngồi dậy, nhưng cứ ngồi im như một pho tượng.

Sáng sớm những người bệnh còn lại ở Phước Xuân Đường nghe tin dữ: Hết thuốc, thầy chạy rồi. Biết làm sao giờ? Người này than với người kia sao mà mình vô phước. Bệnh không thấy không thuốc chỉ còn nước cầu trời khẩn Phật. Người đàn bà chụm củi gánh nước đổ vô chảo thuốc hôm nay vẫn tiếp tục nấu sệt chảo thuốc rồi múc nước cho người bệnh uống. Cũng như hôm qua. Nhưng bây giờ người ta la ó: chị bớt củi bớt bỏ vô chảo nấu, uống vô ỉa chảy thêm cho chết lẹ hả? Chị phân trần ông thầy dặn tôi làm vậy trước khi đi mà. Ông nói uống càng nhiều nước càng tốt, nhưng phải là nước đã nấu sệt, nếu cơ thể được bù nước sẽ tự khỏe dần rồi khỏi bệnh. Chị không nói những củi chị bỏ vô nổi là do chị ứng dụng kinh nghiệm hồi sống trên cồn hoang với ông Phật. Thịnh thoảng chị và anh Bình ăn cá sống bị ỉa chảy, ông Phật đi hái lá cây cho nhai nuốt nước, vài năm là khỏi, có lần chị nhai nhiều quá táo bón luôn. Người ta thử tin lời chị, có người khỏe dần, có người vẫn chết. Người khỏe ra mừng quá dắt nhau về, người rủi chết thì khóc lóc đổ lỗi cho chị. Có người nói, thấy bà gì con mẹ đó. Nó là con khùng ở bến An Châu hồi xưa đó mà.

Chị Hai vẫn ở lại Phước Xuân Đường khi mọi người đã bỏ đi. Chị vẫn xuống sông gánh nước về, nhưng chảo thuốc hôm trước vẫn còn đầy. Chị đổ nước xuống sà, bẻ cành cây làm chổi quét dọn. Đến khi Phước Xuân Đường sạch sẽ, không còn mùi hôi thúi. Một mình chị dọn dẹp,

một mình chị lững thững đi quanh ngắm nghía những bức tường bằng gạch chắc chắn, những khung cửa gỗ ngay ngắn, những bậc thềm đá và những cây cột sừng sững. Chị ngồi một mình trên bậc thềm nhìn ra phố, vẫn là phố chính nhưng vắng vẻ đìu hiu. Người có việc bắt buộc phải đi ngang phố này đều cố đánh đường vòng thiệt xa Phước Xuân Đường, mà vẫn nghe ớn lạnh. Nhứt là lúc chạng vạng hay buổi bình minh. Những câu chuyện ma quái lan truyền, bổ sung nhau, chứng thực nhau, và điều kinh dị nhứt mọi người không thể hiểu, nghĩa là không thể chấp nhận, là sao con mẹ khủng cứ lớn vồn nơi đó. Cũng có người thắc mắc chuyện gì đã xảy ra cho chị hơn chục năm chị không ở An Châu. Cũng có người nghe chị hỏi về một người từng làm công trong Phước Xuân Đường tên Bình. Nhưng ai mà để ý mấy người như con khủng hay thằng ở, có nhớ ra cũng không nhớ rõ, có ai nêu lên trong câu chuyện cũng được nhanh chóng cho qua.

Dù vậy chị Hai đã dò hỏi được ngay từ những ngày đầu, khi chị trở về cùng đoàn người hồi cư kéo đến Phước Xuân Đường chữa bệnh, rằng Bình đã trở về đây rồi lại đi đâu đó. Chị Hai mừng là Bình còn sống, và cứ nghĩ anh đang đi tìm mẹ con chị lại xót xa. Nhưng đi lòng vòng đâu đó rồi anh cũng sẽ quay về đây. Chị Hai tin chắc. Chị lao vào công việc gánh nước chum củi phát thuốc, làm quần quật vì có mỗi mình chị tự nguyện nhận công việc vất vả đó. Vậy mà khỏe, như Bình từng nói với

chị, chụm cùi khuấy chảo thuốc đờ phải nghĩ ngợi lồi thoi. Đến khi không phải làm gì nữa, chị ngồi trên thềm trước nhìn ra phố hay đứng tựa cột nhà sau ngắm núi bên này và sông bên kia, lòng chị rối bời. Ở đây đợi Bình về hay trở lại Long Hồ với con trai và ông bà Tư. Ở thì không khó, xuống sông bắt cá hái rau dại ăn cũng qua bữa, đêm nằm trên nền nhà lát gạch phẳng lì của Phước Xuân Đường mà ngủ cũng đã lắm. Với lại, bến An Châu không có đò về Vĩnh Long, mà nếu có, chị cũng không có tiền đi đò. Gặp ai chị cũng nhờ nhắn về Long Hồ là chị vẫn mạnh giỏi, sẽ sớm trở về; hay nhờ nhắn Bình, nếu tình cờ gặp, là hãy trở về, chị luôn đợi. Thường thì người ta chưa nghe chị nói dứt câu đã lắc đầu, hoặc bảo nhau bà này khùng thiệt.

Đêm không mưa chị Hai nằm ngoài hiên nhìn lên vòm trời đầy sao phía trên những mái ngói Phước Xuân Đường. Chị nhớ quận mình bầu trời lồng lộng, làn gió mơn man, cơn mưa nghiêng trời lở đất, mùi cá nướng, vị mỡ hôi, tiếng kêu không kiếm được... Chị không sao hiểu nổi, tại sao hai người xa lạ không hề quen nhau mà bỗng nhiên gặp nhau, rồi hai người đã ơn nhau đủ thứ mà tìm nhau hoài không gặp. Ai đã gieo vào đầu chị ý nghĩ nhức nhối này. Ông Phật chứ ai. Không quen mà như quen. Không ơn nhau mà ơn nhau. Gặp nhau rồi xa nhau. Đi qua đời nhau rồi... không lẽ thôi, chẳng lẽ thôi, có thể nào thôi. Phải chi có ông Phật ngồi xếp bằng bên cạnh, để chị cãi lại. Lâu

rồi, chị không còn trải qua cảm giác bình an được thấy ông Phật của mình ngồi im trên bãi cát bồi mặc cho chị và Bình cười giỡn hay rù rì, vật lộn hay nằm ôm nhau ngủ say. Giờ không ngủ được chị Hai ngồi dậy xếp bằng nhìn vào đêm đen, tự hỏi thuở ông Phật ngồi trên cốn hoang, nhìn núi mà không phải nhìn núi, nhìn trăng mà không phải nhìn trăng, ông Phật nghĩ gì. Hay nhớ gì? Chắc phải nhớ thương ghê gớm lắm cái gì đó, hay ai đó, mới ngồi suốt ngày suốt đêm rảnh nhịn đau, như chị bây giờ.



Lác đác vẫn còn người ở xa địu con công mẹ tìm đến Phước Xuân Đường. Phần lớn bỏ cuộc khi mới tới bến An Châu hay đầu chợ Châu Đốc, khi nghe những người mau miệng khuyên về đi, Phước Xuân Đường hết thuốc và thấy chạy rồi, trên đó chỉ còn ma quỷ và một bà khùng. Nghe vậy ông Thiểm chần chờ một chút, rồi vẫn đi tiếp. Ông không bệnh, cũng không công ai mắc bệnh đi tìm thầy thuốc. Ông chỉ đi coi ông thầy mà người ta đồn đãi là trị được ôn dịch đó có phải đúng là người ông muốn tìm. Thấy mà chạy thì ông Thiểm không chắc có nên tiếp tục theo đuổi. Không giống phong cách an nhiên tĩnh tọa của Phật Ngồi mà ông từng biết. Nhưng ông vẫn tự nhủ cứ đi tới Phước Xuân Đường, chứ nghe lời qua tiếng lại dọc đường thì không biết đâu mà lẩn. Ông có chút bất ngờ trước sự nguy nga của Phước Xuân Đường dù chỉ còn

trở lại cái khung gạch đá. Ông bước chân lên bậc thềm, đứng quay lại nhìn ra phố hồi lâu. Chỗ này chỗ kia đang được xây dựng lại. Hàng quán đã được dựng lên vội vã để cung cấp nhu cầu thiết yếu của những người từ bốn phương trở về. Phước Xuân Đường này đúng là chiếm vị trí đắc địa, ắt sẽ nhanh chóng hồi phục lại và phát triển. Chủ nhân đang ở đâu? Ông Thiểm càng ngạc nhiên hơn khi dạo bước quanh. Nền nhà phẳng lỳ, mát rượi, sạch sẽ như mới được lau xong.

Chị Hai biết phòng thân. Chị không sợ ma hay quỷ, nhưng một người đàn ông thì trước tiên chị nên tránh mặt. Từ chỗ đang núp, chị quan sát ông ta một lúc, cảm thấy ông ta không đến nỗi nguy hiểm, nhưng chị mong ông ta bỏ đi cho rồi. Hôm nay chị đã quen coi chỗ này như cõi riêng của chị, quen một mình làm gì, nói gì, điều bộ cử chỉ ra sao mặc ý mặc tình. Chị không bận tâm những người rình ngó xa xa rồi thêu dệt này nọ, đằng nào chị cũng không biết những câu chuyện họ nói. Nhưng một người đàn ông to tướng đột ngột xâm nhập không gian riêng của chị, cách chị mấy bước chân, có thể can thiệp trực tiếp vào cuộc sống của chị. Ông ta có thể quát im đi nếu nghe chị lẩm bẩm gì đó, hay tát mặt chị một cái nếu bực mình gì đó. Chị biết làm sao? Đành ngồi thu lu một góc, mong ma quỷ khiến ông ta đi cho khuất mắt. Ông Thiểm đi rảo rảo quanh Phước Xuân Đường rồi lại đứng ở thềm nhìn ra phố. Bây giờ mà quay ghe về thì hơi mệt.

Đêm nay có trăng, ông nghĩ sao mình không thử ở lại, trải nghiệm xem người giàu ở nhà phố trên quan lộ, uống rượu ngắm trăng, có sướng hơn phú ông miệt dưới ngắm trăng uống rượu giữa đồng.

Đêm đó ông Thiểm ngồi xếp bằng trên nền gạch ở hiên sau, ngắm nửa mảnh trăng trôi lên mặt nước, thong thả bay trên những cụm mây rồi vắt vèo trên đỉnh núi. Ông ngâm nga hát: Ba trăm sáu mươi ngàn ngày là mấy? Cốc tùng xoèn sắp thấy hết veo. Ngoảnh trong trời đất vắng teo, nhân sinh như chiếc lá vèo bay qua. Uống hết bình rượu mang theo, ông Thiểm xoạc cẳng dang tay nằm ngửa, có vẻ phỉ chí bình sinh lắm, lát sau là ngáy pho pho. Chị Hai thức gần suốt đêm, không hẳn canh người đàn ông lạ, nhưng chị không ngủ được, và cứ chốc lát lại lén nhìn ra hiên xem động tĩnh ngoài đó thế nào. Ông ta hành xử như thể chủ nhân ông nơi này. Không, chị còn nhớ ông chủ Phước Xuân Đường không giống ông này. Nhưng kìa ỨC về một người đàn ông không liên quan đến mình đã gần như phai mờ hẳn sau mười mấy năm. Ngộ nhớ ông ta là ông chủ thiệt thì sao? Sáng mai ông ta thức dậy xác nhận quyền sở hữu và thấy chị ở đây, ông ta có biến chị thành tài sản của ông không? Có lẽ đợi lúc mặt trời sắp mọc chị sẽ ra đi. Giấc khuya gió sông thổi lạnh.

Ông Thiểm thức dậy, vươn vai, nhớ lại chuyện gì đã xảy ra. Như chuyện chiêm bao, một hai chi tiết hiện ra,

vài cảm xúc loáng thoáng, còn lại là những thứ lộn xộn càng cố nhớ càng tan biến nhanh. Ông nhớ mình đã sáng khoái biết bao, cảm giác hiếm có trong nhiều năm qua. Ông đã uống nhiều rượu, cái bình rỗng là bằng chứng. Ông đã nghe ngao những câu hát mà hồi nghe bọn gặt mướn lưu linh lưu địa hát trong những bữa nhậu, ông đã chửi: không lo làm ăn dành dụm, có nhiều nhậu hết nhiều, thì cái gì không hết veo, bay vèo. Ông không chắc mình đã hát, thiết tình ông không hề thuộc bài hát nào, chẳng lẽ những câu hát nhảm của bọn lang thang giang hồ lại nhập tâm ông rồi lại tự phát ra. Thiết là vậy. Ông đứng dậy phui quần áo, bỗng nghe tiếng gì như tiếng ngáy. Ông đi lần theo âm thanh đó và thấy một người đàn bà đang ngủ. Một người đàn bà không trẻ không già, thân thể nhỏ nhắn nhưng ngực mông săn chắc, dù nằm nghiêng. Giấc ngủ say tạo dáng thả lỏng tự nhiên quyến rũ, và gương mặt đang ngủ say toát ra một vẻ đẹp đắm thắm mặn mà.

Ông cố moi móc trí óc, hoàn toàn không nhớ gì về người đàn bà này, hay về bất kỳ đàn bà gì, trong cơn hưng phấn đột xuất tối qua. Nhưng ông cũng tự biết là mình đã từng quên bég nhiều thứ xảy ra trong một cuộc say khi tỉnh dậy vào hôm sau. Có một lần chán vợ quá, ông bỏ qua bên kia sông uống rượu, sau đó ông tỉnh dậy ở bến nước trước nhà ông, và cho tới bây giờ ông không hiểu làm sao ông đã vượt sông về nhà trong cơn xỉn, không nhớ tí ti gì

là mình chèo hay bơi hay bay là là trên mặt nước như vợ ông bảo. Ông thờ dài, dù chuyện gì đã xảy ra thì cũng là do rượu chứ ông không có ý gì. Không ý gì nhưng bỏ đi trong lúc người ta còn ngủ thì khác gì quất ngựa truy phong. Rủi năm sau người ta bỗng con tới gặp vợ ông nói đó là con ông, có phải vợ ông sẽ được nước mà chùi chùi: Tui đã bảo ông tui sẵn sàng cưới vợ bé cho ông, chứ tui đã tu rồi, chay tịnh rồi, không vương mùi trần tục nữa. Ông không chịu, cứ nói ông đi tìm Phật. Ông tìm Phật mà sao lòi ra con nít? Tui đẻ bảy đứa cho ông, chưa đủ hả?

Chị Hai mở mắt ra, thấy người đàn ông đang nhìn mình. Chị ngồi bật dậy, sửa sang áo, bới tóc lại. Ông ta ngoảnh mặt nhìn ra sông. Rồi quay lại nói rõ ràng dứt khoát như đã sắp sẵn lời lẽ này giờ. Trong lúc say nếu tôi có làm điều gì không nên, mong cô bỏ quá cho. Tôi không có tình ý gì hết. Chỉ là do rượu. Bây giờ cô muốn thế nào cứ nói. Chị Hai có chú ý lắng nghe, nhưng ông ta nói một hơi và chị nghe một lần chưa kịp hiểu. Chị ngồi ngay ngắn lại, bình thần nhìn ông ta, thái độ có vẻ sẵn sàng đối phó. Ông hạ tiếp lá bài thứ hai. Tôi có mang theo một ít tiền, định đi tìm ông Phật Ngồi... Ông ngập ngừng vì thấy đôi mắt người đàn bà chợt sáng lên như đèn được thắp. Chị vượt miệng hỏi ngay: Ông Phật Ngồi? Có phải là một ông tóc râu dài còn đen, hay ngồi im nhìn trắng mà không phải nhìn trắng, nhìn núi mà không phải nhìn núi? Ông Thiểm nghe chị nói một hơi, không gật đầu

xác nhận ngay, tình tiết này không có trong kịch bản ông đã soạn. Ông vẫn phòng bị trong trường hợp bị đòi hỏi quá đáng, nhưng đồng thời muốn tỏ ra là một người đàn ông đàng hoàng, thậm chí rộng rãi. Nếu cô muốn... Muốn. Tôi muốn gặp ông Phật. Người đàn bà đứng dậy, sẵn sàng: Đi, đi tìm ông Phật đi. Có thể ông Phật biết anh Bình ở đâu.

Ông Thiểm hơi cụt hứng, anh Bình nào? Chồng? Anh Bình với tui, có ông Phật làm chứng, gặp nhau, quen nhau, ỡn nhau, rồi bị lạc nhau. Bao lâu nay cứ tìm nhau, gặp nhau rồi lạc nhau, cứ phải tìm nhau hoài. Ông Thiểm nhớ ra lời người dưới bến, Phước Xuân Đường giờ chỉ còn ma quỷ và bà khùng. Người đàn bà này nếu biết mình đang nói gì có thể là một thứ ma quỷ đang trêu cợt ông. Gặp nhau, quen nhau, ỡn nhau, rồi lạc nhau, tìm nhau, gặp nhau, rồi lại lạc nhau, lại tìm nhau. Đó chẳng phải cuộc đời sao, những vòng xoắn vô tận những hợp tan, như Phật Ngồi từng nói. Tìm nhau là đã lạc nhau, gặp nhau là sắp xa nhau, đầu ông Thiểm bắt đầu lùng bùng. Ông đứng đối diện người đàn bà đang nằn nì ông đi tìm ông Phật. Ông cố gắng kháng cự, mặc dù mục đích duy nhất chuyến đi này của ông là đi tìm Phật Ngồi. Ông lắc đầu nguầy nguậy từ chối, ông không biết Phật Ngồi ở đâu. Ông nói thật. Làm sao ông biết Phật ở đâu. Chị Hai thất vọng, bước theo lối mòn băng đám cỏ hoang ra bờ sông, nơi chị ngày ngày ra gánh nước, hay tắm táp, hay chỉ đứng

im dầm chân trong nước, nghe sông chảy qua chân mình.

Khi chị Hai thông thả bước ngược lối đi trên cò trở lại hiên sau Phước Xuân Đường, chị thấy người đàn ông ngồi im, không nhìn sông mà như nhìn sông, nhìn chị mà như không nhìn chị. Ngoài bờ sông hay trong này, đều trống vắng và im lặng, chị Hai ngồi xuống, không gần không xa, không nhìn sông cũng không nhìn ông ta, chỉ nhìn những ngón tay của mình. Có móng dài móng ngắn. Chị đưa một ngón tay lên miệng gặm cái móng dài đến khi nó ngắn, rồi gặm tiếp móng khác. Ông Thiểm lên tiếng hỏi chị làm gì ở đây. Chị nói gặm móng tay cũng hết ngày. Sao nói là đi tìm chồng? Thì tìm ảnh mới tới đây. Lúc nãy xế ông Thiểm gặng hỏi chị biết chắc là anh Bình đi với Phật Ngồi? Làm sao biết chắc cái gì, lần cuối tui tìm gặp ảnh thì ảnh đang đỡ dẫn ông Phật hái thuốc chữa bệnh bá tánh. Ông Thiểm cũng nhớ ra lần cuối ông bỏ Phật chạy về nhà, lúc đó đang chiến tranh, ông đã tự nhủ là Phật Ngồi còn có anh Bình đỡ dẫn. Ông quyết định: đi. Đi xuống bến mua khoai gạo chất lên ghe, kéo trời tối chợ tàn. Chị Hai vẫn ngồi ngó theo người đàn ông đứng lên phui quần áo nói như ra lệnh. Chị đang gặm cái móng ngón tay cái nên có thể còn gặm lâu. Ông Thiểm dự dự khi thấy người đàn bà vẫn ngồi như không nghe ông vừa nói gì. Ông bực mình, bỏ đi.

Chợ chiều trên bến An Châu lao xao trước khi bóng tối phủ trùm lên mọi thứ. Phật? Phật Ngồi? Phật Thấy?

Mỗi người xì xẩm một câu chuyện mình nghe hay nhớ hay tưởng tượng về đề tài mới mẻ mà ông khách hào phóng khơi lên khi mua gạo đậu khoai muối. Ông đi tìm Phật Ngồi. Chỉ cần ngồi cạnh Phật là hết bệnh. Bệnh gì cũng hết, ai bệnh Phật cũng độ. Nghe tiếng lâu rồi, nổi danh ở miệt dưới, kêu là Phật Thấy. Là ông thấy đã chạy sút lưng quần khi hết thuốc chữa bệnh đó à? Đừng ác miệng kéo mang khẩu nghiệp. Phật Tiên đâu phải người phạm, có khi hiển hiện ở dạng này, rồi biến ra dạng khác. Không nhớ chuyện Phật giả bà già ăn mày để thử lòng người, dạy chúng sinh ăn ở cho có nhơn hậu à? Phật mà cũng phải giả ra cái này cái kia sao? Đời mà, biết đâu được, chuyện ông hóa thành, thành đội lốt ông cũng thường. Kia con mẹ khùng ở bến An Châu hồi nào, nghèo rớt mồng tơi, không bao giờ trong túi có xu nào, mà giờ mở miệng ra là ngậm nga, ơ... gì nè, mới nghe mẹ ư a trên đường xuống bến: Nhận hỏi mây, mây bay biển biệt. Nhận bay rồi, mây biết tìm đâu. Bước đi một bước một rầu. Con thơ để lại...



Một bữa Hà Vĩnh Long bơi ra vàm, thấy mênh mông nước dưới gầm trời bao la, mây tụ lại phía bên kia bờ. Long ngỡ là mình có bơi tới bờ kia thì cũng lại thấy mây tụ ở tận đâu đó. Đâu đó là đâu? Thấy Tịnh trả lời câu hỏi của đứa học trò hay thắc mắc: Nếu mình cứ nhắm chân trời mà đi

hoài, cuối cùng sẽ trở về đây, vì trái đất này tròn. Thấy cầm trái gáo, chấm đầu ngón tay trở lên vỏ, vẽ một vòng quanh trái, trước đôi mắt mở to của Long. Phải, trái đất tròn, chứ không vuông vức phẳng lì như cái bánh chưng trong truyện cổ tích. Không có chỗ nào chân trời chạm mặt đất để mình bắc thang lên hỏi ông trời điều gì cả. Đường chân trời chỉ là giới hạn tầm nhìn của mắt người ta thôi. Buổi chiều hôm đó Long nấn ná ở lại sau khi học trò ra về hết. Thấy Tịnh đứng trong sân động cây sào xuống nền đất nện dưới chân mình bảo đây là tâm, rồi thấy dang tay cầm sào chúc đầu sào xuống đất, xoay mình vẽ một vòng tròn, bảo Long đứng trên đường tròn đi thẳng tới thấy, đó là bán kính. Những ngày tiếp theo Long không bơi ra vàm ngóng mẹ nữa. Nó quá bận với những hình tròn, hình tam giác, hình vuông và những cái tên lạ lùng Plato, Pythagoras, Archimedes. Những câu chuyện về cuộc đời của những con người đó, người thật chứ không phải thần thánh, đã sống hai ngàn năm trước ở xứ Hy Lạp, khiến nó không ngủ được. Nó xoay trở mãi trên tấm chiếu cói trong căn chòi lá của ông bà Tư, lẩm bẩm những định lý và công thức. Ngay cả ông Tư cũng không hiểu nó lẩm nhẩm điều gì. Nhưng ông bảo bà Tư kệ nó, nó không còn con nít nữa. Bà Tư thở dài, nó ngày một lớn như thổi, mà cha mẹ nó đi đâu không biết chừng nào mới về.

Bình về tới chợ Đũi thì chị bán khoai đã sanh một đứa con trai mà chị nói giống y cha nó. Bình dòm dòm

đứa trẻ sơ sinh ngờ ngợ, nó giống mình tức là mình giống nó sao. Anh ra giờ cái nắp lu đựng nước mưa đặt dưới mái nhà lá, cúi xuống tìm cái mặt mình. Anh thấy một cái bóng tối thui nổi bật trên nền xanh trắng của bầu trời phản chiếu trong lu nước. Anh ngẩng nhìn trời xanh rồi lại nhìn xuống lu, chăm chú một hồi cũng nhận ra một đôi mắt ưu tư khắc khoải trong lu nước đang nhìn mình. Đứng riết mỏi chân, anh hí húi bơi đất, hạ cái lu xuống sao cho vừa tầm khi anh ngồi xếp bằng trên thềm vẫn có thể thấy bóng mình rọi xuống nước. Chị bán khoai hỏi anh làm gì vậy, anh nói anh đâu có làm gì. Chị bán khoai hỏi bộ điên hả, anh nói ừ. Chị vạch vú cho con bú, nói với cái miếng sành vút ở chân cột. Đi cho đã rồi xách c* c về không, một đồng xu teng cũng không có mà đưa vợ. Cục thân tui nấu nước xông, bón cháo hành, hết bệnh ỉa thì tới bệnh điên. Bây giờ con ôm một nách, chống ngồi một đồng, tui làm ăn sao nè trời.

Một người hắng giọng đánh tiếng ngoài ngõ, có ai ở nhà cho hỏi thăm chút. Hỏi gì vô đây, tui đương mắc chống con không đi đâu được hết. Người đi vào ngõ không xa lạ, một người đưa dò ở bến Xuân Hòa. Nghe nói anh Bình hồi nọ có đưa một ông khách đi đâu đó, nay về chưa ta. Hồng thấy ngồi đó hả? Ủa anh Bình, khỏe không? Bình rời mắt khỏi cái bóng của mình nhìn cái bóng của người đứng trong nắng chói, không nói gì. Chị bán khoai bảo giả khỏe sao được, lúc thì ỉa lúc thì điên.

Chà chà... mà ông khách đó có đi đến nơi về đến chốn không? Tôi luôn bến cuối rồi. Là sao? Chết chớ sao. Trời đất! Chết hả? Ừ. Chết dịch. Thiệt không? Giả cũng còn mắc dịch kia. Ông bà ông vãi ơi, tôi về nhen. Anh ta về được một lát thì quan binh kéo tới rần rần. Chị bán khoai chưa kịp la lối gì thì chúng đã áp vô bắt Bình trói lại đem xuống bến, giải lên một chiếc thuyền quan, vừa có buồm vừa có lính chèo. Chị bán khoai bỗng con hót hải chạy theo tới bến, đứng trên bờ gào theo, trời đất ơi, người ta diên có biết cái gì đâu mà bắt bớ hả trời?

Bình bị bắt đem về Biên Hòa tra hỏi. Đã đưa ông Hòa đi đâu, ông chết như thế nào, chôn ở đâu. Bình trả lời rõ ràng rồi nói, hôm nay tui rầu lắm, không biết có ai trông ngóng ổng, để tui báo tin. Ví dụ một mình một bóng, thì sống chết cũng vậy thôi. Chớ mà có người thương nhớ mình, mà không biết tăm tích mình, thì người ta khổ lắm. Quan có biết ông Hòa có vợ con gì ở đâu, làm phước báo tin cho họ, tui xin dắt họ tới chỗ chôn cha chôn chồng, rồi quan bắt tui đi tù cũng được. Cai đội Tuấn ngồi thừ ra một lúc, tưởng như nghe ông tía vợ đang mắng: Mày còn chưa chịu quỳ xuống lạy cái người đã chôn giùm cha vợ mày à? Thiệt là làm ơn cho mày chỉ mắc oán. Nhớ lần cuối bị ổng chửi: Việc quan không còn gì để làm thì về nhà vác cuốc đắp bờ. Cai đội Tuấn lẩm thẩm khẩn: Cha linh thiêng xin phù hộ vợ con đừng buồn rầu quá sanh bệnh, con sẽ từ quan về nhà sửa sang bờ giậu như lời cha biểu.

Theo lời sư trụ trì chùa Hội Sơn thì gia đình chưa thể phát tang khi chưa tận mắt nhìn thấy xác chết. Cũng không thể coi bất kỳ nắm đất nào vùi xác chết là mồ mả cha ông mình. Cho nên Cai đội Tuấn phải đi với Bình tìm xác đem về, làm đám ma đàng hoàng, chọn cuộc đất tốt để chôn cất tử tế. Người chết đã đành, người sống còn sống một ngày mà nghĩ tới người thân chết bờ chết bụi sẽ tủi thân, ray rứt khôn nguôi. Cai đội Tuấn và Bình đi rồi, trong ngôi nhà ông Hòa không khí còn buồn thảm hơn đám ma. Bà Hòa chỉ ngừng khóc để nói mấy tiếng: Đã cản ổng... rồi khóc tiếp. Con gái của bà thẩn thờ vào ra, rồi ngồi xuống ôm mẹ khóc. Cháu ngoại năm đứa cũng sụt sùi khóc với mẹ và bà ngoại. Bé Hai chọt gạt nước mắt kêu lên: Có ai vô nhà mình kìa. Trong mắt cô gái tuổi trăng tròn, người đàn ông đang đi qua sân nắng là một người cô phải xưng hô chú hay bác. Cô gái vội vàng đứng dậy, kín đáo vuốt áo, vén tóc. Cả nhà cũng bất ngờ trước sự xuất hiện của Vĩnh Xương. Bà Hòa nín khóc nhìn chàng trân trân rồi òa ra khóc thảm thiết hơn. Con gái bà cố nín nhịn, ngồi cúi đầu, hai vai run lên từng chập. Dẫu chưa biết gì, Vĩnh Xương cũng đau đớn theo từng cơn run run của đôi bờ vai một người đàn bà đang dỗ dành một người đàn bà khác.

Việc gì đã xảy ra thì đã xảy ra. Sau khi đã đem xác ông Hòa lên ghe, Tuấn hỏi Bình làm sao anh đến đáp được cái ơn này. Bình nói ơn nghĩa gì đâu. Nhưng ông Hòa mới

đưa một nửa tiền công mượn ghe, mà cái ghe của tui cũng mất rồi. Tui không đòi gì hết. Nhưng nếu quan không muốn để ông chết mà còn mắc nợ thì quan trả tui phần tiền công ông chưa trả. Thì ông mới sạch nợ trần gian. Tuấn bèn làm một việc hào phóng mà anh hy vọng ông tía vợ không cần nhằn, đưa Bình một số tiền khá khá, có thể đủ sắm một chiếc ghe tốt. Hoặc một chiếc ghe vừa vừa, để có dư ra chút đỉnh. Ghe chưa quay mũi đã thấy điều quạ bay tới rợp trời, kêu la xao xác. Tuấn, một Cai đội chánh hiệu, đứng dạng chân trên mũi ghe, hai tay cầm hai tà lá dừa, quơ qua phất lại như đang phất cờ xung trận. Bình lên bến Thông Hội, đứng trên bến vái chào lần cuối người đã từng đồng hành với mình qua mấy quãng sông rạch này. Anh kiếm chỗ vắng dựng một cái chòi, mua cây mua đồ nghề, lăm lăm một mình đóng một chiếc ghe, ai hỏi gì cũng không nói, mọi người tưởng anh câm. Ghe đóng xong, anh đá sập cái chòi, chèo ghe đi. Xứ này sông rạch mênh mông, có chiếc ghe thì chèo đi đâu chẳng được.



Sông sâu nước xiết đồ đầy, ví dù ai giận ai rầy cũng im. Chờ khi con nước êm đềm... Ông Thiểm dỏng tai nghe coi chị Hai hát tiếp ra sao. Nhưng chị cứ ngân nga ư a trong lúc xòa tóc ra, vuốt vuốt cho xuôi rồi bới lại. Ông lăm nhăm những câu vừa nghe để ráng hiểu ý tứ chị gởi gắm. Chắc là ý nói hôm nay chị nhịn ông và đang chờ cơ

hội trả đũa. Mà ông có giận có rầy rà gì chị đâu. Đàn bà sao mà cứng đầu, kêu đi thì cứ ngồi ỳ, kêu lên ghe cứ đứng ngó mông lưng bờ xa bờ gần, không biết phụ đẩy ghe lui ra, cũng không biết kéo dây hay hạ buồm. Cứ ngồi một chỗ bới đi bới lại mái tóc quá dài. Bới xong lại để gió thổi xổ ra rồi bới lại. Ông một mình chèo kéo một mình lèo lái một mình vật lộn với gió mệt quá. Bây giờ gió đã êm êm. Ông hỏi rồi sao nữa, không hát luôn đi. Chị Hai có vẻ ngơ ngác, hát gì? Chứ hồi nãy chị hát mấy câu đó là có ý gì? Chị nhoen miệng cười hồn nhiên. Ý gì đâu, hồi nhỏ đi dò nghe người ta hò, giờ nhớ lõm bõm hát chơi chơi thôi mà. Ông không ưa kiểu ăn nói chơi chơi đó, nhưng đã chấp nhận đồng hành với một người đàn bà, phải ráng chịu. Thiệt là trớ trêu, ông đã quyết bỏ nhà đi để khỏi nhức đầu vì những chuyện đàn bà, mà lại vướng phải một con đàn bà, coi bộ không vừa.

Bến Thông Hội rất đẹp, trên bến là một dãy nhà gạch ngói, mà ngôi nhà lớn nhất là lữ quán Thông Hội. Dọc bờ sông đậu san sát những ghe thuyền lớn nhỏ, và dưới bóng một cây dái ngựa cao lớn núp mấy quán lá tuềnh toàng nhưng nhộn nhịp. Ông Thiểm tấp ghe vào bến, chị Hai lên bờ đi thơ thẩn. Những người trong quán nói đàn bà gì mà đi đứng nghênh ngang. Ông Thiểm nghe nhưng không nói gì. Rồi họ nói đàn bà gì mà giữa chợ hát ghêêu ngao. Ông Thiểm xong việc mua bán và hỏi thăm, ngồi uống nốt chén trà, nhìn chị Hai sàng qua hàng rổ rá nông

nia tới hàng chiếu, hàng mảnh, hàng lụa. Búi tóc lỏng lơ lửng dưới ót, một lọn tóc bên tai phải xổ ra, gió thổi phất phơ. Cũng cái kiểu ngâm nga chơi chơi đó như lúc ngồi trên ghe. Chợ trưa ai bán ai mua, gừng cay, muối mặn, khế chua, khoai bùi. Lỡ lời chi một bữa vui... Có người quăng vỏ chuối trúng chị, có tiếng la sụt. Đi chỗ khác mà hát hò, chỗ này người ta buôn bán làm ăn. Ông Thiểm vác cái bao đồ mới mua lên vai bước ra cửa quán kêu chị Hai đi xuống ghe. Ông rào bước đi trước, biết là chị Hai còn lẩn khân đùng đình một hồi nữa. Chị ngồi thụp xuống một vũng nước đọng bên đường, chăm chú soi bóng mình. Không ai trong quán nói đàn bà gì ngồi chàng hảng giữa đường. Cũng không ai nhăm chị mà chọi rác nữa. Người ta đều nghe cả, đây là chị Hai của một người đàn ông cao lớn, xài tiền dễ dãi, đi một chiếc ghe đóng bằng gỗ tốt.

Sau khi lui ghe ra giữa dòng, chỉnh buồm cho thuận gió, ông Thiểm nhìn bến Thông Hội lùi xa dần. Sao chị Hai không hát nữa? Chị Hai ngồi thừ nhìn nước sóng sánh mạn ghe. Nước sông chảy hoài. Chỉ ở chỗ nước đọng lại, mặt nước im, mình mới nhìn thấy mình. Chị đi đâu? Sao không về với con trai, với ông bà Tư? Sông rạch chằng chịt, đi đâu cho gặp được Bình? Quen nhau rồi lại như không quen biết. Ớn nhau rồi mà như không ớn nghĩa gì. Bèo nước hợp tan, nhưng bèo đâu có xa được nước, nước chảy đi đâu cũng có bèo. Đâu chị Hai bắt đầu rồi rằm, rút mối nào cũng kệt một nùi. Chị nói tôi

muốn về Long Hồ. Ông Thiểm không đáp. Lâu nay ông đã luyện được tuyệt chiêu điếc trong ngôi nhà có gần chục người đàn bà đếm xuống từ vợ, con gái, con dâu, cháu gái, em gái, em dâu. Ông chỉ nghe được cái gì ông muốn nghe. Người nhà quen dần tật điếc của ông, riết rồi họ nói như ông không thể nghe gì hết. Ông nghe hết mà làm như không nghe gì hết. Bọn đàn bà thấy ông càng lúc càng điếc, chỉ ó ré nhau, không òn ỉ, chèo kéo, ca cẩm với ông nữa. Đang đi tìm ông Phật, bỗng dừng dò về Long Hồ. Ông Thiểm quá quen với kiểu đàn bà giờ chứng này. Ông áp dụng kinh nghiệm với đám đàn bà ở nhà, không nghe chị Hai nói gì hết. Gió hiu hiu, ghe trôi lơ lững. Ông Thiểm giăng võng, ngả lưng đánh một giấc. Khi ông thức dậy, mặt trời chưa lặn. Nhưng chị Hai không còn trên ghe.

Chị Hai bơi vô bờ, lội qua đám lau lách, cố ý tránh xa dòng nước chảy, để cho ghe ông Thiểm trôi đi xa, rồi chị sẽ kiếm đường về Long Hồ. Có một cái chòi đã bị đá sập. Từng lênh đênh theo ông bà Tư đi tránh nạn bắt đạo, chị Hai thấy cái chòi sập hiểu ngay ý nghĩa. Một cái chòi còn đứng, dù xập xệ, cửa nẻo toang hoác, vẫn là cái nhà của ai đó. Để cái nhà vậy là người ta còn tính chuyện trở về. Đá vài cái vô mấy cây cột cho nhà sập, nhưng không dỡ đi mái lá cửa nẻo, là để cho người khác dùng lại vật liệu, dựng lại thành nhà họ. Chị đi vòng quanh, coi bộ người ta mới bỏ đi, các thứ để lại cũng còn tốt. Chị hí hụi dựng

cột lên, chống lại mái lá, sao cho có chỗ ở tạm đêm nay, rùi trời nổi hứng đổ mưa.

Nhưng suốt đêm trời ráo hoảnh. Chị Hai nằm trên một cái không đáng gọi là giường, chỉ là mấy miếng ván ghép lại kê trên mấy khúc gỗ u nắn, phần gốc cây khó xài vô chuyện khác. Có gì đó khiến chị Hai cảm giác quen quen ở nơi xa lạ này. Chị nằm xuống ván, tưởng như hít thở được cái mùi quen thuộc của Bình. Cái mùi rất riêng chị luôn nhận ra, cho dù là cái nón rách tả tơi vì mưa nắng của Bình, hay tấm áo manh quần, hay cái chỗ anh đã nằm, tấm chiếu, đụn rơm. Có khi Bình chỉ đi ngang qua chỗ chị Hai đang làm gì đó, cách cả cây sào, mà chị nhận ra ngay, chỉ bằng hít thở không khí bình thường. Chị vẫn thường nhớ mùi Bình khi nhớ anh. Đêm nay chị nhớ anh dữ quá. Trăn qua trở lại, xoay ngửa lật sấp, mà không sao ngủ được.

Bình dừng lại trước khi ra vàm Tróc, cột ghe vô mấy cây bần lão đã trụ được sóng gió nhiều năm, hy vọng ghe anh cũng trụ được một đêm. Bình cần nghỉ ngơi trước khi quyết định đi ngược hay đi xuôi dòng sông Cái. Khoảng nửa đêm nghe tiếng nước khua, anh thức nhưng nằm im lắng tai nghe động tĩnh. Xuống ai đó đang tấp vô bụi cây bần. Có lẽ người ta cũng như anh, muốn nương nhờ bụi cây này qua đêm. Anh ngủ tiếp, sáng dậy thấy không phải chiếc xuồng con, mà là một chiếc ghe đẹp, có cả một cánh buồm đã được cuộn lại. Bình chui ra khỏi mui, đứng đái

xuống nước, thì nghe tiếng la, giọng ngạc nhiên hết sức. Có phải anh Bình không? Bình không giật mình, cũng không ngạc nhiên lắm khi thấy ông Thiểm đứng trên chiếc ghe kia. Anh đã nhìn thấy đủ chuyện lạ, mà gặp ông Thiểm thì không đến nỗi lạ. Chắc có duyên. Năm xưa, mò mẫm lội qua một sông xác chết, Bình đã được ông Thiểm vớt lên. Nay ngủ một giấc giữa ngã ba sông mở mắt ra thấy ông, Bình cũng mừng.

Hai người ghép ghe lại, cùng nhóm lò, người nấu cơm, người nấu nước pha trà. Ông Thiểm sốt sắng hỏi thăm Phật Ngồi từ lúc ông bỏ lại chợ Thủ đến bây giờ ra sao. Bình ngẩn ngơ. Chợ Thủ ở đâu, nghe sao mà xa lắc, quãng đời từ đó đến nay đã qua bao nhiêu sông, rạch, cồn, bãi, bến, thị, thành. Bình ngồi im để cho bao nhiêu ký ức ủa ra, xoắn xít, quay cuồng như một xoáy nước ở trong đầu. Ông Thiểm thấy những biến đổi trên gương mặt Bình, không gạn hỏi nữa. Ông kể chuyện mình. Tôi quyết chí đi tìm Phật Ngồi. Chỉ có ngồi cạnh người đó là tôi thấy bình an thanh thản. Hồi đó giặc già, rồi mất mùa, rồi lại loạn lạc, rồi lại giặc già, rồi ôn dịch, mất mùa. Làm đàn ông đâu có cách nào khác. Có giặc phải đi đánh giặc. Có vợ con phải nuôi. Nhưng bây giờ tôi xong rồi. Đầu đã hai thứ tóc. Giặc già để cho người khác đánh. Nhà cửa ruộng vườn vợ con muốn làm gì thì làm. Tôi chỉ muốn ngồi yên hít thở với ông Phật Ngồi. Ông Thiểm kể tới chỗ lên Phước Xuân Đường ở Châu Đốc, ông giựt mình. Nếu

người đàn bà ông gặp ở đó nói thiệt, thì Bình chính là chồng chị. Ông có nên kể với người chồng là ông đã nhìn ngắm vợ anh ta ngủ như thế nào, cùng chị ta dong ruổi đó đây, tiếng là đi tìm Phật Ngồi, nhưng chỉ cần có chị ngồi trên ghe là đủ cho ông cảm thấy vui. Cảm giác khác với ngồi cạnh Phật Thấy, nhưng niềm vui cũng gần gần như vậy. Ông bèn nhảy qua đoạn khó nói đó, tới chỗ chiều hôm qua ngủ dậy trên chiếc ghe lơ lững giữa dòng, tự nhiên buồn quá, không biết chèo đi đâu nữa, cứ thả ghe xuôi. Tới khi tối quá và nhận thấy ghe đang trôi ra vàm, sợ sông Cái nhiều sóng lớn, ông phải tấp vô rừng cây bản.

Bây giờ ông đi đâu? Bây giờ anh đi đâu? Cả hai người đặt ra câu hỏi cùng một lúc. Ông Thiểm có vẻ có phương hướng hơn. Lúc ghé bến Thông Hội mua thêm đồ dùng, ông có hỏi thăm. Không ai biết Phật Ngồi là ai. Nhưng nhiều người có nghe nói Phật Thấy ở Để Ngạn. Hình như trên đó cũng có một Phước Xuân Đường, vừa rồi xuất hiện Phật Thấy có phép chữa bệnh hay lắm. Đang định giong buồm lên Để Ngạn thì... Ông Thiểm kịp bùm miệng. Không lẽ nói với người chồng là mới chiều hôm qua tôi chỉ đùa chút xíu với vợ anh mà chị ta giận nhảy xuống sông mất tiêu luôn. Mà không lẽ không nói với người chồng rõ ràng đang đau khổ thương nhớ vợ con là vợ anh còn sống, cũng thương nhớ anh, cũng đang đi tìm anh. Nghe Bình nói anh cũng muốn đi Để Ngạn thăm Phật Thấy, người quen cũ mà, ông Thiểm bối rối. Ông cố

lựa lời nói. Hay là anh quay lại Thông Hội, hay về Long Hồ thử coi có gặp lại... người quen khác không. Bình lắc đầu nói anh mới ở Thông Hội ra, còn ở Long Hồ thì đâu có ai quen.

Ôn dịch đang vật người chết như rạ ở Long Hồ. Chợ vắng teo, đường không vang một tiếng vó ngựa, bến thưa thớt thuyền. Trong thành quan quân cũng nín khe. Chiều tối nhà nhà đóng cửa im ỉm, khói nhang bay lên nhiều hơn khói bếp. Nỗi sợ ngấm sâu sau khi đã lan tỏa khắp, con nít giờ cũng không dám khóc, người lớn không ai dám gọi tên, thậm chí không nói tới ôn dịch. Dù là quỷ ma hay quỷ sứ, thiên lôi, thần chết, ngư hầu, mã diện... Tuyệt nhiên không nói đến, không nghĩ đến. Ai tin Phật thì niệm Phật, ai tin Chúa thì cầu nguyện với Chúa, những kẻ khác cúng bái Thần Sông, Thần Núi, Thần Cây Đa, Thần Cọc Đá, Thần Gió, Thần Mưa, và đủ các loại cô hồn. Các Thần thì không biết sao, chứ hồn ma thì lảng vảng khắp xó chợ, đầu đường. Trẻ con người lớn đều ở rịt trong nhà, có việc gì chẳng dặng dưng mới phải bôi trét lọ nghe khắp mặt mũi, để ma quỷ tưởng là cùng loại, đi vội vàng len lén, không khác gì ma quỷ thật. Nhiều người đã đem hết gia đình của cải xuống ghe chèo đi xứ khác, ẩn giấu tung tích. Chứ biết là người từ Long Hồ ra đi, thiên hạ đuổi còn hơn đuổi tà.

Bà Tư nói với ông Tư mình già rồi, có sao cũng không sao, chỉ tội thằng Long. Ba má nó không về, ai nuôi nó. Thằng chỉ lo học, không biết cái gì khác. Nghe phong phanh thấy Sáu nói sắp tới thầy sẽ dắt học trò đi Nam Dương. Phải chi con mình đẻ ra thì tui gởi thằng Long cho thầy Sáu liền. Ông Tư không thể bàn ra bàn vào việc này. Ông muốn nói với bà một việc khác, mà chần chừ hoài. Gần đây ông nghe những cơn đau bắt đầu từ nửa đêm về sáng, ở sau lưng, chệch xuống dưới vai trái một chút. Lúc đầu chỉ đau lói một cái rồi thôi. Nhưng về sau cơn đau càng lúc càng kéo dài và lan ra ngực. Lúc đầu ông còn chịu được, nhưng hồi khuya ông bị một trận hành cho quặp người, ráng lắm mới không rên. Sanh lão bệnh từ, ai cũng vậy. Giữa những cơn đau, ông bình tĩnh chuẩn bị. Bà Tư từng nói là nếu Chúa rước bà về trước thì bà sẽ đứng đợi ở cửa Thiên đàng đến khi nào ông lên tới nơi mới cùng ông bước vào. Ông không tin lắm vào một cõi nào khác cõi ông đang sống, chẳng qua vì thương bà mà ừ ả cho bà yên tâm. Nếu tới tới số trước bà thì bà cứ nhờ thầy giảng làm phép rửa tội cho tôi, sao cho tôi cũng được tới cửa Thiên đàng đứng đó đợi bà. Mỗi một ngày qua, ông Tư cảm thấy rõ có ai đó đang rút nhanh sợi dây thời gian của ông. Sau cơn đau hồi khuya, ông quyết định nói với bà Tư ông muốn theo đạo của bà.

Thầy Sáu nói: Người anh em đã trở nên ánh sáng của Chúa Kitô, hãy luôn sống như con cái sự sáng, để được

bền vững trong đức tin. Ông Tư nói A men. Cơn đau đã nổi lên, ông đã cố gắng chịu đựng cho qua các nghi lễ. Bây giờ thì ông biết mình có thể thanh thản lìa bỏ thân xác đang hư hoại này, vì ít nhất đã làm được một việc lớn trong đời: làm yên lòng người mình yêu thương. Bà Tư đắp cho ông tấm áo trắng, thắp cho ông một cây đèn sáp. Bà nói với Long ông ấy đang đợi bà ở cổng Thiên đường, bà chắc ông không phải đợi lâu đâu. Khi còn một mình Long phải làm cả công việc của ông Tư và bà Tư là bắt cá hái rau, tự nấu cơm ăn. Long có thể ở lại căn chòi này chờ đến khi cha mẹ về, hoặc xin theo thầy Sáu. Thầy sẽ đem Long qua cồn Mới để nhập với con cái người theo đạo bị sát hại, rồi cùng theo thầy đi Nam Dương, sau nữa thì xin tùy ý Chúa, bà cũng không biết Nam Dương ở đâu. Long chơi với mấy ngày. Nó tưởng bà Tư giận nó. Bà Tư đã khuyên nó theo gương ông Tư nhận phép bí tích. Để anh chị em của hội Thánh Chúa chăm sóc nó sau này. Nhưng Long do dự. Nó nửa muốn ở lại chờ cha mẹ về và tiếp tục học với thầy Tịnh. Nó cũng cảm thấy rạo rức khi tưởng tượng cuộc phiêu lưu với thầy Sáu đến những chân trời xa lạ. Nó lấy xuống bờ ra vòm nhìn mây biến hóa ở chỗ giáp nước. Đang cơn triều cường, nước sông dâng cao như chạm bầu trời, mây cuộn cuộn như khói trên nổi cơm sôi. Nó nhớ lời thầy Tịnh, chân trời chỉ là giới hạn tầm nhìn của con mắt mình.



Năm Kỷ Dậu quan Thượng thư bộ Lại Phan Thanh Giản được sung vào Cơ Mật Viện. Ngày đầu tiên làm việc, ông chỉ lắng nghe các đại thần khác bàn luận. Mấy năm nay mất mùa gạo thóc kém, chẳng những người bệnh mà trâu ngựa cũng bệnh. Triều đình cấm tà đạo nghiêm ngặt, nhưng trong Nam Kỳ hãy còn lơ lửng, bọn theo tà đạo đang rủ nhau vào lục tỉnh. Việc xây thêm chùa miếu không được tấn tới vì ôn dịch và đói kém. Mặc dù ta đã bế quan tỏa cảng mà bọn giảng đạo Tây Dương vẫn lén lút vào ra, hàng hóa cấm xuất nhập vẫn xuất vẫn nhập. Đáng lo nhất là nha phiến, một thứ độc hại đã khiến bao người ở phương Bắc thân bại danh liệt, tán gia bại sản, dẫn tới chiến tranh, khiến Thanh triều phải ký hòa ước nhượng bộ bọn Tây Dương. Chúng đã xây dựng Hương Cảng trên nhượng địa, tàu thuyền chúng đi lại ngoài biển Đông không đếm xuể, mà ta không thể kiểm soát. Bọn thương gia ở Nam Kỳ chỉ biết lợi lộc, chúng nuôi dưỡng bọn quan tham sâu dân một nước, tiếp tay bọn Tây Dương. Cho nên phải tâu lên Thánh Thượng tiếp tục kiểm soát chặt chẽ cửa sông cửa ải, giữ gìn biên cương. Đối với phong hóa cần chấn chỉnh đến miếu chùa chiền, bắt dân không được theo tà đạo. Việc miễn giảm sưu thuế cho dân là nên, nhưng hiện nay kho lương đang rỗng. Các đại thần cũng nói đến việc phòng thủ ở cửa Hàn sau khi việc chiến thuyền Tây Dương bắn chìm thuyền đồng của triều đình vài năm trước, giết chết và gây thương tích cho cả trăm

người. Mọi người dường như yên tâm là triều đình đã cho xây đắp đồn lũy và cử các tướng tài đem thêm chiến thuyền vào trấn giữ cửa Hàn. Không ai nói gì đến việc trước đó, một chiếc thuyền Tây Dương đã bắt cóc và uy hiếp ba vị quan, gây hấn ở cửa Hàn, sau đó bỏ đi. Không ai ghi nhận tên chiếc thuyền đó là Constitution, đến từ một nước mới được thành lập ở một châu lục cách Đại Nam một đại dương, tên là Hoa Kỳ.

Mưa liên miên khắp kinh thành đã nhiều ngày, tiếng vó câu không to hơn tiếng nước mưa rỏ tong tong xuống chum nước dưới hiên nhà. Tuy cũng là dinh Thượng thư nhưng nhà ông Giản không rộn ràng trống đồn ca xướng như ở các dinh phủ khác, cổng dinh luôn treo bài miễn tiếp khách. Nhờ vậy hoa cỏ trong vườn tươi thắm trong tĩnh lặng, chim chóc, sóc và các loài kỳ nhông cắc kè trở nên dạn dĩ, không hoảng hốt chạy trốn khi ông Giản đi dạo trước bữa cơm chiều. Vợ ông đã đặt sẵn khăn và chậu trên cái đôn sành dưới mái hiên. Bà bưng ra nồi nước nấu lá sả và lá bưởi đổ vào chậu, giúp chồng cởi mũ mào và áo quan. Bà trân trọng mang các thứ đó đem cất vào buồng. Chỉ mặc bộ áo vải nhuộm lam đã bạc màu, ông Giản khẽ khoát nước thơm rửa bộ râu, khoan khoái hít thở mùi tinh dầu tỏa lên từ nồi nước đang bốc khói. Vợ ông tháo khăn vắt đầu cho ông nói tóc chàng đã muối tiêu. Ông cầm bàn tay vợ, những ngón tay khẳng khiu và lòng bàn tay chai. Ông nói tóc nàng cũng đã bạc ít nhiều. Bà nhè

nhẹ rút bàn tay ra, có phần e thẹn, vì hiếm khi ông Giản cầm tay bà âu yếm như vậy khi trong nhà còn thấp đèn. Bà liếc vào trong, thấy ba đứa con đang đứng theo thứ tự cao thấp, hai tay khoanh trước bụng, chờ đợi. Chúng đều quay mặt đi, nhìn chăm chú bức tường đối diện như thể vừa khám phá bức tranh mai trúc bằng mực đen vốn treo ở đó xưa nay. Bà nói chàng lau mặt rồi vào ăn cơm, kéo sắp nhỏ dói.

Ông ngồi xuống tấm chiếu trải trên bộ ván, ba đứa con theo tuổi tác lần lượt ngồi xuống quanh mâm cơm bà mẹ vừa đặt giữa chiếu. Ông Giản nói nếp nhà giữ được như vậy lòng ta vui lắm. Mâm cao cổ đầy, người hầu hạ phục dịch, há ta muốn mà không có sao? Nhưng không có gì làm cho ta hạnh phúc hơn được ngồi ăn với các con, không có sơn hào hải vị gì ngon hơn bữa cơm mẹ các con nấu. Ta nói điều này bởi vì những năm xưa, khi mẹ con phải chăm sóc ông bà nội ở quê nhà, ta mới vào quan trường phải bôn ba nhiều nơi, đến bữa ăn nghĩ tới cha mẹ mà không nuốt nổi, đêm nằm nhớ vợ con không ngủ được, lòng dằn lòng là đến ơn vua trả nợ nước rồi, ta sẽ về quê cày ruộng nuôi con, ăn bữa cơm vợ nấu, là đủ phỉ chí làm người. Bà Giản lảng tránh cái nhìn của chồng như kiểu bà đã rút bàn tay mình ra khỏi bàn tay chồng lúc nãy, dịu dàng nhắc, chàng ăn đi cho sắp nhỏ ăn theo. Bà nói sắp nhỏ, nhưng đứa con trai lớn đã mười bảy tuổi. Nó đã ngừng đùa từ khi cha bắt đầu nói, hai đứa em nó

có phần háu đói, nhưng cũng bắt chước anh Ba bỏ chén xuống mâm, ngó mặt nhìn cha.

Ông mỉm cười gắp con tép đặt vào chén bé Tư bảo ăn đi con, tép này dì Út tự tay làm gỏi ra cho mẹ con. Vợ ông ngồi bên cạnh, vẻ mặt bình thản, chan canh vô chén của con trai út, cẩn thận vẻ cá gắp cho chồng. Cậu Ba chợt nói thừa cha. Bà Giản nhìn mặt chồng rồi đưa mắt ra hiệu cho con trai nói tiếp. Hôm nay con gặp anh Tường. Ông Giản vẫn nhai cơm, nhẹ gật đầu. Hóa ra anh Tường không về Gia Định, cũng không ở lại Quốc Tử Giám, vẫn đi lại với một số công tử. Con ít giao du với các anh lớn tuổi hơn nên không biết, hôm nay chỉ tình cờ mà gặp. Chỉ gặp hay có chuyện trò? Thoạt đầu con không nhận ra, ảnh đi xốt qua con mới sực nghĩ, bèn chạy theo gọi anh Tường, có phải anh không? Ảnh nháy mắt cười bảo không, mi đang gặp một thằng ăn mày, có gì bố thí không? Con có cái bánh ít mẹ bảo mang theo ăn giữa buổi. Ảnh ăn ngon lành, nói lâu rồi mới được ăn món ngon lục tỉnh. Ảnh đọc tặng con một bài thơ nói để cảm ơn. Ông Giản bảo các con ăn cơm tiếp, dặn cậu Ba khi nào ăn xong thì chép lại bài thơ, nếu còn nhớ. Cậu Ba thức đến nửa đêm vẫn còn loay hoay hí hoáy viết rồi xóa, bút tóc vò đầu mãi, chỉ ghi đầy đủ được câu đầu và câu cuối: *Của trong thiên hạ một tay râu... Gặp đời Tây Bá biết bao lâu.*

Thấy con vẫn còn vật lộn với chữ nghĩa, nhưng bà Giản không thay cây nến sắp tàn. Bà khép cửa buồng, đi

nhẹ đến giường xem chồng đã ngủ chưa. Nghe ông thở khò một hơi dài, bà rón rén buông màn, định qua phòng bên ngủ với con gái, như thường lệ. Nhưng ông bảo nàng ở lại đây chút. Ông nằm nhích qua và bà nằm xuống bên cạnh. Nàng còn giận ta à. Đâu dám, nhưng con cái lớn rồi, chúng thấy, kỳ lắm. Chúng thấy thì chúng biết tình chồng nghĩa vợ là như thế nào, cũng tốt. Ông ôm vợ, giữ thân hình mảnh dẻ của bà trong vòng tay của mình. Hơn hai mươi năm qua, ta từ một học trò nghèo trở thành đại quan. Học trò nghèo biết như thế nào là đói khổ lạnh lùng, chịu ơn những người đã cứu mang, dạy dỗ và đặt kỳ vọng nơi mình. Cho nên phải nuôi chí vươn lên, phải làm chuyện giúp vua kinh bang tế thế. Ta làm quan, từ chức Lang trung đến Thượng thư, có lúc giáng xuống làm kẻ quét công đường. Ba lần giáng chức, ba lần được vua phục chức, ban chức Khâm sai, Kinh lược sứ, Cơ mật viện đại thần. Ta ham những danh vị ấy lắm sao? Chẳng qua phải ở một vị trí nào mới sử dụng được quyền lực nào để làm việc nào. Quan trường như cái chợ. Không thể không có chợ, cũng không thể bắt cái chợ không là cái chợ. Ta làm quan trải ba đời vua. Vua thế nào cũng là vua. Năm kia, ở chức Phó đô ngự sử Đô sát viện, ta biết mình đã tới đỉnh cao danh vọng mà một người như ta có thể đạt được, ta đã hứa với nàng ta cáo quan. Nhưng vua lúc đó sắp lâm chung, muốn phế trưởng lập thứ, cậy ta phò tôn đế.

Nến ở phòng ngoài đã tàn. Ông Giản không nghe vợ nói gì, nhưng ông cảm nhận được một tiếng thở dài trong lồng ngực người đàn bà trong vòng tay ôm của ông. Ta biết nàng không thích hợp cuộc sống nơi đây với cái vai mệnh phụ. Nàng phải làm những gì nàng đã làm rất giỏi lâu nay, đều là vì ta cả. Ta không biết sao? Nàng tốt hơn, giỏi hơn tất cả những người nàng phải nhún nhường cho phải phép. Và vẫn giữ được một tấm lòng nhân hậu trong sáng, một nếp nhà thanh bạch lễ giáo. Ta có nói với nàng một lý do để nấn ná chốn kinh kỳ là để con trai chúng ta hoàn thành việc học ở Quốc tử giám. Nàng nói là không mong con mình đỗ đạt làm quan để thăng trầm bầm giập như cha chúng. Nàng chỉ mong chúng học để làm người. Mà tìm thầy dạy làm người ở chốn Kinh đô khó hơn là tìm ở chốn quê mùa như Vĩnh Thạnh hay Vĩnh Long. Ta hiểu nàng. Chẳng phải chính ta đã học với những người thầy không hề hưởng bổng lộc hay chức sắc vua ban. Bạn đồng môn của ta ngày ấy đến nay vẫn cách Kinh đô ngàn dặm và vẫn sống cuộc đời mình quang minh chính đại trong trời đất, bất kể cái ăn cái mặc như thế nào. Ta cũng muốn con chúng ta làm người như vậy. Ta cũng muốn thấy nàng vui tươi giữa những người như vậy, những anh chị em, bà con, hàng xóm, bạn bè ở quê nhà. Nên ta đã suy nghĩ nhiều. Nay ta đã có kế.



Cậu Ba. Tiếng kêu vọng lên từ chân đồi. Tường hơi khựng lại rồi bước đi tiếp. Kêu mày đấy, Liêm. Bây giờ còn ai gọi tao là cậu nữa. Liêm dừng chân quay lại nhìn người đang thở hào hển vừa chạy lên dốc vừa kêu. Cậu Ba Tường. Sư Nguyên Hạnh bảo tôi đi tìm Cậu. Hồi sáng tôi thấy cậu đi rồi nên vào thành tìm. May quá cậu đã về. Tường bảo Liêm đợi anh chút, nếu sư gọi vào bảo anh không nên ở nhờ cửa Phật nữa, thì anh sẽ trở ra đi luôn. Vất vưởng ở đây đủ lâu để bỏ đi rồi. Không ngờ sư đối đãi anh ân cần, mời trà nữa chứ. Đây là lần thứ hai, có thể lần thứ ba, Tường gặp sư trụ trì. Lần đầu là khi anh trở về sau chuyến ngao du Bắc Thành, mệt mỏi và đói thường xuyên. Tường nhớ là khi xưa thường được cha mẹ dắt đi cúng dường ở chùa Từ Thụy trên đồi Vân, biết ngày rằm luôn có xôi chè bày ngoài sân, bá tánh ai cũng có thể hưởng lộc, Tường lên chùa, ăn một bụng, nằm dưới gốc cây ngủ một giấc. Người trong chùa đều biết Tường, biết cha Tường từng là quan triều đình, nhưng mắc bệnh đã qua đời. Họ chờ Tường ngủ dậy để dẫn vào gặp sư trụ trì. Tường còn nhớ hồi nhỏ mỗi lần theo cha vào hậu liêu, cậu Ba hay tọc mạch cầm nhắc đồ đạc trong phòng xem xét, sư không nói gì cả. Có lần Tường bị cha rầy, sư còn đỡ giùm, rằng trẻ con có biết chi mô.

Cha mất rồi, Tường về chùa như một kẻ lang thang, vẫn được sư mời trà, hỏi han. Tường nói gia đình đã về quê ở Tân Bình, anh ở lại để học tiếp và chờ thi. Tường

kể là sinh thời cha đã từng khuyên Tường nên đi Hà thành mở rộng kiến văn và sự giao thiệp. Nhưng Tường không kể đầy đủ câu chuyện là ông thấy con trai làm mấy bài thơ được đám bạn công tử xưng tụng đã vênh vang đắc ý, nên muốn cho con ra Bắc Hà, nơi ông từng giữ một chức quan nhỏ khi mới khởi đầu quan lộ. Đất cựu người thâm, nhứt là ở cố đô, nhân tài không ít, chỉ thời cơ không nhiều. Tường cũng không nói cha bảo cái thứ thơ chém gió của Tường bì sao được ngoài Bắc, còn thơ châm chọc rĩa móc thì thật không đáng xách dép cho người ta. Người Gia Định hào phóng chứ không thâm thúy, cả quyết chứ không mộng mơ, giỏi làm chứ không hay múa mép; Tường không thừa kế ưu điểm của tổ tiên, mà đi học đòi văn chương tung hứng trong giới con ông cháu cha, cứ tưởng mình là thi thánh. Khi không còn cha là đại quan triều đình, Tường bắt đầu nếm trò đời, mới nhớ lại lời cha mắng. Anh chỉ nói với sư Nguyên Hạnh là anh đi ra Bắc để thực hiện di huấn của cha. Trên đường về kinh dự thi chẳng may bị cướp hết hành lý tiền bạc, gặp nhiều vất vả. Anh phải đi bộ, về tới kinh thì đã trễ ngày thi.

Sư Nguyên Hạnh cảm thán cho vận rủi của Tường, bày tỏ niềm tin là bất lực thối lui. Tường nói giờ anh không được nhận vào Quốc tử giám, nơi đào tạo con quan làm quan. Anh cũng không có lộ phí để trở về Tân Bình. Nếu khoa thi tới anh đỗ đạt, có thể bất lực thối lui. Nhưng hiện giờ anh cần nơi ăn ở để mài mài kinh sử. Nếu sư trụ trì mở

lòng cho anh ngủ tạm dưới mái hiên chùa thì anh nguyện noi gương Hàn Tín. Sư nói chỉ sợ hiên chùa gió lạnh, cơm chùa chỉ muối dưa, nhưng thôi thì tùy công tử đi về, cửa chùa luôn mở. Từ bấy đến nay, sư trụ trì mới gọi Tường đến mời trà lần thứ hai. Hình như có một lần, đêm trăng rằm tháng trước, trong lúc không kiểm được lòng mình, Tường ngâm nga mấy câu cảm thán, thấy bóng sư bước ra sân chùa, rồi đi vào hậu liêu, không nói gì. Nay lại mời trà. Sư nói Thượng thư bộ Lại có cho người đến hỏi. Tường biết bộ Lại là nơi trông coi sắp đặt bổ nhiệm các chức quan. Thượng thư đương nhiệm bộ Lại là cha của công tử Liêm, một cậu Ba như anh đã từng là, hay đúng hơn là một cậu nhóc ngoan, không dốt, tiếc là không được trời phú cho chút tài mọn văn chương như phụ huynh mong muốn. Đâu phải tình cờ Tường chạm trán cậu Ba Liêm bên ngoài hiên Học đường hôm trước. Hay hôm nay lại gặp cậu lang thang bên cầu Liễu Như, rủ rê dạo cảnh chùa.

Bà Giản dọn ba mâm cơm. Một cho chồng ăn riêng trong thư phòng. Một cho hai con trai ăn cùng bạn dưới lầu nghinh phong. Bà và con gái ăn như thường lệ, trên bộ ván bếp. Hồi xưa thường phải ngồi ăn một mình, ông Giản ăn nhanh, cho qua bữa. Nhưng chiều nay ông ăn thông thả, nhắm chừng vợ con trong bếp ăn xong rồi ông mới gác đĩa. Bà Giản bày bàn trà trong sân vì trăng tuy chưa tròn, đã lên cao, không gặp mây, đang trải ánh

sáng mềm như lụa lên hoa lá. Tường và anh em Liêm Tôn ăn xong, rửa tay, súc miệng, rồi ra sân hầu trà ông Giản. Đi từ Nghênh Nhật lầu đến sân Vãn Nguyệt phải bước qua Tĩnh Kiều bắc ngang Lương Khê chảy vào Nhã Đàm có thất sơn rêu xanh ghềnh đá, sen ngọc soi bóng nước lung linh. Một tiểu cảnh trong một khuôn viên nho nhỏ, xanh biếc những bụi tre trúc và chuối. Tường không thể dừng nghĩ đến Hồng Lô Mộng, nhưng tất nhiên đây không phải Hồng Lô Mộng. Được phép gọi ông Giản là bác, Tường tỏ vẻ cảm động. Anh vốn không quan tâm người đồng liêu của cha, nhưng có một hai lần, nhân dịp Tết nhất gì đó, vua thết đãi các quan cùng gia đình họ, có múa hát ngâm thơ, Tường có nghe ông Giản đọc thơ. Đại khái như *Thấy dân đói rách nghĩ mà thương, ngồi ở trên khung sửa mối giường*. Tường đã cười mũi vào cái gọi là thơ vừa chữ nghĩa thô kệch vừa tụng ca lộ liễu.

Tường kể lại cuộc Bắc hành, thêm mắm dặm muối chỗ này chỗ nọ. Câu chuyện có khác đôi chỗ so với những gì sư trụ trì chùa Từ Thụy được nghe trước đây. Điều Tường hy vọng nơi quan Thượng thư không phải đưa cà hay hiến chùa lộng gió. Ông Giản nói triều đình đúng là có lệ tập ấm, chỉ ưu ái dành cho con quan, không cần qua thi cử cũng có thể bổ nhiệm một chức quan, để từ đó ra sức giúp vua giúp dân, rồi thăng tiến, nối nghiệp ông cha. Xưa nay ông Giản không tán thành lệ này, vì cánh cửa đó

đã để lọt vào quan trường không ít kẻ bất tài, chỉ giỏi nịnh nọt luồn lách. Những kẻ đó giờ đông đúc từ triều đình đến các phủ huyện, ông Giản thật không muốn góp sức đưa thêm người qua cánh cửa đó. Tường vàng dạ, trong bụng thắc thò. Anh đã tưởng tượng mình sẽ nhận được một chức quan văn ở kinh thành, lý tưởng nhất là làm việc với các đại thần trong triều, trong Hàn lâm viện hay các vương phủ; nếu không thì đành về hóc bò tó nào đó làm tri phủ tri huyện. Nhưng bài giáo đầu của ông Giản khiến Tường mím môi sắp lại những quân cờ. Khi ông Giản cùng cố huấn tử thì Tường quyết định đi một nước cờ khác. Dạ thưa bác, cháu không muốn làm quan nhờ tập ấm. Chí nguyện của cháu là trở về quê nhà, vừa chăm sóc mẹ, vừa ôn luyện võ văn, khi nào có khoa thi thì ứng thí. Nếu có tài cán được vua dùng thì ra sức báo đáp, nếu không thì ngư tiểu canh mục cũng vui.

Ông Giản hoan hỉ tán thành ý chí của Tường, bảo các con trai đưa Tường vào buồng ngủ, sáng mai hẵng lên đường. Hai anh em Liêm Tôn nằm xuống một lát đã ngủ say. Tường bứt rứt không ngủ được, định bước ra sân ngắm trăng. Anh thấy dưới hiên nhà còn sáng đèn, bà Giản và con gái đang quay tơ. Tường trở vào buồng, nằm xuống, vẫn không ngủ được. Tường đã thấy em gái Liêm hồi chiều, nhìn thoáng qua không đẹp, hồn nhiên như trẻ con, chứ không làm duyên làm dáng như các thiếu nữ tuổi trăng tròn anh từng gặp. Hồi chiều Tường không để

ý đến bé Tư, nhưng bây giờ thì khác. Cha của Tường từng kể rằng ông Giản làm quan từ trào Minh Mạng, đến đời Thiệu Trị, con gái ông được tuyển vào cung, được vua yêu quý. Vua mất sớm, con gái ông chưa sanh được hoàng tử công chúa nào. Ông Giản muốn con gái xuất cung, nhưng Hoàng Thái hậu quyết giữ nàng bên mình làm chị em. Hoàng Thái hậu còn muốn tuyển cả người con gái thứ hai của ông vào cung sau khi vua Tự Đức đăng quang, nhưng ông Giản quyết liệt từ chối, viện cớ bé Tư là em vợ vua cha, là di của vua con, không thể lộn lạo. Ông có một người con gái bị làm con tin ở trong cung cũng đủ. Và sự quyết liệt không vâng lời Hoàng Thái hậu chứng tỏ ông yêu quý người con gái này như thế nào. Tường vuốt mặt, sắp lại ván cờ mới.

Tường tin vào tính toán của mình. Một năm, hai năm, ba năm nữa, Tường sẽ lần lượt đậu các khoa thi, đậu cao, đứng đầu bảng luôn, nếu so tài năng của anh với đám đồng môn ở Quốc tử giám. Lúc đó anh có thể cưới được cả công chúa, chứ nói gì con gái quan Thượng thư. Nhưng việc bổ nhậm vẫn do Thượng thư bộ Lại quyết định. Tới lúc đó ông Giản có khi phải năn nỉ anh nhận một trọng trách trong triều, chứ đừng có mà giảng dạy cho anh chí làm trai, thì cứ giữ mối quan hệ anh đã tốn công kết nối hôm nay. Đến lúc lên đường, anh em Liêm Tôn đưa Tường một đoạn đường. Tường dừng chân trước khi bước qua cổng, ngoái lại, đưa đôi mắt luyến thương

nhìn vào nhà như tìm kiếm, như không nỡ rời đi. Không thấy bé Tư đâu, nhưng Tường nghĩ là ông Giản đang đứng khuất trong thơ phòng quan sát anh. Cho dù ông có hiểu sự lưu luyến của Tường như thế nào, ông cũng thấy hình ảnh một chàng trai trẻ tài hoa đang vượt qua số phận. Tường thở dài, thể hiện quyết tâm ra mặt, dứt khoát quay mặt ra cổng, mạnh mẽ bước đi. Đường về Tân Bình còn xa lắm.

An táng ông Hòa xong, Vĩnh Xương an ủi bà Hòa. Dù sao bác Hòa cũng đã được an nghỉ trong vườn nhà như nguyện ước, vợ con vẫn bên cạnh. Mọi người vui thì ắt bác vui. Bà Hòa vẫn thổn thức, nhưng sức nhớ ra gia cảnh tan tác của Phước Xuân Đường, ông Ứng Xương có thể đã bị giết và chôn chung với mấy ngàn xác khác, không bia mộ, gọi chung một tiếng nhục nhã là mả ngụy, còn bà Ứng Xương không biết trôi giạt nơi đâu. Bà Hòa dè dặt hỏi thăm gia đình Vĩnh Xương ra sao. Vĩnh Xương nói là mọi người bình an ở Tân Gia Ba, nhưng bà nội và mẹ khẳng khăng đòi về Đế Ngạn để tìm tung tích của cha chàng. Bà Hòa bần khoản vậy cháu về đây thì ai chăm sóc... Vĩnh Xương nén tiếng thở dài, nhà chú ở bên cạnh, em gái lấy chồng không xa, trong nhà mọi việc có con dâu. Vậy cháu đã có vợ à? Dạ, năm đó cha gởi mẹ và bà nội về quê, hai người đó đã tự ý chọn dâu. Vậy à? Được bao nhiêu con

cái rồi? Một trai một gái. Ừ thôi cũng được. Ông Hòa nhà này biết vậy ắt mừng lắm. Ông cứ nói Vĩnh Xương phải cưới vợ đi chứ, bộ nó muốn Phước Xuân Đường tuyệt tự à. Tuần nhân lúc bà con thân thích tụ tập cúng ma ông Hòa đã thông báo anh vâng lời cha vợ thôi làm quan, từ nay sẽ ở nhà chăm sóc ruộng vườn, gần gũi vợ con, phụng dưỡng mẹ già. Vĩnh Xương nhìn ra sân nắng ngậm ngùi. Ừ thôi cũng được.

Chàng đã quá bận rộn ở Đế Ngạn từ khi trở về. Thăm gia đình chú Tế Xương, biết án oan của cha đã được hủy, chàng quyết định lại Phước Xuân Đường để đón gia đình về. Vừa thấy chàng sơn sửa lại bảng hiệu, người bệnh đã kéo tới cửa chờ. Một phần vì đang lúc thời tiết khắc nghiệt, nhiều người mắc bệnh trong khi thấy lần thuốc đều hiếm, mà Phước Xuân Đường đã có tiếng từ lâu. Một phần vì người ở xa nghe đồn đãi, rằng Phước Xuân Đường có Phật Thầy trị được ôn dịch. Nhiều người đã lần dò cách nào đó, dắt díu nhau từ Châu Đốc lên Đế Ngạn, dọc đường truyền tai nhau, một thành mười, mười thành trăm. Vĩnh Xương đã cố gắng hết sức mình, nhưng chàng tự hiểu khả năng giới hạn của mình khi mỗi tình huống bệnh tật đặt ra một vấn đề mà chàng hoặc chưa có kinh nghiệm, hoặc chưa thực sự thấu đáo. Chàng cũng phải dành thời giờ giải quyết việc riêng tư. Những người quen biết với Phước Xuân Đường trước đây, những người đồng hương đồng hội, những người từng làm ăn hay có

ân oán nợ nần với cha chàng... Mỗi người như một sợi chỉ trong tấm thảm dệt nên xã hội Đế Ngạn trước đây mà chàng cần phải nối lại, nhưng rút tới sợi nào cũng rối mù. Chàng biết là cần nhiều thời gian để dệt lại tấm thảm mới từ những sợi chỉ chàng đang cố gắng cẩn thận ý tứ dò từng chỗ gút.

Thế rồi trên khắp sông rạch lại đồn rằng Phật Thầy ở Phước Xuân Đường không phải là Phật Thầy, mà là ông chủ Phước Xuân Đường. Còn Phật Thầy thật thì đã đi tới Vĩnh Long, mà hình như bị bắt giam rồi. Bậy, bắt là hồi ở chùa Bạch Mai. Sau đó Phật Thầy được hộ tống về miền Tây. Không biết đi đâu, nhưng mà có tới Vĩnh Long. Khi ông Thiểm và Bình tới rạch Bến Nghé, hai người thấy dòng ghe của những người đi tìm Phật Thầy đang đi ngược chiều. Trời tối, một số ghe kết lại để nghỉ đêm. Ông Thiểm và Bình cũng ráp vô. Trên ghe ông Bảy có một người khật khùng, cứ tự xé áo quần khi lên cơn. Ghe ông Nậm có người đàn bà bị sản hậu, cứ dây dưa ra huyết, người tái xanh và tanh rình. Trên ghe ông Thời thì chính ông bị bệnh, không biết bệnh gì, cái đầu nhức bưng bưng như ở trong óc có con chim gõ kiến mổ liên tục vô thành sọ. Ông Thời đã được ông chủ Phước Xuân Đường bắt mạch, bốc thuốc, nhưng uống thuốc thì có thuyên giảm, hết thuốc lại đau không chịu nổi. Ông Phước Xuân Đường trẻ này, nghe nói đi học ở Tây Dương, nói với ông Thời là khi phòng ốc dụng cụ

gì đó sẵn sàng thì sẽ mỗ đầu ông ra xem. Hả? Tôi nói thiệt mà. Cho nên tôi lật đật lui ghe. Nghe nói có người cũng bệnh giống tôi, Phật Thầy chỉ bảo ngồi xuống bên cạnh, mà rồi hết bệnh, không mỗ xẻ gì hết. Cho nên tôi phải đi kiểm Phật Thầy thiệt, chứ không phải ông Tây học này.

Buổi sáng, sau khi nhường đoàn ghe quan giọng buồm từ cửa Cần Giờ vào, đoàn ghe của ông Thời, cộng thêm ghe ông Thiểm và ghe Bình, được một chục chiếc chẵn, quay về miền Tây. Trên đường họ thâu nạp thêm một chục người bệnh và thân nhân không có phương tiện đi lại trên sông nước. Bốn người trên ghe ông Thiểm, hai người trên ghe của Bình. Hai người này nói xuống họ bị phá nước, nhằm lúc ghe lớn của quan đi ngang, xuống họ chìm luôn. Nghe nói đó là ghe quan Kinh lược vừa từ Huế vào. Chắc sắp có nhiều chuyện đảo điên, nhưng mà kệ, dân đen như mình, sóng to thì tránh vô bờ, chìm xuống thì đi bộ. Được Bình cho quá giang, mừng quá. Cả đoàn đều khắp khởi hy vọng, vì ông Thiểm xác nhận Phật Thầy có thiệt, chính ông đã từng chèo ghe đưa Phật Thầy vô giữa cánh đồng năng rồi ở trồng cả tháng. Để làm gì hả? Ờ... tôi móc củ năng. Ăn củ năng hết bệnh à? Ờ. Chắc là nhờ ơn phước Phật Thầy, chứ hồi giáp mùa đói quá tui cũng móc củ năng, ăn riết cả nhà ỉa chảy ra cứt trắng nhách. Bình không kể chuyện tích gì, mặc dù anh xác nhận có biết Phật Thầy, có đi theo Phật Thầy một thời gian. Để làm gì? Bình lắc đầu. Anh không

làm gì để làm gì hết. Anh cũng không nhớ Phật Thầy có nói hay không nói là phải làm cái gì để làm cái gì. Anh chỉ im lặng chèo ghe, nếu không vững tay chèo thì ghe này va chạm ghe kia trong đoàn, cực lắm. Khi có gió mấy ghe lớn như ghe ông Thiểm giương buồm lên, mấy ghe nhỏ như ghe Bình nương theo, cả đoàn ghe chạy băng băng coi đã lắm. Đó là lúc Bình thấy sương. Hai tay treo sau gáy, chân vắt trên mạn ghe, trong tư thế nửa ngồi nửa nằm, miệng nhai một cọng sậy cho đỡ khát, Bình nghe gió mang mùi sông mơn man khắp thân thể.

Về ngang Thông Hội đoàn ghe dừng, ai nấy lên bờ chơi. Bình chui vào khoang giữa nằm sải lai, ngủ một giấc đến khi ông Thiểm ghé qua chia gạo muối. Hai người đi nhờ ghe cũng vừa quay về. Một người khi không bị cứng cổ, một người bị sinh bụng, ăn gì hay không ăn gì cũng sinh bụng. Hai người kể chuyện lên bờ, hơi thở có mùi rượu. Đời bây giờ dễ sợ. Đàn bà gì dữ quá. Cả hai đã vô quán nhậu, nghe người ta đang xì xầm. Bả ra bến gạ mấy chủ ghe xin quá giang về Vĩnh Long. Có một cha nội kêu bả lên ghe, sàm sỡ sao đó bị bả đập trúng dái la bài hải. Bả đi khắp chợ chửi bới thôi rồi. Ba thằng trời đánh ở quán nhậu bèn rình theo bả về cái chòi bả ở. Tụi nó cá cược với đám bạn nhậu sáng mai hát khúc khai hoàn. Đám bạn chờ tới trưa hồng thấy gì, thử vô chòi coi sao. Vạch lau lác vô tới nơi thấy cái chòi đã sập, giờ phên lá ra thấy đủ ba thằng đã chết cứng, mắt trợn trắng. Thôi, khỏi kể chi

tiết thi thể tụi nó, có chỗ bị cắn bị cạp lòi xương, ghê lắm. Quan binh truy nã hôm nay mà chưa bắt được thủ phạm, nhưng chắc bả còn luẩn quẩn đâu đây, chưa nghe ai mất ghe xuống. Có người ban đêm thấy một con cạp cái vờn qua vờn lại mé rừng, khi thì thấy một người đàn bà lớn vờn. Chắc là cạp cái thành tinh.

Không rõ Bình có nghe không, về mặt thờ ơ như mọi khi. Ông Thiểm thì nghĩ ngay đến chị Hai, hoảng hồn nín thinh. Ông hiểu ra tại sao những người ông đã gặp ở đây lần trước đều có vẻ lảng tránh khi ông vẫn tỏ ra hào phóng như đã từng. Nhiều người trong đoàn ghe bàn nên di chuyển ra giữa sông, hoặc cách bờ xa xa, để nghỉ đêm. Ông Thiểm biết chắc mình không ngủ được. Căn bệnh nhức đầu hình như tái phát, hoặc lây mới lại từ ông Thời. Cũng tại ông đưa chị Hai tới đây. Cũng tại ông bỏ chị Hai lại đây. Mới ra nông nổi này. Ông biết nói với Bình sao đây. Quen biết nhau từ trước tới giờ, ông Thiểm dần dà yêu mến người đàn ông củ mì củ mì, nhứt mực thủy chung này. Ông biết đàn ông mà, nhiều người cũng đang hoang, đứng đắn, thương vợ. Đi đó đây thấy bao nhiêu đàn bà con gái mà vẫn thờ ơ như Bình thì cũng có vài ông, nhưng thương nhớ vợ từng khoảnh khắc thì ông Thiểm mới thấy có một là Bình. Ông cho là cũng đáng, vì chị Hai là người đàn bà hiếm hoi ông được gặp trên đời có một bản lĩnh mà ông thấy đáng nể. Gắn sáng ông qua ghe Bình đánh thức ba người đàn ông dậy, biểu họ qua ghe của ông, nói

với mọi người tiếp tục đi tìm Phật Thầy, riêng ông có chút việc phải quay lại Thông Hội. Ông chèo ghe của Bình đi khi chân trời mới ửng hồng. Đến sáng đoàn ghe tiếp tục ra tới vàm thì bị quan binh đón đầu bắt hết.



Ông Thiểm tấp ghe vào doi đất mọc um tùm lau lách. Bọn du thủ thường cất chòi ở những nơi đất mới bồi, chưa có chân, có thể chưa có chủ. Ông lội từ từ vô đất liền, tay quơ cây chèo để khua lau cỏ cho rần rít và các loại động vật khác di tản trước khi ông đưa chân bước tới. Ông quần một lúc thì tới một chỗ có thể trước đó có dựng một cái chòi. Mấy khúc cây có thể từng là cột bị gãy hay ngã, mái lá sập xuống. Mấy khúc cây chắc là củi chưa cháy hết nằm ở rìa một đồng tro tàn khá lớn, ngổn ngang xương cá và xương động vật nhỏ. Phên lá te tua và tàn tro vương vãi trên mấy miếng ván kê có thể nằm hay ngồi được. Ngoài ra không có máu người hay cái gì khác gây chú ý về một nơi từng xảy ra án mạng. Xem xét xong ông Thiểm tiếp tục đi sâu hơn vào đất liền. Mặt trời lên ngọn cây thì ông đứng trước những cánh đồng lúa bát ngát, có chỗ nhuộm vàng như sắp chín, còn lại vẫn màu xanh mướt mà của bông lúa mới trở đồng đồng. Rải rác trên tấm thảm lúa phẳng lì đến mút tầm mắt này là những túp nhà với vài ba cây thốt nốt chung quanh. Bức tranh thơm tho êm đềm này khiến ông Thiểm nhớ nhà. Ông đứng lặng ngắm đồng lúa một

lúc lâu, suy nghĩ vì sao có những vạt lúa cao vượt lên, thực lòng muốn lợi tới chỗ có những cây lúa chín sớm xem xét. Ông biết hơn ai hết ở đây trồng lúa canh theo mùa nước lên, chiều cao cây lúa quan trọng, và lúa chín sớm hay trễ vài ngày ảnh hưởng đến gặt hái dữ lắm. Nhưng đây là đồng lúa của người ta. Tự nhiên ông cảm thấy cay đắng. Ông cũng có ruộng bể bể, mắc gì ra đây đứng ngó ruộng người ta mà thêm. Ông cũng có vợ con đầy nhà, mắc gì ra đây tìm một người đàn bà đã biến mất sau khi giết người? Cõi lòng nặng trĩu, ông Thiểm nhắm hướng có cây dái ngựa rất cao, vừa bước đi vừa suy tính.

Người bán bánh trái xôi chè ở cuối chợ không biết ông, vì những lần trước ông chỉ mua gạo đậu khô mắm trà thuốc phía đầu chợ gần bến. Ông ngồi xuống sạp tre mua bánh ú ăn đỡ đói, chợ đã vắng, quán chẳng còn nhiều món để lựa. Ông mua hết luôn xâu bánh ú chẳng ngon lành gì để lấy lòng bà bán quán. Rồi hỏi bà cái chuyện cộp thành tinh đột lốt đàn bà dụ dỗ đàn ông ra chòi ăn thịt dẫu đuôi ra sao, ông mới nghe lom bôm chưa thông. Bà bán quán hỏi ông nghe ai nói? Ờ thì mấy tay nhậu trong quán dưới bến. Ồi hơi đâu mà nghe mấy thằng trời đánh không chết đó, có mà bán lúa giống. Người ta lỡ đường, không giúp được thì chớ, còn rêu rao bậy bạ gieo tiếng dữ cho khổ người ta. Đạo trước có một bà, trẻ không trẻ, già không già, vóc dáng mặt mũi coi cũng được, bị mấy thằng trời đánh đó chọc ghẹo. Bà không đếm xỉa gì

chúng, nhưng đứa nào xán tới gần thì coi chừng à. Có mấy thằng bị bả đá cho giập dái, không biết còn có con nổi không. Chắc bả có võ, hay có Trời Phật độ. Bả muốn về Vĩnh Long thăm con mà không có tiền, xin đi nhờ không được, bả lên đại lên ghe, bị kéo xuống hoai. Gần đây không thấy bả nữa, cầu Trời cho bả đi về xứ trót lọt. Đàn bà bơ vơ giữa đường khổ lắm. Tui mà không cho bả ăn chắc bả chết đói luôn.

Ông Thiểm vui quá, bỏ đi xuống bến quên xách theo xâu bánh ú khiến bà bán quán phải chạy theo đưa. Bà hỏi ông Thiểm chở bộ ông có bà con với bà đó à, cho tui gởi lời thăm nhen. Ông Thiểm không biết nói sao. Có gì ông không nhận là có quen với người đàn bà như chị Hai? Nhưng nét mặt điệu bộ của ông đã tự tố cáo với bà bán quán. Những người biết ông đã cùng chị Hai đến đây rồi bỏ chị lại đây hẳn là lảng tránh ông vì một điều đơn giản, đàn ông gì mà đối xử người đàn bà đồng hành với mình như vậy? Dù tự mắng nhiếc mình, ông Thiểm vẫn mở cờ trong bụng, và trên môi nở ra một nụ cười, ai thấy chắc tưởng ông ngố. Ông cũng ngố thiệt, tay xách xâu bánh ú, đứng trên bến ngó ghe xuống lui ra tấp vô, thằng thốt vì không kiếm được chiếc ghe của mình. Một lúc lâu ông mới nhớ ra mình đã đổi ghe cho Bình, còn chiếc ghe của Bình thì ông đã tấp vô một doi đất. Nghĩ tới cảnh phải băng đồng trở lại đám lau để lấy ghe ông thấy oái, nên mướn thằng nhỏ chèo đò đưa mình đi dọc bờ lau. Thằng nhỏ nói nó chỉ đưa ông

tới gần gần, đủ để ông tự lợi vô, chứ nó không dám vô bờ đâu. Ở đó có một con cạp thành tinh, chuyên bắt người ăn thịt. Có một bà khùng ở trong cái chòi hoang trên doi đất đã bị cạp tha đi, biệt tăm vô tích luôn.

Ông Thiểm về đến nhà, mọi việc vẫn như trước khi ông bỏ nhà ra đi. Chùa Phật Ngồi vẫn còn nhang đèn bá tánh đến cầu xin buôn may bán đắt, tìm được của đã mất, gặp lại người đã mất, và những phước lộc mà người buôn bán ở chợ và dân trong đồng có thể mong muốn, hy vọng. Vợ ông nghiêm nhiên trở thành bà Phật Ngồi, với nghĩa là bà chủ chùa Phật Ngồi. Chỉ có một biến cố đã xảy ra là người con trai út của ông muốn vợ. Theo yêu cầu của đảng gái là phải có người lớn bên đảng trai qua nói chuyện cưới xin. Nó bèn xách ghe đi kiếm cha về. Nay ông về tới nhà, còn thằng Út ở đâu không ai biết. Bỗng nhiên nhà cửa xôn xao, mọi người một kiểu nhặng xị bày tỏ sự quan tâm. Nó đang ở đâu? Nó nói nó đi Châu Đốc tìm cha mà. Ủa, cha con không gặp nhau à? Sao ông biết thằng Út đi tìm mà về? Nó có bị gì không? Ghe dò sông rạch bây giờ nguy hiểm lắm, lại dịch bệnh khắp nơi. Sao không ai cản nó? Ông đi chán thì ông về chứ kiếm làm gì? Vợ con có là gì đối với ông? Câu cuối cùng là của vợ ông. Ông điên tiết quát lên một tiếng mà ông cũng không hiểu là tiếng gì, nhưng có tác dụng tức thì. Cả nhà im re. Ruồi cũng không dám bay. Ông lại bù đầu sắp xếp lại những việc đã bị vợ con ông xáo trộn hết nhân lúc ông vắng mặt.

Lớp cử người đi Châu Đốc tìm thằng con, lớp qua nhà gái nói chuyện phải quấy, định ngày cưới hỏi, sính lễ, vãn vãn. Rồi đi thăm đồng. Ông men theo bờ ruộng ra giữa đồng lúa, hằm hè đòi vắn cổ mấy thằng con trai với mấy thằng rể. Chúng làm ruộng kiểu gì mà cỏ mọc khít mít, chỗ đâu cho lúa đẻ bụi. Vụ sau ông cho mướn đất hết. Thà để ruộng cho người biết thương lúa mần, nộp tô cho ông nuôi lũ con ăn rồi chơi đá gà, đỡ bụng mình hơn. Ông đi qua đi lại đi vòng vòng quanh ruộng lúa, người nhà không biết ông mắc cái gì. Ông cũng không biết. Chỉ khi mỗi chân ngồi bệt xuống đất, ông mới thấy đầu óc sáng tỏ ra. Mỗi người kể một câu chuyện không giống nhau, ai đúng? Thực sự bây giờ chị Hai ra sao?

Bữa đó chị Hai trốn vô đám sậy khi thấy ba thằng trời đánh ồn ào đi về phía chòi. Chúng say xin, thách đồ nhau, vô chòi kêu réo chị Hai, đập sập chòi, lũng sục chung quanh, bắt được mấy con vịt trời, đem nướng trui luôn trong đồng lửa chị Hai nhóm để nướng con cá mà chưa kịp ăn. Chúng ăn nhậu tới khuya, thi nhau gắm rú như sói tru cộp rống, rồi lăn ra ngủ như chết. Chị Hai lội dọc theo bờ, trời đầy sao nhưng dọc bờ lau sậy tối thui. Chị bơi vào một con rạch, cứ bám theo lau lách cho khỏi bị cuốn trôi xa bờ. Lúc bơi lúc nghỉ, chị không nghĩ mình đang làm gì, chỉ khoái tự do bơi trong nước mát rượi. Đôi lúc chị thả ngửa người trên mặt nước, trôi bễnh bồng, hình như ngủ thiếp đi một lúc, vì chị mơ thấy mình gặp con trai, thằng Hà Vĩnh Long đã cao lớn, vượt hơn mẹ một cái đầu. Có lúc tỉnh giấc chị thấy hai con mắt mèo chăm chú nhìn mình. Chị thấy lạnh, co lại trong tấm chăn đang quấn quanh người, thiếp đi.

Những người đã vớt chị lên ghe là thấy trò thấy Sáu đang trên đường đi qua Nam Vang để từ đó qua Xiêm, xuống Penang. Hai con mắt mèo là mắt của cố Hy. Con trai chị Hai không nhận ra mẹ mình vì đêm tối quá, và

lại nó ngồi trong một chiếc ghe khác. Đoàn ghe tản mác, âm thầm di chuyển ban đêm, theo những con rạch nhỏ, qui ước là nếu báo động thì mỗi ghe chạy một hướng, nếu bỏ ghe mỗi người chạy một hướng. Ban ngày mỗi ghe tự kiểm chỗ núp và nguy trang. Mỗi chặn đường có một điểm qui tụ sau khi tản lạc. Đêm không thắp đèn, bơi theo mật hiệu là tiếng chim bìm bịp hay tiếng cò qua gì đó tùy đêm. Sự cố xảy ra ở ghe nào thì tự giải quyết nếu có thể, nếu không thì phát tín hiệu cầu cứu. Ghe cổ Hy có hai học trò thay phiên nhau chèo, vớng phải chị Hai, vớt chị lên, lu bu một lúc mới chèo tiếp, nên gần sáng vẫn còn cách xa tụ điểm. Dù vậy vẫn phải kiểm chỗ núp, phủ cành lá nguy trang. Chị Hai thức dậy lại tưởng mình đang chiêm bao khi thấy hai con mắt mèo vẫn nhìn mình. Nhưng con vật đó không phải con mèo, mà như một quái vật trùm từ đầu xuống chân, chỉ lộ đôi mắt, cái mũi khoằm khoằm, cái miệng mỏng, hai mép nhếch lên, có vẻ dọa chị Hai hơn là mỉm cười.

Đây là lần đầu chị Hai tận mắt thấy một cổ đạo Tây phương, nhưng kinh nghiệm theo ông bà Tư trốn lánh quan binh bắt đạo thì chị từng trải. Hai học trò mừng lắm, vì sợ vớt nhầm người ghét đạo thì phiền phức. Hai đứa chèo cả đêm nên ăn sáng xong lăn ra ngủ. Trên ghe có nước uống và lương thực không cần nấu. Chị Hai ăn một chút, uống một chút, ngồi xếp chân bánh ít nhìn phía trước. Đối diện chị, cổ Hy cũng ngồi im. Tuy chị không

biết ông xếp giò căng như thế nào bên trong lớp áo chùng lủng thùng. Nhưng chị thấy ông hao hao giống ông Phật trên cồn hoang, giống ở chỗ đôi mắt sáng có vẻ nhìn chị mà dường như không phải nhìn chị. Và ngồi gần ông một lúc chị hết sợ, thấy yên tâm. Chị nghĩ mình có thể ngồi ghe cùng ông này đi chơi một quãng đường, chắc vui. Nhưng người dẫn đường của đoàn sau khi điểm danh các ghe đã dứt khoát không cho chị Hai đi cùng. Ông ta giải quyết bằng cách cho chị sang một ghe khác có hai học trò khác và một người dẫn đường khác. Chiếc ghe này tách ra, quay lại Thông Hội, rồi tiếp tục hướng về phía sông Vàm Cỏ. Hai người học trò này bệnh, không thể đi tiếp, phải trở về nhà ở chợ Đũi.

Chợ Đũi đông vui hơn chợ Thông Hội, chị Hai đi thơ thẩn không bị ai chọc ghẹo. Có nguyên một dãy sạp bán lụa, đũi, vải vóc thật là đẹp. Chị không có ý mua sắm, mà cũng không có tiền mua, chỉ đáp lại chào mời của người bán hàng bằng nụ cười hồn nhiên. Đi loanh quanh cũng hết chợ, chị Hai đi trở về hướng chị người thấy mùi sông theo gió thổi tới. Chị đi tới một cái sạp lẻ loi bên một lối mòn có vẻ là đường xuống một bến đò. Dưới mái lá có giăng một chiếc võng, một người đàn bà ngồi đưa võng sau ba cái thúng đựng khoai lang khoai sọ khoai từ còn bám sinh đất. Khoai chín được bày trên một cái rổ để trên một nồi nước tỏa khói nhẹ nhẹ đủ thơm mùi lá dứa. Tiếng người ú ớ như nói sảng trong

võng, người đàn bà lo lắng buồn bã. Chị Hai ngồi xuống mép sạp khế nói tôi ăn một củ khoai nha. Chị bán khoai nói cứ ăn đi, rồi chồm qua võng nghen ngào gọi con ới con. Đứa con trai nằm thiêm thiếp, mắt nhắm, tay chân xuôi lơ. Chị Hai nhìn là biết đang bị sốt cao. Chị bèn chạy te te xuống bờ sông, nhổ cây lấy rễ, bứt lá, lại cời cái áo cánh nhúng nước, chạy trở lại sạp khoai. Chị bỏ nắm lá rễ cây vô nồi nước đang hấp khoai, thổi lửa cho cháy bùng lên, lấy cái áo ướt lau mình mấy đứa nhỏ. Chị Hai hơi giựt mình khi thấy mặt đứa trẻ. Chị bán khoai lúng túng, không biết nên cản hay nên phụ một người xa lạ tự đứng nhào vô chăm sóc con mình. Chị Hai nói tui đã nuôi con, tui biết, lau mình nó liên tục, kéo nó nóng quá động kinh.

Kế bên sạp có cái thùng nước để châm vô nồi hấp khoai, hai người đàn bà cứ thay phiên nhau nhúng nước cái áo của mình đem lau đứa nhỏ, rồi cho nó uống nước nấu mớ lá rễ. Khi đứa nhỏ ngủ êm rồi, chị Hai ngồi xuống sạp ăn một củ khoai. Chị hỏi giọng vô tư ba đứa nhỏ đâu. Chị bán khoai chạnh lòng, không muốn nói, nhưng tự nhiên bụng dạ lại trào ra: Tui khổ lắm, đẻ con ra trong lúc chống đi mần ăn xa chưa về. Tới hồi ảnh về thì mắc chứng khủng hoảng điên điên. Điên mà cũng bị bắt, không biết tội gì. Tui đâu có thể bỏ con bỏ chợ mà đi kiếm ảnh. Giờ cũng không biết ảnh ra sao, ở đâu. Thôi thì có Trời Đất biết, mình ăn ở phải trong hoàn cảnh của mình, ai có

phần số người nấy. Chỉ cầu cho con được khỏe mạnh, có ăn có mặc là mừng. Chị Hai nhìn gương mặt đứa nhỏ ngủ, giống y chang gương mặt thằng Hà Bá Chùa lúc cỡ tuổi này, khiến chị cũng quặn ruột nhớ con. Chị bán khoai thấy chị Hai ngắm con mình có phần tự hào nói nó giống y chang cha nó. Ảnh người miệt dưới, An Giang Châu Đốc gì đó, lưu lạc tới đây, mượn khoai tui ăn để đóng một chiếc ghe, rồi ở lại đây chèo ghe chở hàng hay đưa người qua sông. Thằng Tấn này cũng có nốt ruồi dưới dái tai như cha nó nè, chị thấy không?

Người đàn bà ở trong tư thế nào mới nhìn thấy cái nốt ruồi dưới dái tai người đàn ông. Chị Hai đã giữ cái nốt ruồi đó như một bí mật, thậm chí không nói cho chồng biết anh có nốt ruồi đó. Chẳng lẽ người khác cũng có nốt ruồi như vậy, hay đàn ông đều có, và chỉ người đàn bà được anh ta bồng bế trong lòng, ghì rịt đầu anh ta vào hai vú mình, mới nhìn thấy nốt ruồi đó? Chị Hai ngần ngừ không nghe chị bán khoai nói gì. Đường như một ngọn sóng tràn bờ bất ngờ phủ chụp lên người chị, lôi chị vào một con xoáy nước, chị vùng vẫy theo bản năng, trôi lên, kháng cự, bơi trở vô bờ bình an, nhưng nhận ra bức tường thành mình kỳ công xây trên bờ đã tan thành cát. Chỉ còn cát như cát thôi. Chị Hai lăm bắm người giống người là thường mà. Cha đứa nhỏ này không phải cha thằng Hà Bá Chùa, chồng chị bán khoai này không thể là Bình của chị Hai. Làm sao biết được? Biết được để làm gì?

Chị Hai đứng dậy, đi thất thểu thất thểu xuống bến đò, hít hơi vào căng buồng phổi gào ra giữa sông. Bình ơi.

Về ngoại! Anh em Liêm Tôn không cảm thấy lưu luyến Kinh đô chút nào khi nghe mẹ nói đi về ngoại. Hành trình từ Huế đến Vĩnh Long là cả một cuộc phiêu lưu đối với hai đứa con trai và đứa con gái đang tuổi mười mấy. Hai cậu háo hức tưởng tượng cảnh trí dọc đường cái quan khi dong ruổi trên lưng ngựa. Tôn có thể còn ngồi trong xe hay kiệu với mẹ và bé Tư, nhưng Liêm thì chắc chắn phải được cỡi ngựa. Năm xưa mấy mẹ con ra Huế để đoàn tụ với cha, Liêm hãy còn nhỏ, nhỏ hơn cả Tôn bây giờ. Nhưng thỉnh thoảng cũng được mẹ cho cỡi ngựa một quãng đường không gai góc lắm, thường là những quãng băng qua đồng bằng, làng xóm trong thung lũng, hay làng chài ven biển. Những lúc đó, trên lưng ngựa, cậu nhỏ Liêm nghe dậy lên trong lòng những cảm xúc hân hoan, yêu thương, ngưỡng mộ, tự hào hòa quyện với nhau trong khi đầu óc được mở ra với núi cao biển rộng sông dài, và hiểu sâu sắc cụ thể mấy chữ giang sơn gấm vóc. Bà Giản cũng thích đi đường bộ, dù vất vả ăn quán ngủ đình, vì bà cũng xúc động trước cảnh trí hùng tráng của dãy Trường Sơn, nhút là từ trên lưng những ngọn núi đó nhìn ra biển bao la xanh ngắt. Bà chỉ ngồi xe cho ngựa kéo khi quá mệt. Phần lớn hành trình bà cùng các con để

chính bàn chân mình đo chiều dài đất nước. Nhưng ông Giản nói ông sẽ đi thuyền để kiểm tra các cửa sông và cảng dọc bờ biển. Cũng là một kinh nghiệm mới cho các con. Bà Giản không sợ sóng biển, nhưng có phần ngán ngẩm khi bị bó chân trên thuyền nhiều ngày. Bà cho đem theo khung dệt, và khi thuyền vào cửa Cần Giờ, bà đã dệt xong nhiều tấm vải để làm quà cho cha mẹ chị em.

Vĩnh Long đón mẹ con bà Giản khi ôn dịch còn luẩn quẩn đâu đó, dù cơn ác mộng tưởng đã qua. Chợ hầy còn lèo tèo những khách bán mua vôi vàng, nhiều người còn quần khăn kín mặt khi ra đường. Kinh thành cũng có người bệnh, nhưng bà Giản không ngờ Vĩnh Long thâm như vậy. May là cha mẹ anh em bà đều khỏe mạnh, nhưng bà con hai họ đều có người bị ôn dịch bắt. Người ta nói đến một thầy thuốc bỗng xuất hiện, chỉ cho người bệnh uống nước nấu lá cây hòa tàn tro mà trị được thổ tả, được gọi là Phật Thầy. Tại sao Phật Thầy? À, người đó trị bệnh tài như thánh, bệnh điên khùng quỷ ám, thư, bấu... gì cũng hết, nhiều khi chỉ bằng mấy lời khuyên như lời Phật dạy: bớt ăn thịt uống rượu, đừng hại nhơn giết vật, sống hiếu hòa. Thiệt ra những lời khuyên dạy của Phật Thầy cũng do người ta truyền miệng lại thôi. Nhiều người bệnh được Phật Thầy cải tử hoàn sinh đã xin đi theo làm đệ tử. Vây quanh Phật Thầy bây giờ vòng trong đại đệ tử, vòng ngoài tiểu đệ tử, ít người ở xa đến được tiếp xúc trực tiếp với Phật Thầy, được nghe chính lời Phật

Thầy nói. Dù sao trừ được ôn dịch và khuyên dân ăn lành ở hiền cũng là điều tốt.

Xong chuyện ở quê nhà, bà con lại xúm nhau hỏi thăm dưỡng Năm. Bà Giản nói ông được vua thuận cho vào Nam để cùng đại thần Nguyễn Tri Phương tổng thống quân vụ lục tỉnh. Ông Giản lo rằng quân đội hiện nay mà không canh tân thì khó chống đỡ bọn Tây Dương nếu chúng lại tấn công lần nữa. Lục tỉnh là nơi có điều kiện canh tân hơn ở ngoài Quảng hay ngoài Bắc. Nhưng xem ý vua không muốn ông Giản ở xa triều đình, nên bảo ông làm Kinh lược lục tỉnh, để còn ra vào kinh đô cho vua gặp. Ông Giản đã xin hưu và vua đã hứa xong việc này sẽ xét tới. Hiện giờ ông Giản đang ở Gia Định, mẹ con bà Giản về thăm ngoại trước. Dù thế nào, lần này gia đình về quê là tính bề ở luôn, lo cưới vợ gả chồng cho con cái. Bà Giản chưa dứt câu thì khắp trong nhà ngoài sân dậy lên tiếng bàn vô tán ra, giới thiệu người này mai mối người nọ. Bao nhiêu con mắt hướng vào anh em Liêm Tôn và bé Tư trăm trở khen nào mau lớn, nào vùn vùn, khiến những ký ức tuổi thơ ở quê ngoại đột nhiên tan biến, thay vào là nỗi bối rối cực kỳ, không biết chui vào đâu để trốn.



Quan phụ tá nói với quan Kinh lược đây là mã ngựa. Ông Giản thấy một gò đất cao cao xanh um cây cỏ, phẳng

phất khói hương và vắng vắng tiếng người khóc. Ông biết sau khi loạn Khôi bị dẹp, tất cả trẻ già trai gái trong thành Phiên An đều bị giết và chôn chung một chỗ. Ông không quan tâm chỗ nào, không có việc gì đến một nơi như vậy. Hôm nay ông kiểm tra xong đồn Chí Hòa, muốn đi tắt qua làng Minh Hương. Thì ra mà nguy nằm trên đường đi. Ông có biết dân gian đồn đãi về những tiếng khóc than đêm đêm vang vọng khu mà nguy, nhưng bây giờ là ban ngày ban mặt, ma quỷ nào nỉ non thê lương như vậy? Ông dừng ngựa, vạch cành cây đi tới chỗ có khói nhang tỏa lên. Những người đang quỳ lạy khóc than ngừng bật, trừ một bà già tóc bạc phơ vẫn nức nở. Trên mặt đất bày hoa quả bánh trái heo gà nhang đèn. Trừ bà già và vị sư tụng kinh, mọi người đều mặc áo tang. Ông Giản mặc áo vải, không giương tàn lọng, Vĩnh Xương không am hiểu về nghi thức quan quân, nhưng cũng cẩn thận trước một đoàn người ngựa bất ngờ xuất hiện. Chàng bước đến chào và giải thích. Cha chàng xưa là lang y ở Phước Xuân Đường, vào thành Phiên An để trị bệnh ôn dịch, thành bị bao vây ông không trở ra được, nên có lẽ đã được chôn chung trong mã này. Bà nội, mẹ, em gái và vợ con chàng đến nay mới có thể về đây chịu tang. Biết là mười mấy năm đã trôi qua, án oan đã hủy, Phước Xuân Đường đã phục hồi, nhưng trong lòng người mẹ, người vợ, và con cháu của người bất hạnh, nỗi đau còn sống thì còn đau. Nên đến đây than khóc một lần cho người.

Ông Giản ngắm người đàn ông suýt soát tuổi trung niên đứng trước mặt. Trong áo mao đại tang, nét mặt buồn và lo, tuy ánh mắt trầm tĩnh, cái nhìn thẳng thắn, Vĩnh Xương không có gì đặc biệt lắm. Ông Giản bảo đưa giấy mực lại, ông viết nhanh mấy dòng, đưa Vĩnh Xương bảo ông có mấy chữ để viếng, nhờ chàng đọc lên. *Kiếp phù sinh như hình bào ảnh/ Có chữ rằng vạn cảnh giai không/ Ai ơi lấy Phật làm lòng/ Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.* Vĩnh Xương đọc xong cúi đầu tạ ơn, xin hỏi khách có phải người từng quen biết với phụ thân mà người con bất hiếu chưa được biết. Ông Giản nói khi còn nhỏ ông từng được lang y ở Phước Xuân Đường chữa dứt chứng sài đẹn. Nhưng ông không nói mình là ai. Chỉ vái mả ngụ một cái rồi lên ngựa cùng đoàn tùy tùng đi tiếp về đình làng Minh Hương. Ông chọn địa điểm đó làm nơi gặp các thân hào nhân sĩ các bang Triều Châu, Phước Kiến, Hẹ và Quảng Đông, để từ chối tất cả những lời mời đến một bang hội nào hay một tư gia nào. Trong lòng ông vẫn thắc mắc khi nhìn những đại diện các bang hội ở Để Ngạn ngồi trước mặt. Người nào cũng áo gấm trịnh trọng, giọng nói đặc phương âm như thể mới từ thôn xóm họ đến đây. Ông Giản biết những người này sống hoàn toàn trong thế giới của riêng họ, nơi người khác tiếng nói không có cửa vào. Họ đủ giàu và tạo đủ thế lực để dựng nên và bảo vệ một thế giới như vậy qua mọi thăng trầm chính trị ở địa phương. Ông Giản thắc mắc là

Vĩnh Xương tồn tại như thế nào trong thế giới của những người này?

Ông Giản đã thấy những người trong gia đình chàng, từ vẻ mặt đến cử chỉ, tất cả lớn nhỏ đều biểu hiện rất điệu văn hóa Bắc phương. Vậy sao chàng thông thạo chữ Nôm, trong nhà có một bản *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du, và là bạn bè với Phật Thầy? Vĩnh Xương thực ra là người như thế nào? Trước khi rời Gia Định đi Vĩnh Long, ông Giản cho gọi lại Phước Xuân Đường cái túi vải đựng mấy xấp giấy có chữ đã bị tịch thu năm nọ. Vĩnh Xương hầu như đã quên bém câu chuyện liên quan đến tay nải đó, nên không hiểu món quà này có ý nghĩa gì? Và tại sao quan Kinh Lược lại quan tâm đến một vật chứng nhỏ nhất như vậy. Mẹ chàng đã tưởng quan trả lại hộp nữ trang bà đã bỏ sót lại khi ra đi vội vàng vào năm ấy. Nhưng từ từ nhớ ra vật này có liên quan sao đó với chú Tế Xương, chàng mất cả buổi chiều tư lự. Chú Tế Xương luôn luôn là một bí ẩn đối với Vĩnh Xương và cả gia tộc, trong cách sống lẫn cái chết. Vì có nhiều việc quan trọng gấp gáp khiến Vĩnh Xương phải dồn tâm trí giải quyết trong nhiều ngày liên tiếp, cái túi đựng chữ Nôm vẫn nằm im trong một hộc tủ, như một vị thuốc chàng chưa cần tới.



Báo cáo của quan sở tại đồn Thông Hội, ngày đó nhận được mật tin là có một người Tây Dương dụ dỗ thiếu niên lục tỉnh đi theo tà đạo, đang dắt díu nhau đi ngược lên thượng nguồn, quan binh đã vây bắt được cả đoàn gần mười chiếc ghe chở ba chục người. Tất cả bọn họ đều chối việc theo tà đạo. Từng người đều khai rằng họ hoặc người nhà của họ bị bệnh khó chữa nên đi tìm thầy tìm thuốc, nghe danh Phật Thấy chữ cũng chưa gặp. Họ đều thể thốt là không làm loạn. Ghe của họ được giam gần đồn Thông Hội để chờ quan trên phán xét. Nhưng qua mấy ngày lương thực của họ đã cạn, bệnh tật nặng thêm, họ có nguy cơ nổi loạn. Quan Kinh lược hỏi Tri phủ việc này được giải quyết như thế nào. Quan Tri phủ thưa là đã đích thân xem xét, nhận thấy bọn này đều già cả bệnh tật, không có khả năng làm loạn. Nhưng vì đức nhơn từ ông đã thả cả bọn sau khi dạy rằng nhà ai nấy về không được tụ tập đông đúc trên sông cản trở ghe thuyền lưu thông.

Phía Vĩnh Long đang có nạn kẹt ghe, vì hàng trăm ghe thuyền kéo theo ghe Phật Thấy. Họ tới đâu chẳng những làm nghẽn sông ở đó, mà còn khiến dân tình xôn xao, cuộc sống xáo trộn. Khi họ rời đi thì người đi theo càng đông. Quan chức địa phương chưa biết xử trí như thế nào. Quan Kinh lược đứng trên thành Vĩnh Long nhìn ra sông. Điều ông dự đoán về người được gọi là Phật Thấy không sai. Nhưng với khả năng huy động quần chúng như vậy, ông ta sắp trở thành họa hơn là phước. Những kẻ lập bè đảng,

dù giương cao chánh nghĩa hay đem danh lợi ra chiêu mộ, cũng không thể dụ được người theo đông đức vô điều kiện và trung thành tuyệt đối như dùng đức tin thần thánh. Như tà đạo bị triều đình chủ trương tiêu diệt quyết liệt lâu nay mà dân chúng vẫn tin theo. Ông Giản không nghĩ có thể cấm cản đức tin của con người, nhưng ông không phản đối lệnh vua. Với danh xưng Phật Thầy, người này có được một lá chắn văn hóa. Dân Nam hay người Thổ hay gốc Minh Hương xưa nay đều quý trọng Phật. Không thể thuyết phục dân chúng tin Phật Thầy là tà đạo, hay tin người chữa bệnh bằng nước lã hòa tro tàn nhang là mê tín, một khi bản thân họ được chính Phật Thầy chữa hết bệnh bằng cách đó. Ông Giản nghĩ có thể Phật Thầy có tài chữa bệnh, và không có mưu đồ chính trị, việc dân chúng tin theo rần rần là ngoài ý muốn của ông ta. Nhưng đã đến nước này thì phải theo nước mà lái thuyền.

Ông Thành, người lính tín cẩn của ông Giản ngày nào giờ đứng trước mặt ông trong bộ quần áo vải nâu, tóc búi trên ót, vẫn khiêm cung trả lời những câu ông Giản hỏi. Phật Thầy quả thực có hiểu biết về y thuật, chữa được bệnh cho nhiều người, bằng rễ lá cành cây cỏ. Cũng có nhiều người bệnh không khỏi, họ tự cho mình thiếu đức hay nghiệp nặng, xin theo Phật Thầy để làm lành lánh dữ. Phật Thầy không thuyết giảng gì cả. Khi không bận bịu chữa bệnh bá tánh Phật Thầy đi hái thuốc hay ngồi im. Những kẻ theo Phật Thầy truyền bá những câu như:

Sanh ra ắt phải chết đi, già thì sanh bệnh có chi lạ lùng. Tu thì đọa kiếp cáo chung, Long Hoa hội Phật ta cùng dạo chơi. Là họ cải biên lời Phật Thấy. Chữ Phật Thấy chỉ an ủi người bệnh là sanh lão bệnh tử là điều bình thường của kiếp con người. Có người bảo đã tu theo Phật thì không sát sanh, khiến nhiều người nghèo không dám bắt cá tôm có sẵn dưới sông để ăn nên chịu đói. Họ đói nên bệnh nặng thêm, Phật Thấy bảo họ rằng miễn tâm không hiếu sát, còn trên mặt đất vật này ăn vật kia để sinh tồn là điều tự nhiên. Tai tui nghe là vậy. Mà lan truyền ra ngoài thành Phật Thấy dạy: Ở trong trời đất tự nhiên, vật ăn vật miễn tâm hiền không tham. Tu hành thì dạ phải cam, nhịn ăn cứu vật mới làm Phật Tiên. Tui không để ý ai đặt lại lời thấy. Lời truyền miệng, qua mỗi cái miệng là khác đi một hai chữ. Tuy nhiên Phật Thấy có nói với chúng là ai có dư ăn thì cúng dường, để ai thiếu đói thì lấy ăn. Nay thành câu ca rằng: Một người ăn được bao nhiêu, bụng no cũng chẳng bầu diều chứa thêm. Đem cho người thiếu người thèm, phước như sông, Phật khỏi tìm đâu xa. Trong đám theo Phật Thấy có đủ thập loại chúng sanh, có người giàu, người nghèo, có người không biết chữ, và người học hành mà không đỗ đạt, hoặc không chịu thi cử. Nhưng Phật Thấy không hề nhận ai là đệ tử. Ai cũng là chúng sinh, có bệnh chữa được thì chữa, muốn theo thì theo, ai làm gì cũng kệ. Người theo Phật Thấy tự nhận là đệ tử, có khi Phật Thấy cũng không biết ai là ai.

Ông Giản bảo ông muốn đến thăm Phật Thầy, nhưng Thành đừng nói cho ai biết kẻo phiền lụy người khác. Thành đưa ông Giản lên chiếc ghe đã cũ, vốn là ghe của Thành đã đưa Phật Thầy đi từ sông Đồng Nai qua sông Vàm Cỏ, loanh quanh các thôn ấp dọc theo các kênh rạch, nay ra tới sông Cái đã có phần rệu rã, mui vách chắp vá, nhỏ bé so với một số ghe khác lớn đẹp bu chung quanh. Khi ông Giản bước lên ghe Phật Thầy đang ngồi im, mắt nhắm. Ông Giản đành ngồi đối diện, im lặng, mở mắt quan sát Phật Thầy. So với người ngồi trong nhà tù Biên Hòa năm xưa, Phật Thầy nay đã già đi ít nhiều, tóc râu lẫn vài sợi bạc, mặc áo nâu như Thành, có lẽ do Thành sắm cho sau khi chiếc áo cà sa quan ban cho ở chùa Hội Sơn đã mòn rách. Gương mặt Phật Thầy không có vẻ xa vắng như đang ngủ, mà dường như đang trầm tư. Ông Giản cảm nhận được thần khí toát ra từ gương mặt đó khẳng định sự hiện diện. Những nghi ngờ từ trước về người này tựa như hồ trên vải, tan rã trong nước một cách vô hình, khiến ông Giản nghe lòng mình nhẹ nhõm dần, tâm trí thư giãn không toan tính cảnh giác nữa. Khi ông Giản đã ngồi đủ lâu để cảm thấy bình an tin cậy, Phật Thầy mở mắt ra nhìn người đối diện.

Lúc này thiết tình ông Giản đã quên mình đến gặp Phật Thầy để làm gì. Hai người chỉ im lặng nhìn nhau một lúc. Rồi dường như nhớ ra chức phận của mình, ông Giản nói nếu Phật Thầy có cách an dân giúp nước thì xin

viết một bản điều trần, ông Giản sẽ mang về Huế dâng tận tay vua. Sau khi ông Giản trở vào thành ít hôm, Thành đem đến một cuộn giấy nói là Phật Thầy thức nhiều đêm mới hoàn tất, vì ban ngày phải lên bờ đi xa hái thuốc. Ông Giản mừng lắm, trân trọng mở cuộn giấy trước mặt Thành. Trên mặt giấy không có chữ, chỉ có những nét vẽ bằng mực đậm lợt tạo nên một bức tranh sơn thủy, có núi sum suê cây cỏ, ẩn hiện những mái nhà, xa xa thấy sông nước mênh mang, thuyền thấp thoáng, gần hơn có cây cao vừng chãi, hoa cỏ lung linh, bóng người thông thả. Ông Giản buột miệng cảm thán, thật là bửu sơn kỳ hương. Ông cuộn tấm tranh lại, nói với Thành ông đã giao cho Thành một nhiệm vụ khó khăn. Thành nói thiệt tình anh đã không làm nhiệm vụ được giao. Từ khi đưa Phật Thầy ra khỏi chùa Hội Sơn, Thành định về Châu Đốc, vốn là quê nhà của Thành. Nhưng rồi cuộc đi mỗi bước lại gặp người bệnh, Phật Thầy lại dừng bước tìm thuốc chữa bệnh. Cứ vậy mà loanh quanh tới giờ, nhưng Thành không quản ngại gì cả. Một ngày bên cạnh Phật Thầy là một ngày Thành sống yên vui, không mong gì hơn. Lẽ ra Thành phải cảm ơn quan Kinh lược đã sai Thành đi làm chuyện này. Trong lúc ông Giản trò chuyện với Thành, quan Án sát tỉnh Vĩnh Long đã cho hốt hết đoàn ghe đi theo Phật Thầy. Lý do là đoàn ghe cản trở giao thông, đến nỗi thuyền quan Án sát mà còn không thể đi qua.

Dạo ấy thuyền quan đi trên sông không ít, triều đình đang có cải tổ gì đó, các quan cứ thuyền chuyển từ chỗ này qua chỗ kia. Đoàn ghe di chuyển rầm rộ nhất là của quan Nguyễn Tri Phương từ Gia Định về An Giang trấn nhậm chức Tổng đốc. Những việc canh tân quân đội của hai ông Giản và Phương đã khiến cho một số người ở gần vua e ngại. Vua lo quốc khố trống rỗng cho ngừng các dự án đóng tàu lớn đúc súng to. Ông Phương xin thôi làm Tổng thống đốc quân vụ để đi khẩn hoang lập ấp tích trữ lương thảo, bổ sung quốc khố. Trên đường ông đi, bất kỳ ai muốn theo ông cũng được thu nhận. Chị Hai không biết gì chuyện quan, chỉ muốn về Vĩnh Long, ghe thuyền nào về đó, gần đó, hay đi ngang đó, chị đều tìm cách trèo lên. Bị đuổi xuống ghe này chị trèo lên ghe khác, cho đến khi về tới Thông Hội. Từ đây đoàn ghe đi theo quan sẽ ngược lên thượng nguồn, vòng qua Vàm Nao vào sông Hậu. Chị Hai đành xuống bến Thông Hội tìm ghe khác xuôi xuống Long Hồ. Người chủ ghe chị Hai lén leo lên bắt gặp chị không đuổi xuống mà nói ghe ông đi về Vĩnh Long là để đi theo Phật Thầy. Chị Hai nói chị từng sống trên cồn hoang với ông Phật đó. Ông chủ ghe cười khì, bảo chị xạo vừa vừa thôi.

Sau khi bị bắt lầm rồi được thả, đoàn ghe ông Thời tản ra chỗ này chỗ kia, sau thấy êm êm thì tụm lại. Họ không cần đi xa lắm vì đoàn ghe Phật Thầy đang tiến ngược dòng, có quan binh tiền hô hậu ủng. Nghe nói

quan Án sát đã nhốt Phật Thầy mấy ngày, nhưng được Phật Thầy cải hóa nên chẳng những thả mọi người ra mà còn cho quan binh hộ tống về núi Sam thể theo nguyện vọng. Nghe nói Phật Thầy đã chính thức lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, người theo đạo được phát cho một cái bùa đeo trong mình trừ được tà ma yêu quái. Nhiều người không có bùa đeo nhưng không nói chuyện đó với ai hết, vẫn nhận mình là người theo Phật Thầy, đạo gọi tên là gì cũng được, miễn là mình làm lành lánh dữ. Mấy trăm chiếc ghe, chị Hai không biết tìm Phật Thầy trên ghe nào. Những người khác cũng vậy, họ hỏi nhau có phải là đoàn ghe Phật Thầy, rồi yên chí đi theo. Chiều hôm chạng vạng đoàn ghe dừng ngoài vàm không xa Thông Hội. Bình bỗng thoáng thấy một người giống chị Hai lắm, mặc dù không trẻ đẹp như anh nhớ. Anh vội nhảy qua mấy chiếc ghe kề nhau san sát để tới ghe chị Hai. Nhưng người đàn bà ngồi ngoảnh mặt qua hướng khác. Bình ngăn ngừa khẽ gọi chị Hai. Chị không ừ, không ngoảnh lại. Nhưng gió thổi từ chị đến Bình nồng nàn mùi sông. Bình chắc chắn đây là chị Hai. Tim anh vẫn đập bình bình sau mấy cú nhảy thuyển, mắt anh mọng nước, mặt mũi đỏ lên, cổ họng nghẹn ngào không thốt được lời nào. Chị Hai vẫn không quay mặt lại, không nhìn Bình, nói như một hành khách kể một câu chuyện qua đường. Tui đi qua chợ Đũi, gặp chị bán khoai, con chỉ bệnh nặng, chống bị bắt rồi biệt tăm luôn. Chỉ khổ lắm. Ngừng một chút chị Hai quay

mặt lại thấy Bình ngồi cúi gằm mặt rồi ngoảnh đầu nhìn ra sông tránh ánh mắt chị. Chị đứng dậy leo qua thuyền khác, rồi leo qua thuyền khác nữa, leo riết lên bờ, đi miết.

Con đường mòn từ xóm vào nhà bà Mai tựa như một con rạch, ngoằn ngoèo nhiều nhánh nhóc. Con rạch nhờ nước của những mương xẻo đổ vào, con đường mòn ông Giản từng đi còn đến bây giờ nhờ vô số bàn chân đã không ngừng đi từ những ngôi nhà ẩn khuất trong xóm vườn nhập với những bàn chân đi từ xóm chợ, xóm ruộng... thành một lối băng qua sân rộng đến gian nhà học. Vẫn còn gian nhà đó, sau ba mươi năm! Bà Mai nhỏ nhẹ nói thực ra gian nhà học ngày xưa đã hoang phế sau khi cha qua đời. Gian nhà học này đã được sửa lại gần đây, khi bà nhờ được thầy Tịnh dạy chữ cho trẻ trong xóm. Trông bề ngoài thầy Tịnh không khác những ông đồ có thể gặp ở khắp lục tỉnh. Dáng ốm yếu, mặt khắc khổ, áo quần vải thô. Bề ngoài ông Giản không khác lắm lão nông dân quanh vùng, người quắc thước, quần áo vải thô. Hai người thoạt đầu chào hỏi xã giao qua giới thiệu của bà Mai. Ông Giản đi thi cùng năm với cha của bà, nhưng cha bà chỉ đậu Tú tài rồi ở nhà làm ông Đồ Thông, còn ông Giản đậu cử nhân rồi Tiến sĩ, làm quan ở triều đình. Ông Giản đỡ lời bà Mai. Ông Đồ Thông là bạn đồng môn và cũng là người ân của ông Giản. Khi

còn là một thiếu niên ông Giản đã may mắn kết bạn với ông Thông, được ông Thông dẫn về ngôi nhà này, được mẹ ông Thông cho ăn uống, được cha ông Thông khuyến khích học hành, thi cử. Từ khi bị cuốn vào chốn quan trường, thấy bạn ông Giản lướt qua đời trong lúc ông mãi bôn ba ở kinh đô. Ông hằng mong trở về đây thấp hương trước mộ thầy và bạn.

Việc một đại quan triều đình đang ngồi chuyện trò với mình sau khi quỳ lạy hai năm mộ bình thường nằm trong vườn cau khiến thầy Tịnh phải nghĩ ngợi. Thấy thường nghe triều đình Đại Nam gồm một lũ Nho học, bảo thủ, ghét Tây Dương, bài đạo Chúa. Bản thân Thầy chưa quên những tai họa mà chính sách bài đạo đã khiến thầy thân sơ thất sở nhiều năm, đến bây giờ vẫn thường sống trong sợ hãi. Như đối với mọi quan chức mà thầy bất đắc dĩ phải tiếp xúc, đối với ông Giản ngay từ đầu thầy Tịnh đã đóng vai một thầy đồ hèn mọn, đối đáp khiêm cung. Nhưng ông Giản là người có mắt tinh đời. Ông không cần đảo mắt qua chỗ thầy Tịnh dạy học và ăn nghỉ cũng thấy vài điều đặc biệt. Sau khi bà Mai ngỏ lời mời ông Giản ở lại ăn cơm, bà xin phép xuống nhà dưới trông trẻ chuẩn bị chén đĩa, ông Giản bước lại tấm phen dựng phía cuối gian nhà học, nhìn vào trong. Một cái bàn kê bên cạnh một cái giường. Trên bàn có quyển sách đang mở, mà trên trang sách không phải là chữ của Thánh Hiến.

Lúc này là lúc thầy Tịnh học tập theo gương của Cố Từ: mọi sự trông vào Chúa. Thấy thằng thần trả lời ông Giản: đây không phải chữ Tây phương, mà là chữ Đại Nam được Latinh hóa, do chính thầy viết ra, tuy nhiên thầy chưa viết xong. Ông Giản chăm chú xem, nhận ra những chữ Nôm xen kẽ với những nét cong cong ngoằn ngoèo. Ông Giản cầm sách bước ra ngoài sân nheo mắt xem từng trang. Thấy Tịnh thở ra một chút vì đã nín hơi lo ông Giản sục sạo trong buồng sẽ lôi ra thêm những tài liệu thầy cất dưới gầm giường. Bình thường thầy cất kỹ mọi thứ sau khi làm việc, ngay cả lúc đang viết cũng chỉ để tối thiểu các thứ cần thiết trên bàn. Chẳng qua nhằm lúc thầy đang viết thì bà Mai bước vào, và vì là bà Mai nên thầy không cảnh giác lắm. Nỗi lo của thầy không phải cho tánh mạng của mình, mà cho quyển sách thầy đang viết. Bà Mai có thể xin ông quan này nghĩ đến ân tình cũ với gia đình bà mà tha mạng cho thầy Tịnh, nhưng chắc là quyển sách sẽ bị tịch thu hay bị hủy hoại. Chỉ nghĩ đến điều đó ruột gan thầy Tịnh quặn thắt. Rồi như bị bản năng một người mẹ bảo vệ đứa con thúc đẩy, thầy Tịnh dậm liểu. Thấy đi nhanh tới bên ông Giản đưa tay như muốn đoạt lại cuốn sách, thực ra chỉ gồm một số thếp giấy ông may lại theo từng chương mục.

Ông Giản trả sách, vẻ mặt bình thản. Ông nói ông đã xem không ít tài liệu tịch thu được của các giáo sĩ Tây phương lưu trữ ở Cơ Mật viện. Triều đình cũng có một

số quan biết đọc các thứ chữ này, họ cũng có giải thích cho ông, tuy nhiên ông không am hiểu lắm. Mấy mươi năm trước Đức Thái Tổ đã cử người đi học ở phương Tây. Nhưng về sau này ít người chịu đi học vì triển vọng quan lộ không khá. Tuy vậy vẫn có những người có chí có tài và có lòng giúp nước đã đi học về dâng những bản điều trần. Đường kim Hoàng thượng cũng thúc thời, ủng hộ một số dự án, như đóng tàu chạy bằng hơi nước, tiếc là nồi hơi nước bị nổ, các quan thủ cựu được thể càng phản bác việc học đòi Tây phương. Xu thế bây giờ, từ quan lớn đến quan nhỏ đều a dua nhau bài đạo bài Tây, mà không có hiểu biết về những gì họ chê bai phỉ báng, chỉ lớn tiếng để chứng tỏ lòng trung quân ái quốc, mà thực ra chỉ là kêu hùa theo bầy đàn. Ông Giản bảo thầy Tịnh: thầy không cần nói thầy có theo Đạo hay không, hay thầy đã học với ai những chữ này. Biết chữ, dù chữ gì, không phải là tội. Nhưng tôi muốn nghe thầy nói về việc thầy đang làm.

Chỉ còn một cách để cứu lấy quyển sách thầy Tịnh đang viết là khiến ông quan này thấy nó hữu ích cho nước nhà. Dốc hết nhiệt tình và khả năng hùng biện thầy Tịnh giải thích một cuốn tự vị quốc âm Đại Nam là gì, tại sao phải ghi chép hết từng tiếng nói trong dân gian, và cách mượn mẫu tự Latinh phiên âm tiếng Nam cũng giống như mượn chữ Hán để viết chữ Nôm, chỉ khác là thay vì học mấy ngàn chữ Hán mới đọc thông viết thạo chữ Nôm, thì chỉ cần học hai mươi mấy chữ cái Latinh là đủ

để ghi lại bất cứ tiếng Nam nào. Chữ này ai cũng có thể học được, trẻ con chỉ cần vài tháng đến một năm là có thể tự đọc viết. Nếu có một quyển tự vị tiếng Nam đầy đủ thì chữ nghĩa được thống nhất, dân trí phát triển, nước nhà sẽ hùng mạnh.

Trong bữa cơm ông Giản chỉ nói cá kho ngon, ông thích canh chua lắm, đây là những món ngày xưa bà nội của Mai thường cho ông ăn. Có lần bà vét hết cơm cháy trộn chút nước đã sánh lại trong ơ cá kho cho ông ăn vì tưởng ông còn đói. Thực ra ông đã no nhưng vì món cơm cháy trộn nước cá kho ngon quá, ông ăn hết sạch luôn. Trước khi ra về ông Giản nói, các nước Tây phương muốn xâm chiếm nước ta là nguy cơ có thực. Họ đã chiếm đất của Nam Dương, của Thanh triều để lập cảng. Từ những nơi đó tàu thuyền của họ đến nước ta dễ dàng nhanh chóng. Họ đã đánh chìm tàu của ta ở cửa Hàn mấy năm trước. E là việc họ tái xâm phạm bờ cõi nước ta không thể không xảy ra, và cũng không lâu nữa. Ta không phân biệt người Nam hay Minh Hương, đạo Phật hay đạo Chúa, ai có kế sách gì giúp an dân giữ nước, nên lấy bá tánh giang sơn làm nghĩa lớn, dâng kế sách, viết điều trần gởi lên vua.

Thấy Tịnh không ngờ là mình suy nghĩ nhiều về lời nói của một vị quan như vậy. Một đêm trăng sáng, thấy đi qua đi lại trước gian nhà học nhỏ bé, rồi vào buồng thấp đèn, cất quyển tự vị đang dang dở, bày giấy mới lên bàn, bắt đầu viết. Trong lúc thấy đang cầm cúi viết thì

từ đâu đó vang lên tiếng người lạnh lạnh. Thấy lắng tai nghe. Tiếng ai kêu gào ai đó, nghe đau đớn như đứt ruột. Bà Mai ở nhà trong đã đi ra sân, dắt vào nhà một người đàn bà gương mặt đờ đẫn, ràn rụa nước mắt. Chị Hai, chị bình tĩnh lại. Bà Mai vỗ về người đàn bà đang khóc không thành tiếng. Ông bà Tư đã già rồi, đã được Chúa gọi về, đang hưởng an nhàn trên nước Chúa. Phần cháu Hà Vĩnh Long, là thằng Hà Bá Chừa con của chị, được Chúa sắp đặt đi theo con đường sáng, đang du học ở châu Âu. Nó là người có chí lớn, nghĩa cả. Đây nè, nó có viết thư về thăm thấy, thăm tôi, và hỏi thăm về mẹ nó. Thấy Tịnh lấy một tờ giấy ra đọc cho chị Hai nghe. Càng đi xa chân trời càng rộng mở, con háo hức chừng nào trước những điều mới lạ, càng thương nhớ chừng nấy cảnh trí quê nhà, càng mong muốn gặp lại mẹ, thấy, cô Mai và bè bạn. Nếu mẹ con trở về chỗ cũ thấy nền nhà xưa cỏ mọc xanh như trên mộ ông bà Tư, con nhờ cô Mai an ủi mẹ giùm đứa con bất hiếu này. Xin nói với mẹ con rằng con vẫn mạnh khỏe và sẽ trở về.

Chị Hai nhìn lom lom tờ giấy đầy nét vẽ ngoằn ngoèo như vết giun bò. Thấy Tịnh nói Long sẽ mừng lắm và sẽ yên tâm theo đuổi lý tưởng khi biết tin về mẹ. Sắp có người liên lạc tới, thấy sẽ viết một bức thư cho Long. Thấy hỏi chị Hai muốn nói gì với con. Chị ngần người như một kẻ câm, nước mắt trào ra như nước mọi, chảy ràn rụa xuống má xuống cằm. Thấy Tịnh dịch những dòng nước mắt

của người mẹ thành hai câu: Con giữ gìn sức khỏe. Con ở đâu lòng mẹ đang đến đó. Bức thư thấy Tịnh nói là sẽ gửi đến Long trở thành một tín vật mà chị Hai đau đầu canh chừng. Cái đêm người liên lạc đến, chị Hai rình bên vách, nghe thấy Tịnh dặn dò thơ này chuyển thầy Sáu, thơ này nhờ chuyển cho quan Kinh lược đang ở Gia Định. Như con mèo đen trong đêm, chị Hai lén theo người liên lạc xuống bến, lên ghe, cuộn tròn trong một góc. Chiếc ghe nhẹ nhàng rời bến, trăng non đã lặn, gió đung đưa bóng sậy, chị Hai ngủ thiếp đi. Khi thức dậy, chị thấy mình nằm trên võng mắc trong gian nhà sau của bà Mai, chiếc ghe và người đến rồi đi trong đêm tựa như chuyện chiêm bao.

Chị Hai ngồi dậy, thử người cố nhớ lại. Nếu việc chị leo lên chiếc ghe rời bến đêm qua là chuyện chiêm bao, thì bức thư sẽ đến chỗ con trai của chị có thực hay không. Hay con trai chị đang du học ở đâu đó cũng chỉ là chuyện chị nằm mơ. Chị đã từng có một đứa con, đã đẻ nó ra trong đau đớn hãi hùng, đã bóng ảm nó qua những cuộc chạy trốn bắt đạo, nuôi nó nhọc nhằn trong đàn áp hiểm nghèo, nó lớn lên phập phồng trong kiếp sống lênh đênh, bây giờ không biết nó ở đâu, cái tên chị hằng gọi nó cũng không còn. Nó có thực hay không? Nhớ trong những cơn nguy khốn, chị đã ôm con tự nhủ cơn ác mộng này sẽ qua. Phải chăng giờ đã qua hết, những cơn ác mộng lẫn những giấc mơ. Hà Bá Chử chỉ là chiêm bao. Bình cũng chỉ là chiêm bao. Giấc chiêm bao của người đàn bà trẻ

ngắm trăng trên bến An Châu. Chị Hai nằm xuống vồng, co chân lên ngực, gục đầu xuống gối, như cái bào thai chưa ra khỏi dạ con. Chị dỗ mình ngủ lại đi, lát nữa thức dậy lại thấy mình đang ngắm trăng trên bến An Châu.

Bến An Châu không đủ chỗ cho mấy trăm ghe thuyền cùng cập bến, đoàn ghe nối nhau dài ra đến giữa sông. Bình không lúng túng như những người khác. Anh cho ghe ông Thiểm tiến thêm một quãng nữa rồi tấp vào một bến nhỏ khuất trong um tùm lau sậy. Những người trên ghe hỏi đây là đâu, Bình nói Phước Xuân Đường. Họ nhìn quanh không thấy gì ngoài một vùng cây cỏ hoang vu. Họ hỏi tại sao đến đây, Bình nói thì đến đây chứ đâu có tại sao. Phạt Thấy đâu? Bình không biết. Từ bữa gặp chị Hai, bị chị bỏ mà đi, Bình ở lại trên ghe vì không mặt mũi nào đi theo chị, cũng không thể đi đâu giữa đoàn ghe cứ chiếc này nối chiếc kia mà tiến. Ông Thiểm đổi ghe anh đi đâu mãi không thấy quay lại. Tất cả những người chung quanh với những bệnh tật đau nhức và những câu chuyện nghe qua nói lại... không liên quan gì đến Bình. Anh lặng lẽ chèo ghe hoặc lặng lẽ nhìn nước sông trôi, không có nhiều lựa chọn giữa lúc ngược dòng sông. Nhưng lên bờ rồi, anh bỏ lại đám người lao xao bàn cãi, băng qua nhà hóng mát đã mất mái, trơ mấy cây cột còn giữ độ cao thấp khác nhau cho dây leo chằng chịt, trèo qua những đồng đồ nát đã thành lùm bụi um tùm.

Anh tìm được nền nhà long lở sau bao năm nắng mưa lũ lụt bên dưới tán một cây sanh vươn rộng nhờ rễ lòng thông từ các cành len lỏi qua kẽ gạch bong, vết tường nứt, ăn xuống đất. Anh đi loanh quanh, không vui được trở về, không buồn trước cảnh hoang phế, không tìm được quá khứ, cũng không biết làm gì bây giờ.

Nửa thức nửa ngủ, Bình thấy ông chủ Phước Xuân Đường mừng vui chào hỏi ông Hòa, dắt vào trong nhà sau khi bảo Bình nhận bộ da cạp đem vào trong. Bình đã có ấn tượng đặc biệt về người núi vác bộ da cạp đi theo ông Hòa. Bộ da cạp nặng. Người đó hằn mệt, ngồi xuống thêm Phước Xuân Đường điều hòa hơi thở. Tóc râu người đó dài nhưng là điều bình thường. Bình cũng có râu tóc, nhưng anh búi tóc trên ót, râu thì buồn buồn bứt rứt không còn mấy. Người đó không mặc quần áo, chỉ quấn một tấm vải, kiểu choàng qua một bên vai để lộ một bên vai như nhà sư quấn áo cà sa. Tấm vải màu đen, vai đeo tay nải. Ông chủ Phước Xuân Đường giữ người đó lại, cho nghỉ ở thư phòng, Bình đem cơm nước cho người đó ăn, lén canh người đó mở các hộp tủ thuốc xem xét nếm ngửi, tìm được quyển sách, chăm chú đọc suốt buổi chiều. Rồi ông chủ Phước Xuân Đường kêu Bình đi theo đỡ dẫn người đó. Anh chạy theo tới bến đò gặp một người đàn bà nói năng lung tung kéo cả anh lẫn người đó lên một chiếc đò, để rồi cả ba mắc cạn ở một cồn hoang vắng mùa mưa. Khi những giọt nước mưa rớt trúng mặt,

Bình phải ngồi dậy vạch đám rễ cây si chui vào, gần gốc cây tán dày hơn đỡ ướt. Anh cũng thắt mấy chùm rễ si lại thành một cái võng lơ lửng, phòng trường hợp rắn rít cá tôm và các động vật khác bị nước sông dâng lên lừa tới chỗ anh. Tay nắm chùm rễ si thắt nút mà nhớ chị Hai ứa nước mắt.

Phật Thầy về đến Tây An yên ổn, Thành phải báo tình hình cho ông Giản như được dặn. Tuy cũng được học chữ Nho hồi nhỏ, nhưng viết suy nghĩ của mình thành văn bản là việc xưa nay Thành ít làm, hoặc chưa hề làm. Cho nên nhiều tháng sau, những tin đồn theo Phật Thầy được cấp đất lập làng, tạm ổn định cuộc sống, Thành mới nghĩ đến việc lên đường đi Gia Định để gặp ông Giản. Khi anh đến nơi mới biết ông Giản đã bị gọi về Huế. Những quan lại cấp thấp mà Thành hỏi thăm nói là các quan lớn ở địa phương không ưa ông Giản. Họ tâu về triều đình là ông Giản vào đây cấu kết với bọn thương gia Tàu, che chở bọn theo tà đạo, kêu gọi sĩ phu bày mưu tính kế, cho tích trữ lương thực, đốc thúc luyện tập binh sĩ. Họ nói đất nước đang thái hòa, ông Giản làm như vậy chẳng là có âm mưu gì đó sao. Bọn Xiêm đã bị đánh bại hai phen đổ đám tái xâm phạm bờ cõi Đại Nam, còn bọn Tây Dương thì chẳng việc gì phải lo. Chúng từ xa tới đây, dẫn vài chục chiếc tàu, vài ngàn binh tướng, nếu ta giữ vững thành lũy, chúng không thể tiến ắt phải thoái. Ta ở đây, dân phu đông, vật thực dồi dào, cứ hào sâu thành dày, cố thủ một năm, năm

năm, mười năm, bất chiến tự nhiên thành. Tây Dương chỉ là những chiếc tàu, bắn hết đạn, ăn hết lương, chúng phải tự lui thôi.

Thành không biết mình có nên ra tận Huế. Anh loay quanh suy nghĩ mấy ngày. Buổi sáng đứng trên ghe của mình nhìn ra ngã ba rạch Bến Nghé đổ vào sông Đồng Nai, Thành chú ý một thiếu niên nhỏ choắt gầy rộc đang gồng mình giúp một người đàn bà chèo chống một chiếc xuồng con. Trên xuồng có mấy thúng khoai. Thành ra dấu gọi, chiếc xuồng khoai từ từ lại gần, chị bán khoai nhanh nhẩu chào mời, đứa bé trở mắt nhìn, không nói. Nó được chị bán khoai gọi là con, con bưng cái thúng kia cho ông xem, con gói lại mấy củ này cho ông. Con chị bán khoai ngoan ngoãn làm theo lời mẹ, nó nhỏ nhưng lanh lợi. Bán khoai xong, hai mẹ con chèo xuồng đi. Thành nhìn theo một hồi lâu rồi quyết định về nhà. Vợ con anh lâu nay vất vả nhiều. Khi xưa anh theo ông Giản, khi ông đang quyền cao chức trọng, vợ con ở quê còn được chút danh giá. Từ hồi anh theo Phật Thầy, không còn biết vợ con ra sao.



Đến tuổi dậy thì, thằng con chị bán khoai nhỏ giò lớn lẹ như măng le. Đối với người qua sông nó là thằng chèo dò, đối với người đi chợ nó là thằng bán khoai, hay

con chị bán khoai. Chị vẫn ngồi cái sạp nhỏ trên dốc bến đò, thằng con chịu khó bơi sâu vô ngọn rạch mua khoai mua chuối rồi chở ra tận sông Sài Gòn bán cho ghe đò qua lại. Một bữa nó chở một xuồng khảm chuối chín và khoai sống, vừa ra khỏi rạch gặp một chiếc xuồng lạ, người trên xuồng cũng lạ. Nó kinh ngạc nhìn những người mũi lõ mắt xanh da đỏ như vỏ cua lược đang quơ tay chỉ chỏ hay ra dấu gì đó. Họ xí xỏ xí xào, không biết là nói với nó hay cãi vả nhau. Họ kéo chiếc xuồng con của nó cặp vào chiếc xuồng to của họ, chuyển hết chuối qua xuồng họ, đưa nó một đồng bạc trắng sáng tròn xoe. Nó ngơ ngác nhìn đồng bạc trong tay mình rồi nhìn họ chở chuối của nó đi. Khi họ đã cách một khoảng xa xa, nó chèo theo. Đột nhiên qua khúc quanh nó thấy một chiếc thuyền khổng lồ, lớn hơn tất cả những tàu thuyền nó từng thấy qua lại sông Sài Gòn từ hồi nào giờ. Nó chỉ thập thò trong đám lau sậy sát bờ nhìn từ xa xa mà đã thấy chiếc thuyền quá lớn. Chiếc xuồng mua chuối của nó tới gần chiếc thuyền lớn trông chỉ như một con kiến bò bên củ khoai. Nó có phần rạo rức khi ngắm đồng bạc trong tay.

Hôm sau, nó chở cả một xuồng đầy chuối bơi lẩn về phía chiếc tàu khổng lồ. Cách xa xa đã thấy có chiếc xuồng giống như chiếc hôm qua tiến về phía nó. Cuộc mua bán cũng đơn giản. Họ lấy hết chuối và đưa nó một đồng bạc trắng. Nó cảm thấy hơi thiệt thòi vì đồng bạc

giống hôm qua, nhưng chuối của nó hôm nay gấp đôi hôm qua. Nó lắc đầu, chỉ đồng chuối, khoát hai cánh tay rộng ra, rồi chỉ đồng bạc đòi thêm một đồng nữa. Nhưng bọn người lạ chẳng buồn thương lượng, quay xuống bờ về tàu lớn. Nó chẳng thể làm gì được. Chung quanh trơ trọi một mình nó, biết nhờ ai phân xử. Bữa nay ghe dò giạt đi đâu mất. Ghe thuyền quan binh cũng không thấy. Nó đành trở dò về bến chợ Đũi, không đến nổi buồn bực lắm. Như có bữa bị sóng lớn, dò lật, nó chỉ vớt lại được một phần khoai, về tới nhà má nó nói cũng còn may.

Nó đưa đồng bạc trắng cho má. Đồng bạc hôm qua nó đã đưa ông chủ vườn chuối để đổi một ghe chuối mới. Tưởng bán hết ghe được hai đồng. Nhưng bọn Tây Dương không biết thuận mua vừa bán là gì cả, cứ một đồng bạc mà bao nhiêu chuối cũng lấy hết, không khác gì ăn cướp. Chị bán khoai nghe con càu nhàu không biết nói gì. Thiệt tình cả hai mẹ con đều không biết giá trị của đồng bạc này. Người này sầm soi ngắm nghía rồi đưa người kia ngắm nghía sầm soi. Cả hai cùng thấy nó ngộ, nên cuối cùng cũng hài lòng. Chị bán khoai kể: nghe nói hồi xưa, hồi đời ông Lớn Thượng, tàu thuyền Tây Dương ra vô cũng thường. Sau này vua không cho họ vô nữa, tàu họ tới cửa Cần Giờ là bị đuổi ra. Không biết sao nay có tàu vô được. Người Tây Dương chắc cũng là người ta, có người vậy người khác, mua bán với họ cũng phải so kè.

Hai mẹ con đang ăn cơm thì nghe ầm ầm như sấm nổ ngoài sông. Thằng con chị bán khoai bỏ đĩa xuống mâm, không kịp nghe má nó kêu, te te chạy xuống mé sông coi chuyện gì. Nó thấy chiếc tàu khổng lồ đang tiến giữa sông, chưa kịp nhìn rõ gì thì lại nghe ùng ùng như trời long đất lở. Nó nhào xuống nước lặn một hơi, khi nó trồi lên, tàu đã tiến thêm một đoạn. Nó chưa kịp vượt mặt thì lại nghe ùng ùng. Nhìn lên phía chợ nó thấy khói bốc lên nghi ngút. Nó lật đật chạy về nhà. Ngôi nhà tranh tươm tất nhờ nó biết sửa sang đã tốc mái, sập một phần. Nó chạy đến đỡ cây cột ngã thì má nó đã nằm xuôi lợ giữa vũng máu, trợn trắng hai con mắt, không ư hử gì đáp lại tiếng kêu gào của nó. Tiếng ùng ùng vẫn vang vọng dọc theo bờ sông, tiếng người kêu la bắt đầu vang dậy. Nó đứng lên chạy trở xuống bến, ngó bên trái thấy con tàu lừng lững tiến tới đâu là trên bờ nổ tung tới đó, cây cối ngã, nhà cửa tan nát. Ngó bên phải nó thấy một con tàu khác cũng đang lù lù tiến tới, và hình như phía sau còn tàu nữa, tiến tới đâu nổ ùng ùng tới đó. Đâu nó dường như cũng nổ tung. Nó quay trở lại, cõng xác mẹ lên lưng, chạy ra khỏi nhà, không biết chạy đi đâu. Sau lưng nó mặt đất tiếp tục rung động.

Tin thành Gia Định bị Tây Dương tấn công bay tới tai Tuấn khi ông đang đắp bờ. Người con rể của Tuấn vừa chạy băng đồng vừa la, còn cách một thửa ruộng ông đã nghe. Ông vác cuốc lên vai chạy về ngay, một chân lún

xuống lỗ chân trâu khiến ông mất thăng bằng. Ông gượng lại được nhưng nghe thốn đau ngang hông. Ông vẫn tiếp tục lội qua ruộng gặp con rể. Anh này là chồng của đứa con gái đầu lòng mà ông đã gả về Gia Định. Trong nhà người lạ đông đúc khiến ông Tuấn hoa mắt. Tất cả đều mới theo vợ chồng con gái ông đến xin tị nạn. Mọi người phải tạm tránh ra hiên và im lặng để dưỡng Hai tuần tự trả lời những câu hỏi của chủ nhà. Chuyện gì đã xảy ra? Không biết. Mọi người đang yên đang lành, nghe nổ đùng đùng hoảng quá bỗng con dắt vợ xuống ghe mà chạy, ra sông Bến Nghé thấy tàu Tây Dương dàn hàng ngang bắn vô bờ. Mọi người rút trở vô rạch, ai chưa chết thì ráng chạy, băng đồng, băng rừng, leo đồi, bơi qua sông Đồng Nai. Vẫn còn một số đàn bà con nít mới đến bên kia bờ. Một người trong đám tị nạn nói quân Tây Dương đã vào cửa Cần Giờ hôm nay, tới đâu hạ đồn, phá chướng ngại vật, đánh tan thuyền quan binh ở đó. Tàu chúng to, chạy nhanh, pháo chúng to, bắn xa, trúng đâu bể đó. Quân ta dưng cảm, cứ xông lên là bị súng bị pháo bắn, ngã chết như rạ.

Ông Tuấn gọi người con trai út lại đứng bên cạnh, đồng dặc nói trước mặt mọi người: Từ giờ phút này cha giao cho con nhiệm vụ chăm sóc bà ngoại, mẹ, em và tất cả những người đang tá túc trong nhà mình. Cha và anh con phải đi đánh giặc. Thằng Hai (rể) thằng Ba (con trai) đi theo cha. Ông tự phục hồi chức Cai đội, nội trong

một đêm đã huy động được năm chục nghĩa quân và tám chiếc thuyền. Không lẽ xuất quân, không bị rận chia tay, không tuyên ngôn tuyên thệ, cứ gọi đủ người, chia nhau giáo mác, rồi cùng nhau kéo đi cứu Gia Định thành. Tới Thôn Lân thì hay tin Gia Định thành đã thất thủ. Đoàn nghĩa quân vẫn tiến. Tới Thôn Lý thì hay tin quan An sát và quan Hộ đốc đã tự vẫn. Đoàn ghe dừng giữa sông Đồng Nai. Cai đội Tuấn đứng ở mũi ghe nghen ngào nhìn nước sông chảy xuôi. Phía sau lưng là nhà cửa vợ con và cả đoàn người tị nạn. Ông ra lệnh tiến.

Trên sông Thị Nghè hàng trăm chiến thuyền bằng gỗ trôi lênh đênh không người chèo lái. Cũng không thấy một bóng người nào ở đâu cả. Nắng rực rỡ trên mặt sông và cây cỏ bên bờ, nhưng tất cả đều vắng lặng. Một chiến trường đã kết thúc. Mùi thuốc súng đã loãng, nước sông đã thôi loang máu. Hai chiếc tàu to đậu ở Bến Thành, khá xa. Cai đội Tuấn bảo nghĩa quân lui qua bờ bên kia, hy vọng bắt liên lạc được với quân triều đình, chứ ông vẫn không tin thành đã mất, tướng đã chết, quân đã rã. Nhưng đoàn nghĩa quân chưa kịp quay đầu ghe thì một chiếc tàu to đột ngột nhả khói ngùn ngụt chạy ra giữa sông bắn đùng đùng. Cai đội Tuấn bay một đường vòng cung từ mũi ghe xuống nước khi chiếc ghe trúng pháo. Ông tỉnh dậy, đau đớn, kiệt sức, không thở được. Trong bóng tối ông từ từ nhận ra người con rể đang chèo một chiếc ghe nhỏ không buồm đi ngược nước. Ông không

nhắc được chân và bụng đau thối khi cố gắng ngồi dậy. Ông đành nằm, nhưng nghiêng được cái đầu để nhìn sang bên cạnh. Bên cạnh là con trai ông. Nó nằm cứng đờ, mắt đã được vuốt cho nhắm lại.

Trong số năm mươi nghĩa sĩ ra đi buổi sáng chỉ có mười người trở về lúc nửa đêm. Khoảng mười hai cái xác được vớt về, còn lại không biết sống chết như thế nào. Trước rặng đong, một đoàn ghe hơn chục chiếc, đều là ghe nhỏ để đi chợ hay đi ăn giỗ, phần nhiều do đàn bà chèo chống, lại xuôi dòng sông Đồng Nai và đến trước Gia Định thành vào buổi trưa. Bằng ống dòm, viên tướng Pháp quan sát những người nhỏ thó đen đúa mặc quần áo đen nâu nhàu nát và búi tóc như nhau, khó phân biệt đàn ông hay đàn bà. Họ lặn xuống nước vớt xác để lên những chiếc ghe con rồi chèo chống đi. Quá nhiều xác đang nổi lên khắp vô các bờ sông. Ông chưa quyết định nên làm gì về việc này thì được báo cáo là một đám thổ dân đang tấn công vào góc thành phía Nam. Đêm đó có thêm sáu cuộc tấn công khác, từ vài chục đến vài trăm người tham gia. Tất cả đều bị đẩy lùi, tuy nhiên một số binh sĩ Pháp bị thương do bọn thổ dân rất liêu lĩnh, bất chấp súng đạn, cứ cầm dao mổ bò, thậm chí cọc nhọn hay cành tre, xông lên chiến đấu không biết sợ là gì, và cũng không có chiến thuật gì. Dưới cái nắng gay gắt giữa mùa khô nhiệt đới, mùi tử thi bốc lên khiến viên tướng không chịu nổi. Ông quyết định cho đem xuống tàu tất cả tiền

bạc và các thứ vật bằng kim loại quý hoặc đáng sưu tập, xong nổ kho vũ khí, đốt kho lúa, đốt dinh thự, kho tàng, phá luôn những bức tường thành bằng đá ong và đá xanh, sắp xếp lại doanh trại, giao cho một viên đại tá phụ trách. Xong, viên tướng xuống tàu tiến ra Đà Nẵng.

Khi tiếng súng, tiếng pháo, tiếng hò hét kêu gào lắng xuống, con chị bán khoai đã bươi đất dưới chân gò mả ngụy, một mình chôn xong mẹ mình. Mấy ngày sau nó vẫn lẩn quẩn bên mộ, không biết đi đâu không biết làm gì. Mả ngụy đã trở thành một gò đất cây cối um tùm, một số cây mọc trên đỉnh gò đã cao lớn xòe tán rộng, kể như cổ thụ. Có lần con chị bán khoai đã hẹn con chị hái dâu leo lên gò mả ngụy chơi. Cảnh trí xanh tươi, cảm tình hai đứa trẻ còn như nụ hoa e ấp, tụi nó chẳng cảm thấy có gì đáng sợ, đáng ghê. Cho đến khi chị hái dâu biết chuyện mắng con gái một trận, lại chửi thẳng con chị bán khoai một hồi. Cái gì mà mèo mả gà đồng, cái gì mà quỷ tha ma bắt. Cái gò mả ngụy đó ai sợ thì sợ, ai tránh thì tránh, nó mắc gì phải sợ phải tránh. Buổi trưa nó thường leo lên đỉnh gò nằm dưới tán cây nghe gió thổi. Vừa mát vừa đã, ngủ một giấc dậy dư sức chèo đò ngang sông Sài Gòn. Bây giờ thì không còn đò, không còn sạp bán khoai, không còn mẹ, không cả một mái nhà trên đầu. Nó không thể hiểu chuyện gì đã xảy ra. Và chuyện gì đang xảy ra? Hồi nào một mẹ một con, bán khoai, chèo đò, sáng có cơm mẹ nấu cho ăn, chiều về ăn cơm mẹ nấu rồi ngủ. Giờ trơ

trội một mình nó, cứ nhắm mắt là giựt thót người nhồm dầy chạy vì tiếng pháo nổ, đói ỉu người mà không có gì ăn, nhai bậy bạ rau trái hái trên gò càng thêm xót ruột.

Một buổi sáng con chị bán khoai nằm còng queo bên mộ mẹ nghe có tiếng người gọi. Nó cố mở mắt chỉ thấy đom đóm bay chập chờn, cây cỏ quay mòng mòng, nó ọc ra nước gì đắng ngét. Nhưng ai đó kê vào miệng nó một ly nước, vị ngọt mát làm dịu bớt cơn khát và làm cồn lên cơn đói. Nó nuốt không cần nhai những gì được đút vô miệng. Cuối cùng, nó ngồi dậy nhìn ân nhân không biết nói gì. Người đàn ông tóc muối tiêu ngồi đối diện con chị bán khoai hỏi cháu tên gì. Nó hơi hoảng, không tìm ngay được một cái tên. Nó biết người ta có một cái tên để gọi, để chửi, hay để chịu trách nhiệm. Nó thực sự không nhớ hay không biết mẹ nó có đặt cho nó tên gì. Hồi nào mẹ chỉ gọi nó là con, với người ở xóm chợ Đũi nó là con chị bán khoai, với khách sang sông nó là thằng chèo đò. Nó ngâm hòng một lát thì bật ra, tên Tấn. Người đàn ông bày bánh trái ra một miếng vải trải trên mặt đất, nói: Hôm nay ngày lễ Thanh minh, tội cúng cha tôi xong thì cháu có thể giữ hết bánh trái này, để dành ăn cũng được vài bữa. Người đàn ông thấp nhang, quỳ lạy, úp mặt xuống đất hơi lâu, khi ông thẳng lưng lên, Tấn thấy mắt ông đỏ, mặt ông buồn hiu, một nỗi buồn nó từng thấy trên gương mặt mẹ nó.

Cúng xong người đàn ông xé con vịt quay, đưa Tấn cái đùi. Nó cạp lấy cạp để, nhai ngấu nghiến, chưa từng được

ăn thứ gì ngon như vậy. Nó nhìn người đàn ông, mừng là ông ta chỉ nhai từ tốn, như ăn giả đồ thôi. Nó đưa mắt tom góp nào bánh bao, thịt heo quay, bánh bò. Thấp thỏm lo ông ta đổi ý rút lại lời hứa cho nó hết những thứ này. Bỗng ông ta bật khóc gọi Cha ơi. Tấn bối rối, và sợ, trước một người đàn ông đang ôm mặt khóc. Mỗi lần nó đau đớn hay tức tối phát khóc thì luôn bị mẹ nó quát: Nín! Đàn ông không khóc. Mỗi cái mỗi khóc thì đi ăn mày. Chắc là người đàn ông này cũng được mẹ dạy như vậy. Ông ta đang cố gắng dần lòng, mấy ngón tay đè lên hai con mắt cố chặn dòng nước mắt chảy hoài. Tấn vừa nhai vừa nhìn ông mà không biết làm gì hay nói gì. Cuối cùng ông ta tự vượt qua cơn bùng nổ cảm xúc, ngồi im một lúc. Thừa cha, giờ thì con đã hiểu cha. Con đã hiểu được tại sao cha làm những gì cha đã làm. Con đã hiểu tâm tư cha khi phải cho con đi xa, phải gởi gắm mẹ, vợ và con gái ở nhà người khác. Ông lại quỳ lạy, úp mặt xuống đất một hồi lâu nữa, rồi đứng dậy bước đi. Tấn quơ vội thức ăn còn bỏ lại, cột tấm vải thành tay nải.

Một đoàn người ngựa rầm rầm tiến tới, trên con đường đi vào Để Ngạn. Một bọn cấm gậy chạy lúp xúp đằng trước, có người Nam có người Thổ. Chúng nghe lệnh quát hét chạy ủa tới bắt Tấn. Vừa tiếc của vừa sợ hãi, Tấn ôm chặt tay nải đựng đồ ăn vừa kêu la: tha cho tôi, của ông kia cho tôi chứ không phải tôi ăn cắp. Ông kia cũng đã dừng chân ngoảnh lại khi nghe ồn ào. Thấy mấy người

mũi lỗ mặt đỏ au trong đám đông mới đến, người đàn ông lên tiếng chào. Y như một câu thần chú, một người mũi lỗ đáp lại, và qua ba câu trao đổi, ông ta nhảy xuống ngựa, tiến tới bắt tay người đàn ông kia. Tấn cũng được thả ra, bị bỏ lại chân gò má ngụy với tay nải đồ ăn còn nguyên. Nó nhảy căng lên, lăm bắm câu thần chú vừa nghe ông kia nói, bông dua me xừ. Nó mừng còn hơn được tha mạng và giữ được tay nải đồ ăn. Thì chính nó vừa tai nghe mắt thấy, chỉ một câu thần chú mà ông kia thay đổi cả tình thế. Bọn mũi lỗ xem ra cũng biết điều chứ không đáng ghét như lũ quỷ tay sai người Nam. Tấn lăm bắm câu thần chú, bông dua me xừ, bông dua me xừ. Nó tin chắc cuộc đời nó sẽ thay đổi.

Để Ngạn không bị tàn phá cướp bóc như những phố thị khác khi bọn quan quân ô hợp Pháp Nam tràn qua chinh phục. Sĩ quan Pháp được tiếp đón trân trọng trong bữa lầu do các bang trưởng và hội trưởng thiết đãi. Họ nghị luận, thương thảo thông qua những người từng du học ở châu Âu như Vĩnh Xương. Thân hào nhân sĩ làng Minh Hương và thương gia Để Ngạn đều biết chuyện gì đã xảy ra với Hương Cảng và Tân Gia Ba, nơi họ có nhiều đối tác, thường xuyên trao đổi tin tức. Vĩnh Xương đã được báo tin từ lúc chiến hạm của Pháp mới tiến vào cửa Cần Giờ. Người liên lạc sẵn sàng giúp đưa gia đình chàng đi lánh nạn. Nhưng bà nội nói bà chỉ còn một chuyện chưa làm là chết, và bà muốn chết ở đây, nơi đã chôn

chồng và con trai bà, có con cháu chung quanh. Bà không muốn như bà cố, tuy chết ở quê nhà, nhưng bơ vơ, trở trọi. Mẹ chàng cũng không đi. Vợ và các con chàng đều òa khóc khi biết chàng sẽ ở lại, vì chữ tín chữ nghĩa với đồng hương, bang, hội, đã hỗ trợ gia đình chàng xưa nay. Khi phát pháo đầu tiên bắn ra từ tàu Pháp, Vĩnh Xương mới cương quyết chia gia đình làm tư để tránh rủi ro. Mẹ và bà nội tạm lánh về Vĩnh Long, vợ và con gái lên đường đi Hương Cảng, con trai đi Tân Gia Ba, Vĩnh Xương ở lại một mình trong Phước Xuân Đường đối diện với câu hỏi một đời người phải qua bao nhiêu lần tử biệt sinh ly.



Tin Gia Định thành thất thủ nhanh chóng lan đến Vĩnh Long cùng những người tị nạn. Nhà bà Mai đón nhận bà nội và mẹ Vĩnh Xương cùng năm phụ nữ khác do người liên lạc đưa tới. Nhà đủ rộng cho mọi người, chỉ khó khăn trong việc chăm sóc người già và bệnh. Thấy Tịnh đành khóa kỹ mọi thứ giấy bút vào rương cất nơi kín đáo, rồi xắn tay áo giúp bà Mai. Con cháu bà Mai cùng người ăn kẻ ở trong nhà ai cũng bận rộn không chỉ với bảy bà già tạm trú, mà còn với những người khách đặc biệt thường xuyên đến và đi. Thấy Tịnh bận rộn chủ yếu do phải tiếp đón những người này. Họ đều là những người tin vào Đức Chúa Trời, có người dắt theo mấy người tu Phật đã giúp đỡ che chở họ lâu nay trong lúc triều đình

bắt đạo. Mọi người muốn biết chuyện gì đang xảy ra, mình phải làm gì? Nghe nói triều đình đã cử Thượng thư bộ Hộ đem một vạn rưỡi quân vào nam, Tổng đốc Vĩnh Long cũng đã đem quân đi ứng cứu Gia Định, nhưng chưa đánh được mấy trận thì lại rút về, sợ bỏ thành Vĩnh Long trống thì giặc thừa cơ đánh chiếm. Nghe nói quân triều đình đã đến Biên Hòa nhưng đang án binh, chưa rõ vì sao. Khói đốt thành Gia Định vẫn còn mù mịt.

Trong lúc mọi người còn hoang mang về việc Pháp đánh thành Gia Định, thì Hà Vĩnh Long trở về. Cả thấy Tịnh lẫn bà Mai đều bất ngờ, suýt không nhận ra đứa trẻ bơ vơ họ đã cứu mang ngày nào. Câu đầu tiên Long hỏi là mẹ mình đâu. Bà Mai và thấy Tịnh đều không thể trả lời. Mẹ Long trở về đây không gặp con đã quá đau đớn thương nhớ con mà sanh bệnh. Bà Mai đã cố giữ mẹ Long ở đây để chăm sóc, nhưng một buổi sáng bà Mai thức dậy không thấy mẹ Long đâu cả, cho người tìm hỏi khắp chợ cũng không ai biết. Có thể bà đã bơi ra sông, như bà đã làm vậy vài lần, may có người bắt gặp vớt bà lên đem về. Nhưng nếu bà đã bơi ra sông trong đêm... Long đi một mạch trở về nơi từng có cái chòi mà anh đã lớn lên, được nuôi dạy trong yêu thương của ông bà Tư. Nơi đó không còn một dấu vết gì ngoài hai nắm mộ bị cỏ dại phủ lấp. Anh ngồi bên mộ đến khi sương ướt cả tóc và vai áo. Cách đó không xa, thấy Tịnh đã ra đứng từ lâu, nhưng giữ im lặng để tôn trọng cảm xúc của chàng trai trẻ.

Có người mừng, có người lo việc Pháp đánh thành Gia Định sẽ khiến vua nhà Nguyễn nổi rộng hay thắt chặt việc truyền đạo. Liệu họ có nên công khai đức tin của mình hay tiếp tục ẩn nhẫn, kéo khi người Pháp rút đi họ lại bị trù dập, trả thù. Người lạc quan nhất cho là trận chiến này sẽ khiến vua quan xem lại chánh sách bài đạo và bề quan tòa cứng. Long nghĩ chiến tranh sẽ sớm chấm dứt bằng hòa giải, vì người Pháp văn minh và nhân đạo, như anh đã được học. Vấn đề là làm sao cho hai bên hiểu biết và tôn trọng nhau. Thấy Tịnh tán đồng học trò, nói Long nên đi Gia Định ngay, ở trên đó tình hình không có vẻ sáng sủa như mình ngồi đây mà nghĩ. Nghe nói có mấy người lính Pháp đi lung tung bị nghĩa quân bắt được đánh chết, quan lớn Pháp bèn lùng bắt tất cả dân trong vùng. Có người tên Tấn biết nói một câu “bông dưa me xừ” được quan Pháp cho đứng ra làm thông ngôn. Quan Pháp cho giải một người nông dân đến, hỏi có phải mày giết mấy người lính Pháp. Ông nông dân đứng ngó trân trân, tên Tấn bèn quát: Quỳ xuống, quỳ! Quan Pháp nghe oui⁽¹⁾ thì coi như đúng rồi, bắn người nông dân chết tức thì. Tên Tấn cũng hoảng sợ, chạy đến đám người bị bắt đang đứng nhìn đầy căm phẫn, chỉ vào mặt họ bảo quỳ xuống, quỳ, quỳ, quỳ ngay, quỳ xuống hết đi. Quan Pháp cứ túm lấy những kẻ bị chỉ mặt kêu quỳ quỳ đem bắn. Không biết bao nhiêu mà kể, trong đó quá nửa là người

1. Oui: đúng (tiếng Pháp).

của họ đạo chợ Đũi, những người đã được khuyên đừng tản cư tị nạn. Họ ở lại vì tin rằng người Pháp được Chúa sai đến cứu họ.

Phía hạ lưu sông Cái ông Thiểm cũng vừa biết tin Pháp đã chiếm thành Gia Định. Ông thở dài mệt mỏi. Sao mà cứ chiến tranh giặc giã liên miên. Thời thanh niên ông đã hai lần dong buồm đuổi giặc Xiêm ra vịnh Xiêm La, đã thấy bao nhiêu người chết, không còn phân biệt ai là ai, rớt cuộc đều xương tàn cốt rụi. Bây giờ cái việc đuổi bọn Tây Dương ra biển Đông là chuyện con trai và con rể ông phải làm. Mà khi ông gọi chúng lại báo tin, chúng cứ ngơ ngác nhìn nhau. Đời chúng chưa từng thấy chiến tranh. Quân Xiêm hoặc từ Hà Tiên, Rạch Giá đánh lên, hoặc từ Cao Miên đánh xuống, tới Đông Xuyên hay Châu Đốc là bị chặn và đánh văng trở lại đường cũ thoái lui. Quân triều đình cũng chỉ vào cửa sông Cần Giờ hay Cổ Chiên, còn hạ lưu sông Cái này đặc quánh phù sa, cồn bãi nổi khắp lòng sông, ghe xuồng phải vừa chèo vừa chống, chiến thuyền lớn đều tránh. Đám con cháu và rể ông Thiểm không phải dân đi khẩn hoang lập ấp như ông và cha chúng. Lớn lên có của ăn của để, chúng chỉ giỏi đá gà, chọi cá lia thia. Và không người nào biết Tây Dương là ai, mắc gì đánh thành quách của mình, càng không hiểu nổi bọn Tây Dương ấy có gì mà phải sợ. Cuối cùng người cựu binh già đầu bạc cũng vừa vỗ, vừa khích, vừa đe, vừa ép được một đội khoảng ba chục người vừa con cháu vừa

bắn nông tá diễn, giương cờ nghĩa, đắp đồn lũy, đào hào, tích trữ lương thực, rèn đao kiếm, để sẵn sàng ứng chiến, nếu Vĩnh Long hay Châu Đốc có biến.

Vua phát lệnh kêu gọi dân lực tỉnh chống Tây. Lúa đang chín vàng đồng ở Láng Linh. Ông Thành cho gặt gắp, suốt, phơi, sàng, sấy, xay, giã suốt ngày đêm. Khi đủ gạo để dồn vào một trăm ruột tượng cho một trăm người cột chéo thân và đổ đầy khoang mười chiếc thuyền tự đóng, mỗi người tự vác theo cuốc xuống, ông Thành tự nhận chức Quản binh, dắt đoàn nghĩa binh băng sông cắt rạch về Gia Định để đầu quân dưới trướng Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương, tham gia đắp đồn Chí Hòa. Con rể Cai đội Tuấn cũng đã tập hợp già trẻ gái trai trong làng lập một đồn ở khúc quanh sông Đồng Nai, đắp lũy dựng thành. Bọn Pháp bị vây sáu tháng thì chiến hạm Pháp quay trở lại. Đạn pháo Pháp từ các chiến thuyền bắn vào nổ banh thành lũy, Thành vẫn cùng anh em cầm dao phay mã tấu xông lên. Đánh nhau mấy ngày, người chết không kể xiết, ông Phương bị thương, đồn Chí Hòa thất thủ, Pháp đánh luôn lên Biên Hòa, xuống tới Mỹ Tho, Vĩnh Long.

Năm đó ông Giản sáu mươi sáu tuổi, mấy năm qua dành phần lớn thì giờ đọc sách và viết sử. Ông vừa hoàn tất việc biên soạn bộ *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* với tư cách Tổng tài Quốc sử quán. Ông đã tự an ủi là dù không được về cố hương hưởng thú điền viên

như sở nguyện, công việc ở Quốc sử quán cũng đem lại cho ông ít nhiều niềm vui thanh nhàn. Vốn vẹn hai mươi người trong Quốc sử quán, làm công việc không tranh quyền đoạt lợi với ai, chỉ phải đọc nhiều, viết chữ đẹp, chọn câu văn hay. Ông Giản quen dần với một kiểu làm quan gần như hưởng nhàn: Đọc những bản văn trau chuốt, dạo quanh khuôn viên nhiều hoa kiểng của Quốc sử quán, dùng chân ngắm một quan đăng tả viết chữ thật ngay ngắn vào chính bản, trò chuyện với quan toàn tu về một văn bản xưa một trăm năm, và thưởng thức trà thơm khi nghe quan khảo hiệu đọc lại các văn bản đã biên. Từ mười năm trước, bao nhiêu tấu chương và điều trần ông vận động dâng lên vua hầu như bật tẩm mất tích. Nỗ lực của ông chỉ tạo được một hiệu quả: Ông càng dâng nhiều tấu chương và nộp lên vua nhiều bản điều trần để canh tân quân sự thương mại giáo dục thì ông càng bị triều thần cô lập, bị tước dần quyền hạn, cuối cùng bị đẩy vào một góc kinh thành trông coi những nho sĩ già như ông viết chữ qua ngày.

Phượng Nam đưa về kinh đồn dập tin chẳng lành. Vua đã cử vào Nam vị tướng dũng mãnh nhứt, thao lược nhứt, và hăng hái đánh giặc nhứt, là Nguyễn Tri Phương. Ông đã đưa vào Nam trước sau mấy vạn tinh binh. Mà bây giờ ba tỉnh miền Đông đều đã bị giặc chiếm, ba tỉnh miền Tây e là khó cầm cự lâu. Chưa nói tới Đà Nẵng cũng đang dày đặc tàu Tây phương. Kế sách gì trong nguy cấp này?

Những tấu chương điều trần đã ầm mố cả. Các quan trong triều hoặc già nua hoặc là quan tập ầm, chia làm hai phe chiến và hòa để luận bàn cho rôm rả. Chiến thì lấy ai chiến và chiến bằng cái gì? Hòa thì hòa với điều kiện gì và ai đi nghị hòa? Các quan chủ hòa có thể chịu nhịn chứ không chịu nhục. Không ai chịu hạ mình đi điều đình với bọn Tây Dương man rợ và dữ dằn. Gia Định đang là chiến trường, chỉ riêng đường từ kinh đô vào Gia Định đủ khiến rêm mình, mà súng to súng nhỏ trên tàu giặc rải dọc bờ biển nào biết phân biệt đại quan hay lính lác. Vua đành gọi ông Giản, nói rằng Gia Định là đất khởi nghiệp của tổ tiên, Gò Công là quê ngoại, ông Giản hãy liệu cách giảng hòa, hết sức giữ gìn vương thổ. Ông Giản từ già kinh kỳ ngay. Từ lúc Nam Kỳ có biến, ông có ngủ được chút nào đâu. Chợp mắt là nghe pháo nổ át tiếng trẻ già kêu cứu.



Vết thương ở bụng của Cai đội Tuấn đã liền miệng nhưng ông chưa đứng thẳng. Mỗi cử động mạnh đều gây đau đớn dù ông không để lộ ra mặt. Trong lúc mọi người bận bịu dựng thành đắp lũy, chỉ còn người vợ luôn ở bên cạnh, nhẫn nại với những cái gắt của ông. May là ông cũng không quát thét lắm, vì mỗi khi lớn tiếng thì bụng đau nhiều. Đại đồn Chí Hòa bị hạ hôm trước thì hôm sau mấy cái đồn con con trên sông Đồng Nai bị bắn phá tanh tành. Cai đội Tuấn uất nghẹn không nói thành lời

khi con rể bị thương được những người sống sót đưa về. Trong làng giờ nhà ai cũng như nhà ông, toàn là cô nhi quả phụ hoặc người già hay người bị thương tật. Nhưng còn sống thì còn chiến đấu. Cai đội Tuấn vịn vai vợ đứng lên điều khiển những người còn đủ chân tay tiếp tục đào hầm tránh pháo, rên gươm giáo giao cho đàn bà để sống mái với giặc nếu chúng dám đổ bộ, đánh xáp lá cà. Tuy vậy tàu giặc chỉ chạy ngang nhà ông mà không bắn phá. Tình hình yên tĩnh sau khi triều đình xin nghị hòa. Nhưng nghe tin vua chịu ký hiệp ước nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp thì Cai đội Tuấn ngã nhào xuống đất bất tỉnh.

Sài Gòn sẽ trở thành một đô thị cảng như Tân Gia Ba và Hương Cảng, Vĩnh Xương nói với ông Giản. Nếu có chuộc được ba tỉnh thì cũng phải nhượng Sài Gòn, vì Pháp muốn có một thành phố cảng cạnh tranh với Hương Cảng và Tân Gia Ba của Anh ở khu vực này. Nhưng lý do Vĩnh Xương đưa ra để từ chối lời mời tham gia phái đoàn triều đình cử đi Pháp là mình đã già. Ông Giản nói ông có già bằng tôi không? Vĩnh Xương cúi đầu thờ dài. Một cơ hội để trở lại châu Âu là điều chàng mong muốn hai ba chục năm trước. Với ngần ấy thời gian một thế hệ mới đã tiếp nhận và biến đổi thế giới mà Vĩnh Xương từng biết. Trong thâm tâm chàng vẫn háo hức kiến thức y học Tây phương, vẫn ve vuốt ước mơ khảo sát thực vật Á Âu. Nhưng điều chàng đã hứa với cha khi khóc cạn lệ ở gò mả ngụy là sẽ ghi nhớ và làm theo những điều cha dạy, sống theo gương cha, làm một trụ cột gia đình, coi trách nhiệm làm con, làm chồng, làm cha là trách nhiệm lớn nhất, không thể thoái thác hay ký thác cho ai cả. Chàng tin vào luân lý đạo đức này, và đã cảm động biết bao khi thấy bà nội, mẹ và vợ con mừng vui như thế nào khi trở về sum họp dưới mái nhà Phước Xuân Đường còn nguyên vẹn.

Ông Giản nói nếu Vĩnh Xương không đi thì ông biết người nào có thể thay thế, có hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ, tính cách người Tây Phương để giúp ông thương thảo với họ. Vĩnh Xương biết một người trẻ tuổi nhân cách tốt, vốn là học trò của một người bạn, đã từng du học Á Âu, tên Hà Vĩnh Long. Ông Giản nhú mày một chút rồi nói ông có thấy cái tên đó trong danh sách những viên chức của Pháp tháp tùng đi chung tàu. Vĩnh Xương không đến nổi bất ngờ. Người Pháp đang thiết lập hệ thống cai trị, họ sử dụng trước tiên những người từng được họ đào tạo. Ông Giản nói người Pháp chắc gì hài lòng với nhượng địa Sài Gòn, thậm chí ba tỉnh miền đông cũng chưa đủ cho tham vọng của họ. Đà Nẵng, Vĩnh Long đã bị chúng xâm phạm. Lệnh Vua là bằng mọi giá chuộc lại ba tỉnh đã mất, ông phải vâng mệnh mà đi. Nhân chuyến đi này tìm hiểu đối phương để liệu kế sách đối phó lâu dài. Trước khi ra về ông Giản hỏi câu cuối: Đi phương Tây chuyến này nên đem về cái gì có thể ích quốc lợi dân? Vĩnh Xương nói không do dự: Sách.

Trước khi lên tàu đi Pháp, Hà Vĩnh Long dạo quanh những thành quách điêu tàn, những xóm thôn điêu hiu và những nhà kho bến bãi đang được xây cất. Tấn đi theo nói đây là chợ Đũi, nọ là bến đò, kia là vườn dâu, dù không còn ai chăm sóc vẫn xanh tốt, đang có nhiều trái. Trái chín đen ngon lắm, hồi xưa mẹ tôi thích ăn dâu chín, tôi thường hái trộm về cho mẹ mỗi khi đi ngang đây. Có điều gì đó khiến Long vừa thương vừa ghét con người nhỏ tuổi mà đã có thành tích đáng sợ. Anh ta kể chuyện ăn trộm hay chỉ làm người bị giết một cách hỗn nhiên. Có điều gì đó giữa Long và Tấn khiến quan Bonard hỏi hai người có phải anh em không. Tấn nhìn người Pháp nào cũng giống nhau, nên thấy nghi vấn của quan Bonard là bình thường. Long biết là Tấn không soi gương khi rửa mặt cạo râu mỗi ngày như anh, nên không nhận thấy là hai người rất giống nhau, bất kể y phục và thần thái khác xa. Dù vậy Long không hề có thoáng ý nghĩ người này có thể là em mình. Trong ký ức gia đình của Long chỉ có ông bà Tư nhân hậu đã dành cho anh tất cả yêu thương mà một người có thể nhận được trong đời. Và một người mẹ mà Long chỉ còn nhớ mơ hồ. Nhiều lần, kể từ khi trở về

Vĩnh Long, anh luôn kín đáo nhìn theo một người đàn bà luống tuổi nào đó tự hỏi có thể là mẹ của mình chẳng. Nhút là những người đàn bà có vẻ thất lạc, cù bất cù bơ, hay ngơ ngác đi tìm ai đó. Mà những người như vậy sao nhiều quá. Long thấy họ khắp nơi từ Vĩnh Long đến Sài Gòn. Mỗi lần ánh mắt Long bắt gặp một người như vậy, lòng anh lại đau thắt đầy mâu thuẫn: có thể đây là mẹ mình. Mà không, không thể là mẹ mình.

Chị Hai đi qua chợ Đũi không gặp lại chị bán khoai. Chị đi thơ thẩn gần bờ sông loang lổ, đứng ở bến đò không người không ghe. Đột nhiên chị lặng nhìn hồi lâu, rồi vùng chạy tới chỗ mấy người đang đánh đấm một người bị trói. Chị nhìn sững vào mặt Tấn kêu lên Hà Bá Chừa. Tấn lúc này đã được làm cai một toán lính. Bề ngoài anh đã ra vẻ một người lớn chững chạc, mặc quần áo lành lặn đầy đủ chứ không chỉ đeo một cái khố hay cái quần vá chùm vá đụp. Đáng kể là giờ đây Tấn có thể hét ra lửa, ít nhất là ở vùng chợ Đũi. Đám cô nhi quả phụ khắp xóm dâu xóm chợ xóm đò đều thẩm dạy con cái mình khinh ghét thằng bán khoai đã chỉ điểm cho Tây giết ông cha mình, nhưng họ cũng khiếp sợ thực sự cái kẻ quát vào mặt ai một tiếng quỳ là người đó bị Tây bắn chết ngay. Trong lúc dặt lính đi rào, Tấn bắt được một người lạ mặt, xét trong người có một mảnh giấy có

chữ, nhưng Tấn không biết đọc. Lính cũng không ai có thể đọc. Tấn giải về trình với quan Tây. Ông này cũng không đọc được, bèn tịch thu tờ giấy và khoát tay một cái rồi đi vô nhà trong một cách gấp gáp. Tấn suy diễn cái khoát tay là đem đứa bắt được đang bị trói gô, đánh cho một trận.

Chị Hai xúc động gọi con ơi, mẹ... Tấn trừng mắt quát, đổ diên. Một người lính đoán ý ông Cai, kéo chị Hai ra bảo nhỏ đi đi, ông quát thêm một tiếng nữa là chết. Tấn khó chịu, có vẻ phân trần bà khùng đó không phải mẹ mình, nhưng kịp nhớ ra tụi lính cũng là dân vùng này, đều biết Tấn là con ai, khỏi cần nói. Tấn càng thêm buồn bực, dắt đám lính đi vô chợ kiếm mỗi nhậu, y y người bị trói như đòn bánh tét và bị đánh gần chết, nằm vắt vẻo bên đường không thể trốn đi đâu. Chị Hai lén quay lại cời trói cho người bị bắt. Người đó vừa lết vừa chạy vào lùm cây phía mé sông, dòm ngó chung quanh rồi lao xuống nước lặn mất tăm. Chị Hai ra một gốc cây ngồi nghỉ. Chị tự nhủ mình bỏ nó đi lúc nó đang ngủ, giờ nó lớn lên, mình già đi, mình nhìn ra con mình chứ nó làm sao nhớ ai là mẹ. Nhưng gặp được nó, thấy nó khỏe mạnh vậy là mừng rồi. Nó không nhìn nhận mình, không gọi mình là mẹ cũng không sao. Mình quần quanh ở đây để nhìn thấy nó là được rồi. Chị Hai an lòng thiu thiu ngủ. Tiếng quát tháo om sòm khiến chị thức giấc, phản xạ tự nhiên của chị là vùng dậy chạy núp sau gốc cây. Chuyện lao xao là

ông Tây đã kiểm người đọc được chữ trong tờ giấy, đó là thơ của một bọn phản loạn gởi cho một bọn phản loạn để âm mưu phản loạn. Nhưng cái kẻ mang thơ đã biến mất. Tấn và toán lính lùng sục, bắt được chị Hai.

Chị Hai nhận ra ngay thấy Tịnh, nhưng chị không chạy tới nhìn thấy như đã nhìn con. Đôi mắt chị trở nên mơ màng, chị ư a hát “Sông sâu ai mức nước đầy, ai xui gió thổi cho mây bay hoài”. Quan Pháp ngắm chị Hai bằng đôi mắt màu hổ phách, hỏi Tịnh người đàn bà này nói gì. Thấy Tịnh nói bà này là một người mắc bệnh điên vì đói khổ và thất lạc gia đình, bà đi lang thang hát những câu vô nghĩa, không ý thức mình đang làm gì. Cả chị Hai và Tấn không biết thấy Tịnh và quan Tây nói gì. Khi bắt chị Hai giao cho quan, Tấn nói bà này đã giúp người bị bắt trốn thoát. Thấy Tịnh nhận ra chị Hai, nhưng nghĩ chị Hai không nhận ra thấy. Quan Tây khoát tay, Tấn tự dịch là lui ra, nên cúi đầu lùi ba bước tới cửa rồi quay ra ngoài gọi toán lính cùng ra bờ sông tiếp tục lùng sục.

Quan Tây nói tôi nhìn người đàn bà này, có thể biết bà đói khổ và thất lạc gia đình. Tôi cũng thấy bà đi lang thang hát ngẫu ngao. Điều tôi muốn biết là nội dung câu hát. Thấy Tịnh dịch hai câu lục bát ra bốn câu tiếng Pháp, quan Tây nói bài hát hay. Dù vậy ông vẫn cho nhốt

chị Hai lại, cho đến khi nào bắt được kẻ đưa thư. Thấy Tịnh từng tiếp xúc chừng năm bảy người Pháp trước đây, hầu hết là các thầy giảng như cố Từ, khiến thầy tích tụ trong lòng sự thương mến và kính phục, nhứt là cách họ tổ chức công việc, dù là soạn tự điển, tổ chức hội truyền giáo, dẫn dắt con chiên. Thấy nghĩ quan Pháp là kẻ cầm quân và cầm quyền, tất nhiên phải cứng rắn, quyết đoán. Thấy cũng hiểu phận mình, tuy vẫn là thầy, nhưng là một người ăn lương Tây để dạy những người như Tấn hiểu được quỳ với nông, bông với mợc-xa-lù⁽¹⁾, khi quan Tây ra lệnh. Thấy có đức nhẫn nại và lòng tin, như cố Từ dạy, vâng theo ý Chúa.

Thầy muốn đem cho người đàn bà đau khổ đó một niềm hy vọng, nên nói với bà: con trai bà, Hà Vĩnh Long, đang trên một chuyến tàu sắp về đến Sài Gòn. Thầy biết nó rất thương nhớ bà, nó sẽ bảo lãnh và chăm sóc bà, ngay khi nó trở về. Bà cứ yên tâm nghỉ ngơi ở đây. Thầy đã có lời nhờ mấy người lính để ý giúp đỡ bà. Cần gì bà cứ nói, cũng là người mình cả. Chị Hai nhìn thầy mà như không nhìn gì hết. Tại sao người mình bắt mình cho người mình nhốt mình theo lệnh một ông Tây, mà thầy Tịnh cục cụng vâng dạ? Hà Vĩnh Long là ai, lại một người như thầy Tịnh, hay một đứa như thằng Tấn, không nhìn mẹ thì chớ, còn bắt mẹ nộp cho Tây. Chị Hai không trông

1. Tiếng Pháp bói: quỳ (oui): đúng; nông (non): không; bông (bon): tốt; mợc-xa-lù (merde): cứt, salaud; đều cáng): tiếng chửi khinh miệt.

mong gì cả. Chị ngồi bệt xuống đất, xếp hai chân lại, buông hai bàn tay trên đùi, nhắm mắt, ngồi im.

Thấy Tịnh chẳng thể nói hay làm gì nữa. Chút ký ức xa xăm vọng lại lời người mẹ của thầy trần trời, gọi thầy về cày ruộng đẻ con, đừng theo Tây. Sự thể bây giờ không theo không được. Tây đã ở đây, vua mình đã ký hòa ước nhượng ba tỉnh miền đông cho Tây, không chuộc lại được. Hoặc là bỏ đất mà đi như những người đã kéo qua ba tỉnh miền Tây tị địa. Hoặc là chấp nhận kẻ cai trị mới. Như hơn trăm năm trước người Thổ đã phải chấp nhận sống với người Nam khi vua của họ nhượng mảnh đất họ đang sống cho Chúa Nguyễn. Giờ quan Tây thay quan nhà Nguyễn, thì mùa mưa về họ vẫn cày cấy trồng trọt, biết ơn trời đất khi được mùa, chịu đựng các loại sưu thuế như chịu đựng ôn dịch. Kẻ cai trị nào cũng là kẻ cai trị, thầy Tịnh biết vậy, nhưng thầy tin người Pháp văn minh không o ép niềm tin của dân chúng, xây dựng cảng để giao thương, mở mang việc học... thì đỡ hơn những kẻ chỉ biết bòn rút vơ vét của dân, ngu dân rồi tự tôn tự mãn đòi hỏi dân phải trung thành.

Thầy Tịnh đã nhiều lần suy đi nghĩ lại. Dòng người đổ xuống Vĩnh Long đã khinh bỉ kẻ đi ngược họ như thầy Tịnh. Nhưng bao năm nay thầy đã phải trốn lánh ở Vĩnh Long, bây giờ mới có cơ hội trở về nguyên quán ở Gia Định. Trước tiên thầy về quê, cây cỏ đã mọc lên nơi từng là nhà cửa đã bị bắn phá tan hoang hay bị đốt cháy trụi.

Họ hàng bà con người còn người mất người bỏ đi. Thấy ra nghĩa địa viếng mộ cha mẹ, bị bà thím mắng, mày dất Tây về giết anh em mày. Bà đã mất bốn người con trong những trận đánh tàu Pháp. Giờ đây một đám đàn bà góa và trẻ con côi cút, che chòi tranh, mò cua bắt ốc sống qua ngày, không thể đi đâu, không biết đi đâu.

Ruộng đất những người bỏ xứ đi nhanh chóng có chủ mới. Tấn đã thuê tóm được cả vườn dâu gần chợ Đũi. Anh đang lập công để xin quan Tây cho khẩn hoang toàn bộ đất ruộng của ông Hòa phía sông Đồng Nai. Thấy Tịnh cũng có thể làm chuyện tương tự một cách dễ dàng, vườn ruộng phì nhiêu vô chủ biết bao nhiêu, nhưng sao thấy Tịnh cảm thấy hổ thẹn. Thấy nghe nói một nho sĩ có uy tín với dân chúng đã tản cư về Cần Giuộc trong cơn tao loạn, ruộng đất nhà đã bị tri phủ do quan Tây bổ nhiệm chiếm. Quan nói nếu ông trở về thì sẽ trả lại đất, nho sĩ trả lời: nước mất nhà tan, không giữ được nước, mà giữ đất nhà sống với giặc thì còn mặt mũi nào.

Hôm nọ Pháp đãi tiệc, thấy Tịnh gặp gần đủ các bạn học và thầy giảng từng quen biết trước đây. Một số học trò của thầy Tịnh cũng ra làm thông ngôn hay làm quan địa phương. Tay bắt mặt mừng xong mọi người hào hứng bàn tán xôm tụ về đất đai nhà cửa và chức ngạch trong hệ thống cai trị mới. Để tài nóng hổi là tri phủ Tân Bình, ai cũng muốn nghe tin tức liên quan ông ta, và ai cũng làm ra điều có quen biết ông ta. Ông Tường là dân gốc

Tân Bình, cha từng là đại quan triều Nguyễn, nhưng ông ta bất mãn triều đình, không đi thi, không ra làm quan, mặc dù từng được Thượng thư bộ Lại cất nhắc. Ông phủ Tường là người thông minh, tài hoa, khí tiết chánh trực, bỏ kinh đô về quê, ngao du sơn thủy, kết giao rộng rãi, lập thi xã, thơ hay nổi tiếng. Các quan Pháp mời ông ra làm tri phủ để mượn uy tín ông chiêu dụ nho sĩ địa phương. Nhưng mà nè, nói nhỏ nghe, ông dụ tới người nào là bị người đó chửi. Vừa rồi mật thám Pháp bắt được thơ do tên giặc Định gởi tên giặc Thành, mới sai ông Tường viết thư chiêu dụ. Kết quả sao, các ông biết cả rồi.

Từ từ và lặng lẽ thấy Tịnh lui ra phía cửa để ra về, thì gặp Vĩnh Xương. Ông rời nhóm thương gia Hoa Kiều bước nhanh ra đón đầu thấy Tịnh. Hai người tách ra đứng ở một góc hỏi han nhau rồi cùng nhau quan sát bữa tiệc đang diễn ra. Đây là một tập hợp giới thượng lưu của Sài Gòn, các quan chức người Pháp, các nhân vật nổi bật của Công giáo, các thầy thông ngôn, quan chức người Nam, thương gia ngoại kiều. Được quan Tây bắt tay ở chốn này là một vinh dự lớn. Đang lúc này quan phó đề đốc đang biểu dương công trạng của người đã giúp vẽ bản đồ đường đi nước bước, địa điểm doanh trại của kẻ tự xưng Bình Tây đại nguyên soái, giúp cuộc truy sát tên giặc Định thành công. Cả Vĩnh Xương lẫn thấy Tịnh nhìn nhau, nét mặt cả hai biểu hiện giống nhau, không phải sự ngạc nhiên mà là sự kinh hãi. Vì người đang được vinh

danh chính là người liên lạc, người dẫn đường cho thấy Tịnh và Vĩnh Xương năm xưa. Không đáng ngạc nhiên một người am hiểu mọi góc ngách sông rạch bờ bãi Nam Kỳ tìm ra được căn cứ bí mật của lực lượng kháng chiến đã tồn tại suốt mấy năm. Đáng kinh hãi vì cả Vĩnh Xương và Bình đã từng tin cậy đến mức phó thác sinh mạng vào tay người này. Nếu trước đây ông ta được vua quan nhà Nguyễn hứa hẹn chức tước quyền lợi, ắt cả Tịnh lẫn Vĩnh Xương không còn đứng đây vỗ tay.

Tiếp theo, quan phó đề đốc khen ngợi người đã dũng cảm tiên phong dẫn lính mã tà và quân Pháp đánh thắng vào sào huyệt giặc, bắt được vợ con giặc Định và bắn chết tên Định. Vĩnh Xương càng thêm sùng sốt. Hà Vĩnh Long đó sao? Không. Không. Thấy Tịnh cải chính ngay. Đó là Tấn, một kẻ vô học ở chợ Đũi trở thành Lãnh binh đám lính mã tà. Hiện giờ là một trong những người giàu có, chủ nhân mới của nhiều ruộng vườn dọc sông Đồng Nai, từ đây đến Biên Hòa. Thì ra vậy. Khi tình hình có vẻ yên ổn Vĩnh Xương đã tìm cách về Biên Hòa, nhưng không gặp được bà con hay người quen cũ, hầu hết đã tị địa hoặc lui vào bưng hiệp lực với Trương Định kháng chiến. Giờ nhà cửa đất đai họ đã thuộc về lãnh binh Tấn, còn họ ra sao, Vĩnh Xương không dám nghĩ xa thêm.

Vĩnh Xương bèn hỏi thăm thấy Tịnh về Hà Vĩnh Long. Thấy Tịnh nói Long trở về sau chuyến đi Pháp cùng Phan Than Giản có vẻ thay đổi nhiều, nhưng thấy chưa

có cơ hội trò chuyện, vì ngay khi biết mẹ bị giam trong tù, Long chỉ tập trung vào việc giải cứu mẹ và tìm cách chữa bệnh điên dại của người đàn bà đau khổ đó. Bà nhút định phải dắt con về An Châu tìm gặp cha nó. Lấy lý do này Long đã từ chối quyền chức Pháp ban cho, thuê một chiếc ghe đưa mẹ về An Giang. Thấy Tịnh nói ông thực lòng mong một kết thúc có hậu cho gia đình Long, tuy ông hơi tiếc cho người học trò tài giỏi không may này. Vĩnh Xương nói cũng không biết là rủi hay là may. Thấy Tịnh và Vĩnh Xương lại nhìn nhau, không nói, nhưng người này nghĩ mình đọc được tâm tư của người kia.

Ghe dừng ở bến Thông Hội, Vĩnh Long đưa mẹ vào
lữ quán nghỉ đêm. Chị Hai đứng lại trước cửa,
dùng dầm ngoảnh nhìn phố chợ buổi chiều nơi mấy quán
nhậu dưới bến vẫn đông người ăn nói om sòm. Hình ảnh
trước mắt gợi liên tưởng đến những hình ảnh mơ hồ lộn
xộn khác, như những chi tiết chiêm bao mà chị càng cố
nhớ càng thấy mật mờ. Vĩnh Long bày ra giường cho mẹ
xem, áo quần mới nê, lược chải tóc và trâm cài nê, còn
đây là savon để tắm gội. Long bưng vào buồng một chậu
nước ấm đặt trên nền gạch tàu, nói mẹ tắm gội rồi con
vào chải tóc cho mẹ. Nhưng lát sau Long trở vào thấy mẹ
vẫn còn mặc bộ đồ cũ ngồi bệt trên nền nhà tay lơ đãng
khuấy nước trong chậu như đứa trẻ vọc nước. Long nói
con gội đầu cho mẹ nha. Mẹ nhìn anh nở nụ cười hồn
nhiên. Long vốc nước lên tóc mẹ, vò savon vào tóc, một
mùi thơm nhẹ tỏa ra khiến chị Hai giành cục savon đưa
lên mũi hít hửi và cứ giữ trong tay ngẫm ngía. Long nói
đó là xà bông của Pháp. Chị Hai không chắc hiểu câu
đó như thế nào, lại nở nụ cười hồn nhiên. Mỗi khi Long
nhìn vào mắt mẹ hay cầm tay mẹ nói điều gì, anh thấy mẹ

chỉ nở nụ cười như trẻ thơ. Nhiều đó đủ để bù đắp tất cả thiếu thốn từ thuở Long bị bỏ lại với ông bà Tư.

Buổi sáng chị Hai ngồi bên cửa sổ nhìn ra sông, đôi mắt mơ màng, nét mặt dàu dàu, trong lúc Long cầm lược chải tóc cho mẹ. Anh lược lại những sợi tóc bạc rơi xuống chiếu, vuốt chúng cho suôn, cất vào một túi vải bỏ vào vali của mình. Long đã trải qua những khoảnh khắc trong đời anh cảm thấy cô đơn và tủi thân cùng cực. Anh đã ước gì mẹ hay cha anh có để lại cho anh kỷ vật gì đó, để anh có thể nhìn nó, cầm nắm nó, để cảm thấy mình có một liên hệ hay một ký ức cụ thể về đấng sinh thành, chứ không phải một kẻ hoàn toàn đơn độc, như cái sọ dừa linh bình trên sông. Anh đã giặt bộ đồ cũ của mẹ, phơi ngoài hiên, gió sông thổi suốt đêm đã khô. Anh xếp lại cất vào vali của mình. Chị Hai không cầm xách hay đeo mang cái gì cả. Khi Long nói mình đi nha mẹ, chị Hai ngơ ngác. Chị nói nhỏ, thôi đừng đi nữa, ở đây sướng nè. Long cảm thấy nghẹn ở cổ họng. Anh hứa, con sẽ xây một cái nhà đẹp như vậy, cũng nhìn ra sông, cho mẹ ở. Chỗ này chỉ là lữ quán, mẹ con mình còn phải tiếp tục đi về An Châu để gặp lại cha. Ừ ha. Chị Hai đứng lên. Giờ thì chị biết cái gì khiến chị nhìn ra sông thấy buồn buồn nhớ nhớ. Bình. Bình ơi.

May quá ở bến An Châu bây giờ có người còn nhớ Bình. Ông ta trước đây làm việc ở Phước Xuân Đường. Đúng rồi. Sau ông ta đi theo Phật Thầy. Đúng vậy. Từ

hồi Phật Thầy trở về đây ở chùa Tây An, ông ta ở đâu trên nền nhà cũ của Phước Xuân Đường. Vậy à. Nhưng đó là chuyện mười mấy năm trước. Chuyện về sau như vậy: Từ khi về chùa Phật Thầy vẫn để tóc râu dài, mặc áo nâu, vẫn đi hái thuốc chữa bệnh cho bá tánh. Người theo Phật Thầy, hoặc tự nhận là đệ tử Phật Thầy không tăng ùn ùn như lúc mới đến. Ôn dịch đã qua. Các thứ bệnh khác Phật Thầy chữa được thì khuyên người khỏi bệnh về nhà ăn lành ở hiền. Người bệnh không khỏi thì Phật Thầy cũng bảo ở hiền ăn lành, thân mình cũng như cây trái kiến giun, có sinh có hoại, ngay cả như thân Phật Thầy cũng vậy. Một bữa Phật Thầy đi lâu không về, Bình và những người đã theo Phật Thầy từ Vĩnh Long Cái Bè túa đi tìm. Họ gặp Phật Thầy ngồi im trong thung lũng hoang vu giữa Bảy Núi. Đệ tử bèn ngồi lại chung quanh. Hồi lâu sau đó họ phải đứng lên trống trọt để có ăn, dựng nhà để tránh mưa bão, sống với nhau theo lời Phật Thầy dạy ăn lành ở hiền. Trong số họ có trai có gái, nên dần dà có trẻ con. Mấy mươi nóc nhà xây trên lưng núi xanh um tạo thành một cái làng khiêm tốn, đường mòn quanh co từ nhà này đến nhà kia, lẫn trong vườn dâu, nương khoai, ẩn hiện giữa cây rừng đá núi.

Người chỉ đông, người chỉ tây, cuối cùng hai mẹ con Vĩnh Long đi tới chân núi gặp một con suối. Long công mẹ lội qua con suối tới một hòn đá lớn. Ngồi nghỉ một lát, hai mẹ con lại bám rễ cây trèo lên tới một hòn đá

khác. Ở đây không còn ai để hỏi đường nữa, Long tự định hướng, cùng mẹ đi men lưng núi, băng qua nhiều bụi rậm, cuối cùng qua tới bên kia núi, thấy một thung lũng xanh mượt lốm đốm những mảnh ruộng vàng tươi màu lúa đang chín. Hai mẹ con lần dò xuống tới chân núi, gặp một vườn dâu. Thấy một cô gái gánh lá dâu phía trước, Long chạy theo gọi: Người chị em ơi, cho tôi hỏi thăm. Cô gái quay lại, không hẳn ngạc nhiên vì cách xưng hô lạ, mà vì người lạ rất lạ. Cách ăn mặc, tóc tai, điệu bộ... chẳng những không giống trai làng hay trai chợ mà cô gái từng gặp, cách nói năng, nụ cười cũng khác. Anh hỏi thăm ai? Bỗng nhiên Long bối rối. Đi theo cô gái vào làng, Long hít thở sâu, trong mùi lúa chín và mùi lá dâu tươi còn có một mùi hương lạ thoảng qua, biến mất, rồi như ủa lại, như trên người, thách đố, khiến đầu óc Long cực kỳ hoang mang.

Nhà ông Bình vắng lặng. Có người thấy ông Bình trèo lên Vồ Ông, chưa thấy xuống. Chị Hai nhìn theo hướng tay cô gái chỉ lên một ngọn núi, tất tả bước đi ngay. Long đành đi theo mẹ. Cô gái ngẩn ngừ rồi thoăn thoắt bước theo. Chị Hai là dân sông rạch, nhưng chị vẫn trèo, vẫn leo, có lúc chị đứng lại há hốc miệng cố thở không ra hơi, trái tim đập muốn vỡ tung lồng ngực. Khi thở lại được chị tiếp tục leo, ngón tay bám vào đá, vào đất, rễ cây, cành lá, và bầu vào vai con. Chị gạt bỏ những lời khuyên nghỉ ngơi, như thể một chút nghỉ ngơi sẽ thành chậm trễ.

Nhưng khi lên tới vó, vừa nhận ra lưng Bình đang ngồi xếp bằng ở xa xa, chị Hai dừng lại. Thấy rồi. Chị ngồi xuống, quay lưng lại chống, buồn, giận, tủi thân. Long không hiểu, tưởng mẹ nghỉ mệt. Anh tiếp tục đi nhanh về phía người đàn ông, không kiềm được cảm xúc, gọi lớn: Cha! Người ngồi xếp bằng không quay lại, không đáp. Long chạy đến trước mặt người đó gọi: Cha!

Chỗ chị Hai ngồi nhìn xuống thấy những mảnh ruộng đang chín vàng rộm trong thung lũng, con suối tích nước từ các vó chung quanh chảy ra một con sông nhỏ uốn lượn quanh co qua cánh đồng. Mây chiều từ trăm phương dồn lại một góc núi. Chị nhìn mây chen chúc, cuộn lên, biến hóa, mơ mơ màng màng, chợt nghe Long thét: Cha. Bình vẫn ngồi im với đôi chân xếp bằng. Một dòng kiến bò từ dưới đất lên tận mắt mũi miệng Bình. Chúng lăng xăng chạy ra chạy vô cái miệng đang há ra không mấp máy. Đôi mắt Bình cũng mở, hướng về phía bên kia núi, thấp thoáng một mảng sông Cái lấp lánh ánh trắng non. Cha. Long khóc thành tiếng, nức nở. Người cha đã thất lạc thuở Long chưa đủ tuổi có trí nhớ. Anh đã sống như thể không có cha cũng không sao. Nhưng từ lúc theo mẹ lên núi anh nhận ra mình thực ra mong muốn có cha, mình luôn muốn gặp cha, và mình đang cảm nhận hạnh phúc có cha. Cái cảm nhận đó chưa đủ thực thì đã vỡ như bọt nước.

Không tìm được ai đủ trung nghĩa và đảm lược xung phong đi trấn nhậm vùng biên địa phương Nam, vua lại gọi ông Giản, tha tội không chuộc được ba tỉnh miền Đông, phục chức và cử vào Vĩnh Long. Ông Giản đang bước qua tuổi bảy mươi, lưng chưa còng nhưng râu tóc bạc, ngồi thì vẫn oai phong như ông cọp, đi đứng còn chắc chắn như bước chân trâu, dù chậm. Ông đi thăm đồng liêu ở ba tỉnh miền Tây, triệu tập thân tín còn lại trong vùng. Thành đến chào chủ cũ, cả hai nhìn nhau bùi ngùi. Từ lần gặp nhau trước cũng ở Vĩnh Long này, tính ra đã mười mấy năm, Thành đã là người lính già, xấp xỉ năm mươi, thân hình còn rắn rỏi nhưng đã sứt sẹo, gương mặt thành tín chân thiện của một người đi theo Phật Thầy ngày nào nay đã hằn nhiều nếp đau thương hận thù. Đoàn nghĩa quân của ấp Láng Linh mà Thành dẫn đi đánh Pháp ở Gia Định đã theo Thành lui về Biên Hòa, sau đó cùng quân của Cai đội Tuấn kéo về Gò Công khi Biên Hòa thất thủ. Khi Trương Định bị giết, ba tỉnh miền Đông hoàn toàn bị Pháp kiểm soát, Cai đội Tuấn đã đưa gia đình cùng về Láng Linh với Thành. Ở đó Tuấn và Thành đang đốc thúc dân canh tác, tích trữ lương thực đắp đồn lũy. Những

người có kinh nghiệm chiến đấu với Pháp đang huấn luyện lại dân binh mới chiêu mộ. Đàn bà con gái cũng học dùng gươm giáo. Tiền bạc vàng vòng đều gom lại cho người đi qua Xiêm mua súng ống đạn dược.

Ông Giản cảm động vì tấm lòng trung nghĩa của dân chúng. Quân chính qui đang trấn giữ ba tỉnh còn được non một vạn, chủ yếu trấn giữ Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên. Nhiều nơi khác, như phía hạ lưu sông Cái, dân các ấp tự tập hợp thành nghĩa quân hưởng ứng lời vua kêu gọi bảo vệ đất nước đang bị xâm lăng. Có một số đội hùng mạnh, trang bị vũ khí tốt nhờ các bá hộ đóng góp tiền của, như đội ông Thiểm ở chợ Thủ. Ông Thiểm đem hết của nhà bán đi, mua về một ghe vũ khí, có cả một ống bắn pháo, cho xây một pháo đài ngay cây si ở bến Chợ Thủ. Ông Giản khen tinh thần dân quân ba tỉnh, hỏi thăm gia đình con cháu Thành như cách xưa nay ông vẫn quan tâm đến thuộc cấp. Ông không nói với Thành là triều đình không thể chi viện gì nữa, vì đại quân phải tập trung giữ Đà Nẵng, nơi gần kinh đô. Các lão tướng như Nguyễn Tri Phương ngầm chấp nhận buông lơi tỉnh để giữ kinh đô và Đàng Ngoài. Vua sai một quan văn như ông Giản vào Nam để thương thuyết nghị hòa cấm chân giặc, chứ không hẳn mong ông lập chiến công thần kỳ đánh đuổi được những chiến hạm Pháp với cả trăm tàu chạy bằng hơi nước trang bị đại pháo, với mấy ngàn lính viễn chinh và lính mã tà, trang bị vũ khí cùng mình.

Vĩnh Long thành có vẻ nhộn nhịp nhờ lượng người khắp ba tỉnh miền Đông kéo đến tị địa, nhất là khi các nho sĩ nghe tin ông Giản được vua sai về đây. Theo nguyện vọng của họ, ông Giản cho dời mộ Võ Trường Toản về Vĩnh Long, ngụ ý sĩ phu dù chết cũng không ở với bọn Tây Dương. Theo kế sách lâu dài họ đưa ra, ông Giản cho xây Văn Thánh miếu để chấn hưng giáo dục. Nghe nói ông Phủ Tường đến thăm ông Giản, mọi người đều phẫn nộ, gởi đến quan kinh lược cả một giỏ thơ ca phản đối, bày tỏ sự khinh miệt một Nho sĩ làm việc cho Pháp, mà còn mặt dày mày dạn đến vùng đất của Thánh hiền. Tường chỉ xin vấn an ông Giản như người cha của Liêm, bạn đồng môn, và như ân nhân ngày xưa đã từng cho anh cơm ăn áo mặc cùng lộ phí về quê. Trong mấy tháng đi cùng tàu sang Pháp và trở về, đã có đủ thời gian và cơ hội cho cả ông Giản lẫn ông Tường hiểu những điều không thể nói ra, và hiểu con đường đã chọn của mỗi người không thể thay đổi. Ông Giản không hỏi việc ở Gia Định, Tường vẫn nói. Bảy tám năm nay Pháp đã xây Sài Gòn thành một cảng nhộn nhịp, đã huấn luyện một đoàn quân bản xứ, không chỉ gồm người theo đạo Chúa, người Thổ, người tứ xứ, mà một phần không ít là quan binh bại trận hay nông dân bị bắt và trẻ mồ côi, những đứa trẻ sống sót chiến cuộc đã lớn lên không biết đến vua thầy cha. Pháp đã bình định miền Đông rồi, đang chuẩn bị đánh chiếm miền Tây.

Buổi sáng ngày bắt đầu cuộc thi hương ở Văn Thánh miếu, ông Giản dậy sớm để chuẩn bị mũ áo đại thần mà ông chỉ mặc vào những dịp trọng đại. Thi hương là kỳ thi hàng năm ở địa phương, nhưng ông Giản muốn mọi người thấy ông coi trọng việc tuyển nhân tài cho đất nước lúc này. Những người ông biết có học và có đức đều đã được ông giao nhiệm vụ: làm sao không chỉ chọn được người giỏi qua kỳ thi này, mà còn qua đó đánh một tiếng chuông vang vọng đến những nơi ẩn cư của các hiền sĩ, hy vọng họ nghĩ lại mà chịu ra giúp nước. Hôm qua nghe báo là hàng trăm tử sĩ khắp Nam Kỳ, gồm cả những người đang tỵ địa, đã tể tự ở Văn Thánh miếu, ông Giản mừng lắm. Nhưng ông chưa kịp uống chén trà ban mai thì được báo là mười mấy tàu chiến Pháp đã đậu kín mặt nước trước thành Vĩnh Long, cả trăm nòng pháo đang chĩa vào thành. Mật tin Pháp động binh đã được báo đi cấp tốc suốt đêm, nhưng tàu Pháp cũng chạy suốt đêm và đến trước.

Lần này Tường đến gặp ông Giản với tư cách phái viên của quan Pháp, mời ông Giản xuống tàu tham mưu đề nghị hòa. Quan Pháp nói: ông nhìn thấy đó, pháo của chúng tôi sẽ bắn phá tan nát thành lũy này trong vòng một giờ, sau đó năm ngàn lính tập được huấn luyện kỹ và một ngàn chiến sĩ dũng mãnh Pháp với vũ khí tối tân sẽ đổ bộ và giết bất kỳ một kẻ kháng cự nào.Ồ, ông yên tâm, ông sẽ an toàn trên tàu chúng tôi. Đây là văn bản

đầu hàng, đây là thư gởi quan án sát các tỉnh bảo họ nộp thành để tránh thương vong không cần thiết. Ông Giản đứng như trời trồng. Ông không chỉ nghĩ đến vợ, con trai, con gái, cháu nội, cháu ngoại, bà con họ hàng, ông nghĩ đến hàng ngàn gia đình tỵ địa chưa kịp ở yên, ông nghĩ đến hàng trăm sĩ tử tuổi mười mấy đôi mươi, và tất cả sĩ phu đang tụ tập ở Văn Thánh miếu, ông nghĩ đến hàng vạn người đang cấy lúa, đắp bờ, phần lớn là đàn bà trẻ con. Ông chấp nhận giao thành với điều kiện quan Pháp không cho lính tàn sát dân lành.

Mười bảy ngày tuyết thực, thân thể ông Giản vẫn chưa tới chỗ hoại. Ông đành uống thuốc độc, chịu đựng những cơn đau mà người đứng chung quanh, cả người thân lẫn kẻ thù, đều phải ngoảnh mặt đi. Kẻ thù thì tìm cách cứu ông sống lại. Người thân đều đã đội khăn tang phủ phục bên giường, mặt úp xuống sàn để giấu nước mắt. Khi Liêm ngược nhìn lên thấy Tường, anh không dừng được tiếng hét cảm phần, nhưng uất khí khiến anh ngã xuống ngất đi. Tường có mặt không vì nhiệm vụ. Cũng không phải vì tiếng hét của Liêm mà anh lặng lẽ bỏ đi. Tường đi thật nhanh, thật xa mọi người vì một tiếng thét khác đang nổ tung phá tan lồng ngực mình. Tường đi vào Văn Thánh miếu vắng tanh, đứng giữa mặt khóc như cha chết. Trên áng thư có bài thơ ai đó đã viết: Dân thành cho giặc có thương dân, cắt đất của vua gọi giảng hòa. Bia miệng ngàn năm đành hứng chịu, then thùng

một kiếp sống quan ta. Tường vút tờ giấy, lau nước mắt, cười khinh, bỏ đi.

Lẽ ra Thành tuần tiết theo chủ. Anh đã chết đứng trên tàu giặc, đầu đón bất lực nhìn ông Giản ký giấy đầu hàng. Anh đã chứng kiến nỗi kinh hoàng của sĩ tử túa chạy tán loạn khi quân giặc hùng hổ tiến vào thành. Những người tỵ địa lại một lần nữa bồng bế nhau lên ghe ra khơi, tìm nơi khác nương thân. Thành không cam tâm đầu hàng. Anh đã dắt một trăm anh em ở ấp trại Láng Linh ra đi, giờ còn được ba mươi người, không lẽ dắt họ về nói với vợ con người đã bỏ xác nơi chiến trường rằng chúng tôi, những người sống sót, đã đầu hàng. Thành nói với anh em ai muốn ở muốn về muốn đi đâu tùy ý, hoặc cùng anh vượt qua sông Cái theo Nguyễn Trung Trực kháng chiến chống Pháp. Ông Trực đã kháng lệnh vua, thay vì điều quân về Bình Thuận, ông tập hợp lực lượng kháng chiến ở Kiên Giang.

Ông Thiểm nghe tin ba tỉnh miền Tây đã bị giao cho Pháp cũng dắt nghĩa quân qua Rạch Giá. Đoàn quân của ông Thiểm đông đúc kèn cồng vì mỗi người đều mang theo cha mẹ vợ con cùng của cải chẵn chiếu nổi ơ. Họ đi chậm, không rành đường, cứ lòng vòng một khúc sông. Người thống lĩnh là ông Thiểm lúc thì cương quyết đánh giặc, lúc thì cáu tiết với bầu đoàn thê tử, nửa muốn đuổi

hết người chung quanh về nhà, nửa muốn một mình bơi đi biệt. Vừa lúc tàu Pháp đi tuần tra gặp một bầy ghe các loại trên sông đã bắn một mớ, bắt một mớ, đuổi chạy một mớ. Ông Thiểm cho nạp đạn vào khẩu thần công trên thuyền lớn của ông, nhắm thẳng tàu Pháp mà bắn. Chẳng may pháo ông Thiểm bắn thì tịt, pháo bắn từ tàu giặc thì trúng ngay thuyền ông khiến nó bể tanh banh và chìm. Ông Thiểm bị văng xuống nước, khi tỉnh lại, ông ngoi lên bơi đi biệt.

Quan Pháp trấn nhậm Châu Đốc treo thưởng cho bất cứ ai cung cấp thông tin về những kẻ phản loạn trong xứ không tôn trọng hòa ước đã được vua quan nhà Nguyễn ký kết. Có kẻ đưa tin trong một thung lũng giữa bảy ngọn núi có một nhóm người theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, lập một làng gọi là làng Bửu Hương. Tất cả dân làng đều cùng đạo với tên Thành đang cùng tên Trực làm loạn ở Rạch Giá. Sau khi ban thưởng thêm một số người địa phương, quan Pháp có bản đồ đầy đủ chi tiết từng mái nhà, con suối, vườn dâu, mảnh ruộng, lối mòn. Quan trải tấm bản đồ xem và tấm tắc: thật là một bức tranh đẹp. Và quan lên kế hoạch tấn công. Buổi sáng ngày đó Long quảy gánh lên vườn dâu trên sườn núi vì vợ anh còn đang trong tháng ở cũ sau khi sanh đứa con đầu lòng. Mẹ anh cứ xót xa là đám tầm đói tội nghiệp quá. Long đi rồi mẹ anh vẫn ngồi bên nồi nấu tầm vết từng lá dâu chia cho tầm ăn. Nhưng nghe tiếng trẻ khóc oe oe là bà bỏ luôn tầm chạy lại chiếc

võng dung đưa cháu, hát ru. Ấu ơ gió đưa gió đẩy, ai đi lên rầy, ai xuống bưng bầu, ai vui sum họp, ai sầu chia ly.

Nghe tiếng rú của con dâu ngoài sân, bà vội ôm luôn cháu vào lòng như một phản xạ. Hai tên lính tập xông vào, đứng ngay giữa nhà có thể thấy hết mọi góc ngách, nhưng chúng cũng đá thúng lật nia tìm kiếm. Cha đứa nhỏ đâu? Đứa nhỏ khóc lớn hơn, bà vội áp cháu vào ngực lép của mình hát dỗ. Con ơi khát sữa bú tay, mẹ mày đang bị lính Tây hiếp kìa. Lính Tây không hẳn đang hiếp con dâu của bà, nhưng hai bên đang vật lộn nhau, người đàn bà trẻ bị xô tung tóc và áo, có phần lỏa lồ, nhưng vùng được ra khỏi tay người đàn ông, chạy về phía con mình đang khóc. Người đàn ông trong tư thế quỳ một chân, giơ súng lên ngắm và bóp cò. Người đàn bà trẻ ngã xuống, chỉ cách chân của mẹ chồng và con trai một bước chân nữa.

Từ trên đỉnh núi gọi là Vồ Ông, Long đang ngồi ở đúng vị trí cha mình đã ngồi khi thân thể người tới lúc trở thành thức ăn cho kiến sâu diều quạ. Anh thường ngồi đó, nhìn cảnh trí cha mình đã nhìn trước khi mọi màu sắc đều trắng xóa, âm thanh biến mất, cảm xúc không

tồn tại nữa. Anh muốn biết cha đã nghĩ gì, nhớ gì. Trời đất bao la, đỉnh núi cao nhất Bảy Núi anh đang ngồi chỉ là bảy hòn đá nhỏ văng ra từ một dãy núi dài cả ngàn dặm, mà dãy Trường Sơn cũng chỉ là những ngón chân của Hy Mã Lạp Sơn. Những giọt nước nhỏ róc rách từ những khe đá của Hy Mã Lạp Sơn gom tụ lại thành dòng rồi tách nhánh ra, trăm ngàn lần hợp tan mới chảy ngang chân Bảy Núi này. Từ trên Võ Ông nhìn ra chỉ thấy một mảnh sông như miếng vá trên tấm áo xanh của đồng bằng. Ngày ngày cha anh ngồi đây nhìn trời đất núi sông để làm gì, nghĩ gì, nhớ gì? Cuối cùng anh chợt hiểu. Cha anh không có kiến thức địa lý như anh nên không thể suy nghĩ như anh nghĩ, không nhìn sông núi như anh nhìn. Và anh, không hề biết cha anh đã trải qua những gì, làm sao cảm nghĩ được như ông. Có thể giữa hai cha con có một điểm chung là từ chỗ này nhìn ra, cảnh đẹp thanh bình, nhìn mãi thì không còn nghĩ gì cả.

Nhưng tiếng súng vọng từ thung lũng khiến Long bật dậy và cầm đầu chạy xuống núi. Anh chạy qua ngôi nhà mình, ôm xác vợ đem vào nhà, vừa gọi mẹ vừa chạy tiếp vào sân phơi lúa của làng nơi đang vang ra tiếng gào khóc của đàn bà và trẻ con. Đàn ông, cả già lẫn trẻ, đứng một bên, đối diện một hàng lính tập đang chia súng vào họ. Đàn bà và trẻ con cũng bị dồn vào một chỗ, cũng bị chia

súng vào đầu. Đàn bà im thin thít nhưng trẻ con càng lúc càng khóc to. Long chạy đến nơi là lúc một loạt súng nổ vang. Những người đàn ông đổ gục xuống, đàn bà và trẻ con òa khóc, gào thét, liều mình xông về phía cha, chồng, con, ôm những cái xác đang chảy máu khóc ngất. Long ngửa mặt gọi Chúa ơi, đây là văn minh Pháp quốc, là công lý của Chúa Trời sao? Quan Pháp hỏi anh là ai. Long nói tôi là người đã được Giáo Hoàng ban phép thánh ở Roma, đã diện kiến Pháp Hoàng ở Paris. Bố lão. Tôi chỉ ngạc nhiên vì anh nói tiếng Pháp. Một thằng Corse chánh gốc nói chuyện gặp Pháp Hoàng tôi nghe còn mắc địt nữa là anh. Nhân tiện nói luôn, Giáo Hoàng hay Pháp Hoàng đều ở xa nơi này lắm.

Nhờ nói tiếng Pháp Long chỉ bị bắt đi thay vì bị bắn bỏ như những đàn ông khác trong làng. Anh chỉ kịp nhìn mẹ mình đang ôm chặt cháu nội, co ro thu mình lại cho nhỏ bé, vô hình, như cách duy nhất bà có thể làm để tự vệ. Đám đàn bà con nít được bỏ lại làng đã lặng lẽ chôn cất chồng, cha, anh, em, con, cháu. Có bốn người chỉ bị thương được chăm sóc đã dẫn tỉnh. Mọi người lo sợ bọn chúng trở lại. Họ đào hầm để giấu những người bị thương. Đàn bà trẻ và con gái mới lớn đều chuẩn bị sẵn chỗ trốn. Mọi người chia phiên nhau canh gác. Cuộc sống phập phồng từng ngày, đến khi một toán lính quay lại. Chúng càn qua làng, không tìm thấy ai ngoài mấy bà già nhăn nhoe chỉ biết khóc mà nói đi hết rồi. Chúng ví

theo những con gà bay như chim, không bắt được con nào, nổi cơn khùng. Chúng chỉ muốn một bữa vui, chơi gái, nhậu nhẹt chút đỉnh, chứ có gì ghê gớm đâu. Không được vui kiểu này thì vui kiểu khác. Chúng châm lửa vào những tấm vách đan bằng tre nửa và những mái nhà lợp lá, rơm, nhìn những bà già lăn xả vào dập lửa.



Vết thương của ông Năm đã lành, nhưng có lẽ viên đạn còn đâu đó trong bụng, ông có cảm giác nó chạy vòng vòng châu thân khi ông nằm ngủ. Ông hỏi mấy người bị thương nặng hơn có đi nổi không. Nếu đi nổi thì mọi người cùng nhau rút êm qua Láng Linh, cách đây nửa ngày chống xuống theo mấy đường nước nhỏ. Năm xưa đại đệ tử của Phật Thầy là ông Thành đã khai hoang lập ấp ở đó cho những người đã bỏ nhà cửa đi theo Phật Thầy được an cư. Từ khi bọn quỷ Tây qua đây, ông Thành dắt anh em đi kháng chiến. Nhưng lần lượt Gia Định, Biên Hòa, Gò Công, Vĩnh Long, Rạch Giá đều bị quỷ Tây trấn áp. Ông Thành đã quay về Láng Linh, cùng anh em và một Cai đội tên Tuấn đắp thành xây lũy, lập căn cứ kháng chiến. Nếu chúng ta ở lại đây, bọn quỷ Tây quay lại thì chỉ có nhục và chết. Chúng ta qua Láng Linh, có thể chết nhưng không nhục.

Quan Pháp ở Sài Gòn trách Hà Vĩnh Long đã không viết thư cho ông ấy sớm hơn, rồi bảo rằng từ nay Long phải làm việc ở Sài Gòn, ngay trong dinh của ông. Một người đã được Pháp đào tạo chu đáo như Long không thể lãng phí sở học và tài năng vào việc đi ngao du núi rừng. Ông bảo càng xa ánh sáng đô thị thì càng tối tăm, không chỉ người An Nam, người Pháp ở rừng núi cũng trở nên man rợ. Nhứt là ở vùng bảy núi hiện nay, bọn phản loạn tụ tập ở Láng Linh, gây thiệt hại không nhỏ cho quân Pháp, ảnh hưởng xấu đến việc cai trị. Chẳng những hiện nay có nhiều việc lớn quan Pháp cần Long phụ giúp ở Sài Gòn, mà trong tương lai việc khai hóa nước Nam, làm cho xứ này mở mang tiến bộ, ắt cần sự hợp tác của những người như Long. Thấy Tịnh lấy lý do già yếu đã xin nghỉ việc để dành hết thì giờ soạn sách. Quan Pháp cho rằng việc người Nam cần có một cuốn tự vị để biết tiếng của mình cũng là việc có lợi cho cuộc khai hóa nên đã đồng ý. Nhưng thiếu một người bản xứ có sự giáo dục Pháp và có năng lực làm việc ở bên cạnh, để thông ngôn khi quan nói, để quan hỏi việc khi có việc,

khiến quan rất không vui. May quá, từ nay đã có Long. Quan rất tin tưởng Long, anh đừng phụ lòng tin đó.

Long tìm thăm thấy Tịnh trong một ngôi nhà gần nhà thờ Chợ Quán mới được xây lại. Thấy lưu trò trong một căn phòng nhỏ, đủ chỗ kê cái bàn, trải tấm chiếu, nơi thấy ngày ngày biên chép tiếng nói của người chung quanh. Lần đầu tiên từ khi thiên đường sụp đổ Long được khóc đến cạn nước mắt với một người có thể coi như người thân, phơi bày được nỗi đau khi kể lại những điều mắt thấy tai nghe của người trong cuộc. Thấy Tịnh không kể lể gì cả, đôi mắt sâu, quầng thâm, tâm tối và buồn không có gì ví von được. Khuya thật khuya thấy trò vẫn còn thức, dù câu chuyện đã gần như cạn. Thấy Tịnh nói: Có những hoàn cảnh buộc một người làm một việc không thể làm khác được. Có những việc một người dù làm hay không cũng xảy ra những hoàn cảnh không thay đổi được. Con người Đông Tây xưa nay vẫn thường sai lầm. Sai lầm có thể sửa được, nhưng từ lúc sai lầm xảy ra đến khi sửa được có khi là nhiều thế hệ, nhiều thế kỷ, và tang thương không sao tưởng tượng, không sao lường nổi.

Mấy hôm sau quan Pháp cho người đến hỏi thấy Tịnh về Hà Vĩnh Long vì không thấy anh ta vào dinh làm việc như quan đã dặn. Thấy Tịnh nói đúng như sự thực là

Vĩnh Long đã ở nhà thấy một đêm, hôm sau đi sớm, thấy không biết đi đâu. Quan Pháp giận lắm, không thể hiểu một người đã được giáo dục tốt như vậy mà vẫn cư xử vô văn hóa như vậy. Quan ra lệnh bắt Long về cho quan, bằng mọi giá.

Trên dòng sông này Long đã được đưa đi xa khi còn là một thiếu niên, đầu mở rộng và lòng trống rỗng. Thiếu niên ấy không bận tâm lắm mình là ai. Nói cho cùng nó trở trụi một mình sau khi ông bà Tư mất, không biết cha mẹ lưu lạc nơi nào, và ngay lúc đó không biết mình đang đi đâu. Đến khi đưa mẹ đi tìm cha trên dòng sông này, Long mới cảm nhận rõ dần tình yêu, như dòng nước chảy, có nguồn cội và không có gì ngăn trở được. Tình yêu đã sinh ra hy vọng. Anh trở lại dòng sông này với niềm hy vọng nơi đứa bé được bà nội ôm trong đôi tay dùng cả một tấm lưng cong vòng che chắn bên trên. Anh biết mình là người có cha mẹ vợ con. Anh không còn là một kẻ bơ vơ mặc cho người khác sắp đặt cuộc đời mình. Anh có một mái nhà trong một ngôi làng tươi tốt nơi người ta ăn ở hiền lành với nhau. Anh không cần sắm vai trò gì trên sân khấu của những kẻ tự nhận văn minh.

Sau vài cơn mưa cây cỏ mọc nhanh, tàn tro cũng không còn dấu. Cả một vùng thung lũng xanh mướt, những con heo rừng đi lang thang trong ruộng lúa không người gặt đã ngã rạp xuống đất và bắt đầu nảy mầm để tiếp tục một vòng đời mới. Long đi đến từng ngôi nhà,

chỉ thấy cỏ dại dây leo phủ kín nền nhà. Mái nhà của anh không còn một vết tích. Anh gọi mẹ ơi, rừng núi vọng lại âm thanh của chính anh. Anh đi lên Võ Ông đứng nhìn ra sông Cái. Ba chiếc tàu Pháp đang dàn hàng ngang bắn vào một cánh đồng. Những chiếc tàu chiến trông như những khúc gỗ trôi trên sông, tiếng đại bác vọng đến tai Long khiến anh giựt mình vùng vẫy trối lên trên cái biển đau thương đã nhấn chìm anh xuống đáy. Anh ngồi xuống nơi cha anh đã ngồi, hít sâu vào lòng ngực, không khí dường như thoảng mùi thuốc súng. Anh nhắm mắt ngồi yên rất lâu mà lòng không thể yên. Cha của anh đã có sự lựa chọn nào khác hơn ngồi yên nơi đây ngắm nhìn sông núi? Anh chọn lựa điều gì? Ngồi yên đây, một đời người thì ngắn, núi sông trăm năm nữa vẫn là núi sông. Hay trở về Sài Gòn, nhận chức đốc phủ, tạo lập một gia đình khác, một ngôi nhà với vài trăm mẫu đất không phải là điều vượt quá tầm tay nếu anh muốn. Hay... Hay chọn con đường đó? Con đường đi vào cánh đồng trũng đang bị bao vây đó?

Hình ảnh đầu tiên Long thấy khi được người làng Bửu Hương đón vào Láng Linh là con anh đang ôm một bầu vú căng tròn nút chùn chụt. Người đàn bà trẻ ngồi trên sạp tre, mỗi tay bồng một đứa bé, gương mặt đầy đặn nhân hậu y như vợ anh. Mẹ anh chỉ nhìn anh rơi nước mắt, không nói năng hỏi han gì. Người đàn bà cho con của Long bú thép là con gái út Cai đội Tuấn, vợ anh Dẫn

là cháu họ ông Thành. Dần dần Long quen biết với những người khác, những người ở làng Quý Hòa, làng Hiếu Nghĩa, làng Kỳ Ân, đều là người nghe theo Phật Thầy đi khẩn hoang lập ấp, ăn ở hiền lành với nhau.

Cuối mùa khô năm Quý Dậu, gió Tây Nam bắt đầu thổi qua cánh đồng bao la khô xám màu cỏ và vàng quạch màu phèn. Ông Thành nói: Giặc lại sắp tấn công. Năm sáu năm nay chúng ta đã đón nhận hàng ngàn nghĩa sĩ từ khắp lục tỉnh về đây hiệp sức kháng chiến. Giặc đã tấn công ta bằng đủ loại vũ khí chúng có được, dùng hàng ngàn lính, cả quý Tây lẫn lính mã tà, đánh đủ kiểu, qua mấy chục trận tấn công, tuy không vào được Hưng Trung Doanh, nhưng đã khiến hàng ngàn nghĩa sĩ bỏ mình. Trận này có thể là trận cuối cùng. Vì có kẻ phản bội đã bán đầu ta cho giặc. Hiện giờ ngoài sông lớn là tàu lớn, trong rạch nhỏ là tàu nhỏ, lính tập hàng ngàn đứa có súng cầm lưỡi lê có quý Tây đốc thúc đang lội ruộng băng đồng vào đây. Chúng ta đã chuẩn bị cho trận sống mái này. Đàn bà trẻ con và người già cả thương tật rút đi ngay trong đêm nay. Những ai chọn ở lại cản đường giặc thì hãy sắp xếp việc gia đình ngay bây giờ, rồi đứng vào vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Không có dặn dò bịn rịn gì cả. Mỗi lần giặc tấn công là mỗi lần tang thương, bao nhiêu cảnh tử biệt đã xảy ra, ai cũng đã chuẩn bị cảnh đó cho mình. Long nghiêng rằng tự nhủ, đừng nhìn. Đừng nhìn mẹ. Đừng nhìn con. Anh

chỉ nhìn ông Thành mà bước tới. Ông Thành nói: Trận này, ở lại là chiến đấu đến chết. Nhưng chết là chuyện dễ. Chúng ta đã thấy anh em bà con cật ruột mình chết nhiều lắm rồi. Chết một cái, là xong. Sống mới khó. Giữ được mạng sống của những đứa trẻ kia là chuyện khó. Nuôi dạy chúng lớn lên biết tổ tông nguồn cội, biết ăn ở hiền lành với nhau, là chuyện khó. Anh Long, anh là người hiểu biết nhứt ở đây, anh chọn chuyện dễ hay chuyện khó? Một trăm năm nữa, nơi này có thể vẫn là đồng lúa, có thể là phố chợ, thân xác của chúng ta đều trở thành cát bụi. Chúng ta có chọn cái chết cho mình hay không thì cuối cùng cũng sẽ chết. Người nào dám vì đàn trẻ kia mà chọn cái sống mới là anh hùng. Anh Long, anh hãy lùi lại. Hãy thay tôi dẫn đàn bà trẻ con đến chỗ an toàn.

Trước khi súng bắt đầu nổ Long đã tổ chức cho tất cả những người thuộc lực lượng phải bảo tồn lên ghe rút lui bằng những đường bí mật. Bất ngờ một chiếc xuồng đuổi theo nhanh như tên bắn. Khi đuổi kịp, Dẫn đứng trên xuồng mình cặp sát xuồng Long, nói trong hơi thở hỗn hển. Vợ tôi đã coi con anh như con mình. Long chưa kịp nói tôi luôn nhớ ơn... thì Dẫn đã hỗn hển nói tiếp: Xin anh coi vợ con tôi như vợ con mình. Long còn đứng ngẩn ngơ thì Dẫn đã quay xuồng trở về doanh trại, xuồng phóng đi nhanh như lúc đuổi theo.

Khi Dẫn vào đến Hưng Trung Doanh, mọi người đang ngồi xếp bằng quanh ông Thành lắng nghe. Chúng

ta là đệ tử Phật Thầy, theo Phật Thầy khai hoang lập làng để mọi người cùng sống hiếu thuận hiền hòa với nhau. Chẳng may đời nhiều quỷ ma gây nhiều điều tàn ác, ta không muốn giết người nhưng ta không thể để cho ma quỷ giết con cháu chúng ta. Thân ta đến lúc hoại thì hoại, thần ta đến lúc thăng thì thăng. Anh em, hãy hướng về Bảy Núi lạy Phật Thầy. Phật Thầy phù hộ chúng ta sống chết với một tấm lòng sáng trong.

Báo cáo của chủ tỉnh An Giang gửi cho Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn: Quân phiến loạn ở Láng Linh là một bọn cuồng tín. Chúng tin tưởng một thần thánh nào đó ban phước cho chúng để đánh đuổi người Pháp. Với niềm tin đó chúng đã chiến đấu như là chúng không thể chết. Kết quả là tất cả chúng đã bị giết chết sau khi gây tổn thất trầm trọng cho quân đội ta. Toàn bộ kho vũ khí và xưởng chế tác vũ khí, kho lương thực, và tất cả trang thiết bị và cơ sở vật chất trong doanh trại chúng đã bị phá hủy và thiêu rụi. Tuy nhiên tôi không thể coi đây là một thắng lợi hoàn toàn. Vì theo mật báo, trước khi chúng ta tấn công chúng vẫn còn khoảng một ngàn rưỡi quân, nhưng chúng ta chỉ đếm được tại chiến trường chưa tới năm trăm cái xác. Những cuộc truy đuổi tìm bắt đến nay vẫn không có kết quả.

Lịch sử chép, Pháp chiếm toàn cõi nước Việt Nam năm 1884 và phải hoàn toàn rút khỏi Việt Nam sau khi đầu hàng ở Điện Biên Phủ năm 1954.